Biên Niên Tự Thuật
của
Thiền Sư Hư Vân

(Việt dịch, Thích Hằng Đạt)

Tên tục của tôi là Trai. Dòng họ xuất thân từ Lan Lăng là hậu duệ của vua Lương Võ Đế. Gia tộc cư ngụ tại tỉnh Hồ Nam, huyện Tương Lương. Cha tên Ngọc Đường, mẹ tên Nhan Thị. Năm đầu đời nhà Thanh, cha làm quan tại tỉnh Phú Kiến. Năm mậu tuất và kỷ hợi làm quan tại châu Vĩnh Xuân.

Cha mẹ đã ngoài bốn mươi mà chưa có mụn con. Mẹ ra ngoài thành nơi chùa Quán Ấm mà cầu tự. Bà thấy nóc chùa bị tàn phá hư hoại, lại thấy cầu Đông Quan nơi thành không ai sửa chữa nên phát nguyện trùng hưng kiến lập lại. Đêm nọ, cả cha lẫn mẹ đều nằm mơ thấy một vị mặc áo xanh, tóc dài, trên đỉnh đầu có tượng Bồ Tát Quán Thế Ấm, cưỡi hổ mà đến, nhảy lên trên giường. Mẹ kinh sợ, giật mình thức dậy, liền thọ thai. Cuối năm đó cha đi nhậm chức tại phủ Nguyên Châu.

Đời nhà Thanh, niên hiệu Đạo Quang năm thứ 20, 1 tuổi. (1840/41)

Tháng bảy ngày hai mươi, giờ dần, tôi ra đời tại phủ Tuyền Châu. Lúc ấy thân được bao bọc bởi một bọc thịt. Mẹ thấy vậy, kinh hãi vô cùng, nghĩ từ đây về sau chắc sẽ không còn hy vọng sanh con

được nữa, nên buồn uất khí mà chết. Hôm sau, có ông lão bán thuốc đến cắt bọc thịt, bồng tôi ra. Kể từ đó được bà kế mẫu, Vương Thị, chăm sóc nuôi nấng.

(Đại sự trong năm: Chiến tranh nha phiến bùng nổ. Đề Đốc Tùng Đáo Từ cấm nha phiến. Đốt cháy kho nha phiến của người Anh. Nước Anh đem quân vào Quảng Đông)

Đời nhà Thanh, niên hiệu Đạo Quang năm thứ hai 22, 3 tuổi. (1842/43)

(Đại sự trong năm: Hòa ước Giang Kinh, mở năm cửa khẩu để thông thương cùng nước ngoài. Cắt Hồng Kông cho nước Anh.)

Đời nhà Thanh, niên hiệu Đạo Quang năm thứ 30, 11 tuổi. (1850/51)

Cha trở về Tuyền Châu. Được chú nhận làm con nuôi, nên bà nội, Châu Thị, định cưới hai cô vợ cho tôi, tức Điền Thị, và Đàm Thị. Cả hai đều là người tỉnh Hồ Nam, dòng dõi quan liêu tại Phúc Kiến, đời đời đã từng làm bạn thông giao với dòng họ tôi.

Đông năm ấy bà nội tôi qua đời. Cha thọ tang.

(Đại sự trong năm: Hồng Tú Toàn khởi nghĩa tại Kim Điền)

Hàm Phong nguyên niên, 12 tuổi. (1851/52)

Tháng hai, tôi cùng cha đi Đài Loan. Lên thuyền nhỏ ra biển, từ cửa Hạ Môn xuất phát. Lúc đang lênh đênh trên biển cả, bỗng đâu hiện ra một quái vật, lớn như núi, cao hơn mặt biển cả vài chục thước. Tất cả người trên thuyền thảy đều niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Ấm. Thuyền chạy khoảng nửa giờ sau thì thấy đuôi cá khổng lồ, dài không biết cả mấy trăm thước.

(Đại sự trong năm: Hồng Tú Toàn vây hãm Vĩnh An, xưng Thái Bình Thiên Quốc Thiên Vương)

Hàm Phong năm thứ 2, 13 tuổi. (1852/53)

Tôi theo cha đưa linh cữu bà nội trở về huyện Tương Lương an táng. Thỉnh chư tăng đến nhà làm Phật sự. Được thấy pháp khí Tam Bảo, tâm sanh vui mừng. Tạng sách trong nhà có kinh Phật. Lúc đầu xem truyện Hương Sơn, sự tích thành đạo của Bồ Tát Quán Thế Ấm, liền thâm nhiễm vào tâm. Tháng tám, theo chú đi Bồ Đường, hành hương ở Nam Ngạc. Đi lễ khắp các chùa, dường như có duyên xưa nên không muốn trở về nhà. Nhưng vì chú quá nghiêm nghị, nên không dám nói.

Hàm Phong năm thứ 3, 14 tuổi. (1853/54)

Cha biết tôi có chí xuất trần nên muốn dùng lợi lạc thế gian mà lưu giữ ở lại, bằng cách mời một vị tiên thiên đại đạo, Vương tiên sinh, đến dạy cách tu hành tại nhà. Vị này dạy đọc các sách đạo lão cùng luyện nội ngoại khí công. Tuy tâm tôi không muốn học,

nhưng lại không dám nói. Mùa đông, cha giải tang bà nội xong, giao tôi cho chú dạy dỗ, coi sóc, rồi một mình đi Phúc Kiến để nhận chức tại Hạ Môn.

(Đại sự trong năm: Hồng Tú Toàn đóng đô tại Nam Kinh. Tăng Quốc Phiên làm tướng quân.)

Hàm Phong năm thứ 6, 17 tuổi. (1856/57)

Tôi học sách đạo giáo tại nhà trong ba năm, chịu nhẫn hết sức, như ngồi trên bàn đinh. Lại giả vờ làm cho chú vui, nên giúp việc nấu nướng trong nhà, nhưng rất biếng nhác. Ngày nọ, thừa lúc chú đi ra ngoài, tôi nghĩ thời điểm rời nhà đã đến nên xách bị trốn đi Nam Ngạc. Có rất nhiều đường lớn nhỏ, khó đi. Giữa đường, bị người nhà bắt đưa trở về Tuyền Châu. Cùng đi có người em họ tên là Phú Quốc. Chẳng bao lâu, cha cho tiếp rước hai cô họ Điền và Đàm để cử hành hôn lễ. Thế là tôi bị cấm cố tại nhà. Tuy cùng hai cô vợ ở chung nhà nhưng không nhiễm tình dục. Tôi giảng Phật Pháp cho hai cô vợ nghe. Họ cũng hiểu rõ. Thấy người em họ Phú Quốc cũng có chí xuất tục nên đồng học Phật pháp. Nơi phòng riêng hay nhà khách, chúng tôi đều là bạn đạo thanh tịnh.

Hàm Phong năm thứ 8, 19 tuổi. (1858/59)

Tôi quyết chí ly tục. Phú Quốc cũng đồng chung chí hướng. Chúng tôi bí mật xem lộ trình đến Cổ Sơn ở Phước Châu. Tôi làm bài ca Túi Da để lưu biệt hai cô họ Điền và họ Đàm. Sau đó cùng Phú

Quốc trốn đi đến chùa Dõng Tuyền, Cổ Sơn, Phước Châu. Lễ lão hòa thượng Thường Khai làm thầy xuống tóc.

(Đại sự trong năm: Liên quân Anh Pháp vây hãm Đại Cô. Ký kết hòa ước Thiên Tân.)

Hàm Phong năm thứ 9, 20 tuổi. (1859/60)

Tôi theo hòa thượng Diệu Liên ở Cổ Sơn thọ giới cụ túc, pháp danh là Cổ Nham, cùng Diễn Triệt tự Đức Thanh. Lúc ấy, cha tại Tuyền Châu sai người đi khắp nơi để tìm tôi. Sau khi thọ giới cụ túc xong, Phú Quốc hành cước tham phương tầm thầy học đạo. Từ đó, không còn biết tông tích chi nữa. Tôi ẩn tại một hang động sau núi, lễ sám vạn Phật, không dám lộ diện. Lúc ấy thường gặp hổ sói, nhưng tâm không sợ sệt.

Đồng Trị nguyên niên, 23 tuổi. (1862/63)

Tại hang núi tôi lễ sám, đã mãn ba năm. Ngày nọ, vị chức sư ở Cổ Sơn lên cho hay rằng cha tôi nơi Tuyền Châu đã từ quan về hưu. Tôi không cần phải trốn lánh nữa. Lão hòa thượng Diệu Liên rất khen tôi hằng tâm tu khổ hạnh. Nhưng tu huệ cũng cần phải tu phước, phải nên trở về núi nhậm chức, làm việc. Sau đó, tôi liền trở về núi, nhận công việc.

(Đại sự trong năm: Quân Thường Thắng đánh bại quân Thái Bình. Việt Nam cắt miền Nam cho Pháp.)

Đồng Trị năm thứ 3, 25 tuổi. (1864/65)

Nhậm chức tại Cổ Sơn. Mùa đông, tháng mười hai, nghe tin cha vì bịnh nên đã qua đời tại huyện Tương Lương. Từ đó, không còn hỏi thăm tin tức gia đình, thư từ cũng không liên lạc.

(Đại sự trong năm: Hồng Tú Toàn uống thuốc độc tự tử. Thái Bình Thiên Quốc tan rã.)

Đồng Trị năm thứ 5, 27 tuổi. (1866/67)

Có người đồng hương đến cho hay rằng sau khi cha tôi mất, kế mẫu Vương Thị dẫn hai cô con dâu đi xuất gia làm ni sư. Bà Vương Thị với pháp danh là Diệu Tịnh. Cô Điền Thị pháp danh là Chân Khiết. Cô Đàm Thị pháp danh là Thanh Tiết.

Tôi nhậm chức tại Cổ Sơn đã mãn bốn năm. Công việc của tôi lúc ấy là nấu cơm, làm vườn, hành đường, điển tọa. Tất cả việc đều cực nhọc, nhưng không phiền lòng. Trong chùa, những khi phân phát đồ cúng dường cho chư Tăng, tôi đều không nhận lấy. Mỗi ngày chỉ ăn một bát cơm mà sức khoẻ vẫn tráng kiện. Lúc đó, trên núi có thiền sư Cổ Nguyệt, là vị tu khổ hạnh bậc nhất trong chúng. Tôi thường đàm đạo với Ngài. Nghĩ lại, đã nhậm chức mấy năm mà việc tu trì không có chút phần tiến bộ. Lại nhớ xưa kia, pháp sư Huyền Trang, mười năm trước khi qua Ấn Độ thỉnh kinh, tự học ngôn ngữ Ấn Độ, tập mỗi ngày đi trăm dặm, và nhịn ăn. Mới đầu một ngày rồi lần lần lên đến mười ngày, để chuẩn bị cho

sau này phải đi qua những bãi sa mạc hoang vu, tuyệt không cỏ nước. Việc khổ hạnh của các bậc cổ đức là như thế. Tôi là người gì, sao lại không hành theo gương người xưa? Thế nên, tôi xin từ chức các công việc trong chùa, chia hết các vật dụng tư nhân, chỉ mang theo một y, một bát, một đôi vớ, một tấm bồ đoàn, một cái nón lá, rồi trở lại hang động trong núi mà tu hành.

Đồng Trị năm thứ 8, 30 tuổi. (1869/70)

Ba năm ở hang núi. Khi ấy, tôi sống rất đơn giản. Đói ăn đọt tùng lá dại, khát uống nước suối. Giày vớ ngày càng rách nát, chỉ còn lại một chiếc áo tràng che thân. Đầu quấn theo quyền Kim Cang, tóc dài cả mấy thước, đôi mắt sáng rực. Người ở xa nhìn thấy tưởng là yêu quái, đều bỏ chạy cả. Tôi cũng chẳng cùng người nói chuyện.

Ba năm đầu, lắm khi thấy cảnh giới tốt, mà không tự cho là kỳ lạ. Một lòng quán chiếu cùng niệm Phật. Trong hang sâu núi thẳm, hổ sói rắn trùng không hại. Không nhận sự thương hại, không ăn thức ăn nấu chín của người thế gian. Ngữa mặt nhìn trời, muôn sự đều nằm trong thân. Tâm rất an lạc, như vị trời ở cõi tứ thiền. Nghiệm biết, tai hoạn của thế nhân đều do thân miệng ý gây ra.

Cổ nhân nói rằng âm thanh của một bình bát vang xa hơn cả muôn ngàn tiếng chuông. Nay, tôi một bình bát cũng chẳng có, nên tự tại không ngại. Sức khỏe ngày càng tráng kiện. Tai mắt ngày càng tinh thông linh lợi. Đi nhanh như bay. Tự hỏi mình

không biết sao được như thế! Tùy ý thích, có núi thì ở, có lá dại thì ăn. Đi từ nơi này sang nơi khác, như thế một năm trôi qua mà chẳng biết.

Đồng Trị năm thứ 9, 31 tuổi. (1870/71)

Ngày nọ, khi dừng chân nơi một ngọn núi ở Ôn Châu, thì bỗng đâu từ xa một thiền sư đi đến, đảnh lễ và hỏi: "Lâu nghe hạnh cao của Thầy, nên nay đến cầu xin chỉ dạy."

Nghe thế, tôi cảm thấy vô cùng xấu hổ, liền đáp: "Tri thức ngu muội, thiếu sự tham học; ngưỡng vọng Thượng Tọa từ bi chỉ dạy."

Hỏi: "Thầy hành hạnh này, đã bao nhiêu năm rồi?"

Tôi liền thuật lại những việc đã xảy ra trong những năm sống trong rừng núi.

Vị ấy bảo: "Tôi cũng chỉ tham học đôi chút, không thể chỉ dẫn gì được. Thầy nên đến núi Thiên Thai, Hoa Đảnh, am Long Tuyền, thỉnh vấn lão pháp sư Dung Cảnh. Vị ấy là người có đạo đức nhất ở núi Thiên Thai. Tất nhiên, sẽ chỉ những điều ích lợi cho Thầy."

Nghe thế, tôi đi thẳng đến Hoa Đảnh ở núi Thiên Thai. Vừa đến một am tranh liền gặp một vị tăng, nên tiện dịp hỏi thăm chỗ của lão pháp sư Dung Cảnh.

Đáp: "Vị tăng mặc áo vá đằng kia là Ngài đó."

Tôi liền đi thẳng đến và đảnh lễ. Lão pháp sư chẳng màng quay đầu lại. Tôi liền bạch: "Con nay đến đây hầu mong thân cận lão Pháp Sư. Vọng cầu vì lòng từ bi mà chiếu cố đến con."

Pháp Sư xoay mình lại, nhìn tôi hồi lâu rồi hỏi: "Ông là Tăng, là đạo sĩ, hay là người thế tục?"

Đáp: "Con là Tăng."

Hỏi: "Thọ giới cụ túc chưa?"

Đáp: "Bạch Pháp Sư! Con đã thọ giới rồi."

Hỏi: "Ông tu hành với hình dạng như thế này lâu mau rồi?"

Tôi liền lược thuật lại sự tu hành của mình trong những năm vừa qua.

Hỏi: "Ai dạy ông tu như thế?"

Đáp: "Bạch Pháp Sư! Nhân thấy người xưa, ai nấy đều tu hành khổ hạnh mới đắc đạo, nên con cố học theo."

Đáp: "Ông chỉ biết người xưa tu thân. Vậy ông có biết người xưa tu tâm như thế nào không? Thấy hình thể tu hành của ông như vầy, thật gần với ngoại đạo, chẳng phải là chánh đạo, uổng phí công phu tu hành cả mười năm. Ở rừng sâu núi thẳm, ăn đọt tùng uống nước suối, thọ mạng được trăm ngàn năm, bất quá chỉ là một trong mười loại tiên nhân như trong kinh Lăng Nghiêm

thôi, cách đạo rất xa. Tiến lên một bước nữa là chỉ chứng được sơ quả, tự giải thoát. Nếu có tâm Bồ Tát, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, tự độ cùng độ người, tu đạo xuất thế gian nhưng không rời pháp thế gian. Ông miễn cưỡng không ăn cơm, mặc quần không đáy, chưa nói là làm bộ khác thường kỳ dị; công phu quái dị như vầy mà năng thành phiến sao?"

Tôi bị lão Pháp Sư đánh một dùi như thế, đau nhức xương, nên đảnh lễ Ngài cầu chỉ dạy.

Pháp Sư nói: "Tôi dạy ông, nếu nghe thì ở lại, còn không nghe thì nên đi nơi khác."

Đáp: "Bạch Pháp Sư! Con đến đây mong được thân cận gần gũi Ngài. Sao lại dám không nghe lời chỉ dạy!"

Lão Pháp Sư liền cho áo quần, rồi bảo đi cạo đầu, tắm gội sạch sẽ, phân công làm việc trong chùa. Lại dạy khán câu thoại đầu: 'Ai là người đang mang thây chết này?'

Từ đó, tôi ăn cơm cháo lại, cũng học giáo quán của tông Thiên Thai. Siêng năng tu học làm việc nên được Pháp Sư khen ngợi.

Đồng Trị năm thứ 10, 32 tuổi. (1871/72)

Tại am Long Tuyền, hầu cận lão pháp sư Dung Cảnh, tâm được khai mở nhiều. Pháp Sư tuổi ngoài tám mươi, giới luật tinh

nghiêm, tông giáo đều thông. Nhiều lần, Pháp Sư bảo tôi lên tòa giảng kinh cho những vị khách tăng đến am tham học.

Đồng Trị năm thứ 11, 33 tuổi. (1872/73)

Nghe theo lời dạy của Pháp Sư, tôi đến chùa Quốc Thanh tham học quy chế thiền môn và cũng đến chùa Phương Quảng học kinh Pháp Hoa.

Đồng Trị năm thứ 13, 35 tuổi. (1874/75)

Trên hai năm, học kinh giáo tại chùa Quốc Thanh, đôi khi cũng trở về am tranh, tham vấn hầu cận lão pháp sư Dung Cảnh.

Quang Tự nguyên niên, 36 tuổi. (1875/76)

Đến chùa Cao Minh nghe pháp sư Mẫn Hi giảng kinh Pháp Hoa. Xong, liền từ biệt lão pháp sư Dung Cảnh, không thể không lưu luyến. Đàm thoại cùng Ngài suốt cả mấy đêm. Sau đó trân trọng cáo biệt.

Xuống núi, đi ngang qua Tuyết Đậu, đến chùa Nhạc Lâm nghe giảng kinh A Di Đà. Xong, liền vượt biển đi tham bái núi Phổ Đà. Nương ở sau chùa qua năm mới. Lúc ở tại núi Phổ Đà, thường đi tham bái các chùa am tự viện.

Tháng mười, sóng triều đẩy dạt xác một con cá voi đến bãi cát Thiên Bộ. Thân cá dài cả trăm thước; mắt lớn như chậu kiểng. Ngư dân xẻ bụng ra thì thấy bên trong có một chiếc thuyền nhỏ,

lại có tóc người cùng vòng xuyến v.v... Lại nữa, lúc sóng triều lên, tại động Triều Dương, hiện ra một con rồng, thân vàng sáng chói. Đuôi rồng cũng dài như đuôi cá voi. Rồng hiện ra như thế hồi sau thì biến mất.

Quang Tự năm thứ 2, 37 tuổi. (1876/77)

Từ núi Phổ Đà, tôi trở lại huyện Ninh Ba, đến chùa A Dục Vương, trả một tháng ba đồng tiền lệ phí ăn uống ngủ nghỉ. Tôi lạy xá lợi Phật hai năm để báo ân sanh thành dưỡng dục của cha mẹ. Sau đó, tôi đến chùa Thiên Đồng nghe giảng tông thông kinh Thủ Lăng Nghiêm. Từ Ninh Ba, tôi đi Hàng Châu, triều bái Tam Thiên Trúc cùng các thánh cảnh khác. Nơi Bán Sơn, tôi đến lễ hòa thượng Thiên Lãng cùng vị tăng tri khách Trương Tùng. Tôi ở tại chùa Tây Thiên Mục qua mùa đông. Trên đường từ Ninh Ba đến Hàng Châu thời tiết rất nóng nực. Vì thuyền nhỏ mà người đông, nên thanh niên cùng phụ nữ đều nằm la liệt. Nửa đêm, khi mọi người đang say giấc, tôi cảm giác như có ai đụng đậy thân mình, nên liền tỉnh dậy, thấy bên cạnh mình, một cô gái trần truồng. Tôi không dám nói, vội ngồi dậy, kiết già, trì chú. Cô ấy cũng chẳng dám động đậy. Nếu lúc ấy ngu muội, thì chắc hư bại rồi. Vì việc này, tôi có lời khuyên các vị tu hành rằng không thể không cẩn trọng trong những trường hợp như trên.

Quang Tự năm thứ 4, 39 tuổi. (1878/79)

Tôi đến chùa Thiên Ba, lễ hòa thượng Thanh Quang, rồi ở lại chùa qua đông.

Quang Tự năm thứ 5, 40 tuổi. (1878/79)

Tôi đến Tiêu Sơn lễ hòa Thượng Đại Thủy. Lúc ấy có đề đốc Cung Bảo, Bành Ngọc Đường trú ngụ tại chùa. Ông ta vì mến thích nên thường mời tôi đàm luận Phật Pháp cùng những cách tu hành vài ngày. Càng đàm luận, ông càng sanh thâm tâm cung kính.

Quang Tự năm thứ 6, 41 tuổi. (1880/81)

Tôi đến chùa Kim Sơn để thân cận hòa thượng Quán Tâm, Tân Lâm, Đại Định, v.v... Tọa thiền nơi chùa qua đông.

Quang Tự năm thứ 7, 42 tuổi. (1881/82)

Tôi đến chùa Cao Mân tại Dương Châu, lễ hòa thượng Lãng Huy. Tôi ở lại chùa qua đông. Thiền công rất tiến bộ.

Quang Tự năm thứ 8, 43 tuổi. (1882/83)

Hơn hai mươi năm cắt ái từ thân, xuất gia tu đạo, nhưng đạo nghiệp vẫn chưa thành, mãi phiêu du theo gió nghiệp. Tâm rất xấu hổ. Nay muốn báo ân sanh thành dưỡng dục của cha mẹ, nên định trở lại biển Nam Hải, núi Phổ Đà nơi hướng đông, rồi từ đó đi về hướng bắc núi Ngũ Đài mà lễ bái. Thế nên, tôi đến núi Phổ Đà, ở nơi đấy vài tháng, tu thiền tĩnh tọa; đôi khi thấy vài cảnh giới.

Sau đó, tôi phát tâm hành hương triều bái đến núi Ngũ Đài, miền bắc.

Ngày đầu tháng bảy, từ am Pháp Hoa nơi núi Phổ Đà, tôi khởi hương, hành đi ba bước lạy một lạy. Triều bái trực chỉ thẳng đến núi Ngũ Đài. Lúc đó, phụ hương có bốn thiền sư: Biến Chân, Thu Nghi, Sơn Hà, và Giác Thừa. Sau khi qua biển, mỗi ngày hành bộ không nhiều. Giữa đường chúng tôi ngừng tại Hồ Châu. Sau khi đến Tô Châu, Thường Châu, bốn vị tăng đều từ từ thối lui, còn tôi vẫn lễ bái, hành ba bước một lạy. Khi đến Nam Kinh, tôi lễ tháp tổ Pháp Dung Ngưu Đầu. Sau đó, vượt sông, nghỉ tại chùa Sư Tử ở Phổ Khẩu qua năm mới.

(Đại sự trong năm: Pháp chiếm kinh thành Huế, Việt Nam.)

Quang Tự năm thứ 9, 44 tuổi. (1883/84)

Tôi lại bắt đầu khởi hương đi ba bộ một lạy nơi núi Sư Tử. Từ Tô Bắc tôi vào tỉnh Hà Nam, đi qua Phương Dương, Hào Châu, Hạo Lăng, Tung Sơn, chùa Thiếu Lâm, đến chùa Bạch Mã tại Lạc Dương. Ngày đi đêm nghỉ, gió mưa sáng tối, cứ như thế mà đi, cứ như thế mà lạy; khổ vui đói khát, không quên chánh niệm, nhất tâm xưng thánh hiệu Bồ Tát.

Tháng chạp, tôi lạy đến bến Thiết Tá nơi sông Hoàng Hà, đi qua lăng Quang Võ. Ngày đầu, ngủ tại lữ xá. Ngày thứ hai liền băng qua sông. Lúc ấy trời vừa sập tối nên không dám đi. Nơi ấy, bốn

bề không người, không khói bếp. Trên đường lộ, có một lều tranh nhỏ, không người ở. Tôi tạm dừng chân nơi đây, kiết già thiền tọa. Tối đến, trời lạnh thấu xương, tuyết rơi dầy đặc. Hôm sau, mở mắt ra, thấy bốn bề đều trắng xóa như thế giới lưu ly, tuyết dầy cả thước, không còn thấy đường đi, không người qua lại, nên không biết đi đâu, chỉ ngồi trơ ra mà niệm Phật. Bụng đói da lạnh, chòi tranh không vách che, thu mình ngồi trong góc nhỏ. Tuyết rơi thêm nhiều, gió lạnh càng thâm, bụng càng thêm đói, chỉ còn hơi thở, nhưng chánh niệm không mất. Một ngày, hai ngày, ba ngày, tuyết vẫn rơi như thế, giá lạnh cũng như thế, bụng đói vẫn như thế; từ từ nhập vào trạng thái hôn mê. Trưa ngày thứ sáu, tuyết ngừng rơi, thấy bóng mặt trời mờ mờ, nhưng vì đã lâm bệnh nên không đứng dậy được. Sáng ngày thứ bảy, có một người ăn xin đến, thấy nằm trên tuyết, hỏi han vài câu, nhưng tôi không thể trả lời được. Biết nhuốm bệnh nặng, nên ông gạt tuyết ra, lấy rơm nhóm lửa, nấu cháo bằng gạo vàng cho tôi ăn. Ắn xong, mình toát mồ hôi, khí lực bình phục lại.

Ông hỏi: "Ngài từ đâu đến đây?"

Đáp: "Thưa, tôi từ núi Phổ Đà, Nam Hải đến."

Hỏi: "Vậy Ngài đi đâu?"

Đáp: "Thưa, tôi triều bái đến núi Ngũ Đài."

Tôi hỏi lại danh tánh của ông. Ông đáp: "Tôi họ Văn, tên Cát."

Tôi lại hỏi: "Vậy Ngài đi đâu?"

Đáp: "Tôi từ núi Ngũ Đài, nay trở về Trường An."

Hỏi: "Từ núi Ngũ Đài đến, vậy ông có biết hết chư tăng ở đó không?"

Đáp: "Trên đó, ai ai cũng biết tôi cả!"

Hỏi: "Từ đây đến núi Ngũ Đài, tôi phải đi qua những vùng nào?"

Đáp: "Ngài phải đi qua Bồng Huyện, Hoài Khánh, Hoàng Sơn Lĩnh, Tân Châu, Thái Tục, tỉnh Thái Nguyên, Đại Châu, Nga Khẩu, tức đến núi Ngũ Đài. Khi tới Bí Ma Nham, nơi đó, sẽ gặp một vị tăng từ miền Nam lên, tên Thanh Nhất, là bậc tu hành rất thâm cao."

Tôi hỏi tiếp: "Từ đây đến núi lộ trình bao xa?"

Đáp: "Hơn hai ngàn dặm."

Hôm sau, khi mặt trời vừa lên, ông nấu cháo gạo vàng với tuyết. Thấy tuyết đang tan thành nước trong nồi, ông chỉ tay vào và hỏi: "Ở Nam Hải có vật này không?"

Đáp: "Thưa, không."

Hỏi: "Vậy Ngài uống bằng gì?"

Đáp: "Thưa, tôi uống bằng nước."

Khi tuyết trong nồi đã tan, ông lại chỉ tay vào nước, hỏi: "Vậy chứ đây là gì?"

Tôi không trả lời được.

Ông hỏi tiếp: "Ngài đi lễ lạy danh sơn để mong cầu điều chi?"

Tôi đáp: "Khi vừa sanh ra thì không còn thấy mẹ. Thế nên, nay muốn lễ lạy để báo ân sanh thành của mẹ hiền."

Hỏi: "Vai mang hành lý, đường xa trời lạnh, bao giờ Ngài mới đến được núi Ngũ Đài? Khuyên Ngài chớ bái lạy làm chi."

Đáp: "Thệ nguyện đây đã định trước rồi, thì không cần hỏi chi năm tháng ngắn hay dài."

Bảo: "Thệ nguyện như Ngài khó mà lập được. Hiện nay thời tiết tốt, nhưng tuyết vẫn chưa tan, không thể tìm đường nào được. Thế nên, Ngài hãy theo dấu chân tôi mà đi. Khoảng hai mươi dặm sẽ gặp núi Tiểu Kim. Thêm hai mươi dặm nữa sẽ đến Bồng Huyện; nơi đó sẽ có chùa mà nghỉ ngơi."

Sau đó chúng tôi chia tay, tạm biệt. Nhân vì tuyết dầy không thể lạy, nên chỉ quay lưng lại, lễ bước chân của mình. Đến núi Tiểu Kim tôi nghỉ qua đêm. Hôm sau, khởi hương đi qua Bồn Huyện. Từ Bồn Huyện đi đến Hoài Khánh. Trên đường đến chùa Hồng Phước, có một lão hòa thượng tên là Đức Lâm, thấy tôi lễ lạy trên

đường, liền đến cầm phụ cây hương và nói: "Thỉnh Thượng Tọa vào chùa nghỉ ngơi."

Sau đó, lại bảo đệ tử mang hành lý của tôi vào chùa, ân cần tiếp đãi. Ắn cơm uống trà xong, Hòa Thượng hỏi: "Thượng Tọa bắt đầu từ nơi nào khởi hương lễ bái?"

Tôi liền kể sơ lại rằng vì muốn báo đáp thâm ân của cha mẹ nên từ núi Phổ Đà khởi hương lễ lạy đến nơi đây, đã hơn hai năm trường.

Đang khi đàm đạo, biết tôi xuất gia tại Cổ Sơn, lão Hòa Thượng bất giác rơi lệ mà nói: "Tôi có hai huynh đệ đồng tu từ Hành Dương và Phước Châu đến. Cả ba chúng tôi đều hành hương lên núi Ngũ Đài, đồng ở lại đây ba mươi năm trường. Sau đó, họ chia tay với tôi để trở về quê quán. Từ đó bặt tăm tin tức. Nay nghe giọng nói Hồ Nam của Thượng Tọa, lại cũng là Phật tử Cổ Sơn, chợt như gặp được huynh đệ đồng tu thuở xưa, bất giác động niệm. Tôi nay đã ngoài tám mươi lăm. Chùa đây vốn đầy đủ gạo lúa, nhưng năm rồi giảm thiểu đôi chút. Tuyết rơi nhiều như vầy, chắc năm tới sẽ thu hoạch khá hơn. Thượng Tọa có thể ở lại."

Vì lòng chí thành khẩn thiết của lão Hòa Thượng, nên tôi miễn cưỡng lưu trú lại chùa qua năm.

Quang Tự năm thứ10, 45 tuổi. (1884/85)

Mồng hai tháng giêng, từ chùa Hồng Phước tôi khởi hương lễ bái. Đến phủ Hoài Khánh rồi trở lại chùa nghỉ qua đêm. Mồng ba, tôi trân trọng từ biệt lão hòa thượng Đức Lâm. Hôm đó, đến phủ, thành nội tên là Tiểu Nam Hải. Vì không biết nghỉ qua đêm nơi nào, nên tôi ra ngoài thành ngủ bên lề đường. Tối đó, bụng đau kịch liệt. Sáng ngày mồng bốn cũng cố lễ bái. Chiều đến, thân bị cảm lạnh. Mồng năm, bắt đầu bị kiết lỵ, nhưng những ngày kế cũng rán lễ lạy. Ngày mười ba đến Hoàng Sa Lĩnh. Trên đỉnh núi có một ngôi miếu hoang tàn, không mái nóc. Khi đến đó, tôi kiệt sức, không thể đi xin thức ăn được. Ngày đêm đi cầu cả chục lần, không sức khởi động. Vì am miếu ở tại đảnh núi, không người qua lại, chỉ nhắm mắt chờ chết mà thôi, nhưng thâm tâm không hề hối hận. Khuya ngày mười lăm, chợt thấy bên dưới phía tây miếu có ai đang đốt lửa, nghi là ăn trộm, nhìn kỹ lại thì nhận ra người ấy chính là Văn Cát lúc trước, thâm tâm mừng rỡ, liền gọi: "Tiên sinh Văn Cát."

Ông liền cầm đuốc tới và hỏi: "Đại Sư Phụ! Sao Ngài vẫn còn ở đây?"

Tôi kể lại cho ông nghe những việc đã xảy ra. Ông liền ngồi xuống bên cạnh, an ủi và đưa một chung nước cho tôi uống. Đêm đó, gặp được Văn Cát, thân tâm rất thanh tịnh. Ngày mười sáu, Văn Cát đem y phục dơ bẩn của tôi ra giặt giũ, lại cũng cho một chén thuốc để uống. Ngày mười bảy, bịnh thuyên giảm rất nhiều. Sau khi ăn hai chén cháo gạo vàng thì ra mồ hôi nhuể nhại. Ngày

mười tám thì khỏi bịnh. Tôi cảm tạ Văn Cát, nói: "Hai lần nguy hiểm, đều nhờ Tiên sinh cứu tế, cảm ơn bất tận."

Văn Cát đáp: "Chỉ là việc nhỏ thôi."

Tôi lại hỏi: "Bây giờ Tiên sinh đi đâu?"

Đáp: "Trở lại núi Ngũ Đài."

Tôi nói: "Tôi vẫn còn bịnh, lại phải lễ bái, không thể theo kịp Tiên sinh được."

Đáp: "Xem Ngài từ tháng chạp đến giờ, lễ lạy trên đường không được nhiều cho lắm. Vậy đến năm nào mới tới! Sức của Ngài cũng không được khỏe, chắc khó mà lễ lạy. Do đó, không nhất định phải lễ lạy, triều bái lên Ngũ Đài."

Đáp: "Tiên sinh có ý tốt, tôi rất cảm ơn, nhưng vì lúc chào đời không nhìn được mẹ mình. Mẹ vì sanh ra tôi nên mới qua đời. Còn cha chỉ được một mụn con, mà tôi lại bỏ trốn đi tu. Do đó, cha từ quan, buồn rầu nên giảm tuổi thọ mà mất. Trời cao lồng lộng, ân cha nghĩa mẹ bao la. Bao năm trằn trọc không an, nên nay mới phát nguyện triều bái, cầu Bồ Tát gia hộ, nguyện cho cha mẹ được thoát khổ, sớm sanh về cõi tịnh độ, thì chẳng quản chi trăm ngàn gian lao trước mắt. Nếu không đến được thánh cảnh, thì chết cũng không dám thối nguyện."

Văn Cát nói: "Tâm thành hiếu thảo kiên cố của Ngài thật rất khó lập. Nay tôi trở về núi, cũng không gấp chi. Tôi muốn phụ mang hành lý trên đường để Ngài dễ dàng lễ lạy, bớt đi sầu khổ, tâm không sanh hai niệm."

Tôi đáp: "Nếu thế, công đức của Tiên sinh thật lớn vô cùng. Lễ bái đến Ngũ Đài, nguyện đem công đức này, phân nửa hồi hướng về cho cha mẹ sớm chứng đạo Bồ Đề, phân nửa xin hồi hướng đến Tiên sinh để báo đền ơn cứu mạng. Vậy thưa có được không?"

Đáp: "Ngài thật là người con hiếu thảo, còn tôi chỉ thuận tiện mà giúp. Không dám nhận lời cảm tạ."

Sau đó Văn Cát lo cho tôi cả bốn ngày liền. Bịnh tình thuyên giảm rất nhiều.

Ngày mười chín, tuy còn yếu nhưng tôi vẫn khởi hương lễ bái. Việc mang hành lý và ăn uống có Văn Cát lo giùm. Bao vọng tưởng trong đầu đều chợt ngừng. Ngoài không việc phiền lụy. Trong không vọng niệm; bịnh ngày càng thuyên giảm, sức khỏe ngày càng tăng. Từ sáng đến tối, đi lễ lạy được khoảng bốn mươi dặm, nhưng không cảm giác mệt nhọc. Tháng hai, đến chùa Ly Tướng huyện Thái Tục, vị tăng tri khách thấy, liền chào. Sau đó quay đầu lại nhìn Văn Cát và hỏi tôi: "Vị này là ai?"

Tôi thuật lại đầu đuôi sự việc xảy ra trên đường. Nghe xong, tăng tri khách liền nổi giận, bảo: "Ra ngoài hành cước, không biết thời

cuộc. Năm nay đất bắc nghèo khó, vậy triều bái núi gì? Thầy chắc là một đại lão quan, mới có người theo hầu cận. Nếu muốn hưởng phước, cần gì phải ra ngoài đi như vầy. Thầy xem có chùa nào mà có người thế tục xách bị theo hầu không?"

Nghe lời khiển trách như thế, tôi không dám đáp lời lại. Tôi nhận lỗi mình và cáo từ. Tăng tri khách bảo: "Vô lý! Tự tiện đến, vậy ai bảo Thầy đi?"

Nghe lời trước ngược lời sau, tôi đáp: "Thỉnh tiên sinh Văn Cát đến trọ tại lữ quán, còn tôi xin làm phiền Ngài nghỉ lại đây một đêm. Vậy, thưa có được không?"

Tăng tri khách đáp: "Vậy cũng được."

Văn Cát bảo: "Từ đây đến Ngũ Đài cũng không còn xa lắm. Tôi sẽ trở về trước, còn Ngài cứ từ từ mà đi. Hành lý của Ngài, không lâu sẽ có người mang lên núi dùm."

Tôi cố giữ Văn Cát lại nhưng không được. Lại đưa tiền cho, Văn Cát cũng không nhận. Vội từ biệt mà đi. Sau đó, tăng tri khách đổi sắc mặt vui vẻ, mang đồ của tôi vào chùa, đi ra nhà bếp nhúm lửa nấu trà luộc bún. Ngạc nhiên trước thái độ ấy, tôi nhìn bên phải trái, chẳng thấy một ai, liền hỏi: "Thưa Thầy, trong chùa đây tăng chúng nhiều ít?"

Đáp: "Mấy năm trước, tôi ở bên ngoài sông Giang, rồi trở lại đây nhận chức trụ trì. Nơi nầy liên tiếp bị thất mùa, nên mọi người đi

hết, chỉ còn lại mình tôi. Lương thực chỉ có bún miến như vầy thôi. Vừa rồi, ngoài cửa, tôi chỉ nói đùa thôi. Xin Thầy đừng để trong lòng."

Tôi nghe lời này, buồn bực cả chục phần, chẳng nói gì được, miễn cưỡng nuốt nửa tô bún, rồi liền cáo từ. Thầy tri khách đây cố giữ lại, nhưng tôi không có lòng gì để đáp ứng. Tôi liền đi đến lữ quán tìm kiếm Văn Cát, nhưng không gặp. Lúc ấy, là mười tám tháng tư, tuy trời tối nhưng trăng tỏ. Vì muốn đuổi kịp Văn Cát, nên tôi lễ lạy trong đêm hôm luôn, hướng về phủ Thái Nguyên mà khởi hương. Vì nóng lòng gấp gáp, nên ngày hôm sau máu từ mũi chảy ra không dừng. Hai mươi ngày kế, đến chùa Bạch Vân tại Hoàng Độ Câu. Vị tăng tri khách thấy mũi miệng tôi ra máu nên không cho tạm trú, chỉ miễn cưỡng cho nghỉ qua đêm. Sáng ngày hai mươi mốt, đi vào thành Thái Nguyên, đến chùa Cực Lạc, nuốt phải những lời chửi mắng, không được cho nghỉ qua đêm. Sáng ngày hai mươi hai, ra ngoài thành lễ bái. Nơi cửa bắc, gặp một thầy trẻ tên là Văn Hiền. Thấy tôi, liền đến gần, cầm giúp hương và mang phụ hành lý, rồi mời vào chùa nghỉ ngơi. Quí mến kính trọng như người thân. Dẫn tôi vào phòng phương trượng, tiếp đãi cơm nước; đàm đạo một hồi rồi tôi liền hỏi: "Tuổi thầy chắc chỉ ngoài hai mươi, lại hình như là người ngoài tỉnh, làm thế nào mà được trụ trì nơi đây?"

Đáp: "Bạch Thượng Tọa! Cha của con làm quan nơi đây đã nhiều năm, nhậm chức tại phủ Bình Dương, bị gian thần hãm hại. Mẹ vì

vậy uất khí mà mất. Con nuốt lệ xuất gia. Quan thân sĩ thứ nơi đây, biết gia cảnh, nên thỉnh con về trụ trì chùa này. Con chỉ cố gượng ở lại, vì lúc nào cũng muốn rời chỗ này. Nay được chiêm ngưỡng đạo phong oai đức của Thượng Tọa, tâm rất kính phục. Thỉnh Ngài ở lại nơi đây lâu dài để con được dịp hầu cận."

Tôi thuật lại nguyên do phát nguyện lễ bái. Thầy trụ trì này tâm càng thêm cung kính tin phục, cố lưu giữ tôi lại cả mười ngày. Sau đó tôi tiếp tục lên đường lễ bái. Thầy cúng dường y phục cùng tiền lệ phí, nhưng tôi đều không nhận. Thầy cầm phụ hương, tiển tôi đi cả hơn mười dặm, rơi lệ từ biệt. Lúc ấy là mồng một tháng năm. Tôi hướng thẳng đến Hân Châu.

Sáng nọ, đang lúc lễ lạy trên đường, đằng sau tiến đến một cỗ xe ngựa, đi hoãn lại mà không vượt qua mặt. Tôi biết nên lánh qua một bên. Từ trên xe ngựa bước xuống một vị quan, đến gần liền hỏi: "Tại sao Đại Sư lạy trên đường như vầy?"

Tôi thuật sơ qua lời phát nguyện của mình. Vị quan đây cũng là người Hồ Nam. Tôi cùng Ngài đàm luận rất hợp ý.

Vị Quan nói: "Như vầy, tôi hiện đang trú tại chùa Bạch Vân, nơi Nga Khẩu. Ngài triều bái đến Ngũ Đài thì phải đi ngang qua đó. Hành lý của Ngài đây, tôi sẽ mang lên đó trước."

Tôi cảm tạ xong, vị quan trở lên xe rồi đi khuất.

Mỗi ngày vẫn lễ bái như thường, không còn bị trở ngại chi nữa. Giữa tháng năm, tôi lạy đến chùa Bạch Vân, gặp viên quan cai quản doanh trại, người mang hành lý dùm tôi hôm trước. Ngài thấy tôi đến liền ra nghinh tiếp, mời vào doanh trại nghỉ ngơi, ân cần ưu đãi. Tôi nghỉ ở nơi đây ba ngày, sau đó cáo từ. Vị quan ấy cúng dường tiền lộ phí cùng lễ vật nhưng tôi không nhận. Thế nên, vị quan ấy phái quân lính mang hành lý của tôi cùng tài vật cúng dường đến chùa Hiển Thông.

Tôi khởi hương lễ bái đến núi Khuê Phong, Bí Ma Nham, Sư Tử Oa, Long Động, cùng các nơi khác. Kỳ tích nước non, tả không thể hết. Vì bận lễ bái, nên không thể nhìn xem rõ ràng. Cuối tháng năm đến chùa Hiển Thông, lấy hành lý do quân lính mang lên mấy ngày trước. Khi tới chùa Hiển Thông, việc trước nhất là đến các chùa am tự viện kế cận dâng hương lễ bái. Đi khắp nơi hỏi thăm tung tích Văn Cát, không ai biết cả. Sau đó, thuật lại sự tình nguyên do cho một lão tăng nghe. Lão tăng ấy liền chắp tay nói: "Đó là hóa thân của Bồ Tát Văn Thù vậy."

Tôi liền đảnh lễ cảm tạ Bồ Tát.

Ngày hai mươi hai, khởi hương. Hai ngày sau, lạy qua Đông Đài. Đêm tối, trăng thanh sao sáng, tôi lạy đến một ngôi thất bằng đá rồi dâng hương cùng lễ bái, tụng kinh, ngồi thiền một tuần trong thất. Sau đó xuống núi, lạy qua hang Na La Diên. Lương thực hết. Mồng một tháng sáu, trở về chùa Hiển Thông. Ngày hôm sau, khởi hương, lên đỉnh Hoa Nghiêm ở qua đêm. Ngày thứ ba, lạy

qua Bắc Đài, rồi nghỉ qua đêm tại Trung Đài. Ngày thứ tư, lạy qua Tây Đài nghỉ qua đêm. Ngày thứ năm, trở về chùa Hiển Thông. Ngày thứ bảy, lạy qua Nam Đài và đả thiền thất nơi đây. Ngày mười lăm, trở về chùa Hiển Thông, tham gia đại hội Phật giáo vào tháng sáu. Đến đây lời nguyện bái hương ba bước một lạy trong ba năm để cầu cho cha mẹ được siêu thoát đã hoàn mãn.

Trong ba năm, trừ những lúc bị bịnh hoạn, gió mưa sương tuyết cản trở, không thể lễ lạy bên ngoài, còn trong mọi thời, tôi luôn nhất tâm chánh niệm. Lễ lạy trên đường, gặp bao gian nan, nhưng tâm luôn vui vẻ. Mỗi lần xét lại tâm mình, hể càng gặp khổ bao nhiêu thì tâm càng an lạc bấy nhiêu. Vì thế mới hiểu được lời của cổ nhân nói rằng nếu tiêu bớt một phần tập khí thì được một phần sáng suốt. Nhẫn được mười phần phiền não thì chứng được ít phần bồ đề.

Lại nữa, trên đường có rất nhiều danh lam thắng cảnh. Từ núi Phổ Đà đến Giang Triết, Trung Châu, Hoàng Hà, Thái Hành, thắng địa danh sơn nhiều kể không thể hết. Hồi ký du lịch xưa nay, miêu tả rất tường tận, nhưng nếu thân không đến những nơi đó thì không thể cảm nhận rõ ràng. Như thánh cảnh Thanh Lương tại Ngũ Đài, nơi Bồ Tát Văn Thù thường phóng quang. Lại có những dãy núi thẳng sừng sửng cao ngàn thước, tuyết phủ ngàn năm; những cây cầu đá, lầu các treo lơ lững trên không, khó tìm thấy được những nơi khác.

Trong lúc tôi đang bái hương, ba bước một lạy, không thể nhìn xem thưởng thức được những thắng cảnh nầy. Khi nguyện lễ lạy đã xong thì cũng là lúc đến tại những chỗ đó. Tôi không muốn để cho thần núi cười tánh hiếu kỳ của mình.

Đại hội Phật giáo kết thúc, tôi lên đảnh Đại Loa, lễ lạy những ánh đèn Trí Huệ. Đêm thứ nhất, không thấy chi cả. Đêm thứ hai, thấy bên đỉnh Bắc Đài có một chùm lửa, bay qua Trung Đài rồi rơi xuống, từ một chùm lửa to mà phân ra cả chục chùm lửa bé, lớn nhỏ không đồng. Đêm thứ ba, lại thấy bên Trung Đài, trên không trung xuất hiện ba chùm lửa sáng rực, bay lên bay xuống. Nơi Bắc Đài cũng hiện ra bốn chùm lửa, lớn nhỏ không đồng. Mồng mười tháng bảy, tôi bái tạ Bồ Tát Văn Thù xong, liền trở xuống núi. Từ đình Hoa Nghiêm đi về hướng bắc, đến Đại Doanh, phía nam của Hồn Nguyên, qua Bắc Ngạc ở Hằng Sơn; lên thẳng khẩu Hổ Phong có một tảng đá ghi khắc rằng đây là ngọn núi đầu tiên ở phương bắc. Đi vào miếu trên đó thì thấy những tầng cấp cao vời vợi như lên tận trời xanh, cùng cả rừng đá thạch. Lễ xong, tôi liền xuống núi, đến phủ Bình Dương, thăm hang động tiên nhân Nam Bắc; hướng về phía nam của thành có miếu vua Nghiêu rất hùng tráng và mỹ lệ. Trở về hướng nam, đến Bồ Châu, Lô Thôn, lễ miếu Hán Thọ Hưởng Hầu; qua sông Hoàng Hà, vượt Đổng Quan, vào đất Xiểm Tây, đến Hoa Ầm; lên núi Thái Hoa, lễ miếu Hoa Sơn Tây Ngạc. Vòng qua Thiên Xích Tràng, eo đất Bá Xích, tới Lão Quân Lê Câu, đến tham quan các danh lam thắng cảnh

khác. Tôi nghỉ tại những nơi đó tám ngày. Tôi rất ngưỡng mộ hai vị Thánh Tề Gi.

Lại qua núi Thủ Dương, tới chùa Quán Ấm ở Hương Sơn thuộc phía tây nam tỉnh Xiểm Tây, xem phần mộ của Trang Vương; vào tỉnh Cam Túc, đến chùa Bình Lương, núi Không Động. Gần cuối năm, tôi trở về Hương Sơn ở qua năm mới.

Quang Tự năm thứ 11, 46 tuổi. (1885/86)

Mùa xuân, tôi rời chùa Hương Sơn, đi về hướng tây, đến ải quan Đại Khánh, vào đất Xiểm Tây, qua Diệu Châu, Tam Nguyên, tới Hàm Dương xem cây cổ thụ Cam Đường của Triệu Bá; thăm đất Trường An nơi tường thành hùng vĩ, vẫn còn nhiều di tích lịch sử. Phía đông bắc ngoài thành có chùa Từ Ấn, trong chùa có tháp Đại Nhạn được cất cao bảy từng, cùng bia đá đời nhà Đường và bia Cảnh Giáo Đại Tần. Trước cung Phủ Học là một rừng bia đá, có hơn bảy trăm loại khác biệt. Phía đông của thành có cầu Ba Kiều, rộng khoảng bảy mươi hai thước, cũng có lâu trạm, nơi khách qua đường thường gặp mặt, hẹn hò. Sau khi dừng lại cửa ải Dương Quan, tôi đến chùa Hoa Ngiêm, lễ tháp hòa thượng Đỗ Thuận, tháp quốc sư Thanh Lương. Qua chùa Ngưu Đầu, Hưng Quốc lễ tháp pháp sư Huyền Trang. Tiếp tục, đến núi Chung Nam phía đông Ngũ Đài, có chùa Bảo Tạng; Bạch Thủy Lương nơi sườn núi Hương Cổ, tại đây có hai vị thánh tăng ẩn tu. Tới động Ngân Đồng ở Gia Ngũ Đài, là chỗ ẩn tu của tổ thứ năm của tông Hoa Nghiêm. Sau đó, đến phía nam Ngũ Đài, gặp chư đại hòa thượng

Giác Lãng, Trị Khai, Pháp Nhẫn, Thể An, Pháp Tánh, đang kết am tranh tọa thiền nơi đây. Chư vị giữ tôi ở lại. Pháp Nhẫn trụ tại Lão Hổ Oa, Trị Khai ở Xả Long Xuân. Pháp Tánh trú tại động Tương Tử. Tôi cùng Giác Lãng đồng ở tại am tranh lớn. Sáng sớm mồng một tháng ba, nơi sau chánh điện, tôi chợt thấy chòm sao Thiên Chửu bay loạn xạ trên không trung, hồi lâu mới mất. Không biết đó là điềm gì.

(Đại sự trong năm: Chiến tranh Trung-Pháp bùng nổ. Việt Nam ký hòa ước cắt nước cho Pháp.)

Quang Tự năm thứ 13, 48 tuổi. (1887/89)

Trên hai năm, kết am tranh tại phía nam Ngũ Đài, cùng chư tăng tham cứu tu hành, được lợi ích rất nhiều. Tháng hai, xuống núi, đến lễ chùa Hoàng Dụ tại núi Thúy Vi; lại qua chùa Tịnh Nghiệp tại núi Hậu An lễ tháp Tuyên Tổ thuộc phái Luật Tông, và đến chùa Thảo Đường lễ đạo tràng của pháp sư Cưu Ma La Thập. Kế, đến núi Thái Bá, cao cả một trăm lẻ tám dặm, tuyết vẫn chưa tan trong mùa hè. Lại qua chùa Nhị Bản, Đại Bản; lên đỉnh Hoa Trì nơi có mạch nước phân thành bốn dòng; đến trấn Tử Ngưu, qua phủ Hán Trung nơi Hán Cao Tổ lạy tướng mình. Tới miếu Chư Cát tại Bao Thành, thăm đèn vạn năm của Trương Phi, cùng các danh lam thắng cảnh khác. Đi xa, vượt Long Động Bối, ải quan Thiên Hùng, tiểu Nga Mi, ải quan Kiếm Môn, chùa Bát Bồng, ải quan Bạch Mã, thăm mộ phần vua Bàng Thống, miếu Văn Xương tại huyện Tử Đồng tỉnh Tây Xuyên. Trên đường, đi qua núi Thất

Khúc, suối Cửu Khúc, ải Kiếm Môn nơi mà chót núi bị cắt làm đôi, hai vách đá thẳng như lưỡi kiếm. Sử ghi rằng có một vị tướng quân giữ ải, đánh tan đạo quân cả mười ngàn người. Ở trên có thành Khương Duy, tức nơi đóng binh của Bá Ước thuở xưa. Cầu treo khó đi, như lên trời xanh. Thật lời của người xưa không hư dối. Đến Quảng Hán phía nam huyện Tân Bộ, tại chùa Bảo Quang nghỉ qua năm mới. Năm ấy, khi vào đất Tây Xuyên, đơn độc hành bộ, ba y một bát, chẳng chi phiền lụy, thanh thản an nhàn với cảnh non nước, khiến thân tâm lắng đọng.

Quang Tự năm thứ 14, 49 tuổi. (1888/89)

Tháng giêng, từ chùa Bảo Quang, khởi hành vào tỉnh Thành Đô, lễ chùa Chiêu Giác, viện Văn Thù, chùa Thảo Đường, cung Thanh Dương; qua Hoa Dương, Song Lưu, hướng về phía nam đến huyện Mi Sơn, huyện Hồng Nhã. Tới chân núi Nga Mi, từ chùa Phục Hổ, động Cửu Lão qua Sơn đảnh của núi Nga Mi lễ hương. Đêm đến, thấy Phật quang; muôn ngàn đóm lửa sáng rực như một giải ngân hà trên trời. Thắng cảnh như thế, tả không thể hết. Nơi chùa Bảo Quang, tham kiến lão hòa thượng Ứng Chân, rồi trú tại chùa mười ngày. Sau đó, qua chùa Vạn Niên, lễ điện Phật Tỳ Lô Xá Na. Xuống núi, đến Nhã Châu, qua huyện Huỳnh Kinh, vào Lô Định. Tới đây là biên giới của tỉnh Tây Xuyên. Tháng năm, băng qua sông Lô. Trong huyện Nhã An có sông Đại Độ rộng cả ba dặm; bắc ngang sông là cầu dây Lô Định. Người đi trên cầu này phải rất cẩn thận vì cầu thường đong đưa lắc lư. Đi về hướng

tây, qua Đả Tiến Lô, Lý Đường, Ba Đường. Lên phía bắc, đến Sát Mộc Đa tức Xương Đô. Qua hướng tây tới Thạc Đốc; đi ngang A Lan Đa và Lạp Lý. Nơi đây đất rộng người thưa, đủ chủng tộc như người Hoa, Tây Tạng, Mông Cổ, v.v... Ngôn ngữ khác biệt, Người biết tiếng Hoa chỉ vài ba trăm. Tại Lý Đường có ngọn núi thần Công Cát là vùng đất thánh của Phật tử người Tây Tạng. Ba Đường là vùng núi cao hiểm trở. Sát Mộc Đa có nhiều sông ngòi. Các chủng tộc phần lớn theo Lạt Ma Giáo. Từ Lạp Lý đi về hướng nam đến Giang Đạt; vượt qua vùng này tức đến biên giới Tây Tạng.

Tôi vào đất Tây Tạng, đến Điểu Tô Giang, băng ngang sông Lạp Tát, tức đến thủ đô Lạp Tát; đây là trung tâm hành chánh và tôn giáo của toàn nước Tây Tạng. Phía tây bắc là núi Đạt Bố Lạp, có cung Đạt Bố Lạp, cao ba mươi tầng; chánh điện và mái ngói rất trang nghiêm. Đá thạch chạm vàng trông chóa mắt, là nơi mà đức Phật sống Đạt Lai Lạt Ma thường ngồi thuyết pháp. Vây quanh là hai mươi ngàn vị Lạt Ma. Vùng phụ cận có ba ngôi chùa lớn như Cát Nhĩ Bàn, Biệt Bạng, Sắc Lạp, cũng có hơn ngàn vị Lạt Ma. Vì ngôn ngũ không thông, khi đến các chùa, tôi chỉ dâng hương cùng lễ đức Phật sống thôi. Lại đi về hướng tây, qua Cung Cát, Giang Tử, đến Nhật Khách Đáo; phía tây có chùa Gia Thập Luân Bố, kiến trúc đồ sộ hùng vĩ mỹ lệ, rộng cả mấy dặm, là trung tâm hành chánh và tôn giáo thứ nhì của Tây Tạng, do vị Ban Thiền Hoạt Phật lãnh đạo, cũng có bốn năm ngàn vị Lạt Ma thường vây quanh. Từ Tây Xuyên vào đất Tây Tạng, đi cả một

năm; mặt trời lên thì đi, mặt trời lặn thì dừng; leo núi băng sông, lắm khi cả mấy ngày mà chẳng gặp một bóng người; chim thú khác lạ, phong tục danh xưng rất dị kỳ; tăng sĩ không giữ giới luật, ăn thịt bò thịt dê, y áo đạo phục tông mũ đỏ mũ vàng khác biệt; chợt nhớ lại pháp hội tại Kỳ Viên Tịnh Xá lúc Phật còn tại thế mà rưng rưng nước mắt.

Cuối năm ấy ở lại Tây Tạng qua năm mới.

Quang Tự năm thứ 15, 50 tuổi. (1889/90)

Tôi không muốn ở lại Tây Tạng. Xuân đến, đi về hướng nam, qua Lạp Cát, Á Đông, là quan ải lớn nhất giữa Tây Tạng và Ấn Độ. Tới nước Bất Ban, vượt bao núi cao vách đứng, không biết tên chi, hoặc gọi là Thông Lĩnh hay Tuyết Sơn. Đến thành Dương Bộ, lễ bái thánh tích Phật đà, rồi tới hải cảng Mãnh Gia Lạp. Vượt biển đi Tích Lan, lễ bái các thánh tích xong liền dùng thuyền đến Miến Điện, triều bái tháp Đại Kim; qua Ma La Điện Cát Xá Lợi; nơi đây có một tảng đá lớn kỳ dị, gọi là chỗ ngồi của tôn giả Đại Mục Kiền Liên, có rất nhiều người đến lễ bái.

Tháng bảy, khởi hành trở về nước. Từ Lạp Thức qua ải Hán Long, tức vào Vân Nam. Vượt qua Miễn Ninh, Long Lăng, Cảnh Đông, Mộng Hóa, Triều Châu, Hạ Quan, đến Đại Lý, xem hồ bạc Nhĩ Hải, tiếng sóng vang xa cả vài dặm, thật là nơi rất lạ kỳ. Nguyện đầu

tiên khi trở về nước là đi tham bái núi Kê Túc, nơi tôn giả Ma Ha Ca Diếp đang nhập định đợi Phật Di Lặc ra đời. Băng qua hồ Nhĩ Hải, hướng phía đông bắc mà đi, đến Hoán Sắc, Bá Đam, Bình Sa, Sơn Giác, miếu của An Bang Đại Vương; tới Linh Sơn nhất hội phường tức núi Kê Túc. Giữa núi là đất Ô Ca. Tương truyền lúc tôn giả Ca Diếp vào núi, có bảy vị vua đi theo hộ tống, không đành lòng trở về, ở tại đây tu hành, thành thần hộ pháp, tức miếu Đại Vương. Tôi đi thẳng lên chánh điện của núi; trong ngôi chánh điện có thờ tôn tượng tôn giả Ca Diếp. Tương truyền, khi tôn giả A Nan đến lễ bái thì cửa đá tự nhiên mở. Thánh cảnh trang nghiêm huyền diệu. Thạch đá tự biến thành cửa đá gọi là cửa Hoa Thủ. Ngài Ma Ha Ca Diếp đang nhập định bên trong. Cửa đá lớn tựa như cửa thành, cao cả vài trăm thước, rộng hơn trăm thước. Hai cánh cửa đều đóng nhưng đường lằn giữa hai cửa hiện rõ ràng. Hôm ấy, du khách cùng người địa phương dẫn đường đến rất nhiều. Lúc tôi dâng hương lễ bái, tự nhiên nghe âm thanh của ba tiếng đại hồng chung; người địa phương đều vui mừng lễ bái theo và nói: "Hể mỗi lần có bậc dị nhân đến thì đều nghe tiếng chuông trống, mõ khánh vang lên. Chúng tôi đã từng nghe tiếng khánh mõ, mà chưa từng nghe tiếng đại hồng chung. Nay Sư Phụ đến đây lễ bái lại nghe tiếng đại hồng chung, chắc đạo hạnh của Ngài cao lắm."

Tôi cảm tạ không dám nhận lời tán tụng ấy. Khi ấy là ngày ba mươi tháng bảy. Lại lên đỉnh núi Thiên Trụ. Đây là nơi cao nhất của toàn núi. Từ đỉnh xuống chân núi, dài khoảng ba mươi dặm.

Trên đỉnh có ngôi điện bằng đồng cùng một tòa tháp Lăng Nghiêm. Theo gia phả của núi thì toàn núi có ba trăm sáu mươi am, bảy mươi hai ngôi chùa lớn. Nay, toàn núi chỉ còn lại dưới mười ngôi. Kẻ tu hành cùng người thế tục sống lẫn lộn không phân biệt. Con cháu nối tiếp thừa hưởng sản nghiệp. Đâu đâu cũng thế, không cho khách tăng ở lại trên núi, dầu chỉ trong một thời gian ngắn. Nhớ xưa kia các pháp hội đều hưng thịnh; nay thì thế nhân suy đồi, thật rất đau lòng; tâm muốn trùng hưng lại đạo tràng này, nhưng không biết có đủ cơ duyên chăng!

Từ núi Lương Vương, Cửu Phong, đến huyện Vân Nam, qua núi Thủy Mục, Linh Thứu núi Tử Khê, tới phủ Sở Hùng, trú tại chùa Cao Đỉnh. Lúc vừa mới đến chùa, nghe mùi hương hoa lan bay khắp cả; vị tăng tri sự chúc mừng: "Thượng Tọa đến, vị thần hoa lan phóng ra hương thơm, thật là kỳ diệu. Trong gia phả của phủ viết rằng có vị thần hoa lan, vô hình dạng, nếu có cao tăng chân nhân đến thì phóng tỏa hương thơm. Nay mùi hương hoa lan bay đầy khắp núi, chắc là do âm đức của Thượng Tọa cảm nên vậy."

Sau đó, tôi được tăng tri sự ân cần chiêu đãi, cố giữ ở lại lâu. Vì tôi muốn trở về Hồ Nam gấp nên khước từ lời mời, chỉ ở lại qua một đêm rồi đi ngay. Đến phủ Côn Minh, phủ Khúc Tỉnh, phủ Quí Châu, Bình Tệ. Thuận đường đi về hướng đông, qua Quí Dương, Trấn Viễn, vào Ma Dương, Chỉ Giang hướng tây của Hồ Nam, đến phủ Bảo Khánh, băng Hành Dương, thăm hòa thượng Hằng Chí tại núi Kì Sơn. Ở lại đây mười ngày rồi tiếp tục đi về phương bắc.

Đến Võ Xương, Hồ Bắc, lễ hòa thượng Chí Ma tại chùa Bảo Thông; học đại bi sám pháp tại chùa xong, liền đi Cửu Giang, vào Lô Sơn, lễ hòa thượng Chí Thiện tại chùa Hải Hội; tham gia pháp hội niệm Phật. Sau đó, ghé tỉnh An Huy, thăm núi Hoàng Sơn, tới núi Cửu Hoa lễ tháp Địa Tạng Bồ Tát. Đến cung Bá Niên, lễ Bảo Ngộ hòa thượng. Ngài là một vị đại lão hòa thượng, giới hạnh tinh nghiêm, định lực bậc nhất. Băng qua sông, đến núi Bảo Hoa, lễ hòa thượng Thánh Tánh; lưu trú lại đây qua năm mới.

Trong hai năm, thân hành vạn lý, mọi thời đều đi bộ, chỉ trừ những lúc dùng thuyền vượt biển. Trèo núi băng sông, tuyết sương mưa gió, núi cao đồng vắng, chim thú lạ lùng, phong cảnh thay đổi ngày ngày. Tâm tịnh như trăng tròn lơ lững; thể lực tăng cường, bước đi lẹ làng, không thấy mệt nhọc, chỉ nhớ lại những tội phóng dật của mình lúc trước.

Người xưa bảo rằng đọc xong mười ngàn quuyển sách, phải nên đi mười ngàn dặm. Thật rất đúng!

Quang Tự năm thứ 16, 51 tuổi. (1890/91)

Đến Nghi Hưng, lễ hòa thượng Nhân Trí, đang tu tại chùa Hiển Thân, là nơi xuất gia của Mật Tổ. Tôi ở đây qua mùa hè. Sau đó đến Cú Dong lễ hòa thượng Pháp Nhẫn. Tại đây tôi giúp ngài sửa chữa chùa Xích Sơn và ở qua mùa đông.

Quang Tự năm thứ 17, 52 tuổi. (1891/92)

Tại Kim Lăng giúp thượng nhân Tùng Nghiêm sửa chùa Tịnh Thành. Lúc bấy giờ, thường qua lại với cư sĩ Dương Nhân Sơn tham cứu luận Nhân Minh, luận Bát Nhã Đăng. Ở qua mùa đông tại chùa Tịnh Thành.

Quang Tự năm thứ 18, 53 tuổi. (1892/93)

Cùng các thầy Phổ Chiếu, Nguyệt Hà, Ẩn Liên lên núi Cửu Hoa sửa am tranh Thúy Phong để ở. Thầy Phổ Chiếu chủ giảng năm phần giáo nghĩa của kinh Hoa Nghiêm. Tông Hiền Thủ đã bị quên lãng rất lâu, nay nghe có giảng giáo nghĩa, chư tăng các xứ đến dự rất đông. Giáo nghĩa tông Hiền Thủ nay khởi dậy nơi miền xuôi sông Giang Hạ.

Quang Tự năm thứ 19, 54 tuổi. (1893/94)

Tôi vẫn ở tại am Thúy Phong nghiên cứu kinh điển. Mùa hè có pháp sư Đế Nhàn đến cùng an cư kiết hạ. Sau đó qua chùa Kim Sơn ở qua mùa đông.

Quang Tự năm thứ 20, 56 tuổi. (1895/96)

Hòa thượng trụ trì chùa Cao Mân tại Dương Châu đến núi Cửu Hoa, bảo: "Năm nay tại chùa Cao Mân có thí chủ họ Chu thỉnh các thầy làm pháp sự. Ông ta sẽ cúng dường và hộ trì chư tăng nhập thiền thất trong mười hai tuần tính luôn bốn tuần hiện tại. Lão hòa thượng Xích Sơn đã trở về chùa. Ngài ngưỡng mong chư vị trở về hộ trì thường trụ."

Khi kỳ thiền thất sắp đến, chúng tăng thúc dục tôi xuống núi trước. Khi vừa tới cảng Địch Câu, thuộc Đại Thông, tôi đi dọc theo bờ sông, gặp lúc nước lớn, muốn qua sông; người lái đò đòi trả sáu đồng, nhưng vì tôi không có đồng xu nào, nên ông chèo ghe bỏ đi. Vì vậy, tôi vẫn tiếp tục men theo bờ sông mà đi. Lại vì không cẩn thận nên hụt chân té xuống sông, bị trôi chìm cả một ngày đêm, đưa dạt đến vùng phụ cận của bến đá Thải Thạch. Ngư dân kéo lưới dính tôi, nên gọi một vị thầy chùa Bảo Tích đến nhận. Thầy ấy xưa kia có cùng tôi ở tại chùa Xích Sơn. Thầy hoảng hốt, bảo: "Đây là thầy Đức Thanh."

Sau đó tôi được khiêng về chùa và cứu sống lại. Khi ấy là ngày hai mươi tám tháng sáu. Máu từ miệng mũi, đại tiểu tiện chảy ra. Tôi ở lại đó vài ngày rồi vội đi đến chùa Cao Mân. Vị tăng tri sự thấy tôi gầy ốm nên hỏi: "Ngài có bịnh hoạn gì không?"

Đáp: "Không."

Lại yết kiến hòa thượng Nguyệt Lãng; hỏi han chuyện trên núi xong, liền mời tôi tạm thay mặt Ngài làm thiện tri thức cho chúng tăng trong những kỳ thiền thất sắp tới. Tôi lễ phép từ chối, lại không dám nói chuyện bị té xuống sông, chỉ cầu mong được đả thiền thất trong thiền đường. Gia phong chùa Cao Mân nghiêm ngặt; nếu được mời làm tăng chức sự mà cự tuyệt không nhận thì bị tội khinh tăng chúng của chùa. Như vậy, tôi bị phạm luật nên phải chịu ăn đòn. Tôi thuận chịu mà không nói chi. Bị đánh xong thì bịnh lại gia tăng thêm, máu chảy không ngừng, chỉ chờ chết.

Trong thiền đường, ngày đêm tinh tấn, nhất niệm lắng trong, không biết thân là vật gì cả! Qua hơn hai mươi ngày, bịnh hoạn đều hết. Thầy Đức Ngạn trụ trì chùa Bảo Tích gần bến đá Thải Thạch đem y vật đến cúng dường, thấy mặt tôi sáng sủa, rất vui mừng. Lại kể việc tôi bị té sông cho đại chúng nghe; ai ai cũng khâm phục tán thán. Vị tăng nội thức trong thiền đường không còn bảo tôi luân trực nữa, nên tu hành dễ dàng. Từ đó muôn niệm đều dừng, công phu ngày đêm như một, hành động lẹ làng như gió. Tối nọ, khi cây hương thiền thất vừa đốt lên, tôi mở mắt ra, nhìn thấy mọi vật hiện như lúc ban ngày, trong ngoài đều rõ ràng. Cách tường đá thấy thầy hương đăng đang tiểu tiện, lại thấy thầy tri khách đang trong nhà cầu; xa nữa thấy một chiếc ghe đang chạy trên sông. Màu sắc hình dạng của hàng cây hai bên bờ sông đều thấy rõ. Lúc ấy là khuya canh ba. Hôm sau, hỏi thầy hương đăng cùng thầy tri khách thì quả thật đúng như việc tôi đã thấy đêm qua. Tôi biết đây là cảnh giới của thiền nên không cho là kỳ dị. Đến ngày thứ ba của tuần thiền thất thứ tám, lúc đốt cây nhang khai tỉnh thứ sáu, theo lệ thường, thầy hộ thất rót trà cho chư tăng trong thiền thất dùng. Khi đưa tách trà cho tôi, vì sơ ý, ly nước bị rớt xuống đất. Vừa nghe tiếng ly nước bể, căn nghi liền bặt dứt, tâm chợt ngộ đạo như vừa tỉnh giấc mơ. Nhớ lại vài mươi năm trước, nơi sông Hoàng Hà bị một gã tục hán hỏi mà không biết nước là gì. Nếu lúc đó, đạp nồi đất, thử xem Văn Cát còn nói gì nữa không!

Hôm nay, nếu không bị té sông bịnh nặng, không nhẫn cảnh nghịch cảnh thuận, không nghe sự giáo hóa của tri thức, chắc luổng phí một đời. Vì thế, viết kệ:

"Bối tử phát lạc địa,

Hưởng thanh minh lịch lịch.

Hư không phấn toái dã.

Cuồng tâm đương hạ hưu.

Năng khán thủ, đả phấn toái,

Gia phá nhân vọng ngữ nan khai.

Xuân chí hoa hương xú xứ tú.

Sơn hà đại địa thị Như Lai."

Dịch:

"Cốc nước rơi xuống đất,

Tiếng vang thật rõ ràng,

Hư không tan thành bụi,

Tâm cuồng liền thôi dứt,

Tay thả lỏng, cốc nước rơi,

Nhà tan người mất thật khó nói,

Xuân đến hoa hương nơi nơi đều nở rộ,

Núi sông đất rộng là Như Lai."

(Đại sự trong năm: Thành lập hòa ước Mã Quan, cắt Đài Loan cùng Liễu Đông Bán Đảo cho Nhật Bổn. Nga Anh Pháp khuyên Nhật Bổn trở lại Liêu Đông Bán Đảo)

Quang Tự năm thứ 22, 57 tuổi. (1896/97)

Mùa hạ, tôi đến chùa Kim Sơn tại Trấn Giang an cư kiết hạ. Lão hòa thượng Đại Định giữ tôi lại qua đông.

Quang Tự năm thứ 23, 58 tuổi. (1897/98)

Từ chùa Kim Sơn, tôi qua núi Lang Sơn lễ bái đạo tràng Bồ Tát Đại Thế Chí. Xong, liền trở lại chùa, gặp hòa thượng Đạo Minh mời tôi đến Dương Châu làm trợ lý cho chùa Trọng Ninh. Tháng tư, pháp sư Thông Trí giảng kinh Lăng Nghiêm tại Tiêu Sơn, thính chúng ngàn người. Ngài bảo tôi phụ giảng. Giảng kinh xong, từ biệt đại chúng xuống núi.

Tôi được sanh ra mà không gặp mẹ, chưa từng thấy dung mạo bà. Lúc còn ở nhà có thấy hình thờ. Mỗi lần nhớ đến thì tâm cang liền đau nhức. Xưa kia có nguyện rằng sẽ đến chùa A Dục Vương lễ xá lợi của Phật, rồi đốt ngón tay cúng Phật, cầu siêu độ mẹ hiền. Thế nên tôi đi Ninh Ba. Bấy giờ có pháp sư Huyễn Nhân

cùng hòa thượng Kỳ Thiền (tức thiền sư có tám ngón tay, hành hạnh đầu đà) đang trông coi chùa Thiên Đồng, hòa thượng Hải Ngạn đang tu chỉnh lại gia phả Dục Vương Sơn Chí, đều mời tôi phụ giúp. Nhưng vì nguyện mới đến đấy, nên tôi lễ phép từ chối.

Tôi lễ xá lợi từ sáng sớm canh ba đến chiều tối; trừ khi ở ngoài điện đường, không dùng bồ đoàn, tọa cụ. Mỗi ngày lễ ba ngàn lạy. Tối nọ, đang lúc ngồi thiền nhập định, như mộng mà không phải mộng, thấy trên không có một con rồng vàng, bay vào điện xá lợi trước hồ Thiên Trì, thân dài cả mấy mươi thước, sắc vàng chiếu sáng. Tôi leo lên lưng, rồng liền bay đến một nơi núi sông hùng vĩ, cây cỏ hoa trái xanh xanh u mịt, lâu các cung điện, trang nghiêm kỳ diệu. Thấy mẹ mình đang đứng trên lầu các xem cảnh, liền gọi: "Mẹ ơi! Thỉnh mẹ lên lưng rồng. Rồng sẽ đưa mẹ qua cõi Tây Phương."

Rồng lập tức bay xuống. Ngay lúc ấy liền giật mình tỉnh giấc. Thân tâm cảm giác thanh tịnh trong sáng, cảnh giới rõ ràng. Đây là lần thứ nhất mộng thấy mẹ mình. Từ đó, mỗi ngày nếu có người đến xem xá lợi, tôi đều tham gia. Cách nhìn xá lợi của mỗi người đều khác biệt nhau. Tôi được xem nhiều lần. Ban đầu thấy hạt xá lợi lớn như hạt đậu, màu tím đen. Giữa tháng mười, sau khi lễ lạy hai đại tạng kinh Nguyên Thủy và Đại Thừa xong, lại xem lần nữa, thấy hạt cũng lớn như lần đầu, nhưng biến thành hạt châu màu đỏ. Tôi lễ lạy thêm nữa. Vì gấp rút cầu chứng nghiệm nên toàn thân đều đau nhức. Xem lần nữa, thấy hạt lớn

hơn hạt đậu vàng, màu sắc nửa trắng nửa vàng. Đến lúc ấy, tin chắc rằng hạt xá lợi tùy theo căn tánh của mỗi người mà hiện. Lại gấp muốn cầu chứng nghiệm, gia tăng lễ bái. Đầu tháng mười một, chợt bị bịnh nặng, không thể lễ bái. Được đại chúng đưa đến ở tại hậu liêu Như Ý, nằm trên võng mà uống thuốc, không thể ngồi dậy. Bấy giờ, thầy thủ tọa Hiển Thân, thầy giám viện Tông Lượng, cô cư sĩ họ Lô, cùng chư vị khác tìm mọi phương thuốc để cứu trị cho tôi, nhưng chỉ phí tiền mệt sức, không thấy thuyên giảm chút nào. Đại chúng đều cho rằng duyên đời của tôi đến đây là hết. Tôi cũng nghĩ vậy, nhưng ngặt vì lời nguyện đốt ngón tay cúng Phật chưa thành, nên tâm sanh khổ não. Đến ngày mười sáu, có tám vị khách tăng vào lều thăm, nghĩ là bịnh tình của tôi không nặng cho lắm, nên định giúp tôi đốt ngón tay cúng Phật. Tôi nghe thế, biết rằng ngày may sẽ bắt đầu nên kiên trì thỉnh cầu tham gia, nhưng chư thủ tọa cùng các vị thầy khác không tán thành, sợ nguy hiểm đến tánh mạng. Tự dưng nước mắt tôi cứ tuôn trào như suối mà thưa: "Có ai tránh khỏi chết sống đâu. Vì muốn báo đáp ân mẹ hiền nên phát nguyện đốt ngón tay cúng Phật. Không thể vì bịnh mà ngưng. Nếu không, sống có ích lợi chi? Tôi sẵn sàng đón nhận cái chết!"

Giám viện Tông Lượng (lúc ấy chỉ mới hai mươi mốt tuổi) nghe thế cũng rơi lệ, nói: "Ngài chớ lo phiền. Tôi sẽ hộ trợ Ngài thành tựu nguyện lực. Ngày mai tôi sẽ lo tế trai và chuẩn bị mọi việc để giúp Ngài."

Tôi chấp tay cảm tạ.

Sáng ngày mười bảy, giám viện Tông Lượng mời sư đệ của thầy là Tông Tín hộ giúp tôi đốt ngón tay. Nhiều người luân phiên lên chánh điện phụ giúp lễ Phật. Sau khi tụng qua các nghi lễ, đến lúc đại chúng niệm văn sám hối, tôi nhất tâm niệm Phật, siêu độ mẹ hiền. Lúc đầu cảm giác toàn thân rất đau nhức. Kế đến, tâm từ từ thanh tịnh lắng trong; cuối cùng tri giác trong sáng. Vừa niệm đến câu Pháp giới tạng thân A Di Đà Phật, thì toàn thân tám mươi ngàn sợi lông đều dựng đứng. Sau khi đốt ngón tay xong, tôi tự đứng dậy lễ Phật, không nhờ người đỡ, lúc bấy giờ không biết thân mình đang mang bịnh, tự đi đến lễ tạ đại chúng. Trở về hậu liêu, cảm thán việc hy hữu này. Hôm đó dời ra khỏi hậu liêu Như Ý. Hôm sau, ngâm ngón tay bị thương vào nước muối cả ngày, không còn bị chảy máu nữa. Vài ngày kế, da thịt liền lại, từ từ lễ bái như thường.

Tôi trú tại chùa A Dục Vương qua năm mới.

(Phụ chú: Tên chùa, xưa là Quảng Lợi, sau lại đổi ra A Dục Vương, phía nam huyện Ninh Ba làng Nam Hương. Xưa, sau khi Phật diệt độ khoảng hai trăm năm, có vua A Dục trị vì tại trung Thiên Trúc, Ấn Độ, phân xá lợi của Phật ra làm tám mươi bốn ngàn viên, để thờ trong bảo tháp. Sai khiến quỷ thần đem chôn nhiều chỗ. Về phía đông Ấn Độ, tức nước Trung Hoa, có mười chín chỗ, lần lần xuất hiện, như núi Ngũ Đài và chùa A Dục Vương. Trong núi Ngũ Đài, có tháp xá lợi rất lớn nhưng khó mà thấy

được. Đời vua Tấn Võ Đế niên hiệu Thái Khang năm thứ ba (282-3 AD), khi thiền sư Huệ Đạt lễ bái thỉnh cầu xá lợi Phật, thì từ dưới đất, xá lợi Phật liền vọt lên. Sau đó, một ngôi chùa được kiến lập lấy tên là A Dục Vương, còn xá lợi thì được để trong tháp đá. Cửa tháp thường đóng, nếu muốn ngắm xem xá lợi thì đầu tiên phải cho vị tháp chủ biết. Vào chánh điện lễ Phật xong, ra ngoài điện quì trên thềm đá; người muốn ngắm xem thì phải y theo thứ tự mà quì. Tháp chủ thỉnh tháp xá lợi ra. Tháp cao một thước bốn tấc, rộng khoảng trên một thước. Ở giữa tháp có treo một chuông thật tâm trong đó có một cây kim. Xá lợi đặt kế cây kim đó. Người ngắm xem, thấy hạt xá lợi lớn nhỏ, nhiều ít không đồng. Bình thường thì thấy một hạt hoặc ba hạt, màu xanh vàng đỏ trắng. Nếu thấy hoa sen cùng tượng Phật đó là người có duyên thù thắng với đạo. Đời nhà Minh, niên hiệu Vạn Lịch có giám quan sử bộ là Lục Quang Tổ cùng thân hữu đến xem. Mới đầu thấy như hạt đậu nhỏ, kế đến thấy như hạt đậu lớn, kế thấy như trái chà là, quả dưa hấu, rồi lại như bánh xe lớn, quang minh chiếu sáng, khiến thân tâm thanh tịnh trong sáng. Lúc bấy giờ điện xá lợi bị hư hại, Lục Quang Tổ phát tâm sửa chữa, trang nghiêm cho đến ngày nay. Đấng Như Lai vì lòng đại bi nên lưu lại pháp thân chân thể, để chúng sanh đời vị lai sinh tâm chánh tín.)

(Đại sụ trong năm: Đức thuê vịnh Giao Châu. Vua Triều Tiên xưng Hoàng Đế Đại Hán)

Quang Tự năm thứ 24, 59 tuổi. (1898/99)

Đầu năm, vẫn trú tại chùa A Dục Vương. Nhân chùa Thất Tháp ở Ninh Ba có đúc một đại hồng chung, hòa thượng Quy Y, hòa thượng Bổn Lai thỉnh pháp sư Mặc Am giảng kinh Pháp Hoa. Chư hòa thượng đến chùa A Dục Vương thỉnh tôi phụ giảng. Thế nên, tôi tới chùa Thất Tháp. Giảng kinh xong, đến núi Đồng Quan, Nghi Hưng kết am tranh ở qua năm mới.

Quang Tự năm thứ 25, 60 tuổi. (1899/00)

Hòa thượng Kết Sâm và Bảo Lâm mời tôi qua Đan Dương trùng tu lại chùa Tiên Thai. Tôi an cư kiết hạ tại đây. Tháng bảy, đến Câu Dong, Giang Tô; hòa thượng Pháp Nhẫn tại Xích Sơn cho phép tôi ở lại am tranh với Ngài.

(Đại sự trong năm: Anh thuê Cửu Long Bán Đảo. Pháp thuê vịnh Quảng Châu)

Quang Tự năm thứ 26, 61 tuổi. (1900/01)

Tôi ở tại hai tỉnh Giang Tô và Triết Giang đã hơn mười năm, lại muốn đi du hành. Mục đích kỳ này là định trở lại lễ bái núi Ngũ Đài, sau đó vào núi Chung Nam ẩn tu. Thế nên, tôi rời Xích Sơn. Đầu tiên đến Trấn Giang Dương Châu, lễ núi Vân Đài. Vào Sơn Đông, đến lễ núi Thái Sơn. Lại thẳng về đông đến Lao Sơn, tới hang Na La Diên, tức chùa Hải Ẩn của thiền sư Hám Sơn. Trở lại Khúc Phụ, lễ lăng miếu Khổng Tử. Hôm nọ, trên đường đi về hướng tây, ngủ tại một miếu hư, trống không, chỉ có một quan

tài, nắp hòm xoay ngược, tưởng không có người, liền leo lên ngủ. Giữa đêm, nghe trong hòm có tiếng kêu: "Tôi muốn đi ra!"

Hỏi: "Ông là người hay là ma?"

Đáp: "Là người."

Hởi: "Ông là người gì?"

Đáp: "Là ăn xin."

Tôi cười thầm, ngồi dậy, cho gã đi ra. Hình dạng gã xấu xí như ma, hỏi tôi là ai.

Đáp: "Là hòa thượng."

Gã nổi xung, bảo rằng tôi leo lên đầu gã mà nằm, nên định đánh. Tôi bảo rằng nằm trên nóc hòm mà không động đậy gì được, hà huống muốn đánh. Gã thấy khí lực yếu, nên bỏ đi, ra ngoài tiểu tiện, rồi lại trèo vào hòm nằm tiếp. Trời vừa hừng sáng, tôi rời chỗ ấy.

Bấy giờ, quân Nghĩa Hòa Đoàn tại các huyện thuộc tỉnh Sơn Đông đang khởi loạn. Ngày nọ, trên đường, gặp một gã lính lê dương, lấy súng chỉ thẳng vào người tôi rồi hỏi: "Có sợ chết không?"

Đáp: "Nếu phải chết trên tay ông, thì cứ bắn đi!"

Gã lính thấy thần sắc của tôi không đổi nên nói: "Tốt lắm, ông đi đi."

Tôi vội đi Ngũ Đài. Hành hương xong, muốn qua núi Chung Nam. Vì đao binh ngày càng loạn lạc, tôi lại trở về Bắc Kinh, qua chùa Tây Thành, lễ kinh Thạch Tạng. Tại núi Đàm Tạng, gặp một vị du tăng kỳ dị. Sau đó, đến chùa Giới Đài lễ tháp thiền sư Phi Bát. Nơi núi Hồng Loa tham gia đạo tràng niệm Phật. Qua chùa Đại Chung xem chuông đồng được Dao Quảng Hiếu đúc. Chuông nặng 87.000 cân, cao mười lăm thước, rộng mười bốn thước, trên đỉnh cao bảy thước; bên ngoài khắc một bản kinh Hoa Nghiêm; bên trong khắc một bản kinh Pháp Hoa; kinh Kim Cang được khắc nơi vòng biên của chuông; trên đỉnh có khắc chú Lăng Nghiêm. Chuông này do vua Vĩnh Lạc đời nhà Minh đúc cúng dường để cầu nguyện cho mẹ ông siêu sanh.

Tôi trở lại phía nam của thành, trú tại chùa Long Tuyền.

Tháng năm, loạn quân Nghĩa Hòa Đoàn ngày một tăng, lấy lời hiệu triệu "Phù Thanh Diệt Dương", giết thư ký của sứ quán Nhật cùng công sứ của nước Đức, do Hoàng Thái Hậu âm mưu. Đến ngày mười bảy tháng bảy, Hoàng Đế hạ chiếu cùng liên quân các nước tuyên chiến. Đại loạn trong thành Bắc Kinh. Lúc ấy, các vương công đại quan, những vị đã từng trú ngụ tại chùa Long Tuyền, đều khuyên tôi nên cùng họ hộ giá đi về miền tây. Trong cơn binh hoang ngựa loạn, không còn sự oai nghi lẫm lẫm của một vị Thiên Tử như lúc bình thường. Ngày đêm ruỗi chạy, gian khổ muôn vàn. Tới huyện Phụ Bình, đoàn hộ giá nghe tin tướng Cam Phiên, Sầm Xuân Tuyên dẫn quân đến hộ giá vượt Vạn Lý

Trường Thành. Hoàng Đế cùng Thái Hậu rất vui mừng. Đoàn hộ giá vào huyện Nhạn Môn thuộc tỉnh Sơn Tây. Nơi đây có chùa Vân Môn, do một vị lão tăng, trên một trăm hai mươi bốn tuổi, trụ trì. Hoàng Đế ban lụa vàng cho vị lão tăng và sai người sửa chữa phòng ốc trong chùa. Đoàn hộ giá lại đi về hướng tây, đến Bình Dương, vùng đất biên địa hoang vu. Nhân dân trong vùng dâng khoai rừng cho Hoàng Đế. Vì đang đói khát nên Hoàng Đế và Thái Hậu ăn rất ngon lành. Đến Tây An, Hoàng Đế trú tại dinh phủ. Nơi đó, dân chúng hiện đang đói rách khổ sở, có người dám ăn cả thây chết. Hoàng Đế liền ra lệnh cấm việc này và dựng tám lều vải nơi phía tây của thành để phân phát thức ăn cho dân nghèo. Tại các thôn xóm lân cận, cũng chẩn tế cứu giúp dân nghèo như thế. Tướng Sầm Xuân Tuyên thỉnh tôi đến chùa Ngọa Long lập đàn tràng cho pháp hội tiêu tai giải nạn. Làm Phật sự xong, lão hòa thượng Đông Hà mời tôi trú tại chùa Ngọa Long. Thấy đoàn hộ giá ngày càng có nhiều việc phiền rộn, nên tôi lặng lẽ bỏ đi.

Tháng mười, tôi lên núi Chung Nam kết am tu hành. Đằng sau ngọn Gia Ngũ Đài tôi tìm được động Sư Tử. Vùng này yên tĩnh, không bị bên ngoài làm phiền muộn. Nơi đây, tôi đổi tên lấy hiệu là Hư Vân mãi về sau.

Núi thiếu nước nên tôi nấu tuyết ra để uống, trồng vài loại rau dại để dùng. Lúc bấy giờ, trên núi có thầy Bổn Xương trú tại núi Phá Thạch, thầy Diệu Liên trú tại miếu Quan Đế, thầy Đạo Minh trú tại động Ngũ Hoa, thầy Diệu Viên trú trong một am tranh cũ, thầy

Thanh Sơn trú tại sau núi. Thầy Thanh Sơn là người Hồ Nam, được tăng chúng trên núi tôn kính hơn hết. Tôi thường qua lại với thầy vì ở gần bên cạnh.

Tháng tám, ba thầy, Phục Thành, Nguyệt Hà, Liễu Trần đến am, gặp tôi liền nói: "Bao năm tháng không biết tin tức, ai ngờ được Thầy đang ngủ ở đây!"

Tôi đáp: "Hãy gác chuyện nầy lại, vậy chứ miền dưới hiện nay như thế nào?"

Sau đó chúng tôi đảnh lễ lẫn nhau, rồi cùng ăn khoai rừng. Xong, tôi dẫn các thầy đến núi Phá Thạch. Lão pháp sư Nguyệt Hà nói: "Lão nhân Pháp Nhẫn núi Xích Sơn rất ưu phiền vì hoàn cảnh xung quanh. Hiện tại, Ngài đang giảng kinh Pháp Hoa tại chùa Qui Nguyên, Hán Dương; vì muốn ra đất bắc, mới nhờ tôi đi trước, tìm chỗ."

Thầy Nguyệt Hà lại mời tôi cùng đi tìm đất. Vì đang tu tập thiền định nên tôi khước từ lời mời. Vừa nhập một thiền thất xong thì các thầy Hóa Thành, Dẫn Nguyệt, Phục Giới v.v... tìm được đất tại núi Thúy Vi trở về. Thầy Nguyệt Hà hỏi tôi xem có ý kiến chi. Tôi đáp: "Đất ấy, bắc hướng Bạch Hổ, Thái Bạch, phía sau lại không có núi để tựa. Vậy, không phải là đất lành."

Các thầy không nghe lời bàn của tôi nên sau này phải chiêu lấy hậu quả.

Đông đến, lão nhân Thanh Sơn nhờ tôi đi Trường An mua đồ. Mua xong, trên đường trở về núi gặp lúc tuyết rơi dữ dội. Vừa trèo lên núi để về am tranh thì tôi bị trợt chân xuống vũng tuyết sâu dưới chân núi. Tôi kêu cầu cứu. Thượng nhân Nhất Toàn ở bên cạnh am đến cứu. Y phục trong ngoài đều bị ướt. Trời cũng vừa chập tối. Biết hôm sau tuyết sẽ rơi đầy khắp nơi, lấp mất đường lộ, nên tôi dò dẫn lối đi trong tuyết lạnh, để trở về am tranh, rồi đến chỗ thầy Thanh Sơn. Thấy hình dáng xốc xếch, thầy cười và bảo rằng tôi chẳng làm nên tích sự gì. Tôi chỉ gật đầu rồi trở về am mình trú qua năm.

Quang Tự năm thứ 27, 62 tuổi. (1901/02)

Tôi vẫn ở tại am tu thiền trong mùa xuân và hạ. Lão nhân Pháp Nhẫn từ Xích Sơn đến đất Thiểm Tây, kết am tại núi Thúy Vi, cùng với hơn sáu mươi vị. Phân nửa trú tại chùa Hoàng Dụ. Phân nửa trú tại am tranh mới cất và chùa Hưng Thiện. Khi đó, tướng họ Tô đang khai khẩn đất hoang ở miền bắc. Ông lấy ấp Bá Than, rộng khoảng một trăm mẫu cấp cho tăng chúng núi Thúy Vi, trồng trọt sinh sống tu hành. Người địa phương không chấp thuận. Họ bảo nơi đó là đất tổ tiên trú ngụ bao đời, không thể cắt ruộng xẻ đất cho ai. Chư tăng không khứng chịu. Thế nên, việc này phải đem ra tòa xử lý. Chư tăng thua kiện. Lão pháp sư Pháp Nhẫn rất bực tức, nên năm sau trở về Nam, và đem tất cả pháp khí, vật dụng trả lại cho thầy Thể An, Nguyệt Hà. Bốn chúng sau đó phân tán. Mỗi lần nhớ đến chuyện rắc rối này, nhận thấy là

chớ cậy chút uy quyền mà kết cuộc phải mang lấy tai họa. Từ đó, chư tăng từ miền nam lên đất bắc đều bị ít nhiều tai tiếng. Vì thế, không thể coi thường hình thể núi sông mà cho là không quan hệ đến việc tu hành.

Gần cuối năm, núi non đều đóng tuyết, hang sâu khí lạnh buốt xương. Một mình tôi đơn độc tu trì trong am tranh, thân tâm thanh tịnh. Ngày nọ, sau khi bỏ khoai vào nồi, tôi ngồi xếp bằng đợi khoai chín, tự nhiên nhập định.

Quang Tự, năm thứ 28, 63 tuổi. (1902/03)

Qua năm mới, tôi nhập định không biết ngày giờ. Trên núi, gần am có các thầy như Phục Thành v.v..., lấy làm lạ vì sao đã lâu mà tôi chưa tới, nên đến am chúc mừng năm mới cùng tặng quà cáp. Họ thấy ngoài am đầy dấu chân hổ, mà chẳng thấy dấu chân người. Họ đi vào, nhìn kỹ, thấy tôi đang nhập định, liền đánh khánh khiến xả định.

Các thầy hỏi: "Thầy đã ăn cơm chưa?"

Tôi đáp: "Thưa chưa! Khoai vẫn còn trong nồi, chắc đã chín rồi."

Mở nắp nồi ra, thấy mốc đầy cả tấc, nước đóng cứng như đá. Thầy Phục Thành chúc mừng nói: "Nhất định là thầy đã nhập định hơn nữa tháng rồi!"

Sau đó, họ cùng tôi đun tuyết, nấu khoai. Ăn khoai xong họ liền từ giã. Vài ngày kế, sau khi thầy Phục Thành rời am, chư tăng kẻ tục xa gần đến thăm. Chán việc khách chủ đối đáp, tôi lặng lẽ mang hành lý bỏ đi trong đêm tối, hướng về muôn dặm nơi không có một tấc cỏ. Đầu tiên, tôi đến núi Thái Bạch, ẩn cư trong hang sâu núi thẩm. Chẳng bao lâu, thầy Giới Trần theo vết chân tôi mà tìm đến. Thầy muốn cùng tôi đi xa, mục tiêu là núi Nga Mi. Chúng tôi vượt khẩu Bảo ấp, đến núi Tử Bá, qua Diệu Đài Tử, đến miếu Trương Lương, tới huyện Chiêu Hóa, xem cây bách Trương Phi, đến Thành Đô, tạm dừng chân tại một ngôi chùa nhỏ. Sau đó, chúng tôi từ Gia Định đi thẳng đến núi Nga Mi, leo lên Kim Đảnh, ngắm xem ánh sáng chư Phật. Những ánh sáng này cùng với Phật quang tại núi Kê Túc không khác. Tối lại ngắm xem muôn chùm ánh sáng bay lên bay xuống trên đảnh núi. Những chùm ánh sáng này cũng giống như bao chùm ánh sáng và đèn trí huệ tại núi Ngũ Đài. Chúng tôi đến điện Tích Ngõa lễ lão hòa thượng Chân Ứng, tuổi ngoài bảy mươi, là vị lãnh tụ của toàn núi, cũng là bậc thiện tri thức trong tông môn. Ngài vui vẻ giữ chân chúng tôi lại vài ngày.

Xuống núi, chúng tôi đi quanh hồ Dật Tượng, đến chùa Đại Nga, mộ Trưởng Lão, điện Tỳ Lô, huyện Nga Mi, huyện Hạp Giang, rồi qua Ngân Thôn. Tới sông Lưu Sa, gặp lúc nước lớn, chúng tôi phải đợi đò từ sáng đến trưa. Sau khi mọi người đều lên đò, tôi bảo Giới Trần mang hành lý lên trước. Còn tôi, vừa định lên thì dây neo bị đứt, nhưng kịp bám được mạn đò bằng tay phải. Đò nhỏ

mà người đông, nếu nghiêng qua lắc lại chút ít thì cũng đủ bị lật. Thế nên, tôi không động đậy, thân chìm dưới nước, cố bám mạn đò. Chiều đến, đò vừa tấp vào bến thì người trên đò kéo tôi lên. Y phục cùng hai bàn chân đều bị đá lớn đá nhỏ cắt đứt. Trời lạnh mưa tuôn, chúng tôi đi đến ải Sái Kinh. Các quán trọ đều không cho tăng nhân trú ngụ. Chúng tôi lại đi ra ngoài, đến một ngôi chùa chỉ có một tăng trụ trì. Chúng tôi xin tạm trú qua đêm cả ba lần mà thầy kia chẳng cho, lại bảo ra ngoài trước cổng chùa tạm trú dưới bục thềm. Đất ướt, y ướt, nên chúng tôi lấy tiền nhờ thầy kia mua rơm khô để đốt sưởi. Thầy kéo đến hai bó rơm ướt, chẳng đốt được. Chúng tôi chỉ nhẫn nhục lãnh thọ, ngồi dưới đất ướt, kham chịu khí trời lạnh buốt qua đêm. Ngày kế, chúng tôi mua trái cây khô ăn lót lòng rồi tiếp tục tiến bước.

Chúng tôi qua núi Hỏa Nhiên, đến Kiến Xương, phủ Ninh Viễn, tới châu Hội Lý, vào biên giới tỉnh Vân Nam; ghé huyện Vĩnh Bắc, lễ thánh tích Bồ Tát Quán Ấm; vượt sông Kim Sa, thẳng đến núi Kê Túc, ngủ đêm dưới gốc cây, lại nghe trong cửa đá có tiếng chuông mõ vang lên. Ngày kế, lên Kim Đảnh dâng hương lễ bái các chùa. Nghiệm lại đạo tràng Phật Tổ hiện tại suy đồi hoang phế, quy củ của tăng chúng toàn trấn đọa lạc thậm tệ, tôi phát nguyện kết am ở lại núi để tiếp đãi khách hành hương lên núi lễ bái, nhưng con cháu trong các chùa chẳng cho phép. Tâm tư buồn bã, rơi lệ, tôi xuống núi, đến phủ Côn Minh, được cư sĩ hộ pháp Sầm Khoan Từ lưu giữ lại chùa Phúc Hưng. Tôi bế quan nhập thất. Giới Trần làm hộ pháp. Tôi ở trong thất qua năm.

Quang Tự năm thứ 29, 64 tuổi. (1903/04)

Trong khi nhập thất, một vị tăng từ chùa Ngưỡng Dương đến, nói rằng chùa có phóng sanh một con gà trống nặng vài cân. Gà nầy rất dữ tợn. Những con gà khác đều bị nó đá có thương tích. Tôi liền thuyết giới và dạy nó niệm Phật. Chẳng bao lâu, nó không còn cắn đá những con gà khác và ăn bọ trùng nữa. Một mình nó bay lên cây cao, chỉ ăn thực phẩm khi được cho. Lâu sau, những khi nghe tiếng chuông khánh thì nó liền đi theo sau đại chúng lên chánh điện tụng kinh. Khi được dạy niệm Phật, nói liền gáy tiếng như: "Phật, Phật, Phật..."

Hai năm sau, ngày nọ, khi làm lễ công phu chiều xong, nó ngưỡng cổ lên, xòe đôi cánh và vỗ ba lần giống như niệm Phật, rồi đứng thẳng mà chết. Trải qua vài ngày mà thân sắc của nó vẫn không biến đổi. Sau đó, chư tăng để nó vào một thùng kín và hỏa táng.

Quang Tự năm thứ 30, 65 tuổi. (1904/05)

Mùa xuân, chư hộ pháp cùng hòa thượng Khế Mẫn đến khẩn thỉnh tôi ra thất để đến chùa Quy Hóa giảng kinh Viên Giác và kinh Bốn Mươi Hai Chương. Người quy y Tam Bảo tại chùa hơn cả ba ngàn người. Mùa thu, thượng nhân Mộng Phật thỉnh tôi đến chùa Cung Trúc giảng kinh Thủ Lăng Nghiêm. Tại chùa, tôi hướng dẫn khắc bản gỗ kinh Thủ Lăng Nghiêm cùng các bài thi kệ của đại sư Hàn Sơn. Những bản gỗ khắc nầy được tồn trử tại chùa. Tôi cũng được

cung thỉnh truyền giới. Phật sự xong, đề đốc Trương Tùng Lâm, tướng Lý Phúc Hưng cùng quan thân sĩ thứ cung thỉnh tôi đến phủ Đại Lý giảng kinh Pháp Hoa tại chùa Sùng Thánh, Tam Tháp. Người quy y Tam Bảo cả vài ngàn người. Đề đốc Lý Phúc Hưng muốn giữ tôi lại. Tôi đáp: "Tôi không thích trú tại thành phố. Xưa kia, muốn kết am tại núi Kê Túc nhưng con cháu các chùa trên núi không cho. Nay chư vị là hộ pháp, vậy hãy cho tôi một khoảnh đất; nguyện cất am tiếp chúng, cùng cứu vãn tăng chúng toàn trấn, khôi phục đạo tràng của tổ Ca Diếp. Đó là sở nguyện của lão tăng này vậy."

Chư vị hộ pháp đều trả lời là được. Họ lại bảo quan Tri Huyện huyện Tân Châu trợ giúp. Trên núi, tôi tìm được một am thất hư tàn, tên là Bồn Vu, để tạm trú. Trong am không có phòng xá, không lương thực, nhưng tôi vẫn tiếp lễ bốn chúng từ mười phương đến.

Am Bồn Vu được lập từ đời Gia Khánh, nhà Thanh (1796-1820), vốn không có tăng trụ trì vì bên ngoài cửa chùa có một tảng đá, Bạch Hổ. Tôi muốn xây hồ phóng sanh nơi đây, nên thuê người dời tảng đá đó. Đào đất chung quanh tảng đá, nhưng không thấy chân đá. Tảng đá cao chín thước bốn tấc, rộng bảy thước sáu tấc. Đỉnh đá bằng phẳng, có thể ngồi thiền trên đó. Thuê hơn một trăm công nhân để dời tảng đá đó ra xa hai trăm tám mươi thước. Công nhân gắng sức cả ba ngày mà tảng đá vẫn không động đậy. Sau khi tất cả công nhân bó tay bỏ về, tôi tụng đọc kinh chú, cầu

nguyện chư thần hộ pháp Già Lam Thánh chúng gia hộ, rồi hướng dẫn hơn mười vị tăng, di chuyển được tảng đá đó qua bên phải cửa chùa. Người đến xem phải kinh ngạc, biết là nhờ thần lực của chư thần hộ pháp gia hộ. Nhân việc lành này, có người đề khắc lên tảng đá: "Vân Di Thạch", tức là tảng đá được di chuyển bởi lão tăng Hư Vân. Quan thân sĩ thứ cũng đề thơ lên tảng đá đó rất nhiều.

Vì muốn trùng tu mái chùa để tiếp hầu tăng tục mười phương, nên tôi phải gấp rút đi quyên góp tịnh tài. Tôi giữ thầy Giới Trần ở lại làm Lương Lý nội vụ, rồi một mình đi thẳng qua Đằng Xung. Từ Hạ Quan đến Vĩnh Xương, qua Hòa Mộc. Cả hơn trăm dặm, đường xá thật rất khó đi. Quan dân xưa nay chưa từng sửa chữa. Tôi nghe người dân địa phương nói: "Có một vị tăng ở tỉnh ngoài đến, tự phát tâm khổ hạnh sửa sang đường xá. Không đi quyên góp, chỉ nhận thức ăn cúng dường của khách qua đường. Như thế đã bao thập niên rồi mà chưa từng thối chuyển. Đường lộ đã được Ngài sửa chữa khoảng chín mươi phần trăm. Người Bố Phiêu nơi đây cảm kích ân đức, muốn sửa lại chùa Khổng Tước Minh Vương lại cho Ngài ở, nhưng Ngài từ chối và cứ tiếp tục sửa đường."

Tôi nghe điều kỳ lạ này, liền đi thẳng đến tìm Ngài. Hoàng hôn vừa xuống, tôi gặp Ngài trên đường, đang mang cuốc xẻng và giỏ rơm, chuẩn bị trở về. Tôi đến trước mặt định hỏi, nhưng Ngài trương mắt nhìn thẳng mà không đáp lời. Tôi cũng không để ý, chỉ cùng theo Ngài đi thẳng về chùa. Ngài bỏ dụng cụ xuống

xong, liền đến ngồi trên tấm bồ đoàn mà tọa thiền. Tôi cúi mình đảnh lễ. Ngài chẳng thèm nhìn hay nói năng gì. Tôi cũng ngồi thiền đối diện trước mặt Ngài. Sáng hôm sau, Ngài nấu cơm, tôi thổi lửa. Khi cơm chín, Ngài chẳng thèm kêu mời. Tôi cũng vẫn lấy chén xúc cơm ăn. Ắn xong, Ngài cầm cuốc, tôi mang giỏ, cùng nhau ra đường liệng đá đào đất, trải cát. Cùng làm và nghỉ ngơi như thế cả hơn mười ngày mà chưa từng nói năng một lời nào. Tối nọ, trăng sáng như ban ngày, tôi ngồi thiền trên một tảng đá ngoài sân chùa cho đến khuya. Ngài từ trong chùa bước đến sau lưng tôi mà hô tiếng lớn: "Thầy đang làm gì đây?"

Tôi từ từ mở mắt ra và trả lời: "Thưa, tôi đang ngắm trăng."

Ngài hỏi: "Trăng ở đâu?"

Tôi đáp: "Vừng trăng sáng tuyệt đẹp."

Ngài đáp lại:

"Giữa bao giả huyễn, khó biết chân thật

Chớ nhận cầu vòng làm ánh sáng."

Tôi đáp:

"Xưa nay ánh sáng bao trùm muôn vật

Chẳng bị âm dương tuyệt cách ngăn."

Ngài cười to và nói: "Thôi, trời đã khuya rồi. Chúng ta hãy vào trong nghỉ ngơi."

Hôm sau, Ngài vui mừng bắt đầu tiếp chuyện, cho biết là người Hồ Hương Phiêu tỉnh Hồ Nam, tên là Thiền Tu, xuất gia từ thuở nhỏ. Năm hai mươi bốn tuổi, tại thiền đường chùa Kim Sơn Ngài đã mang tâm về nơi an trú (tâm không còn vọng động). Sau đó, Ngài đi lễ bái các núi trong nước, cho đến cả Tây Tạng, Miến Điện. Từ Miến Điện trở về nước, trên lộ trình thấy đường xá ở đây ghập ghềnh khúc khỉu, người ngựa đi đứng khó khăn, khởi tâm thương xót. Lại nhân cảm đức hạnh xưa của Bồ Tát Trì Địa, nên Ngài phát nguyện một mình ở lại đây để sửa sang đường xá, đã qua bao thập niên. Hiện thời, tuổi ngoài tám mươi ba, chưa từng có tri kỷ, nay được gặp người hữu duyên, thật là vui vẻ.

Tôi cũng thuật lại nhân duyên xuất gia của mình. Ngày kế, sau khi ăn sáng xong, chúng tôi trò chuyện rất vui vẻ, rồi lại chia tay. Tôi đi Đằng Xung để quyên góp tịnh tài. Vừa ghé ngang hội quán Hồ Nam, chưa kịp đặt hành lý xuống để nghỉ ngơi, bỗng đâu có một nhóm người trẻ tuổi đang mặc áo tang đi đến trước tôi, dập đầu lễ bái và thưa: "Chúng con xin cung thỉnh Hòa Thượng đến nhà để tụng kinh!"

Tôi đáp: "Tôi không phải là ông thầy tụng kinh đám!"

Họ thưa: "Xin Hòa Thượng vì chúng con mà tụng kinh."

Tôi đáp: "Chẳng lẽ, chư vị không biết có thầy nào trong vùng này thường đi tụng kinh đám sao?"

Người chủ hội quán liền thay mặt họ mà trần thuật sự việc như sau: "Xin thỉnh Đại Sư đi tụng kinh cho nhà họ, vì việc này xảy ra rất lạ lùng, hiếm có. Những người này là con cháu của quan Thái Sử họ Ngô. Lúc Thái Sử còn sống, ông tu trì rất cẩn mật, được người địa phương xưng là vị Thiện Nhân. Lão thái bá họ Ngô, tuổi thọ hơn tám mươi, con cháu được vài mươi người, mà trong đó có vài vị là bậc khoa bảng, tiến sĩ. Trước ngày mất, Thái Sử họ Ngô tự nói mình là tăng nhân, nên trong di chúc có nói là phải được tẩm liệm với y phục của người xuất gia, không cho gia quyến khóc lóc, giết hại loài vật, hay mời thầy cúng đến tụng kinh, và bảo rằng mai đây sẽ có một vị cao tăng đến tụng kinh siêu độ cho ông. Sau đó, ông ngồi xếp bằng mà mất. Qua vài ngày, nét mặt vẫn còn tươi tỉnh như lúc còn sống. Nay Đại Sư đến, có phải đây là duyên pháp chăng?"

Nghe xong, tôi nhận lời đến nhà họ tụng kinh siêu độ cùng phóng sanh, bố thí, trong bảy ngày. Các quan dân sĩ thứ trong xã ấp đều vui mừng hoan hỉ. Người thọ giới quy y hơn cả ngàn người. Quan thân sĩ thứ muốn giữ tôi ở lại Đằng Xung. Tôi đáp: "Tôi muốn tu sửa lại núi Kê Túc mới đến đây hóa duyên, nên không thể ở lại được."

Nghe thế, mọi người đều vui vẻ đóng góp cúng dường rất thâm hậu. Tôi mang số tiền này trở về núi Kê Túc, xây dựng phòng xá,

thiền đường, giảng đường, cùng chấn chỉnh luật nghi, lập ra quy củ, ban truyền giới pháp. Năm ấy, bốn chúng đến cầu thọ giới hơn bảy trăm vị. Những chùa chiền trên núi cũng thay đổi theo quy củ từ từ. Họ mặc tăng y, cạo râu tóc, ăn chay trở lại.

(Đại sự trong năm: Nhật-Nga tuyên chiến. Trung Quốc tuyên bố trung lập.)

Quang Tự năm 31, 66 tuổi. (1905/06)

Mùa xuân, lão hòa thượng Bảo Lâm tại chùa Thạch Chung thỉnh tôi đến chùa truyền giới. Cầu giới có hơn tám trăm người. Phật sự xong, tôi qua Nam Dương hoằng pháp. Giới Trần bế quan nhập thất tại am Bồn Vu. Khi đến chùa Thái Bình tại Nam Điện, tỉnh Vân Nam, tôi giảng kinh A Di Đà. Giảng xong, vài trăm người thọ giới quy y. Sau đó, theo những vách núi cheo leo, Thiên Nhai, tôi vượt qua núi Dã Nhân, đến Tân Nhai, Ngõa Thành. Vì vùng núi Dã Nhân là nơi thâm sơn chướng độc, nên tôi bị cảm bệnh rất nặng. Tôi trú trong những chòi lá ven đường. Thân thể ngày đêm nóng rực. Tuy bịnh nặng, tôi vẫn cố gượng đi đến chùa Quán Ấm tại Liễu Động. Trong chùa có một thầy người Hoa, tên là Định Như. Tôi lễ bái, nhưng thầy chẳng thèm nhìn. Tôi lên chánh điện tọa thiền. Đến tối, trên chánh điện, lúc thầy đánh khánh, tôi giúp đánh chuông trống. Sau khi đọc văn sám hối, thầy xướng: "Giết, giết, giết", rồi lạy ba lạy. Hôm sau, lên chánh điện, tụng kinh xong, thầy cũng xướng lên chữ giết và lạy ba lần như trước. Tôi lấy làm lạ nên cố nán lại để quan sát thêm. Thức ăn của thầy vào

buổi sáng trưa chiều tối đều có hành tỏi. Tôi không ăn, cũng không nói lời nào, chỉ uống nước. Thầy biết lý do vì sao tôi không ăn cơm nên bảo người trong chùa nấu thức ăn nhưng không bỏ hành tỏi. Khi ấy, tôi mới ăn được. Đến ngày thứ bảy, thầy mời tôi uống trà. Tôi liền hỏi việc thầy xướng lên ba câu giết rồi lạy ba lạy là nghĩa gì. Thầy đáp: "Giết những con quỷ da trắng! Quê quán tôi tại Bảo Khánh, tỉnh Hồ Nam. Cha là quan võ tại thị trấn đó, nhưng đã qua đời. Vì vậy, tôi đi tu, thọ pháp tại núi Phổ Đà, theo hòa thượng Trúc Thiền học đạo. Hơn mười năm trước, lúc từ Hồng Kông trở về Tinh Châu, tôi bị người da trắng ngược đãi trên tàu, không thể nhẫn nhịn được, thực hận đến chết chẳng nguôi. Nay, tôi vẽ tranh nơi đây, có rất nhiều người thích đến mua, nên sinh sống không sợ thiếu thốn. Cả hơn mười năm, tăng nhân đi ngang qua đây, thường làm bộ làm dạng, tánh khí kỳ quái, không ai được như Ngài, viên dung vô ngại, nên nay mới nói ra những lời thành thật."

Tôi khuyên thầy ấy rằng nên xem oán thân đều bình đẳng, nhưng uất khí của thầy vẫn chưa tiêu nổi.

Bịnh của tôi từ từ giảm bớt nên liền cáo từ, nhưng thầy cố giữ tôi ở lại. Tôi kể lại việc đi quyên tịnh tài để xây chùa. Thầy liền cúng dường tiền lộ phí, lương thực, mua vé xe lửa cùng đánh điện tín qua Ngưỡng Quang, báo tin cho cư sĩ Cao Vạn Bang biết trước để ông ta ra ga xe lửa đón tôi. Sau đó, tôi ân cần cáo biệt. Tôi đến Ngưỡng Quang; toàn gia đình họ Cao cùng Tánh Nguyên, giám

viện chùa Long Tuyền ra đón tiếp. Tôi ở lại nhà cư sĩ họ Cao, được tiếp đãi ân cần. Cư sĩ nói: "Lão hòa thượng Diệu Liên tuy biết Ngài tu khổ hạnh, nhưng những thập niên qua chưa từng nghe tin tức. Nay nghe Ngài đến, lão Hòa Thượng thật rất vui mừng. Vừa rồi có gởi thư đến bảo rằng lão Hòa Thượng sẽ về lại Đường Sơn để trùng tu chùa Qui Sơn tại Ninh Đức."

Vài ngày sau, tôi đi thăm tháp Đại Kim ở Ngưỡng Quang (Miến Điện). Tham quan các thánh cảnh xong, tôi liền cáo từ, vội trở về nước vì e sợ lão hòa thượng Diệu Liên đang đợi chờ. Cư sĩ họ Cao đưa tôi ra ga xe lửa và đánh điện tín về chùa Cực Lạc tại đảo Tân Lang để ra đón tôi.

Khi vừa đến bến, vì trên tàu có người chết do bịnh dịch hạch, nên một lá cờ màu vàng "Đả Hạn" được trương lên. Những người trên tàu đều bị khám nghiệm trên một vùng đồi núi rộng rãi. Hơn ngàn người ở tạm lại trên núi, nhưng không có lều vải chi hết. Ban ngày, bị mặt trời thiêu đốt cháy da. Ban đêm, mưa gió lạnh buốt. Khẩu phần thực phẩm của mỗi người trong một ngày chỉ có một nhúm gạo và hai củ cà rốt. Tất cả phải tự nấu ăn lấy. Bác sĩ đến khám bịnh hai lần một ngày. Đến ngày thứ bảy, khoảng phân nửa số người ở đó được rời núi. Ngày thứ mười, hầu hết mọi người đều rời đảo, duy chỉ còn một mình tôi. Khi ấy, tâm tôi thật khó kiên nhẫn, lại thêm thống khổ vì bịnh tình ngày một gia tăng. Từ từ, tôi không thể ăn gì được. Ngày mười tám, bác sĩ đến, bảo phải khiêng tôi qua một tịnh thất, nơi không ai ở. Tôi vui lên phần

nào. Có một ông lão giữ cửa, khi hỏi qua được biết ông là người Tuyền Châu. Ông lão than thở: "Căn phòng này chỉ dành cho những người bịnh sắp chết nằm. Sau khi chết, sẽ bị giải phẩu!"

Tôi nói rõ là muốn đến thăm chùa Cực Lạc. Ông lão cảm động, nói: "Tôi sẽ lấy thuốc cho Ngài uống."

Ông lão liền lấy một đơn thuốc cho tôi uống trong hai ngày. Bịnh tình thuyên giảm đôi chút. Ông lão lại nói: "Khi bác sĩ đến, tôi ở bên ngoài phòng, ho lên làm hiệu. Lúc ấy, Ngài nên ngồi dậy, phấn chấn tinh thần. Nếu bác sĩ cho thuốc thì chớ có uống."

Lát sau, quả nhiên bác sĩ đến, đưa thuốc bảo tôi phải uống. Vì không thể cưỡng lại được nên tôi đành phải uống. Bác sĩ vừa đi khỏi thì ông lão đến và hỏi rằng tôi có uống thuốc không. Tôi đáp là đã uống rồi. Ông lão kinh sợ và nói: "Thôi rồi! Ngài chắc khó sống. Ngày mai bác sĩ sẽ đến để mổ thân Ngài. Tôi sẽ cho Ngài uống thêm một đơn thuốc nữa. Chỉ cầu mong Phật Tổ cứu sống Ngài."

Hôm sau, ông lão đến thăm, thấy tôi đang ngồi dưới đất. Tuy mắt mở to nhưng tôi chẳng thấy gì. Ông lão đỡ tôi dậy, thấy máu chảy đầy mặt đất. Ông cho uống thêm một đơn thuốc, gấp rút giúp tôi thay quần áo, cùng lau chùi sàn nhà sạch sẽ, rồi lại than: "Nếu là người khác, sau khi uống thuốc của bác sĩ cho vào ngày hôm qua, chắc đã bị mổ trước khi trút hơi thở cuối cùng rồi. Số mạng Ngài chưa hết, chắc chắn là do chư Phật gia hộ. Lúc chín

giờ, bác sĩ sẽ đến nữa. Khi ấy, tôi sẽ ho lên để làm hiệu. Nghe tiếng ho, Ngài nên cố ngồi dậy, phấn chấn tinh thần."

Khi bác sĩ đến, thấy tôi vẫn còn sống. Ông chỉ ngón tay về hướng tôi rồi cười và bỏ đi. Khi hỏi tại sao bác sĩ lại cười, ông lão đáp là mạng sống tôi chưa dứt. Tôi bảo ông lão là cư sĩ họ Cao có cúng dường tôi một ít tiền. Vậy hãy giúp tôi lấy số tiền này mà tặng cho bác sĩ, để xin ông ta thả tôi ra. Sau đó, tôi liền lấy ra bốn mươi ngàn đồng nhờ đưa cho bác sĩ và hai mươi ngàn đồng để tặng riêng như một món quà để đáp đền những gì ông lão đã giúp đỡ. Ông lão nói: "Tôi không thể lấy tiền của Ngài được. Hôm nay, sẽ có bác sĩ người tây phương đến nên không thể thương lượng. Ngày mai, bác sĩ sẽ là người Cát Lãnh. Lúc đó mới có thể bàn chuyện được."

Chiều hôm đó, ông lão đến và bảo: "Tôi đã nói chuyện với bác sĩ người Cát Lãnh và đã đưa cho ông ta hai mươi ngàn đồng rồi. Ngày mai, Ngài sẽ được thả ra."

Nghe thế, tôi rất an tâm, liền cảm tạ ông lão. Ngày kế, bác sĩ đến, khám xong, liền sai người đem ghe ra đưa tôi vào đất liền. Ông lão đỡ tôi lên ghe. Lúc đến bờ thì họ mướn xe chở tôi đến chùa Quảng Phúc. Vì thấy hình dạng gầy gò quái dị, nên thầy tri khách để mặc tôi ngồi cả hai giờ. Tự dưng tâm tôi khởi niềm buồn vui lẫn lộn. Vui vì không chết dưới tay của người ngoại quốc. Buồn vì thầy tri khách không làm tròn bổn phận. Cuối cùng, một lão già bước ra. Đó là thầy thủ tọa Giác Không. Tôi tự xưng là Hư

Vân, rồi cúi đầu đảnh lễ. Lạy xuống rồi nhưng không đủ sức để đứng dậy, nên thầy thủ tọa liền đỡ tôi đứng dậy và nói: "Cư sĩ họ Cao đã đánh điện tín hơn hai mươi ngày mà không biết tin tức của thầy chi hết. Lão hòa thượng Diệu Liên cùng toàn thể đại chúng đều lo lắng cho thầy. Tại sao thân thể thầy ra nông nỗi này?"

Khi ấy, tất cả tăng chúng đều ra đến đầy cả điện đường. Trong phút chốc, tôi cảm giác nắng ấm mùa xuân tràn đầy khắp gian phòng. Lát sau, lão hòa thượng Diệu Liên bước vào và nói: "Ngày ngày trông mong tin tức. Sợ con gặp hiểm nạn. Thầy muốn trở về Phước Kiến để trùng tu lại chùa Qui Sơn, nhưng nghe con sắp đến đây nên mới nán ở lại."

Tôi đáp: "Đệ tử tội nặng. Cúi xin thầy từ bi tha lỗi!"

Sau đó, tôi lược thuật lại sự tình. Lão Hòa Thượng cùng đại chúng đều kinh ngạc và vui mừng, chấp tay niệm Phật, rồi đồng trở về chùa Cực Lạc. Lão Hòa Thượng lại bảo tôi hãy nên uống thuốc. Tôi thưa: "Con đã trở về nhà, vọng niệm đều dứt sạch, nghỉ ngơi vài ngày thì bịnh chắc sẽ khỏi."

Sau nầy, lão Hòa Thượng thấy tôi mỗi lần ngồi thiền suốt cả vài ngày nên răn dạy: "Khí hậu ở Nam Dương nóng nực, không như ở trong nước, ngồi thiền lâu e sợ hại đến thân."

Tuy nhiên, tôi không cảm thấy như thế. Lão Hòa Thượng lại bảo tiếp: "Con nên giảng kinh Pháp Hoa ở đây để kết duyên. Thầy phải trở về nước. Sau khi giảng kinh xong, chớ vội về Vân Nam, hãy đến núi Cổ Sơn, vì thầy còn một việc muốn nói với con."

Đưa lão Hòa Thượng lên tàu xong, tôi trở về chùa khai giảng kinh. Vài trăm người thọ giới quy y với tôi. Các vị hộ pháp tại Malacca thỉnh tôi đến đình Thanh Vân giảng kinh Dược Sư. Tôi qua Kuala Lumpur, được cư sĩ Diệp Phật Hữu, Vạn Vân Phàm v.v..., thỉnh đến chùa Linh Sơn giảng kinh Lăng Già. Tại các pháp hội giảng kinh, người thọ giới quy y có đến hơn mười ngàn người.

Mùa đông, toàn thể tăng chúng tỉnh Vân Nam đánh điện tín bảo là chính phủ hiện tại đang kê khai tài sản chùa chiền. Ngài Kỳ Thiền (tức thiền sư có tám ngón tay) cũng gởi điện tín qua, mời tôi quay về nước gấp để cùng nhau bàn tính chuyện giải quyết vấn đề. Vì cuối năm, nên tôi ở lại Kuala Lumpur qua năm mới.

Quang Tự năm thứ 32, 67 tuổi. (1906/07)

Mùa xuân, tôi trở về nước. Khi tàu ghé Đài Loan, tôi đến tham quan chùa Linh Tuyền. Đến Nhật Bổn, tôi viếng thăm các danh lam thắng cảnh, chùa tháp. Lúc ấy, chánh phủ Trung Hoa và Nhật Bổn có sự hiềm khích nên chư tăng người Nhật không được qua Trung Quốc, còn chư tăng người Hoa ở Nhật thì lại bị dòm ngó. Vì thế ước muốn liên hợp tín đồ Phật giáo Trung-Nhật của tôi bị trì hoãn.

Tháng ba, tôi trở về nước, cùng các đại biểu hội Phật giáo trong nước và đại sư Kỳ Thiền v.v..., đồng lên Bắc Kinh dâng thư thỉnh nguyện. Khi đến Bắc Kinh, chúng tôi trú tại chùa Hiền Lương. Ty tăng lục, thầy Pháp An chùa Long Tuyền, thầy Đạo Hưng, Giác Quang chùa Quán Ấm v.v..., đồng đến tiếp đón chúng tôi. Túc Thân Vương Thiện Kỳ thỉnh tôi thuyết giới pháp cho vợ ông. Các vương công đại quan, thân hữu quen biết tôi vào thời hộ giá chạy loạn cũng đến viếng thăm. Khi bàn cách thức dâng chiếu thỉnh nguyện thì chúng tôi được các vị hộ pháp trợ giúp rất nhiều. Thế nên, mọi việc đều thuận lợi. Sau khi dâng chiếu thỉnh nguyện xong, Hoàng Đế liền ra sắc dụ như sau:

"Quang Tự năm thứ ba mươi hai. Trong sự quyên góp, xưa đã ban dụ chỉ, không cho phép các vị quan to ỷ quyền thế, hà hiếp quấy nhiễu dân nghèo. Nhưng gần đây, nghe các vị Biện Lý ở các tỉnh, đang hà hiếp quấy nhiễu dân lành, thậm chí còn đi ra ngoài, đến các chùa chiền quyên góp nữa. Những việc như thế, không thể chấp nhận được. Nay ra chiếu chỉ cho các tỉnh phủ, phàm có các chùa viện lớn nhỏ cùng tất cả tài sản của tăng chúng đều phải do các quan địa phương bảo hộ, không được điêu ngoa đố kỵ chiếm lấy, tạo nên mầm mống nhiễu loạn. Chính quyền địa phương, không được thâu góp quyên tổn tài sản tăng chúng, phải giữ lễ đoan chánh. Khâm Thử."

Sau khi chiếu dụ ban ra, sự niêm phong tài sản tự viện ở các tỉnh liền chấm dứt.

Tại Bắc Kinh, tôi nói với các vị hộ pháp rằng bắt đầu từ triều Thanh, tỉnh Vân Nam chưa từng được ban Đại Tạng kinh. Nay, tôi muốn dâng chiếu thỉnh toàn bộ Đại Tạng Kinh, để cho vùng biên địa được thấm nhuần mưa pháp. Được sự bảo hộ của Túc Thân Vương, Thiện Kỳ, chiếu thỉnh nghị do đại quan tổng quản nội vụ dâng lên như sau:

"Theo lời của Ngài tăng lục, đại sư Pháp An, thì tỉnh Vân Nam, phủ Đại Lý, huyện Tân Châu, núi Kê Túc, am Bồn Vu, chùa Ngưỡng Dương, phương trượng trụ trì tăng nhân hiệu Hư Vân trình xưng rằng chùa vốn là đạo tràng thắng hội của tổ Ma Ha Ca Diếp, thuộc hàng danh lam thắng cảnh, và là ngôi phạm sát cổ xưa trong nước, nhưng lại thiếu Đại Tạng kinh. Nay, cầu thỉnh Đại Tạng kinh, hầu mong vĩnh viễn cung kính phụng thờ, sùng hưng Phật pháp.

Chiếu thỉnh cầu này do quan thượng thư chánh bộ Túc Thân Vương, đại sư Trừng Hải trụ trì chùa Bách Lâm, đại sư Đạo Hưng trụ trì chùa Long Hưng v.v..., cùng dâng biểu. Nếu như được chấp thuận, xin quan nha môn truyền bảo ty tăng lục lo việc ban chuyển Đại Tạng kinh, phụng theo thỉnh dụ trên đây. Thỉnh chỉ."

Ngày sáu tháng sáu, Quang Tự năm thứ ba mươi ba, dụ được phê chuẩn như sau:

"Thượng dụ, tỉnh Vân Nam núi Kê Túc, am Bồn Vu, chùa Ngưỡng Dương, được ban tặng, đổi hiệu là Hộ Quốc Chúc Thánh thiền tự,

lại ban cho một bộ Đại Tạng kinh, tăng y màu vàng tím, bát cụ, cùng ngọc ấn Hoàng Đế và tích trượng Như Ý cho đại sư phương trượng, vì có công hộ giá Hoàng Đế lúc tao loạn. Lại ban hiệu cho đại sư trụ trì, Hư Vân là đại sư Phật Từ Hồng Pháp, phụng chỉ trở về núi truyền giới, hộ trì quốc gia, làm việc hữu ích cho nhân dân. Đại quan nội vụ nên báo cho đại sư Hư Vân, đem các vật trên, trở về núi, vĩnh chấn sơn môn, vì việc thiện mà ban bố giáo lý Phật Đà. Quan dân địa phương, tất cả phải phụng chỉ, nhớ rõ mà hộ trì Phật pháp, chớ có khinh thường. Khâm Chỉ.

Quang Tự tháng bảy, năm thứ ba mươi hai."

Việc thỉnh Đại Tạng kinh như thế đã tạm yên. Ngày hai mươi tháng sáu, tôi nhận được thư của lão hòa thượng Diệu Liên, viết: "Lúc khởi hành thỉnh Đại Tạng kinh về Vân Nam, trước tiên con hãy đến cửa ải Hạ Môn, đi Nam Dương, rồi từ đó vào đất Vân Nam. Tại Hạ Môn, con nên lưu lại, trở về Cổ Sơn gặp thầy gấp."

Sau đó, tôi chuẩn bị vận chuyển Đại Tạng kinh đi về Nam. Chư vị hộ pháp ở Bắc Kinh trợ giúp rất nhiều. Gần cuối năm, nên tôi ở lại Bắc Kinh qua năm mới.

Quang Tự năm thứ 33, 68 tuổi. (1907/08)

Tháng giêng, tôi vận chuyển Đại Tạng kinh rời Bắc Kinh. Đầu tiên, đến Thượng Hải và Hạ Môn. Trên đường đi, nhờ sự giúp đỡ của hai thầy Văn Chất tại núi Phật Đảnh và Chuyển Đạo tại cung

Dưỡng Chân rất nhiều. Khi đến Hạ Môn, tôi nhận được điện tín cấp báo từ Cổ Sơn gởi tới, bảo rằng lão hòa thượng Diệu Liên tại chùa Quy Sơn đã viên tịch vào tháng giêng. Lúc ấy, chư sơn trưởng lão cùng tăng chúng ở Hạ Môn đến Cổ Sơn tham gia lễ trà tỳ của lão hòa thượng Diệu Liên. Từ chùa Qui Sơn, linh tháp lão Hòa Thượng được dời về Hạ Viện Cổ Sơn để tiện việc lễ táng. Tôi tức tốc quay về Cổ Sơn, kiến lập Tháp Tổ cùng truyền giới U Minh v.v..., bận rộn ngày đêm. Ngày mười tháng tư, làm lễ nhập tháp. Lúc vừa xây tháp xong, trời đổ mưa to, ròng rã cả nửa tháng. Toàn thể đại chúng đều ưu buồn. Ngày mồng tám, truyền giới Bồ Tát xong, trời bắt đầu tạnh mưa. Ngày mồng chín, trời trong mây tạnh; quan dân sĩ thứ đến núi dự lễ an táng đều cảm duyên nơi đạo. Ngày mồng mười, lúc làm lễ nhập tháp, trăm bàn thức ăn chay tịnh được sắp ngoài trời để cúng lễ. Đại chúng cùng tụng kinh. Đang cúng Ngọ, niệm đến chân ngôn biến thực, bỗng đâu một ngọn gió cuồn cuộn, thổi bay tất cả thức ăn tế phẩm lên trên trời. Từ linh cữu phóng ra một luồng hào quang màu đỏ sáng tỏ, bay thẳng vào trên đảnh tháp. Đại chúng đều vui vẻ tán thán. Lễ nhập tháp xong, toàn thể đại chúng trở về chùa thì trời đổ mưa to dầm dề. Xá Lợi của lão hòa thượng Diệu Liên được phân làm hai phần: Một phần để vào trong tháp. Một phần đem đến chùa Cực Lạc ở Nam Dương để thờ.

Lúc phụng chuyển Đại Tạng kinh cùng xá lợi của cố lão Hòa Thượng đến Penang, Mã Lai Á, đại chúng cùng chư tăng đình Quán Ấm tới đón tiếp cả vài ngàn người. Đang tụng kinh, niệm

đến chân ngôn biến thực thì lại một luồng gió cuồn cuộn, thổi bay hết tất cả bông hoa cúng dường. Từ nơi linh cữu phóng ra một luồng ánh sáng trắng, bay thẳng đến đỉnh tháp, cả ngoài hai dặm. Tôi làm pháp chủ hai buổi lễ nhập tháp, mắt thấy tai nghe, tường tận chứng kiến. Phật nói: "Người hành mật hạnh thật khó nghĩ bàn."

Nói về sự tu trì của lão hòa thượng Diệu Liên lúc còn sống, tôi không biết được nhiều. Lão Hòa Thượng không tu thiền hay tịnh độ, duy chỉ cất chùa lập viện, tiếp độ tăng chúng để kết duyên. Nhân duyên sau cùng khi làm lễ nhập tháp, thực rất kỳ lạ. Sau khi xuống tóc xuất gia, tôi đi chu du khắp bốn phương, đã lâu lắm rồi chưa được dịp hầu hạ Ngài. Lại cả bao thập niên, không thư từ thưa hỏi, phụ bạc ân Thầy. Nhân duyên cuối cùng với lão Hòa Thượng, là việc tôi có phước phần lo liệu lễ táng linh cữu tháp tự, cùng đặt để phân chia xá lợi. Nhớ đến việc, dặn bảo tôi lần sau cùng lúc trước, chứng tỏ Ngài biết được ngày giờ lâm chung. Thật khó mà biết đúng sự thật. Tôi chỉ lược thuật sự thật trong hiện tại, còn việc chứng minh thì để người sau tự kết luận lấy.

Kế tiếp, tôi đi tàu đến đình Quán Ấm, được thỉnh giảng Tâm Kinh. Sau đó, đón tàu khác đi Xiêm La (Thái Lan). Trên tàu không có thức ăn chay. Tôi ngồi thiền suốt cả ngày. Một người Anh, đi qua chỗ tôi ngồi, ngó vài lần rồi nói: "Bạch Hòa Thượng! Ngài đi đâu vậy?"

Nghe ông ta nói tiếng Hoa, tôi đáp: "Tôi đi Vân Nam."

Lúc ấy, ông ta liền mời tôi lên phòng tàu, lấy bánh và sữa ra mời, nhưng tôi nhã nhặn từ chối.

Ông hỏi: "Bạch Hòa Thượng! Nơi Vân Nam, Ngài ở vùng nào vậy?"

Tôi đáp: "Tôi ở tại chùa Ngưỡng Dương, núi Kê Túc."

Ông nói: "Quy củ của chùa ấy rất nghiêm ngặt."

Tôi hỏi: "Ông làm việc gì ở đó?"

Ông trả lời: "Tôi là quan lãnh sự ở Côn Minh, Đằng Xung. Tôi có đến tham quan tự viện nơi đó."

Ông lại hỏi: "Bạch Hòa Thượng! Vậy Ngài đi ra nước ngoài để làm gì?"

Tôi đáp: "Trên đường vận chuyển Đại Tạng kinh trở về Vân Nam, vì thiếu tiền lộ phí, nên tôi phải đi qua Kuala Lumpur (Mã Lai Á) để hóa duyên, quyên góp tịnh tài."

Ông hỏi: "Bạch Hòa Thượng! Vậy Ngài có đem theo công văn không?"

Tôi lấy công văn chứng cứ và ngân phiếu ra cho ông ta xem. Ông liền viết một ngân phiếu ba ngàn đồng cúng dường cho tôi. Thật là một thiện duyên kỳ lạ. Sau đó, ông ta mời tôi ăn cơm chay

gồm có cơm chiên với rau cải. Khi tàu cập bến tại Xiêm La, chúng tôi chia tay tạm biệt.

Tôi trú tại chùa Long Tuyền, giảng kinh Địa Tạng. Trong lúc giảng kinh, ông ta đến chùa gặp tôi, cúng dường ba ngàn đồng. Để xây điện thờ Đại Tạng kinh, cần phải có một số tiền cả hơn vài ngàn đồng. Trước khi ông lãnh sự cúng dường, tôi chỉ quyên được chút ít thôi. Sau khi giảng kinh Địa Tạng xong, tôi lại tiếp tục giảng phẩm Phổ Môn. Thính giả có đến vài trăm vị.

Ngày nọ, khi đang ngồi thiền, tôi bỗng dưng nhập định, quên rằng mình đang giảng kinh. Tôi nhập định suốt bảy ngày. Tin này lan tràn cả thủ đô Xiêm La. Từ Quốc Vương, đại quan, cho đến thiện nam tín nũ, đều đến lễ bái. Sau khi xuất định, giảng kinh xong, Quốc Vương thỉnh tôi đến hoàng cung thiết lễ cúng dường, chí thành quy y. Quan thân sĩ thứ cùng dân chúng quy y tôi cả vài ngàn người. Sau khi xuất định, chân tôi bị tê liệt, đi đứng không nổi. Kế đến, toàn thân tê cứng như cây khô, không thể nói năng chi được. Ắn phải nhờ người đút. Chư hộ pháp mời bác sĩ đông tây đến chữa trị, châm cứu uống thuốc, nhưng vô hiệu quả. Thậm chí, miệng không nói được lời nào, mắt không thấy chi. Các bác sĩ đều bó tay chịu thua. Tuy vậy, thân tâm tự tại, không chút đau khổ, buông xả hết mọi việc, duy chỉ còn một việc chưa yên lòng là trong áo tôi còn một ngân phiếu, không ai biết cả. Miệng không thể nói. Tay không thể viết. Lúc nhắm mắt, thân này được hỏa táng thì ngân phiếu đó chắc cũng sẽ bị đốt luôn. Đại Tạng kinh

không thể đem về Vân Nam, điện các tại núi Kê Túc không thể kiến lập. Nhân quả này bút mực nào viết cho hết được. Nghĩ đến đó, nước mắt tuôn trào, thầm lặng cầu mong tôn giả Ma Ha Ca Diếp gia hộ. Lúc ấy, có thầy Diệu Viên là pháp hữu tại núi Chung Nam thuở xưa, thấy tôi rơi lệ, miệng nhấp nháy, liền kê tai gần miệng để lắng nghe. Ra hiệu nhờ thầy đem trà cho tôi uống. Tôi vẫn tiếp tục cầu nguyện tôn giả Ma Ha Ca Diếp. Uống trà xong, thân tâm lắng trong, liền nhập mộng, thấy một lão tăng tướng mạo giống Ngài Ma Ha Ca Diếp, ngồi kế bên chỗ tôi nằm, lấy tay phải xoa đầu và bảo: "Nầy Tỳ Kheo! Y bát chớ để xa thân. Thầy đừng quá ưu sầu. Hãy lấy y bát lót đầu nằm, rồi mọi việc sẽ an lành!"

Nghe xong, tôi liền đưa tay lấy y bát làm gối nằm, rồi xoay đầu lại thì không thấy tôn giả Ma Ha Ca Diếp đâu cả. Lúc đó, toàn thân đều toát mồ hôi. Thân tâm khỏe khoắn, an lạc không lời chi diễn tả. Tôi lại nói được chút ít. Nhờ thầy Diệu Viên đến trước điện Hoa Đà cầu thuốc uống, nhưng chỉ được hai vị Mộc Trát và Dạ Minh Sa. Lúc ấy, mắt tôi mở ra chút ít, nói chuyện lại được. Lại cầu thêm một toa thuốc nữa, chỉ được vị Xích Tiểu Đậu. Lấy đậu nầy nấu với cháo mà ăn. Không được dùng thức ăn cứng. Ắn như thế hai ngày, đầu động đậy được đôi chút. Lại cầu nguyện xin thuốc, vẫn là vị Xích Tiểu Đậu. Từ đó, lấy đậu này nấu với cháo mà ăn. Đại tiểu tiện đều thông. Ra phẩn đen ngòm. Từ từ, thân thể cảm giác đau chút ít. Có thể ngồi, và có thể đi. Bịnh tình như thế trước sau, trải qua hơn hai mươi ngày. Thật đa tạ đại

chúng, đã mệt thân phí sức vì tôi. Thầy Diệu Viên ngày đêm túc trực lo lắng. Tôi thật cảm ân hết sức. Tôi lễ tạ Bồ Tát Hoa Đà; nguyện sau này sẽ xây cất điện già lam để thờ Ngài. Tôi lấy vài thẻ, tất cả đều được như ý.

Bịnh tình thuyên giảm, tôi tiếp tục giảng luận Đại Thừa Khởi Tín. Giảng vừa xong, hai thầy Thiện Khiêm và Bảo Nguyệt từ chùa Cực Lạc ở Penang đến đón tôi về. Quốc Vương, đại thần, cư sĩ hộ pháp, thiện nam tín nũ trong thủ đô Xiêm La đều đến tiển đưa, cúng dường số lớn tịnh tài. Lúc trước, khi tôi đến hoàng cung làm Phật sự, Quốc Vương Xiêm La cúng dường ba trăm mẫu đất tại Đổng Lý. Tôi giao khoảnh đất này cho hòa thượng Thiện Khánh ở chùa Cực Lạc, Penang, và yêu cầu Ngài lập một cơ xưởng làm cao su. Tôi cùng với hai thầy Thiện Khiêm và Bảo Nguyệt ở lại vùng đất sắp lập cơ xưởng đó qua năm mới.

Quang Tự năm thứ 34, 69 tuổi. (1908/09)

Mùa xuân, từ Đổng Lý, tôi cùng hòa thượng Thiện Khiêm đến thăm lâu các Quán Ấm tại Tuyết Lan Nga. Đạo tràng này chính tay thầy Thiện Khiêm lập ra. Sau đó, tôi tham quan các danh lam thắng cảnh tại Dị Bảo và Phính Lịch, rồi trở về chùa Cực Lạc, giảng luận Đại Thừa Khởi Tín, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện. Trong những pháp hội giảng kinh, chư thiện nam tín nữ đến quy y rất nhiều. Tôi dành rất nhiều thời giờ để tiếp chuyện với họ cả ngày. Nơi chùa Cực Lạc, lúc giảng kinh xong, tôi liền bế quan

nhập thất, tạm đình chỉ việc giảng kinh cùng tiếp đãi khách khứa. Tôi ở qua năm mới tại chùa.

(Đại sự trong năm: Ngày mười một tháng mười, Hoàng Đế băng hà, lập miếu hiệu là Đức Tông. Ngày hai mươi hai, thái hậu Từ Hi băng hà.)

Tuyên Thống nguyên niên, 70 tuổi. (1909/10)

Từ Penang, Mã Lai Á, tôi bắt đầu khởi hành vận chuyển Đại Tạng kinh. Khi đến Ngưỡng Quang (Miến Điện), cư sĩ Cao Vạn Bang ra tiếp đón, lưu giữ tôi ở lại nhà ông hơn cả tháng. Đích thân ông đưa tôi đi Ngõa Thành. Tại Ngưỡng Quang, Cao cư sĩ thỉnh một tôn tượng Phật nằm, định mang về chùa Chúc Thánh thờ phụng. Khi tàu đến Tân Nhai, tôi ghé lại đình Quán Ấm, thuê người ngựa đi về núi Kê Túc. Vì kiện vật quá nặng, ngựa không thể chở hết và lại không thể thuê người thêm, nên tạm để tượng Ngọc Phật lại đình Quán Ấm, vài năm sau sẽ thỉnh về núi. Cao cư sĩ lưu giữ tôi lại hơn bốn mươi ngày, tự thân lo liệu sắp đặt việc chuyển vận, cúng dường tiền tài, sức lục. Cử chỉ ông rất chân thành, thật là hiếm có.

Người ngựa đồng hành; đi qua các trấn như Đằng Xung, Hạ Quan đều được dân chúng vui vẻ tiếp đón. Tuy đi hơn cả mười ngày mà người ngựa đều bình an. Chỉ có một lần, khi từ Hạ Quan vào Đại Lý thì sét đánh, hồ Nhĩ Hải nổi sóng to, mây khí biến chuyển, tạo khung cảnh rất kỳ đặc, nhưng lại không mưa. Vừa đến cổng chùa

gần hồ Nhĩ Hải thì làm lễ nghinh tiếp Đại Tạng kinh. Sau khi Đại Tạng kinh được chuyển vào chùa an toàn thì trời đổ mưa to dầm dề cho đến hôm sau mới tạnh. Dân chúng cho là lão rồng hồ Nhĩ Hải đến nghinh đón Đại Tạng kinh. Lúc ấy, có tổng tỉnh trưởng Lý Kỉnh Hy của tỉnh Vân Nam và Quý Châu, phụng theo chiếu chỉ Hoàng Đế, phái tùy viên đến Đại Lý, thống lãnh quan dân sĩ thứ tiếp chiếu chỉ nghinh đón Đại Tạng kinh. Họ mắt thấy những việc kỳ lạ này, đồng tán thán Phật pháp thật vô biên. Nghỉ ngơi tại Đại Lý mười ngày, rồi từ Hạ Quan, Triệu Châu đến huyện Tân Xuyên, đi thẳng về chùa Chúc Thánh, một mạch bình an, không một giọt mưa thấm ướt hòm đựng Đại Tạng kinh. Cuối cùng, Đại Tạng kinh được chuyển vào điện các. Đến ngày ba mươi tháng chạp, chùa Chúc Thánh tổ chức hội hương lễ. Hàng chục ngàn người đến dự, đều vui vẻ tán thán điềm lành, thật chưa từng có.

Trong khi thỉnh kinh về núi, có một việc đáng ghi nhận:

Lúc tôi đi ngang qua Đằng Xung, ghé lại chùa Vạn Thọ, đang cùng ngồi đàm đạo với đề đốc Trương Tùng Lâm, bỗng đâu một con bò vàng chạy đến, quỳ xuống, hai mắt rơi lệ. Chạy theo sau là chủ của nó, tên Dương Thắng Xương, cùng nhiều người khác. Được biết ông Dương Thắng Xương, là người chuyên giết bò. Tôi quay về hướng con bò đó và nói: "Nếu con muốn chạy trốn để sống thì phải quy y Tam Bảo!"

Bò liền gật đầu. Tôi thuyết Tam Quy Y, rồi đỡ nó đứng dậy. Bò thuần thục nghe theo như người vậy. Tôi lấy tiền ra đưa cho chủ

bò, nhưng ông ta không nhận. Cảm động việc kỳ lạ này, ông chủ bò thề nguyền rằng sẽ đổi nghề khác, và thỉnh cầu quy y cùng ăn chay trường. Đề đốc Trương Tùng Lâm cảm kích việc này nên nhận ông chủ bò làm việc tại một khách sạn.

Tuyên Thống năm thứ 2, 71 tuổi. (1910/11)

Từ khi chiếu vua ban ra, ngăn cấm quan quân thâu lấy tài sản chùa chiền, cùng thỉnh được Đại Tạng Kinh về núi, tăng già toàn tỉnh tạm sống an ổn. Tỉnh trưởng tỉnh Vân Nam, Lý Kỉnh Hy, phái tùy viên đến thăm viếng và bảo toàn gia quyến đến chùa làm lễ quy y, tặng rất nhiều lễ vật. Tôi thỉnh thầy Giới Trần ra thất. Lại cố khuyên răn tăng chúng trên núi phải tôn trọng giữ gìn giới luật cẩn trọng. Đề xướng giáo dục thanh niên, dẹp trừ tập khí xấu xa, phấn chấn đạo phong núi Kê Túc. Thương lượng quan huyện Tân Xuyên thả các thầy bị nhốt trong tù cùng các tù nhân nhẹ tội.

Mùa hạ, từ Cổ Sơn chuyển đến một bức thư gia đình tại Tương Lương. Chốc đó mà đã năm mươi năm kể từ lúc xuất gia. Tôi viết ba bài thơ, trong đó có câu:

"Kính ai một đời nghiệp thanh tịnh

Nơi tâm cảnh chẳng dính mãi trần

Lâu rồi quên hẳn việc thế gian,

Hãy trông chừng tập khí nơi đất tâm."

Lúc ấy, cư sĩ Hàn Vĩnh Xương, tổng bí thư chánh phủ đương thời, sau khi đọc bài thơ của tôi, liền khắc lên đá cuộc đời của tỳ kheo ny Diệu Tịnh cùng bài thơ lưu kệ của bà.

(Lưu kệ ký của tỳ kheo ni Diệu Tịnh:

Tỳ kheo ny Diệu Tịnh, tên tục Vương Thị, là mẹ kế của Vân Công (hòa thượng Hư Vân). Vân Công pháp danh Cổ Nghiêm tự Đức Thanh hiệu Hư Vân, người Tương Lương, tỉnh Hồ Nam, tên tục là Trai, thuộc dòng dõi vua Lương Võ Đế. Cha tên Ngọc Đường, làm quan tại phủ Tuyền Châu, tỉnh Phúc Kiến. Mẹ họ Nhan, tuổi ngoài bốn mươi mà chưa có một mụn con, nên cầu nguyện Bồ Tát Quán Ấm, ban con cho. Cha mẹ mộng thấy một vị trưởng lão mặc y màu xanh, đầu đội tượng Quán Ấm, thân cỡi hổ, nhảy lên giường nằm. Mẹ kinh sợ tỉnh dậy, nghe mùi hương lạ bay khắp phòng, liền thọ thai Vân Công. Sau đó sanh ra một bọc thịt. Mẹ Ngài thất vọng ê chề, uất khí mà mất. Hôm sau, một lão bán thuốc đến nhà, lấy dao rạch bọc thịt ra được một bé trai trân quý chính là Vân Công. Từ đó Ngài được người mẹ kế săn sóc nuôi nấng. Vân Công tánh vốn không ăn thịt. Khi lớn lên, được học hành nhưng không thích Nho giáo mà chỉ thích giáo lý nhà Phật, làm cha không vui, nên bị nghiêm trách. Năm mười bảy tuổi, theo định ước, cha cưới hai cô gái là Điền Thị và Đàm Thị, nhưng Vân Công chưa hề nhiễm sắc dục. Ngài trốn lên núi Cô Sơn, tỉnh Phúc Kiến, lễ hòa thượng Diệu Liên làm thầy xuống tóc xuất gia. Đồng Trị năm thứ ba, cha qua đời. Bà mẹ kế dẫn hai cô dâu đi tu. Điền Thị

bị bịnh phổi, ho ra máu. Bà tu được bốn năm thì bị chết vì bịnh. Đàm Thị vẫn còn sống, làm sư cô tại núi Quán Ấm huyện Tương Lương, pháp danh Thanh Tiết. Trong thơ gởi cho Vân Công, bà cho biết là ngày mồng tám tháng chạp năm Kỷ Dậu (1909/10) người mẹ kế ngồi xếp bằng, viết bài kệ rồi thị tịch, vãng sanh cõi tây phương Cực Lạc.)

Tuyên Thống năm thứ 3, 72 tuổi. (1912/13)

Mùa xuân, sau kỳ truyền giới, tôi kiết thiền thất trong bốn mươi chín ngày đêm, đề xướng tọa hương, an cư kiết hạ, theo tất cả quy củ pháp thức. Đến tháng chín, cách mạng Vũ Hán lan tràn đến Vân Nam. Vùng địa phương bị loạn lạc, thành Tân Châu bị bao vây, bức bách nguy hại. Tôi đến điều giải. Nhân vì quan tổng binh Lý Căn Nguyên hiểu lầm nên phái binh lính đến vây núi Kê Túc. Tôi giải thích tự sự cho ông ta. Sau đó, ông cho binh lính rút lui và lại quy y Tam Bảo.

(Phần phụ chú của ông Sầm Học Lữ, người viết lại quyển biên niên tự thuật của thiền sư Hư Vân:

Quyển biên niên tự thuật này do chính thiền sư Hư Vân thuật lại bằng miệng, nhưng Ngài chỉ nói sơ lược thôi. Theo người viết lại quyển biên niên tự thuật này, khi duyệt lại quyển biệt ký tỉnh Vân Nam mới biết rõ sự việc tường tận, càng thấy ân đức của Ngài thật vô lượng. Quyển biệt ký ghi lại như sau:

Vân Công tại Vân Nam hoằng pháp độ sanh. Những tai nạn được Ngài cứu giúp, nay sơ lược kể lại:

Việc thứ nhất là trong năm cuối triều vua Tuyên Thống, quan tri huyện Tân Xuyên họ Trương, người Trường Sa, tánh tình nóng nảy. Nhân huyện Tân Xuyên bị trộm cướp liên miên, họ Trương trừng trị thẳng tay, giết rất nhiều người, mà trộm cướp lại còn tăng nhiều hơn trước. Chúng cùng nhau kết hội đảng. Các thân sĩ vì muốn bảo vệ gia đình nên phải gia nhập vào các hội đảng, nên bị họ Trương trừng trị giết hại. Tăng nhân núi Kê Túc, những ai không tu đúng theo pháp cũng bị bắt cả vài mươi người, chỉ có Vân Công luôn được họ Trương cung kính lễ bái. Khi cách mạng Tân Hợi bộc phát, huyện Tân Xuyên hưởng ứng đầu tiên. Quần chúng kéo đến bao vây dinh huyện. Họ Trương cố thủ, không được viện trợ bên ngoài, chỉ còn chờ chết. Vân Công xuống núi đi thẳng đến dinh huyện. Những người đang bao vây dinh huyện thấy Ngài đến liền nói: "Tên Trương này rất ác độc. Xin Ngài hãy dụ hắn ra để chúng con giết, hầu xoa dịu lòng căm phẩn của quần chúng."

Nghe thế, Ngài không nói chi. Nhưng khi vị thủ lãnh đến, Ngài liền bảo: "Giết họ Trương không khó. Vùng biên địa này có nhiều tin đồn thất thiệt. Việc lớn chưa định đoạt được. Chư vị vây hãm thành của quan tri huyện, khi viện binh đến thì chư vị sẽ bị trừng phạt nặng nề."

Viên thủ lãnh hỏi: "Bạch Hòa Thượng! Vậy, Ngài có lời dạy gì chăng?"

Ngài đáp: "Tôi nghe rằng Vương Công tỉnh Tứ Xuyên trên đường kinh lý, đã đến Đại Lý, tức chỉ cách đây hai ngày đường. Chư vị đến gặp Vương Công mà kể tội, thì họ Trương sẽ bị trừng trị đúng theo pháp luật, còn chư vị lại không tội vạ gì hết."

Viên thủ lãnh nghe theo lời dạy của Ngài, đóng quân ngoài dinh huyện. Vân Công đi vào dinh huyện, thấy họ Trương phẩn uất, đang định ra ngoài dinh ứng chiến. Khi thấy Vân Công bước vào, họ Trương liền cầm tay và nói: "Con đã làm tròn bổn phận của mình. Duy chỉ làm phiền Ngài là cho con một miếng đất để xây phần mộ dưới chân núi Kê Túc. Con thật cảm ơn công đức của Ngài."

Vân Công đáp: "Không cần thiết đâu! Thân sĩ ở đây kính trọng Trương Tịnh Hiên. Hãy mời ông ta đến bàn luận với dân chúng."

Trương Tịnh Hiên đến nghị luận với viên thủ lãnh. Quả nhiên, sau đó quần chúng giải tán. Trương Tịnh Hiên đi thẳng đến Đại Lý gặp Vương Công xin viện binh, giải vây dinh huyện. Khi Trương Tịnh Hiên đi khỏi, tỉnh Vân Nam tuyên bố độc lập. Thái Ngạc nhậm chức đô đốc. Con của họ Trương được cử làm ty trưởng ngoại giao vì là bạn đồng học của họ Thái. Sự việc giải quyết xong, họ Trương gởi thơ đến cảm tạ Vân Công như sau: "Ngài không những cứu mạng sống con mà lại còn tạo phước cho huyện Tân

Xuyên. Nếu không có Ngài thì thù cha bị giết, con mình không báo phục sao!"

Việc thứ hai lại quan trọng hơn nữa, xảy ra như sau:

Khi Dân Quốc được thành lập, ở Tây Tạng, đức Phật sống cùng vương công quần thần ỷ đất đai hiểm trở, đường xá xa xôi, không tuân lệnh theo chánh phủ đương thời treo cờ cách mạng. Chính quyền Trung Ương ra lịnh cho quân tỉnh Vân Nam do tướng Ấn Thúc Hoàn thống lãnh, kéo quân sang trị tội. Quân tiền phong đã đến huyện Tân Xuyên. Vân Công sợ rằng nếu chiến tranh xảy ra thì vùng biên cương này không thể tránh khỏi hiểm họa, nên theo đoàn quân tiền phong đến Đại Lý, gặp tướng họ Ấn. Vân Công nói: "Người Tây Tạng đều tin theo Phật pháp. Nếu bảo người nào thông hiểu Phật pháp qua Tây Tạng thương thuyết thì sẽ giải quyết được sự việc mà không cần dùng binh."

Tướng họ Ấn đồng ý, lại mời Vân Công làm pháp sư tuyên úy. Vân Công nói: "Tôi là người Hán, đi qua đó sợ sẽ bị thất bại. Hãy thỉnh đức đạt ma hiệu là Đông Bảo, người Lạp Xuyên, là vị xuất gia lâu năm, lại có đức độ, được người Tây Tạng cung kính tín phục và tôn Ngài là Pháp Vương Tứ Bảo. Nếu vị này đi qua đó thì sự việc chắc sẽ thành công."

Nghe thế, tướng họ Ấn viết thơ nhờ Vân Công mang đến để gặp ngài lạt ma Đông Bảo cùng phái quân tùy tùng theo hầu giúp. Mới đầu ngài lạt ma Đông Bảo khước từ, viện lý do là già yếu. Vân

Công liền nói: "Thảm họa của quân Triệu Nhi Phong, người Tây Tạng cho đến nay vẫn còn run sợ. Ngài tiếc chi ba tấc lưỡi mà hại đến muôn ngàn sanh mạng dân chúng!"

Ngài Đông Bảo đứng dậy đáp: "Được! Tôi sẽ đi! Tôi sẽ đi!"

Ngài lạt ma Đông Bảo thọ nhận mệnh lệnh đi Tây Tạng. Cùng đi với ngài Đông Bảo là lão hòa thượng Pháp Ngộ. Sau khi qua Tây Tạng, họ ký hòa ước rồi trở về. Tại Vân Nam, tướng họ Ấn liền bãi binh. Dân quốc thống nhất thành một khối. Bao năm Hán-Tạng luôn xích mích, chiến tranh thống khổ không ngừng, đến nay tạm điều giải. Hòa bình an lạc mãi trong ba mươi năm.

Việc thứ ba là sau khi Vân Công thỉnh Đại Tạng kinh về Vân Nam, Ngài luôn ban bố Phật pháp, giáo hóa chúng dân. Quan dân sĩ thứ vùng địa phương ngày càng thêm kính trọng. Cho đến cô nhi quả phụ, ai ai cũng gọi Ngài là lão hòa thượng Hư Vân. Cách mạng Tân Hợi nổi lên, triều Thanh thoái vị. Các tỉnh trưởng đuổi tăng ni, phá chùa chiền, làm mưa gió một thời. Lúc ấy, vị tướng tỉnh Vân Nam là Lý Căn Nguyên, vì ghét vài ông tăng không chịu giữ giới luật, nên định kéo quân lên núi đuổi tăng chúng, phá chùa chiền. Khi sắp lên núi, ông hỏi quan quân địa phương là tại sao Vân Công, một lão tăng nghèo hèn, mà lại thâu phục được lòng dân chúng, chắc có việc chi kỳ quái. Vì vậy, ông ra lệnh bắt giam Ngài. Thấy việc không may, hiểm họa sắp đến, tăng chúng các chùa đều bỏ trốn đi cả. Trên một trăm vị tăng còn ở lại với Ngài, tất cả đều lo sợ, lại khuyên Ngài hãy đi lánh nạn. Vân Công đáp:

"Các vị muốn đi thì cứ đi. Nếu phải trả nghiệp báo thì lẫn trốn có ích chi? Tôi sẵn sàng đem thân mạng mình hy sinh cho Phật pháp."

Toàn thể đại chúng an lòng ở lại với Ngài. Vài ngày sau, quả nhiên nhiếp tướng Lý Căn Nguyên thống lãnh quân sĩ tiến lên núi, đóng quân tại chùa Tất Đàn, phá tượng đồng Đại Vương, tượng Phật, điện chư Thiên tại Kim Đảnh, núi Kê Túc. Vì việc cấp bách nên Vân Công một mình đơn độc xuống núi, đi thẳng vào trại lính, đưa thẻ trình cho lính gác cổng. Lính gác nhận diện được nên bảo Ngài hãy mau trốn đi chỗ khác, nếu không thì chỉ chuốc lấy tai họa, chắc sẽ bị giết hại. Vân Công không quay về, lại tự đi thẳng vào doanh trại, thấy Lý Căn Nguyên cùng quan bố chánh Triệu Phiên đang ngồi trong nội điện. Vân Công tiến đến trước mặt họ làm lễ. Họ Lý vẫn không quay mặt lại nhìn Ngài. Vì Triệu Phiên đã từng quen biết Vân Công thuở trước, liền hỏi Ngài đến để làm gì. Vân Công trần thuật mọi sự việc. Lúc ấy, họ Lý với sắc mặt nóng giận, nghe thế liền hỏi: "Phật giáo dùng để làm gì, có ích lợi chi?"

Vân Công đáp: "Ấn đức giáo hóa của thánh nhân thật vô lượng. Nói rộng ra, Phật giáo dùng để cứu đời, làm lợi ích cho nhân dân. Từ lời dạy đơn sơ đến lý lẽ thâm sâu đều vì tạo việc lành, dẹp trừ điều ác... Từ xưa, chánh quyền và tôn giáo cùng lập hạnh. Chánh quyền lo việc trị an cho dân chúng. Tôn giáo lo dạy dỗ chúng dân làm lành lánh ác... Phật giáo dạy người trị bịnh trong tâm. Tâm là

gốc của muôn ngàn sự vật. Gốc nếu chân chính thì muôn việc đều bình an, trời đất luôn thái bình."

Sắc mặt họ Lý dịu xuống đôi chút, lại hỏi: "Vậy còn tượng đồng tượng gỗ để chi vậy, chỉ tốn hao tiền của thôi chứ gì?"

Vân Công đáp: "Lời Phật là tướng của pháp. Tướng biểu hiện Pháp. Nếu không có tướng biểu hiện thì người dân không thể biết đến Pháp, hoặc họ không khởi tâm cung kính nể sợ. Đối với con người, tâm nếu không cung kính, thì việc ác nào cũng dám làm, tạo thành họa loạn. Những tôn tượng trong chùa chiền ở Trung Quốc thường được tạo bằng đất đá gỗ mộc, cũng giống như các tượng đồng ở các nước Đông Tây. Nói theo thế gian, những tôn tượng này, bất quá chỉ khiến cho chúng dân có chỗ nương tựa, cùng thầm khởi tâm cung kính tín phục, diệu dụng không thể nghĩ bàn, ngôn từ không chi diễn đạt. Nếu thấy các tướng mà không phải tướng, tức thấy đức Như Lai!"

Họ Lý nghe lời phân giải nên rất vừa lòng, liền bảo lính hầu mang trà bánh ra đãi Ngài. Họ Lý lại hỏi: "Nếu thế, tại sao các thầy tu thay vì làm những việc tốt mà lại đi làm các việc kỳ quái, như những kẻ phế thải trong xã hội?"

Vân Công đáp: "Hòa thượng chỉ là danh xưng, có phàm có thánh, sai biệt rõ ràng; không thể thấy một hai ông thầy hư đốn mà lại khinh khi toàn tăng chúng. Không thể phỉ báng Khổng Tử chỉ vì một hai người nho sinh hư hoại. Như nay tiên sinh thống lãnh

binh sĩ. Tuy kỷ cương quân đội nghiêm minh mà có phải mỗi mỗi binh lính đều thông minh chánh trực như Ngài đâu! Biển cả bao la vì chứa đựng muôn loài, không phân biệt cá tôm. Tánh Phật pháp rộng như biển cả, không chi không dung chứa. Chư Tăng nhậm thừa lời Phật dạy, hộ trì Tam Bảo, ẩn mật lạ kỳ, âm thầm hóa độ chúng sanh, diệu dụng rõ ràng, không phải là những người phế thải!"

Sắc mặt họ Lý vui lên, lại cùng Vân Công trò chuyện. Chốc lát nét mặt ông nở một nụ cười. Chốc lát ông lại cúi đầu cung kính. Họ Lý giữ Vân Công lại để dùng cơm tối, đốt đuốc đàm đạo; lời nói cùng ví dụ rõ ràng, lý lẽ thâm sâu; bàn luận từ nhân duyên nghiệp quả, cho đến lưới nghiệp giao thức, cùng chúng sanh tương tục.

Họ Lý tiếp nhận hết tất cả lời lẽ và rất cung kính dung mạo oai nghi của Vân Công. Ông chợt thốt ra lời than: "Phật pháp cao siêu như thế mà con lại giết tăng phá chùa. Ôi nghiệp tội nặng vô cùng. Vậy con phải làm sao?"

Vân Công đáp: "Đó chỉ do tánh khí nhất thời thúc đẩy, không phải là tội của Ngài. Xin hãy nguyện sau này, hết sức hộ trì Tam Bảo. Vậy, công đức to lớn biết chừng nào!"

Tướng họ Lý vui mừng hớn hở. Hôm sau, ông theo Vân Công đến chùa Chúc Thánh, sống lẫn lộn với tăng chúng, ăn cơm chay vài ngày. Khi ấy, trên núi bỗng hiện ra một luồng ánh sáng màu

vàng, bay từ đảnh núi xuống chân núi. Màu sắc cây cỏ đều biến thành màu vàng kim. Tương truyền trong núi có ba loại ánh sáng: Một là ánh sáng của chư Phật. Hai là ánh sáng màu trắng bạc. Ba là ánh sáng màu vàng. Ánh sáng của chư Phật, hằng năm đều hiện rõ, còn ánh sáng màu trắng bạc và màu vàng thì từ lúc khai sơn đến nay, ít có hiện ra. Họ Lý cảm động vô cùng, nguyện làm đệ tử Vân Công, lại thỉnh Ngài làm tổng trụ trì toàn núi Kê Túc, rồi dẫn quân rời khỏi núi. Việc này, nếu không phải do đức tu hành khổ hạnh của Vân Công thì làm sao chuyển tâm được viên tướng họ Lý trong khoảng sát na!)

Mùa đông, hội Phật giáo Đại Đồng tại Thượng Hải và hội Phật giáo Trung Quốc có sự tranh biện nên đánh điện tín đến Vân Nam, mời tôi lên hòa giải. Đến Thượng Hải, tôi gặp các thầy Thái Hư, Phổ Đường, Nhân Sơn, Đế Nhàn, cùng nhau thương thuyết hòa giải. Tại chùa Tịnh An, chúng tôi thành lập Tổng Hội Phật Giáo. Tôi cùng hòa thượng Kỳ Thiền đi Bắc Kinh, trú tại chùa Pháp Nguyên. Hoà thượng Kỳ Thiền đột nhiên nhuốm bệnh rồi ngồi xếp bằng thị tịch. Tôi đứng ra tổ chức lễ an táng, đem linh cữu về Thượng Hải. Tại chùa Tịnh An, chúng tôi khai mở đại hội thành lập Tổng Hội Phật Giáo cùng làm lễ truy điệu an táng Kỳ Thiền thiền sư. Tôi nhận lãnh công văn hai tỉnh Vân Nam và Quí Châu cùng công văn chi hội hai miền Vân Nam-Tây Tạng. Khi sắp trở về Vân Nam thì Lý Căn Nguyên gỏi thơ giới thiệu đến tỉnh trưởng Vân Nam, tức Thái Tùng Ba, và chư vị quan chức các tỉnh để hộ trì Phật pháp.

(Đại sự trong năm: Mồng chín tháng tám, dân quân khởi nghĩa tại Võ Xương. Tháng mười một, hạ thành Nam Kinh.)

Trung Hoa Dân Quốc nguyên niên, 73 tuổi. (1912/13)

Sau khi trở về Vân Nam, tôi liền thành lập chi hội Phật giáo. Tại cung Vũ Xương, khai mở đại hội Phật giáo. Tôi thỉnh thầy Liễu Trần thiết lập chi hội Phật giáo tại Quý Châu. Vị Phật sống, lạt ma Tây Tạng từ vùng đất xa xôi cùng đến với rất đông vị lạt ma khác. Chúng tôi bàn thảo việc mở trường học Phật giáo, xây nhà thương, lập các hội từ thiện, tổ chức đoàn truyền giáo. Trong năm đó có một việc nhỏ đáng ghi.

Số là có người nông dân, đem một con két biết nói đến phóng sanh. Lúc đầu nó còn ăn thịt, nhưng sau khi được quy y, dạy niệm Phật rồi thì không còn thích ăn thịt nữa. Nó rất thuần thiện, tự biết ra vào, mỗi ngày thường niệm Phật và thánh hiệu Bồ Tát Quán Thế Ấm không ngừng nghỉ. Ngày nọ, nó bị một con diều hâu bắt cắp đi. Lúc bay trên không trung, chỉ nghe tiếng Phật thôi. Tuy chỉ là loài vật, đến lúc báo thân sắp hết, chết sống kề

cận, mà không xả bỏ niệm Phật. Chẳng lẽ con người lại không bằng được như con két này sao?

Tôi ở lại chùa Côn Minh qua mùa đông.

(Đại sự trong năm: Mồng một tháng giêng, tiên sinh Tôn Trung Sơn nhậm chức Tổng Thống lâm thời tại Nam Kinh. Tháng hai, vua Tuyên Thống tuyên bố thoái vị. Nhà Mãn Thanh mất. Tham nghị viện đồng cử Viên Thế Khải nhậm chức phó tổng thống lâm thời. Tỉnh trưởng tỉnh Tây Xuyên, Duẩn Xương Hành, định đem quân vào Tây Tạng.)

Dân Quốc năm thứ 2, 74 tuổi. (1913/14)

Vừa thành lập chi hội Phật giáo miền Vân Nam-Tây Tạng, liền ghi nhận tất cả tài sản chùa chiền tự viện trong vùng và dự trù hoạch định những chương trình mới. Những việc trên đòi hỏi phải tường trình với chính quyền địa phương. Có quan trưởng ty dân chánh là La Dong Hiên, thường gây rất nhiều trở ngại, khiến chúng tôi khó tiến hành, làm những việc đã được hoạch định. Khi ấy, tỉnh trưởng Thái Tùng Ba thường đến hòa giải, nhưng không kết quả. Đức Phật sống cùng các hội đoàn địa phương thỉnh tôi đi Bắc Kinh mang việc này trình lên chính quyền trung ương. Gặp quan tổng lý nội các, Hùng Hi Linh, trợ giúp rất nhiều, lại thuyên chuyển La Dong Hiên trở về Bắc Kinh. Nhậm Khả Đăng được đưa về làm dân biểu. Tôi trở về Vân Nam. Họ Nhậm đối với những sự việc liên hệ đến Phật giáo đều tận tình giúp đỡ.

(Đại sự trong năm: Tháng mười, Viên Thế Khải cùng Lê Nguyên Hồng chánh thức được cử làm phó tổng thống.)

Dân Quốc năm thứ 3, 75 tuổi. (1914/15)

Tỉnh trưởng Thái Tùng Ba được vời về Bắc Kinh. Tướng họ Đường được cử thay thế chức tỉnh trưởng.

Tôi muốn về lại núi Kê Túc hưu dưỡng, nên giao chức đại biểu chi hội Phật giáo lại cho các vị khác rồi trở về núi. Vừa về đến, tôi liền lo việc trùng tu chùa Hưng Vân, chùa La Thuyên tại Hạ Dương. Đốc thúc lo liệu công trình xây cất sửa chữa xong, chư sơn trưởng lão tại Hạc Khánh thỉnh tôi đến chùa Long Hoa giảng kinh. Hòa thượng Chánh Tu thỉnh tôi qua chùa Kim Sơn tại Lệ Giang giảng kinh. Giảng xong, tôi ghé thăm động Thái Tử tại Tuyết Sơn, Duy Tân, Trung Điện, A Đôn Tử cùng các danh lam thắng cảnh khác. Lại đến vùng biên giới Trung-Tạng, tham quan ba mươi ngôi chùa Lạt Ma lớn nhỏ.

Năm đó, khi đang giảng kinh tại núi Long Hoa thì bốn huyện trong phủ Đại Lý bị nạn động đất rất kinh hồn. Nhà cửa, phòng xá, thành quách đều bị sập, duy trừ bảo tháp của chùa là không bị chi hết. Lúc chấn động, đất nứt ra, lửa cháy lan tràn, người người tranh nhau mà chạy thoát mạng, nhưng hầu như mỗi tấc đất đều rạn nứt, nên họ bị té lọt xuống. Muốn trèo lên khỏi thì đất liền khép lại, cắt đứt thân mình, chỉ thấy đầu người nằm la liệt trên đất. Bãi tha ma này như địa ngục lửa sôi trong kinh Phật,

thật rất thê thảm, không dám nhìn xem. Trong thành có khoảng một ngàn căn nhà, hầu hết đều bị nạn động đất, chỉ còn sót lại vài căn. Khi ấy, có một tiệm kim hoàn của hai gia đình: Một là họ Triệu, tên Vạn Xương Hiệu. Hai là họ Dương, tên là Thâm Nhiên Hiệu. Lửa cháy đến tiệm của họ lại dừng. Cửa tiệm chưa hề bị hư hoại vì nạn động đất. Trong mỗi gia đình, có trên mười người. Tất cả đều được bình an vô sự. Vài người trong vùng biết đến hai gia đình này. Trãi qua bao đời, họ đều ăn chay niệm Phật. Đấy là những người lành thiện, mẫu mực mới tránh được những thiên tai hoạn nạn như thế. Tôi thật rất vui mừng.

(Đại sự trong năm: Đại chiến Ấu Châu bùng nổ.)

Dân Quốc năm thứ 4, 76 tuổi. (1915/16)

Mùa xuân, sau kỳ truyền giới, tại huyện Đặng Châu, thân sĩ họ Đinh, là bậc học giả triều Thanh, có con gái tuổi khoảng mười tám, chưa lập gia đình. Ngày nọ, cô đột nhiên té xuống, bất tỉnh nhân sự. Toàn thể gia đình kinh hoàng sợ hãi, không biết phải làm gì. Lát sau, cô tỉnh dậy, nói giọng đàn ông, chỉ thẳng và mắng cha: "Này tên họ Đinh! Mi cậy thế, vu oan cho ta là tướng cướp. Mi phải chịu trách nhiệm về cái chết của ta. Ta là người Tây Xuyên, phủ Đại Lý, họ Đổng. Ngươi có nhớ ra không? Hôm nay, ta cáo bạch trước điện Diêm Vương, trả mối thù tám năm về trước!"

Nói xong, cô ta lấy dao rượt họ Đinh. Họ Đinh sợ hãi, chạy trốn nơi khác, không dám về nhà. Mỗi ngày, quỷ đến một lần. Khi đến, liền nhập vào thân cô con gái, khiến điệu bộ cô trở nên rất hung hăng. Mọi người trong nhà đều lo buồn, lại làm liên lụy đến cả hàng xóm. Khổ thật!

Bấy giờ, trên núi Kê Túc có hai vị tăng là Biểu Cầm và Tố Chân đến huyện Đặng Châu, đi ngang qua nhà họ Đinh. Lúc ấy, quần chúng bu quanh nhà rất đông vì quỷ lại nhập vào thân cô gái và đang hiện tướng trạng hung dữ. Hai vị tăng này nói với quỷ: "Ngươi chớ nên làm dạng mạo như thế, khiến dân địa phương không được an ổn!"

Quỷ đáp: "Các thầy là người tu hành chớ có lắm chuyện!"

Tăng nói: "Vâng, dĩ nhiên là không phải chuyện của chúng tôi, nhưng vì thầy chúng tôi thường dạy rằng oan gia nên xả bỏ, chẳng nên kết thêm. Càng kết thì càng thâm sâu. Lúc nào mới giải quyết cho xong được?"

Quỷ ngừng chốc lát rồi nói: "Thầy của chư vị là ai?"

Tăng đáp: "Thầy chúng tôi là lão hòa thượng Hư Vân, trụ trì chùa Chúc Thánh."

Quỷ nói: "Tôi cũng có nghe đến danh Ngài, nhưng chưa từng gặp mặt. Ngài có thể truyền giới cho tôi được không?"

Tăng đáp: "Đại từ đại bi, cứu độ tất cả khổ não! Sao Thầy chúng tôi không truyền giới cho ngươi được?"

Tăng lại khuyên quỷ nên bảo họ Đinh xuất tiền ra làm lễ siêu độ.

Quỷ nói: "Hắn giết người hại mạng. Tôi không muốn dùng tiền của hắn!"

Tăng đáp: "Như vậy, nếu người địa phương gom góp tiền lại, cầu siêu cho ngươi, để họ được sống an ổn. Vậy được không?"

Quỷ nói: "Thù này nếu không báo, tôi hận mãi không nguôi. Oán ân tương báo, làm sao giải hết? Để tôi xuống hỏi lại Diêm Vương coi. Ngày mai, chư vị hãy đến đây đợi tôi!"

Quỷ xuất ra. Cô gái liền tỉnh dậy, nhìn thấy mọi người bao vây xung quanh, mắc cở, bỏ chạy vào nhà. Hôm sau, quỷ đến sớm hơn hai vị tăng, nên trách móc rằng sao không giữ lời hứa đến đúng giờ. Tăng bảo rằng vì có công việc nên mới đến trể.

Quỷ nói: "Tôi đã hỏi qua Diêm Vương. Ngài trả lời rằng chùa Chúc Thánh là đạo tràng trang nghiêm, thanh tịnh, nên cho phép đi, nhưng chư vị phải đưa tôi đến đó."

Hơn cả chục thân sĩ và dân chúng vùng địa phương cùng hai vị tăng đi đến chùa. Chiều đến, chúng tôi bàn việc giải quyết vấn đề. Hôm sau, chùa thiết đàn tụng kinh thuyết giới. Kể từ đó, gia

đình họ Đinh được bình yên trở lại. Dân chúng, sĩ thứ huyện Đằng Châu thường cùng nhau đến chùa lễ bái.

(Đại sự trong năm: Tháng giêng, Nhật Bổn ép bức Trung Quốc thừa nhận hai mươi mốt điều ước. Tháng chạp, Viên Thế Khải tuyên bố đế chế, đổi hiệu là Hồng Hiến nguyên niên.)

Dân Quốc năm thứ 5, 77 tuổi. (1916/17)

Từ lúc cư sĩ Cao Vạn Bang cúng dường tượng Ngọc Phật đến nay đã vài năm. Tôi trở lại Nam Dương để thỉnh tượng Phật về. Nghe có nhiều người dân thuộc sắc tộc khác Hán tộc tin tưởng Phật pháp, nên tôi đi qua tham quan các vùng đất của họ như Thường Đạt Miến, Oa Tán, Lạp Tán, rồi lại trở về Ngưỡng Quang lễ tháp Đại Kim, thăm Cao cư sĩ. Tại chùa Long Hoa, giảng kinh xong, tôi đón tàu đi Tân Gia Ba. Tàu đến cảng Tân Nhai, một viên cảnh sát người Anh nói: "Hiện nay tại Trung Quốc, đại Tổng Thống đang thiết lập đế chế, ra lịnh bắt giữ tất cả những tên nổi loạn. Mọi người Hoa lục địa, qua đến đây, phải được kiểm soát chặt chẽ, rồi sau mới cho lên bờ."

Vài trăm người được đưa đến ty cảnh sát tra hỏi. Sau đó, từ từ họ đều được thả ra hết, nhưng trù nhóm người chúng tôi, gồm có sáu vị tăng. Họ bảo rằng chúng tôi thuộc đảng cách mạng, nên giữ lại. Họ trói chúng tôi lại, rồi đánh đập, đem phơi nắng, không cho ăn uống, không cho đi đại tiểu tiện, không cho cử động, nếu nhúc nhích liền bị đánh; cứ như thế từ sáu giờ sáng cho đến tám

giờ tối. May thay, có đệ tử quy y của tôi là Hồng Thịnh Dương và ông quản lý họ Đổng, nghe biết tình cảnh của chúng tôi, nên đến ty cảnh sát bảo lảnh, nhưng phải đóng tiền thế chân là năm ngàn đồng cho mỗi người, rồi mới được thả ra. Sau đó, chúng tôi được đưa về thương hiệu Thịnh Dương, lưu trú qua năm mới. Hai vị cư sĩ này cũng giúp tôi việc mang tượng Ngọc Phật về nước.

(Đại sự trong năm: Viên Thế Khải mất. Lê Nguyên Hồng lên nhậm chức Tổng Thống.)

Dân Quốc năm thứ 6, 78 tuổi. (1917/18)

Mùa xuân, từ đình Quán Ấm, tôi vận chuyển tượng Phật về nước, mướn tám người phụ giúp mang về núi Kê Túc. Tiền mướn họ khoảng cả ngàn đồng. Đoàn chúng tôi phải đi qua các vùng đồi núi hẻo lánh, cheo leo chập chùng, chưa từng có dấu chân người. Đi như thế cả vài mươi ngày. Ngày nọ, lúc đến núi Dã Nhân, những người khuân vác nghi rằng trong tượng Ngọc Phật có vàng bạc châu báu hay ngân phiếu, nên họ đặt tượng Phật xuống, nói rằng không còn sức để khiêng tượng Phật nữa, lại đòi trả tiền thêm tiền công. Tôi cố an ủi, nhưng họ càng làm ồn ào, hung tợn thêm. Biết không còn cách nào để làm cho họ dịu xuống, nhìn bên đường thấy tảng đá to, nặng khoảng vài trăm cân, tôi bảo bọn họ: "Tảng đá này cùng tượng Phật, vật nào nặng hơn?"

Họ đáp: "Chắc chắn là tảng đá nặng hơn tượng Phật hai ba lần."

Tôi liền dùng hai tay nâng tảng đá lên cả thước. Bọn họ trố mắt thè lưỡi và nói: "Lão Hòa Thượng này thật là Phật sống!"

Từ đó, họ không còn dám nói năng chi hết, khiêng tượng Ngọc Phật đi thẳng về núi. Đến núi, tôi cũng thưởng thêm tiền cho họ. Tôi tự biết sức mình không thể nâng nỗi tảng đá đó, mà thật ra chỉ nhờ thần lực của Long Thần hộ pháp thôi.

Sau đó tôi đi Đằng Xung, Bảo Sơn giảng kinh tại các chùa viện.

Dân Quốc năm thứ 7, 79 tuổi. (1918/19)

Đề đốc Đường Kế Nghiêu phái tùy viên đem thơ đến, ra lịnh cho quan tri huyện Tân Châu đồng lên núi, thỉnh mời tôi ba lần. Bất đắc dĩ lắm, tôi mới đáp lời mời của ông ta để đi Côn Minh. Khi ấy, đường lộ rất nguy hiểm, nên quan huyện phái quân lính đến hộ tống. Tôi từ chối, chỉ đem theo đệ tử là Tu Viên. Một bộ tăng y cùng một bình bát, chúng tôi khởi hành. Khi đến Sở Hùng, gặp loạn quân, họ khám xét kỹ càng. Vì tìm thấy lá thơ của đề đốc họ Đường, nên họ liền đánh tôi. Tôi nói: "Chư vị đánh tôi làm gì. Xin cho tôi gặp tướng thủ lãnh của chư vị."

Họ liền đưa tôi đến gặp hai thủ lãnh, Dương Thiên Phúc và Ngô Học Hiển. Họ hỏi: "Thầy là ai?"

Tôi đáp: "Tôi là hòa thượng núi Kê Túc."

Hỏi: "Thầy tên chi?"

Đáp: "Tôi tên Hư Vân."

Hỏi: "Thầy lên tỉnh lỵ có việc gì?"

Đáp: "Tôi lên tỉnh lỵ để làm Phật sự."

Hỏi: "Làm Phật sự cho ai?"

Đáp: "Tôi vì nhân dân mà làm Phật sự. Cầu nguyện Tam Bảo gia hộ cho dân chúng được tiêu trừ thiên tai hoạn nạn."

Hỏi: "Họ Đường là thằng giặc, kẻ tồi bại. Tại sao Thầy lại giúp hắn. Thầy qua lại với hắn. Vậy Thầy cũng là người tồi bại!"

Đáp: "Ngài nói họ Đường là người xấu, thật rất khó xác định!"

Hỏi: "Tại sao khó xác định?"

Đáp: "Nói về việc tốt thì mọi người đều tốt cả. Nói về việc xấu thì mọi người đều xấu hết."

Hỏi: "Thầy nói cái gì?"

Đáp: "Giả sử Ngài cùng họ Đường vì dân vì nước mà tạo phước, cho đến các thuộc hạ của chư vị cũng thế, thì ai ai cũng là người tốt hết. Nói về việc xấu, Ngài bảo họ Đường là kẻ tồi bại, mà ông ta cũng bảo rằng các Ngài là kẻ tồi bại. Chư vị đều có thành kiến, như nước với lửa, cùng đem quân giết hại lẫn nhau, lại sát hại nhân dân. Như vậy có phải chư vị đều là người xấu hết phải

không? Nhân dân theo bên tả là giặc, mà theo bên hữu là cướp. Vậy đáng thương họ lắm không?"

Cả hai thủ lãnh nghe tôi phân trần đều cười và bảo: "Thầy nói thế không sai. Vậy phải làm thế nào mới đúng?"

Tôi đáp: "Theo ý tôi thì chư vị đừng nên đánh nhau nữa. Xin hãy hòa giải."

Họ Ngô nói: "Thầy bảo chúng tôi phải đầu hàng ư?"

Tôi đáp: "Không phải như thế! Tôi nói rằng chư vị hãy nên hòa giải kia. Chư vị đều là những người hiền sĩ của đất nước. Nếu muốn đem hòa bình an lạc lại cho quốc gia, việc quan trọng trước nhất là chư vị hãy dẹp bỏ thành kiến, để cùng nhau an dân cứu nước. Đó có phải là việc tốt lắm không?"

Họ Ngô đáp: "Vậy phải bắt đầu như thế nào?"

Tôi đáp: "Bắt đầu với họ Đường."

Họ Ngô nói: "Không thể thương lượng với hắn được. Hắn giết hại và giam cầm quân chúng tôi rất nhiều. Phải nên báo thù. Nói việc ra hàng, thì làm sao chấp nhận được."

Tôi đáp: "Tiên sinh chớ hiểu lầm! Tôi nói Ngài nên thương thuyết với họ Đường, vì hiện giờ ông ta là quan của chính quyền trung ương, có quyền uy trong tay. Tương lai Ngài cũng có thể làm quan vậy. Việc ông ta giết nhiều người của Ngài, để khi đến Côn

Minh, tôi sẽ làm Phật sự, cầu siêu cho các âm hồn chiến sĩ trận vong. Đối với những người đang bị nhốt, tôi sẽ xin ông ta thả ra hết. Chư vị nếu không lắng nghe lời tôi giải bày, cứ gây chiến tranh với nhau, thì thắng bại khó bàn. Tuy có quân, nhưng so với họ Đường thì chư vị không thể sánh bằng. Ông ta có quân lính, tiền tài lương thực, và được chính quyền trung ương hỗ trợ. Uy thế của ông ta mạnh hơn chư vị rất nhiều. Hôm nay, không phải tôi đến đây khuyên chư vị ra hàng, nhưng vì thuận tiện cùng có chút duyên lành, nên mới tỏ rỏ sự tình. Lại nữa, tôi chỉ ước mong đất nước được thanh bình, nhân dân an lạc, để người ngoại quốc không khinh dân tộc mình."

Họ Ngô và họ Dương đều cảm động, lại ủy thác tôi làm đại biểu. Tôi nói:

"Không dám đâu! Xin chư vị hãy viết một tờ hòa ước. Nếu có cơ hội, tôi sẽ đưa thơ này và thương thuyết với họ Đường."

Hai họ Ngô và Dương nghe xong, liền cùng nhau luận bàn cả ba ngày, rồi viết ra sáu điều hòa ước:

1/ Trước khi hòa giải, hãy thả hết tất cả người của chúng tôi.

2/ Không thể giải tán quân binh của chúng tôi.

3/ Không được hủy bỏ chức vụ binh quyền của chúng tôi.

4/ Quân đội của chúng tôi phải do chúng tôi chỉ huy, tiếp quản.

5/ Không được truy xét tội lỗi chiến tranh giữa hai quân đội lúc trước.

6/ Sau khi hòa giải, phải đối xử bình đẳng với quân của hai bên.

Tôi nói: "Những hòa ước này, chắc sẽ không thành vấn đề gì đâu! Đợi tôi thương thuyết với họ Đường, rồi sau đó sẽ đem công văn và phái tùy viên đến đón tiếp."

Họ Ngô nói: "Thật làm phiền Ngài. Sự việc nếu thành, chúng tôi cảm ơn Ngài rất nhiều."

Tôi đáp: "Xin đừng cảm ơn! Tôi làm việc này, chẳng qua chỉ do thuận tiện mà thôi."

Họ Ngô và Dương ưu đãi tôi rất trịnh trọng. Tối đến chúng tôi lại đàm đạo những chuyện khác, rất vui vẻ. Họ muốn giữ tôi lại, nhưng vì chuyện gấp, nên hôm sau tôi liền từ giã. Ăn sáng xong, họ cúng dường tiền lộ phí, thức ăn, xe ngựa, đồ vật, lại phái người đi theo hộ tống. Tôi khước từ hết cả, chỉ nhận đồ ăn để đi đường. Ra khỏi doanh trại khoảng nửa dặm, đột nhiên có một nhóm người chạy đến, quỳ ngay trước mặt, cúi đầu xuống đất. Nhận ra họ chính là những quân sĩ đánh tôi hôm qua. Họ đồng thanh thưa: "Xin Bồ Tát tha lỗi cho chúng con."

Tôi an ủi họ và bảo rằng việc ác chớ làm, hãy nên làm việc lành. Tất cả họ đều cảm động, rơi lệ, rồi đi khỏi.

Khi đến Côn Minh, họ Đường phái tùy viên đến đón tiếp, đưa tôi về đài Chúc Long, chùa Viên Thông. Tối đến, ông mời tôi vào dinh trại gặp mặt. Ông nói: "Đã bao năm không được gặp Ngài. Trong thời gian ấy, bà nội, cha mẹ, vợ, anh em, đã lần lượt qua đời. Tâm con không an. Cộng thêm, bọn cướp trong vùng địa phương luôn hoành hành, làm dân lành điêu đứng, tướng sĩ thương vong, cô hồn đói rét. Vì thế, con nghĩ đến ba việc: Thứ nhất là tổ chức lễ cầu nguyện chư Phật gia bị cho dân chúng được tiêu trừ tai nạn, và cầu siêu cho các vong hồn vất vưởng. Thứ hai là kiến lập một đại tùng lâm tại chùa Viên Thông để hoằng dương Phật pháp. Thứ ba là xây một trường đại học đạo đức thiện lành để giáo dục thanh niên. Việc thứ ba đã có người của con lo liệu, còn việc thứ nhất và thứ hai, ngoài Ngài ra thì không ai có thể đảm nhận nổi."

Tôi đáp: "Ngài phát hoằng đại nguyện, trên thế gian này thật khó có được, vì đây là sự phát tâm của Bồ Tát. Lão tăng đây trí huệ cạn cợt, không đủ sức để giúp Ngài hết tất cả. Việc kiến lập tùng lâm, trong nước có rất nhiều chư vị cao tăng hiền đức. Lại nữa, chùa Viên Thông không phải là một đại tùng lâm vì chỉ có thể chứa được khoảng vài trăm người thôi. Xin Ngài hãy xem xét lại. Việc lập đàn tràng cầu nguyện, không đến nỗi lâu lắm, tôi có thể giúp Ngài được."

Họ Đường nói: "Ngài bảo rằng chùa Viên Thông không phải là một đại tùng lâm, thật rất đúng. Xin hãy gác lại việc này. Mai mốt sẽ bàn sau, còn việc lập đàn tràng thì như thế nào?"

Tôi đáp: "Tâm Phật là một thể, cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn. Lập đàn tràng là vì nước vì dân, cùng làm lợi ích đến cõi u minh. Theo ngu kiến của lão tăng, trước khi làm phật sự, xin Ngài ba việc: Thứ nhất là khi lập đàn tràng, trong suốt ngày, cấm dân chúng trong huyện không được giết hại loài vật. Thứ hai là hãy nên thả tù nhân ra. Thứ ba là chẩn tế cứu giúp nạn nhân chiến tranh."

Họ Đường đáp: "Việc thứ nhất và thứ ba có thể làm được, còn việc thứ hai thì do bộ hành pháp của chính quyền trung ương quyết định. Con không thể tự ý làm."

Tôi nói: "Việc nước rất nhiều. Chính quyền trung ương khó mà lo hết. Vấn đề này, xin Ngài hãy bàn thảo với bộ hành pháp trong tỉnh thì có thể làm được. Nếu thế thì chư thiên mới ban phước lành đến cho nước nhà."

Họ Đường gật đầu chấp thuận.

Tôi nói thêm: "Tôi vẫn còn một việc muốn thưa với Ngài (tôi liền kể lại việc gặp hai thủ lãnh họ Ngô và Dương trên đường). Xin Ngài hãy thả những tù nhân đó ra, để cảm hóa họ trở về với mình."

Nghe rõ sự tình, họ Đường rất vui mừng, liền bàn thảo việc thả tù nhân và hòa giải chiến tranh.

Gần cuối năm, cư sĩ Ấu Dương, Cảnh Vô, Lữ Thu Dật, từ Thượng Hải đến, quyên góp tịnh tài cho Phật học viện Chi Na, cùng trú tại chùa Viên Thông. Họ thỉnh mời tôi giảng luận Nhiếp Đại Thừa Khởi Tín. Sau đó, tôi ở lại Côn Minh qua năm mới.

(Đại sự trong năm: Tháng chín, chiến tranh Châu Ấu chấm dứt. Từ Thế Xương nhậm chức Tổng Thống.)

Dân Quốc năm thứ 8, 80 tuổi. (1919/20)

Mùa xuân, tại Côn Minh tôi lập đàn tràng Thủy Lục Không nơi chùa Trung Liệt Từ. Khi pháp hội vừa khai mở thì chánh quyền ân xá tù tội, cấm nhân dân giết hại loài vật. Trong kỳ hội lễ, họ Đường phái tùy viên đến gặp hai thủ lãnh họ Ngô và Dương để bàn việc hòa giải. Sau đó, họ Đường ủy nhiệm cho hai họ Ngô và Dương làm trại trưởng. Từ đó, dân vùng địa phương được sống an ổn. Hai vị họ Ngô và Dương, trung thành trước sau không đổi. Có điều lạ kỳ là khi pháp hội vừa khai mở thì tất cả ánh lửa đèn đuốc đột nhiên biến dạng như hoa sen, màu sắc thay đổi rất nhiều. Chư thiện nam tín nữ, tùy duyên đến xem. Ngày bốn mươi chín, khi pháp hội vừa xong, lúc làm lễ tiễn chư Thánh chúng, thì trên trời hiện ra tràng phang bảo cái, bay lẫn trong mây. Nhân dân trong thành thấy rõ, nên quỳ xuống lễ bái. Xong lễ cầu nguyện, họ Đường thỉnh tôi đến nhà tụng kinh cho thân nhân đã mất. Chính ông cũng thấy những điềm lành khác, nên tín tâm càng tăng. Tất cả người trong gia phủ đều thọ giới quy y.

Tôi ở lại Côn Minh qua năm mới.

(Đại sự trong năm: Tiên sinh Tôn Trung Sơn đổi tên đảng cách mạng Trung Hoa thành Trung Hoa Quốc Dân Đảng.)

Dân Quốc năm thứ 9, 81 tuổi. (1920/21)

Họ Đường vẫn thỉnh tôi làm lễ Thủy Lục Không. Lễ xong, tôi tiếp tục giảng kinh. Chùa Hoa Đình ở Tây Sơn, Côn Minh là một ngôi chùa cổ xưa trong nước. Phong cảnh nơi đây rất đẹp. Trong chùa, không có vị thầy nào trụ trì cả. Bấy giờ, có các thầy trong vùng lại muốn bán chùa cho người Tây Phương để làm câu lạc bộ. Chánh quyền địa phương đã đồng ý phê chuẩn. Tôi rất lấy làm tiếc, nên nói với họ Đường rằng hãy nên cố bảo tồn ngôi chùa cổ kính, thuộc hàng danh lam thắng cảnh trong nước. Họ Đường chấp thuận lời yêu cầu của tôi. Ông bí mật bàn với các vị niên trưởng trong vùng như Vương Cửu Linh, Trương Chuyết Tiên. Họ làm một buổi cơm chay, mời tôi đến dự. Trong lúc dùng cơm, họ dâng lên một thiệp hồng, thỉnh mời tôi làm trụ trì chùa Hoa Đình để trùng hưng lại ngôi chùa này. Họ xưng thỉnh như thế ba lần. Tôi liền chấp nhận.

Cuối mùa đông, họ Đường được thuyên chuyển qua nhậm chức tại Hồng Kông.

(Lời thêm của người biên: Lão hòa thượng Hư Vân đầu tiên trụ trì chùa Ngưỡng Dương, Tây Trúc, tức Hộ Quốc, Chúc Thánh thiền

tự. Kế đến, Ngài kiến lập chùa Nhân Thắng ở Côn Minh, chùa Lâu Thiền, chùa Tùng-ẩn ở tỉnh Viên Vân, núi Bích Kê.

Phụ chú: Mùa thu năm đó, tướng Cố Phẩm Trân cùng một số tướng lãnh khác tính đoạt quyền của Đường Kế Nghiêu. Họ Đường có hơn hai mươi sư đoàn, định giao chiến. Ông ta vì cung kính tin tưởng nơi Vân Công nên nửa đêm, thay đồ đổi dạng, đến chùa gặp và cung thỉnh Ngài bàn kế hoạch. Vân Công nói: "Ngài thâu phục được lòng dân tỉnh Vân Nam mà chưa được lòng hết tất cả tướng sĩ. Nếu dùng vũ lực thì khó phân thắng bại giữa hai quân đội, mà người ngoại quốc có thể lợi dụng cơ hội này để xâm chiếm Vân Nam. Tốt nhất là Ngài hãy nên tạm bỏ hư danh để bảo tồn lực lượng, chờ duyên lành ngày sau."

Họ Đường chấp nhận, nên sau đó giả bộ nhường chức cho Cố Phẩm Trân. Đêm ba mươi tháng chạp, ông bỏ Vân Nam đi qua Việt Nam rồi quay về Hồng Kông. Việc này, khi lược thuật trong quyển biên niên, Vân Công không nói rõ chi tiết. Kẻ biên chép lại quyển biên niên, mười năm trước lúc theo hầu, Ngài đã từng kể chuyện này.)

Năm đó, cư sĩ Trương Chuyết Tiên đem hai con ngỗng đến chùa Vân Lâu để phóng sanh, và thỉnh tôi thuyết giới cho chúng. Trong lúc thuyết giới, hai con ngỗng cúi đầu xuống, im lặng, giống như đang thọ nhận giới pháp. Thuyết giới xong, chúng ngẫng đầu lên, tỏ vẻ vui mừng. Từ đó, chúng thường theo đại chúng đồng lên chánh điện. Đại chúng niệm Phật; chúng lắng nghe. Đại chúng đi

nhiễu Phật; chúng cũng đi theo sau nhiễu Phật. Cứ như thế mà không đổi. Người người đều mến thích chúng. Qua ba năm, ngày nọ, con ngỗng cái lên trước chánh điện, vỗ cánh ba lần, ngưỡng đầu lên ngắm nhìn tượng Phật rồi chết, nhưng dạng trạng vây lông vẫn không biến đổi. Sau đó đại chúng đặt nó vào thùng gỗ rồi thiêu. Con ngỗng đực còn lại, kêu rống không ngừng, dạng như không muốn rời xa bạn nó. Nó không ăn uống cả vài ngày, rồi cũng lên chánh điện, đứng ngắm nhìn tượng Phật, trương hai đôi cánh ra, vỗ một lần rồi chết. Đại chúng cũng đặt xác nó vào một thùng gỗ nhỏ để thiêu, cùng đặt tro của hai con ngỗng này chung một chỗ.

Dân Quốc năm thứ 10, 82 tuổi. (1921/22)

Mùa xuân, Cố Phẩm Trân lên làm đô đốc tỉnh Vân Nam. Tháng hai, trời đổ mưa to không ngớt. Trong thành, phải dùng thuyền mà đi. Mỗi ngày, trên lầu các cửa thành, quân lính dùng súng thần công để bắn tan đi những đám mây lớn, nhưng không hiệu quả. Đến cuối tháng bảy, trời lại hạn hán cả vài tháng. Đến mùa đông, nước sông cạn dần cho đến đáy. Nạn hạn hán như vầy, chưa từng xảy ra ở tỉnh Vân Nam. Trong mùa thu, bịnh bạch hầu lan tràn khắp tỉnh, khiến bịnh chết cả ngàn người. Khi ấy, tôi đang trú ngụ tại chùa Hoa Đình (sau đổi tên là Vân Lâu), cùng thượng nhân Câu Hành đồng trụ, gặp năm xấu này, mọi công việc Phật sự đều tạm đình chỉ. Sáng nọ, chúng tôi đồng đi vào thành, đến trưa mới về. Trên đường, lúc tạm dừng chân nghỉ ngơi bên

dưới một tàng cây, chúng tôi phát hiện một gói đồ lớn. Mở ra xem thì thấy các đồ vật nữ trang quý báu như vòng xuyến, vàng ngọc, trâm vàng, chuỗi vàng, đồng hồ, tám ngàn đồng tiền tỉnh Vân Nam, hơn chục ngàn tiền nước Pháp. Xem xong, chúng tôi gói lại, ngồi chờ chủ nhân đến nhận. Trời đã chập tối, đường về chùa lại quá xa, nên chúng tôi mang gói đồ này trở về, định hôm sau sẽ trở lại, và đăng báo tìm chủ nhân.

Lúc băng qua sông, sắp đến chân núi, chúng tôi chợt thấy một cô gái vừa nhảy xuống sông, rồi từ từ chìm xuống. Tôi liền nhảy xuống cứu cô ta lên bờ, biết được rằng cô ta muốn tự tử. Chúng tôi dẫn cô ta về chùa, cho y phục cùng thức ăn, nhưng không chịu ăn, chỉ lấy y phục thôi. Chúng tôi ân cần an ủi khuyên nhủ; hồi lâu, cô ta nói rằng cô vốn họ Chu, người Trường Sa, sanh trưởng ở Vân Nam. Mười tám năm về trước, cha bán thuốc tại đường Phúc Xuân trong thành, chỉ sanh được cô. Lớn lên, được viên tướng vùng địa phương họ Tôn, đến nhà cầu hôn với cô, tự nói là chưa vợ, nên cha mẹ cô đều tin tưởng. Hôn lễ xong, đi về nhà chồng thì mới biết được là ông ta đã có vợ. Biết mình bị lừa, thì đã quá trể. Vợ ông tánh khí hung dữ, thường đánh đập cô rất tàn nhẫn. Cha chồng cố hòa giải nhưng vẫn không được. Cha mẹ cô lại sợ thế lực của tướng họ Tôn nên không làm gì được. Cho đến hôm nay, cầu sống không được, cầu chết cũng không xong. Vì vậy, cô bỏ nhà trốn đi, đem theo một ít tư trang tài vật, muốn đến núi Kê Túc cầu xuất gia với tôi. Do không biết đường đến núi, nên cô ta đi lạc cả hai ngày. Lại bị mất gói đồ, nên cô ta chỉ còn

chọn con đường chết. Do đó mới nhảy xuống sông tự tử. Tôi bảo cô ta miêu tả lại những vật dụng đã bị mất. Cô ta kể rõ những vật dụng bị mất, thật đúng như những vật mà chúng tôi đã nhặt được bên tàng cây lớn. Tôi trả lại gói đồ và bảo các thầy trong chùa thuyết đại ý quy y Tam Bảo cho cô nghe. Hôm kế, báo tin cho họ Chu biết. Hai nhà họ Tôn và họ Chu cùng với gia quyến cha mẹ thân thích, cả thảy hơn ba mươi người, đồng đến chùa hòa giải.

Khi ấy, tôi thuyết pháp cho họ nghe. Sau đó, họ Tôn, chồng lẫn vợ đồng quỳ trước chánh điện, lập thệ sám hối những tội lỗi trước, rồi ôm nhau mà khóc. Người đến thăm chùa rất cảm động. Cả hai họ đều ở lại chùa ba ngày. Trai gái, già trẻ, đều phát tâm quy y Tam Bảo, thọ giới, rồi trở về nhà.

Dân Quốc năm thứ 11, 83 tuổi. (1922/23)

Năm đó, tôi sửa sang lại chùa Hoa Đình (tức chùa Vân Lâu). Phía tây hồ Côn Minh có núi Bích Kê, là nơi vị thái tử thứ hai của vua A Dục ở Ấn Độ có ghé qua. Ông thấy một đàn chim phượng hoàng bay ngang qua, nên quyết định ở lại tu hành cần mẫn, rồi đạt đạo, lấy hiệu là Thần Bích Kê, nay cũng chính là tên núi. Các đỉnh núi giống như mái che, sau này được gọi là chùa Hoa Đình. Đời nhà Nguyên có thiền sư Huyền Phong đắc pháp dưới tòa của quốc sư Trung Phong tại Tây Thiên Mục, đến đây khai sáng núi, lấy hiệu là Viên Giác. Người sau lại đổi tên núi là Hoa Đình.

Năm trước, khi ngôi chùa cổ này sắp bán cho người ngoại quốc, tôi liền nói với họ Đường chuộc lại. Sau đó ông thỉnh tôi làm trụ trì, thúc đẩy việc sửa chữa. Dưới lòng đất chùa, đào lên, nhặt được một viên đá cẩm thạch, có khắc chữ "Vân Lâu", niên đại Nhân Diệt. Đá cẩm thạch được đặt trên tháp Hải Hội của chúng xuất gia. Thái sử họ Trần cúng dường vườn hoa của trường nông lâm nghiệp, mà khi trước, thuộc về khu đất của chùa Thắng Nhân.

Tôi xây hạ viện chùa Vân Lâu nơi đó, lại kiến lập điện đường phòng ốc, cùng sửa chữa chùa Thái Hoa, chùa Tùng-ẩn. Dưới chân núi, xây chùa Chiêu Đề, đổi tên thôn thành thôn Chiên Đề. Sau lưng núi, có một khu rừng rậm, nơi chúng tôi thường đến đốn củi để mang về chùa. Hôm nọ, chợt có người nhặt được một gói đồ lớn, mà trong đó có vàng bạc, cùng hơn hai trăm ngàn đồng. Tôi định đem giao cho chánh phủ để dùng vào việc cứu tế dân nghèo, nhưng đại chúng ngăn cản, bảo là hiện tại chùa đang thiếu thốn, nên giữ lại cho chùa. Tôi bảo: "Theo luật Phật chế thì người xuất gia không được giữ đồ vật rơi rớt. Nay nhặt được mà muốn giữ, tức là phạm giới. Đồ này là vật phi nghĩa, không thể giữ lại cho chùa được. Chư vị có thể đem tiền của mình mà cúng dường Tam Bảo, để trồng vào ruộng phước. Người xuất gia có thể đi hóa duyên nếu cần. Tôi không dám lấy vật nhặt được mà đem vào làm của cho chùa."

Đại chúng nghe thế, liền đồng ý đem gói đồ này cho chính phủ để cứu giúp dân nghèo.

Hai năm liền, tỉnh Vân Nam liên tiếp bị nạn hạn hán, dân chúng đói rách bịnh khổ. Bịnh bạch hầu lan tràn, khiến vô số người chết. Từ tướng sĩ đến dân chúng, không ai không nghĩ đến ân đức họ Đường, nên cùng nhau bàn luận, thỉnh mời họ Đường trở về Vân Nam nhậm chức đô đốc.

Sau khi trở về nhậm chức, họ Đường đi thẳng đến chùa, thỉnh tôi lập đàn tràng cầu mưa. Tôi thiết lập đàn tràng cầu nguyện. Trong ba ngày, trời đổ mưa to, (lúc ấy là tháng năm, không phải mùa mưa), nhưng bịnh bạch hầu vẫn lan tràn. Họ Đường nói: "Con nghe rằng nếu trời đổ tuyết thì bịnh bạch hầu này sẽ hết, nhưng nay mùa xuân sắp hết, làm thế nào để có tuyết rơi?"

Tôi nói: "Tôi sẽ thiết lập đàn tràng nữa. Ngài hãy thành tâm cầu nguyện!"

Họ Đường ăn chay giữ giới. Tôi tụng kinh lễ sám. Qua hôm sau, tuyết rơi dầy cả thước. Bịnh bạch hầu đột nhiên chấm dứt. Ai ai cũng đều tán thán Phật pháp thật không thể nghĩ bàn.

Dân Quốc năm thứ 12, 84 tuổi. (1923/24)

Trong năm, lúc sửa chữa tháp Hải Hội cho bảy chúng xuất gia, vừa đào nền móng sâu xuống vài tấc thì phát hiện ra một cái hòm, trên có ghi: "Phu nhân họ Lý, người Phiên Dương, đời Gia

Tỉnh thứ tư (1525-26)." Mở nắp hòm ra, thấy gương mặt bà hồng hào như còn sống. Lúc hỏa táng, ngọn lửa biến thành hình hoa sen. Sau đó, tro của bà được đặt vào tháp Uu Bà Di. Tất cả ngôi mộ bên phải của chùa đều được hỏa táng. Tro được đặt hết vào trong tháp Hải Hội. Giữa những ngôi mộ, có một bia tháp của tỳ kheo Đạo Minh, niên hiệu Đạo Quang đời Thanh (1821-50). Tỳ kheo Đạo Minh lúc nhỏ hai chân bị tàn tật, cha mẹ gởi vào chùa tu. Sau khi thọ giới cụ túc, thầy phát tâm lạy Đại Bi Sám Pháp, trì niệm thánh hiệu Bồ Tát Quán Ấm. Đêm nọ, mơ thấy Bồ Tát Quán Ấm hiện ra bảo hãy đi tắm. Tắm xong, không thấy Bồ Tát đâu hết, mà hai chân cảm thấy rất khỏe khoắn. Hôm sau, khi bước xuống giường, hai chân đi được như bình thường. Từ đó, trí huệ Thầy ngày một tăng trưởng, nên cả đời luôn trì thánh hiệu Bồ Tát Quán Ấm. Trên nắp hòm, kiến cắn nhặm thành một tháp nhỏ hình tám cạnh, có bảy từng. Như thế, chứng minh sự tu trì cẩn mật của Thầy.

Dân Quốc năm thứ 13, 85 tuổi. (1924/25)

Năm ấy, tôi sửa sang lại tất cả tháp chư tổ sư toàn núi cùng tháp bảy vị Phật. Tổng cộng là mười sáu ngôi tháp. Lại sơn phết các tôn tượng Phật, Bồ Tát, năm trăm vị A La Hán trong tất cả chùa chiền. Nơi đại hùng bảo điện chùa Thắnh Nhân, đúc ba tượng Phật bằng đồng, và sửa lại chánh điện Tây Phương, cùng vẽ ba ngôi thánh tượng v.v...

Mùa xuân, kỳ truyền giới chấm dứt. Thiền sư Cụ Hành tự thiêu mà vãng sanh. Tôi có ghi lại sự việc như sau:

"Ký thuật về hạnh nghiệp của thiền sư Cụ Hành:

Thầy tên Nhật Biện, tự Cụ Hành, người tỉnh Hội Lý. Lúc nhỏ, cha mẹ mất sớm. Có người họ Tăng thương tình đem về nuôi nấng. Lớn lên, lại gả con gái cho. Sau đó, sanh ra hai đứa con. Gia đình luôn nghèo cùng túng thiếu. Tám người trong gia đình thường đến chùa làm công quả. Năm Tuyên Thống nguyên niên, lúc tôi vận chuyển Đại Tạng kinh về núi, liền truyền giới. Khi ấy, Thầy được hai mươi tuổi, hướng dẫn toàn gia đình đến chùa cầu xin xuất gia. Mặt Thầy xấu, lại không biết chữ, nhưng ban ngày khổ hạnh trồng rau quả, tối đến lễ lạy sám hối, niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Âm, tập tu thiền, tự học tụng kinh, không nhờ người chỉ dạy, chỉ tự lực tinh tấn. Năm Dân Quốc thứ tư, Thầy xin ra ngoài tham học.

Đến năm Dân Quốc thứ chín, lúc tôi trụ trì chùa Vân Lâu ở Côn Minh, Thầy trở lại nhận chức trồng rau sau chùa. Thầy thường lên chánh điện tụng kinh, may vá y áo cùng đệm giường gối cho tăng chúng, không từ gian lao khổ nhọc. Ngày ngày trồng rau. Nếu có dư thừa rau cải thì đem cho người khác để gieo duyên, không giữ thực phẩm riêng cho mình. Thầy rất ít nói chuyện vãn. Khi tôi trú tại hạ viện chùa Thắng Nhân, nhận thấy mật hạnh của Thầy, thật khó ai bì kịp.

Kỳ truyền giới trong năm, Thầy cầu xin thọ giới tỳ kheo, rồi trở lại hạ viện tu hành. Đến ngày hai mươi chín tháng ba, dùng cơm trưa xong, Thầy qua chùa Thắng Nhân, ra sân sau chánh điện, tự lấy rơm rạ lót chung quanh, đắp y ca sa, ngồi xếp bằng trên đó, tay trái cầm khánh dẫn lễ, tay phải cầm dùi gõ mõ, mặt hướng về phía tây niệm Phật, rồi tự đốt rơm. Vài chục người trong chùa, không biết Thầy đi đâu, liền chạy ra ngoài, thấy lửa cháy rần rần. Họ đến gần, thấy Thầy đang ngồi bất động trong đóm lửa, mà y ca sa vẫn y như cũ, chỉ có mõ là bị cháy. Người trong chùa chạy đến báo tin cho tôi hay. Vì đang bận chuẩn bị cho kỳ truyền giới Bồ Tát vào mồng tám tháng tới, nên không thể xuống núi được, liền viết thơ mời Vương Trúc Thôn, trưởng ban tài chánh tỉnh lỵ, và Trương Chuyết Tiên, trưởng cục thủy lợi, thay mặt tôi làm lễ an táng cho Thầy. Họ Vương và họ Trương thấy việc kỳ lạ này, liền thuật lại với đề đốc họ Đường. Họ Đường dẫn toàn gia quyến đến xem. Họ thấy thân Thầy ngồi nghiễm nhiên bất động, tay vẫn còn cầm khánh. Khi vừa lấy chiếc khánh ra khỏi tay thì toàn thân Thầy bỗng tan rụi thành tro bụi. Tất cả đại chúng đều sanh thâm thâm tín. Họ Đường đề nghị rằng lễ an táng thầy Cụ Hành phải do chánh phủ đảm trách trong ba ngày. Người đến chiêm lễ cả hàng chục ngàn người. Họ Đường đem chiếc khánh đó cùng một bản văn sơ lược tiểu sử thầy Cụ Hành, giao cho thư viện tỉnh bảo quản.

(Đại sụ trong năm: Tháng giêng, Quốc Dân Đảng tuyên bố là đảng trị quốc. Tháng năm, khai mở trường quân giáo tại Hoàng

Bộ. Tháng mười, chiến tranh giữa hai tỉnh Giang-Triết. Tháng mười một, họ Tào từ chức, họ Ấn lên chấp chánh chính phủ lâm thời. Tiên sinh Tôn Trung Sơn trở về Bắc Kinh.)

Dân Quốc năm thứ 14, 86 tuổi. (1925/26)

Mùa xuân, sau kỳ truyền giới, tôi ở lại chùa giảng kinh. Giảng xong, nơi thiền đường, khai mở một tuần thiền thất. Vùng núi của chùa, rất rộng lớn, cây cối um tùm, cần phải đốn bớt. Tôi nhờ người trong thôn đến cùng với đại chúng đốn củi, rồi phân làm nhiều loại, chia cho họ nửa phần. Họ đều vui vẻ.

Năm đó, tỉnh Vân Nam cải đổi, bỏ chức đề đốc tỉnh trưởng. Họ Đường từ chức, trở về ở ẩn, thường lui tới núi đàm đạo.

(Đại sự trong năm: Tiên sinh Tôn Trung Sơn qua đời tại Bắc Kinh. Tháng sáu, thành lập chánh phủ Dân Quốc tại Quảng Châu.)

Dân Quốc năm thứ 15, 87 tuổi. (1926/27)

Nhiều biến cố xảy ra trong năm. Binh lính trú tại nhà dân. Dân chúng không ai sống được an ổn, lại không dám ra ngoài đồng gặt hái trong mùa lúa chín vì sợ binh lính. Tôi đến doanh trại lính, bàn thảo với các tướng chỉ huy. Sau đó, họ ra lịnh cho quân lính là không được cản trở khi có tăng chúng cùng nông dân ra đồng gặt lúa. Vì thế, vài ngàn nông dân cùng đến chùa ở. Lúc đầu, cùng đồng ăn cơm. Kế đến, phải ăn cháo. Cuối cùng, hết gạo, chỉ uống nước thôi. Dân chúng thấy tăng chúng đồng cam cộng khổ

như thế, nên rất cảm động. Khi hiện tình quân binh được an ổn thì dân chúng đồng trở về nhà. Kể từ đó, dân chúng hết lòng giúp đỡ, bảo hộ chùa chiền, thật rất thành tâm.

Từ lúc tôi trụ trì chùa Vân Lâu, mỗi năm đều mở kỳ truyền giới, giảng kinh, khai thiền thất. Năm nay, trong kỳ truyền giới, trước chánh điện, có những cây mai khô đột nhiên nở trăm chùm hoa, dạng trạng như hoa sen. Tất cả cây cỏ trong vườn trước và sau chùa, tự nhiên nở hoa sen màu xanh. Trong mỗi hoa sen, có nhụy hoa giống như một tượng Phật đứng. Trương Chuyết Tiên có ghi khắc lại việc lạ lùng, hiếm có này trên đá, bằng một bài thơ.

(Đại sự trong năm: Tháng bảy, tiên sinh Tưởng Trung Chánh nhận chức tổng tư lệnh đảng Cách Mạng Dân Quốc, dẫn binh ra bắc chinh phạt. Tháng chín, chiếm Võ Xương. Tháng mười một, chiếm Cửu Giang. Tháng chạp, chánh phủ Dân Quốc dời về Vũ Hán.)

Dân Quốc năm thứ 16, 88 tuổi. (1927/28)

Trong năm, tôi vẫn truyền giới, giảng kinh, khai thiền thất. Đồng thời, tôi cho xây cất thêm các điện, mái ngói, phòng ốc, cùng đúc đại hồng chung U Minh.

(Đại sụ trong năm: Tháng tư, chính phủ Dân Quốc kiến lập thủ đô tại Nam Kinh. Tháng sáu, Trương Tác Lâm xưng Đại Nguyên Soái

tại Bắc Kinh. Tháng chạp, chính phủ Dân Quốc cùng quân Cộng Sản tuyệt giao.)

Dân Quốc năm thứ 17, 89 tuổi. (1928/29)

Vì muốn đúc thêm tượng Phật, nên tôi cùng với cư sĩ Vương Cửu Linh đi Hồng Kông để quyên góp tịnh tài. Khi ấy, tướng Trần Chân Như phái tùy viên đến Hồng Kông đón chúng tôi về Quảng Châu. Chúng tôi trú tại viện Gi Dưỡng, rồi cùng đến chùa Năng Nhân, núi Bạch Vân. Họ Trần thỉnh tôi trụ trì chùa Nam Hoa, Tào Khê, nhưng tôi khước từ. Tôi đến Hạ Môn, qua Phước Châu, rồi trở về núi Cổ Sơn giảng kinh. Xong, tôi tới chùa A Dục Vương, lạy xá lợi Phật, rồi trở lại núi Phổ Đà. Hòa thượng Văn Chất đưa tôi đi Thượng Hải, trú tại am Hương Sơn, chùa Long Quang. Cuối thu, hòa thượng Đạt Công tại Cổ Sơn viên tịch. Đại chúng cử người đến Thượng Hải gặp tôi. Vì gần cuối năm, nên tôi ở lại Thượng Hải qua năm mới.

(Đại sự trong năm: Trương Tác Lâm trở về Phụng Sơn, nhưng trên đường đi, bị phục kích chết. Tháng chạp, ba tỉnh miền đông khởi cờ hiệu. Chính phủ Dân Quốc thống nhất Trung Quốc.)

Dân Quốc năm thứ 18, 90 tuổi. (1929/30)

Tháng giêng, tôi từ Thượng Hải trở về Cổ Sơn. Đô đốc hải quân Dương Huyền Kinh, chủ tịch và cựu chủ tịch tỉnh Phước Kiến đồng dẫn quan dân sĩ thứ đến thỉnh mời tôi ở lại trụ trì chùa Cổ Sơn.

Nghĩ lại, đây là nơi tôi xuống tóc xuất gia, thừa thọ ân Thầy Tổ, khó mà từ chối, nên tôi phải chấp nhận chức trụ trì.

Dân Quốc năm thứ 19, 91 tuổi. (1930/31)

Qua một năm ở tại Cổ Sơn, những việc khó khăn rắc rối từ từ được giải quyết. Mùa xuân, trong kỳ truyền giới, tôi thỉnh hòa thượng Văn Chất làm Yết Ma Giới Sư. Tháng giêng, tôi giảng kinh Phạm Võng. Trong vườn Phương Trượng, có hai cây phượng vĩ lớn. Theo lời kể của các vị cổ đức thì một cây do chính tay thái tử Mân Vương trồng, còn một cây thì do tổ sư Thánh Triết trồng, vào đời Đường, đã hơn một ngàn năm. Hai cây phượng vĩ này mọc rất chậm. Mỗi năm chỉ sanh ra một hoặc hai lá thôi. Cả hai cây cao khoảng mười thước, chưa từng nở hoa. Tương truyền, một ngàn năm mới nở hoa một lần. Trong kỳ truyền giới, hai cây phượng vĩ này đột nhiên nở hoa rộ khắp. Dân chúng xa gần đến xem, lưu luyến đạo tình. Hòa thượng Văn Chất có viết một bài kệ ngắn về việc kỳ lạ này. Tôi cũng có đề một bài kệ như sau:

"Ưu đàm bát la phi phàm phẩm,

Tùy Phật thị hiện kim hoa,

Thế gian thải phượng xưng dương thụy,

Hiện đáo kiết tường hỷ khả gia,

Huyền sơn trượng thất lưỡng thiết thọ,

Nhân ngôn thử hủy hướng vô ba,

Định thị chủ lâm thần ủng hộ,

Cố tương nhân thọ phóng lưu hà.

Dịch:

Hoa Ưu Đàm Bát, vật phi phàm,

Y theo Phật thị hiện hoa vàng,

Chiếu soi điềm lành khắp thế gian,

Hiện việc tốt lành vui vẻ thay,

Hai cây phượng nơi thất núi huyền,

Người bảo cây chưa từng nỏ hoa,

Chắc là do thần cây ủng hộ,

Cố phóng ánh quang vì nhân thọ."

Dân Quốc năm thứ 20, 92 tuổi. (1931/32)

Tôi vẫn ở Cổ Sơn tu sửa chùa viện, truyền giới giảng kinh, lập Phật học viện giới luật, xây am Bình Sở, am Vân Ngọa và các tự viện.

Dân Quốc năm thứ 21, 93 tuổi. (1932/33)

Mùa xuân năm ấy, trong kỳ truyền giới tại Cổ Sơn, đột nhiên có một ông lão, tóc trắng như tuyết, dung mạo thanh cao, kỳ dị, đi thẳng vào thất phương trượng, quỳ xuống cầu giới. Tôi hỏi ông tên gì. Ông đáp rằng họ Dương, người Mân Nam, Đài Kiều. Có một vị mới vừa thọ giới, tên Diệu Tông, cũng là người Đài Kiều, nói rằng chưa từng gặp qua ông lão đó. Sau khi truyền giới Bồ Tát, lúc cấp giới điệp xong, thì không thấy tông tích ông lão đâu cả. Lúc Diệu Tông trở về Đài Kiều, đến am Long Vương, thấy một bức tượng ngồi nghiễm nhiên, giống như ông lão, lại thấy giới điệp trong tay của tượng thần. Nam Đài chấn động, truyền nhau rằng Long Vương cầu thọ giới. Cũng trong kỳ truyền giới đó, có lão cư sĩ người Quảng Đông, là học giả triều Thanh, tên Trương Ngọc Đào, sáu mươi sáu tuổi, đến núi cầu giới. Tôi mời ông quản lý trông coi kinh tạng ở Cổ Sơn. Kỳ truyền giới chấm dứt, tôi thỉnh lão pháp sư Từ Chu tại pháp đường giảng giới Căn Bản của Bốn Phần Luật, cùng thỉnh hai vị pháp sư Tâm Đạo, Ẩn Thuận làm giáo thọ.

(Đại sự trong năm: Tháng giêng, quân Nhật chiếm Cẩm Châu, tấn công Ấp Bắc nơi Thượng Hải. Quốc dân kháng chiến. Tháng ba, Đoàn Nghị tại Trường Xuân tức nước Mãn Châu, chính thức lên cầm quyền.)

Dân Quốc năm thứ 22, 94 tuổi. (1933/34)

Trong kỳ truyền giới, vào mùa xuân, tôi thỉnh lão pháp sư Ứng Từ giảng kinh Phạm Võng. Tháng giêng, quân Nhật chiếm cửa ải Sơn

Hải, làm nhân tâm lo sọ, kinh hãi. Đạo quân thứ mười chín tại Phước Kiến đặt trong tình trạng báo động. Các chùa miếu tự viện trong toàn tỉnh, đình chỉ việc cho khách tăng tạm trú tại chùa, chỉ có Cổ Sơn là nơi vẫn còn tiếp đãi khách tăng. Khoảng năm sáu trăm tăng chúng cư ngụ tại núi. Việc phân phát lương thực thật khó khăn, nhưng mỗi người vẫn được một phần cháo vào buổi sáng và một phần cơm vào buổi trưa.

Tháng sáu, xây xong công viên phóng sanh. Trong các con ngỗng do cư sĩ Trịnh Cầm Tiều mang tới phóng sanh, có một con rất kỳ lạ. Nó nặng hơn mười sáu ký. Khi nghe tiếng mõ khánh đánh, nó trương hai đôi cánh và ngưỡng cổ ra. Khi vào chánh điện, nó giương mắt nhìn tượng Phật suốt cả ngày. Một tháng sau, nơi chánh điện, trước tượng Phật, nó đứng thẳng mà chết, nhưng không ngã xuống đất. Trịnh cư sĩ rất kinh ngạc, liền thỉnh chư tăng đem nó đi thiêu đốt. Tháng bảy, khi thiêu thì xác nó không bốc ra mùi gì hết. Một ngôi mộ được đào để chứa tro cốt của các động vật.

(Đại sự trong năm: Tháng giêng, quân Nhật xâm nhập cửa ải Sơn Hải. Tháng ba, chúng chiếm Nhiệt Hà, tấn công Hoa Bắc.)

Dân Quốc năm thứ 23, 95 tuổi. (1934/35)

Mùa xuân, một bước tiến nữa để hoàn hảo chương trình giáo dục nơi Phật học viện tại Cổ Sơn là thỉnh lão pháp sư Từ Chu làm viện chủ. Tháng hai, vào đêm nọ, trong lúc tọa thiền, tâm tôi dường

như đang mộng mà cũng chẳng phải mộng, thấy Lục Tổ đại sư đến bảo: "Đã đến lúc rồi, Thầy hãy trở về!"

Hôm sau, tôi bảo đệ tử là Quán Tâm: "Duyên đời của Thầy chắc không còn lâu đâu. Hôm qua Lục Tổ đại sư gọi Thầy trở về!"

Thấy Quán Tâm buồn bả, tôi an ủi. Đến giữa tháng tư, đêm nọ, mộng ba lần, thấy Lục Tổ thúc giục tôi trở về. Thật là việc lạ kỳ. Chẳng bao lâu, tôi nhận điện tín từ chính quyền tỉnh Quảng Đông. Họ muốn thỉnh tôi về sửa chữa đạo tràng Lục Tổ. Tôi nghĩ đến thánh địa đó, hiện tại rất cần tu bổ sửa sang. Trước kia, lần sửa chữa cuối cùng là do ngài Hám Sơn (1546-1623) đảm trách. Thế nên, tôi mang hành lý đi về Lĩnh Nam.

Khi xưa, tướng quân Lý Hán Hồn lúc đóng quân tại vùng phía bắc tỉnh Quảng Đông, tận mắt thấy chùa Nam Hoa bị hư hoại nặng nề, nên tự sửa sang đôi chút, từ tháng chín năm 1933 đến tháng tám năm 1934. Mùa đông, tại chùa Nam Hoa, chư hộ pháp cố thỉnh tôi truyền giới. Vì phòng ốc, điện đường bị hư hoại, sụp đổ, nên chúng tôi tạm cất những mái chòi tre để cho cả trăm tăng chúng cư ngụ. Quan thân sĩ thứ vùng Quảng Châu và Triều Châu cùng quyến thuộc đến thọ giới quy y. Mười bảy tháng chạp, kết đàn tràng tại chánh điện. Tối đến, đang khi truyền giới Bồ Tát, có một con hổ đến, như thể muốn thọ giới quy y, khiến toàn thể đại chúng đều hoảng sợ. Tôi truyền tam quy y và thuyết giới cho hổ. Nó có vẻ như hiểu biết mà thọ nhận, rất thuần thục. Thọ giới xong, nó liền bỏ đi.

(Phụ chú: Mùa đông năm Dân Quốc thứ hai mươi ba, kiến lập đạo tràng xong. Tối nọ, khi bốn chúng cùng quan dân sĩ thứ đồng tụ hội tại chánh điện, thì Giang Khổng Ấn, lúc đang đứng trên lầu các, phát hiện ra trước cửa chùa Nam Hoa có hai luồng ánh sáng chói lòa. Đến gần, thấy rõ đó là hổ, nên ông ta liền la lên. Quân lính cầm súng định bắn thì kịp lúc Vân Công bước ra cản lại. Hổ liền quỳ xuống. Vân Công thuyết tam quy y, cùng dạy nó rằng hãy nên ẩn trong núi thẩm rừng sâu, chớ có ra ngoài hại người. Hổ cúi đầu ba lần rồi đứng dậy, đi trở vào rừng, nhưng với điệu dạng rất quyến luyến. Kể từ đó, mỗi năm hổ đều xuất hiện một hai lần. Vài lúc, núi rừng tuyệt không dấu tích các loài cầm thú khác vì nghe tiếng rống của hổ. Vân Công đôi khi đi ra gặp nó, vỗ về an ủi lời lành thiện. Việc hổ già quy y Tam Bảo thật rất kỳ lạ. Được nghe Vân Công trong lúc thuyết giới có nói bài kệ:

"Hổ biết quy y Phật,

Tánh chánh không hai,

Tâm người, tâm thú,

Đồng tạng quang minh."

(Đại sự trong năm: Phổ Nghị tại Trường Xuân, Mãn Châu xưng đế, cải hiệu là Đại Đồng.)

Dân Quốc năm thứ 24, 96 tuổi. (1935/36)

Mùa xuân, tướng Lý Hán Hồn được thuyên chuyển về vùng phía đông tỉnh Quảng Đông. Thế nên chúng tôi mất đi một vị đại hộ pháp. Việc kiến lập tự viện ngày một khó khăn. Sau kỳ truyền giới, theo lời thỉnh mời của Đông Hoa Tam Viện, tôi qua Hồng Kông, kiến lập đàn tràng Thủy Lục Không tại vườn Đông Liên Giác Uyển. Phật sự xong, tôi trở về Cổ Sơn, từ chức trụ trì. Tôi thỉnh lão hòa thượng Thạnh Huệ kế nhậm chức trụ trì. Sau đó, tôi liền trở lại chùa Nam Hoa. Việc đầu tiên là tôi cho tu bổ lại chánh điện thờ chư Tổ Sư, xây điện thờ Bồ Tát Quán Ấm, và cất phòng xá. Tháng chạp, nơi phía bắc đình Phục Hổ, thuộc phía nam suối Trác Tích, có ba cây tùng cổ xưa, trồng từ đời Tống (960-1279), đã khô héo trong vài trăm năm, nay đột nhiên ra lá. Thủ tọa Quán Bổn có ghi lại việc lạ kỳ này. Bài ký sự được cư sĩ Sầm Học Lữ khắc trên đá tại chùa.

Dân Quốc năm thứ 25, 97 tuổi. (1936/37)

Mùa xuân, việc tu sửa điện đường phòng xá từ từ được hoàn tất. Tổng thống Dân Quốc, ông Lâm Tử Siêu, bộ trưởng, ông Cư Chánh, tướng Tưởng Trung Chánh v.v..., lần lượt đến chùa Nam Hoa. Hai ông, Lâm Tử Siêu và Cư Chánh, hộ trợ việc xây cất trùng tu đại điện. Tướng Tưởng Trung Chánh cúng dường tiền để mướn nhân công đào sửa lại con suối chạy ngang qua chùa. Tuy nhiên, vào lúc cuối, không cần nhân lực, nhưng vẫn hoàn thành. Thật biết ơn chư long thần hộ pháp đã gia hộ.

(Phụ chú: Con suối chảy ngang chùa Nam Hoa, xưa vốn cách xa khoảng một trăm bốn mươi thước. Vì lâu năm không đào vét, nên cát đá lấp đi, khiến nước chảy về hướng bắc, thẳng đến cửa chùa. Để đưa con suối trở lại hướng cũ, phải cần mướn khoảng ba ngàn nhân công, tốn kém rất nhiều. Ngày hai mươi tháng bảy, chuẩn bị khởi công thì tối hôm đó, trời đổ mưa to, rơi xuống như muôn ngàn con ngựa đang chạy đua. Sáng hôm sau, dứt mưa, nước tràn ra bờ suối, chảy dài theo hướng mà chúng tôi ước muốn. Đất đá của con suối trước, đắp thành bờ đê cho con suối sau này, cao cả vài thước. Dường như long thần hộ pháp đã giúp đỡ chúng tôi sửa lại hướng của con suối này.)

Dân Quốc năm thứ 26, 98 tuổi. (1937/38)

Sau kỳ truyền giới vào mùa xuân, thể theo lời thỉnh cầu của hội cư sĩ Tuệ Viên, tôi đi giảng kinh tại Quảng Châu. Khi ấy, có các vị Lạt Ma người Tây Tạng cùng vài mươi người đến gặp tôi. Tăng chúng ở vùng Phật Sơn, thỉnh tôi đến đó làm lễ khai quang cho bảo tháp tại chùa Nhân Thọ. Kế đến, tôi lại trở về chùa Nam Hoa lo coi sóc công trình xây dựng các tự viện.

(Đại sự trong năm: Ngày bảy tháng bảy, quân Nhật vây cầu Lô Giang. Quân dân thối lui về Bắc Bình. Chiến tranh Trung-Nhật lan tràn khắp nơi. Tháng chạp, Nam Kinh bị vây hãm. Chánh phủ Dân Quốc tuyên bố dời đô về Trùng Khánh.)

Dân Quốc năm thứ 27, 99 tuổi. (1938/39)

Kỳ truyền giới vào mùa xuân xong, tôi đến Tuệ Viên giảng kinh. Giảng xong, tôi đi Hồng Kông, đến vườn Đông Liên Giác Uyển, kiến lập pháp hội Đại Bi Sám Pháp. Qua mùa thu, tôi trở lại chùa Nam Hoa.

Dân Quốc năm thứ 28, 100 tuổi. (1939/40)

Vào mùa xuân, trong kỳ truyền giới, các tỉnh đều bị binh đao loạn lạc. Tăng chúng đến chùa cầu thọ giới rất đông. Tôi đề nghị là trong tình cảnh loạn ly, chiến tranh tàn khốc, binh sĩ cùng dân chúng bị thương vong rất nhiều, phàm là người Phật tử, mỗi người phải phát tâm, thiết lễ đàn tràng, mỗi ngày sám hối hai giờ, cầu siêu độ cho các vong linh vất vưởng, cùng cầu nguyện tiêu tai giải nạn. Tôi cũng đề nghị là toàn thể đại chúng nên giảm bớt khẩu phần ăn của mình để dùng vào việc cứu giúp dân chúng. Lời đề nghị của tôi được chấp thuận và thi hành.

(Đại sự trong năm: Ngày mồng một tháng chín, thế chiến thứ hai tại Châu Ấu phát khởi.)

Dân Quốc năm thứ 29, 101 tuổi. (1940/41)

Sau kỳ truyền giới vào mùa xuân, Quảng Châu bị vây hãm. Quân dân hai chánh phủ thối lui, trở về Triết Giang. Tăng chúng các nơi đổ dồn về chùa đông đúc. Tôi vẫn trùng tu chùa Đại Giám tại Triết Giang, làm hạ viện của chùa Nam Hoa, để tiện việc tới lui. Lại trùng tu chùa Nguyệt Hoa để tiếp đón tăng chúng.

(Đại sự trong năm: Tháng giêng, Uông Tinh Vệ cùng Nhật Bổn ký mật ước bán nước, cũng gọi là chánh phủ Dân Quốc, đóng đô tại Nam Kinh.)

Dân Quốc năm thứ 30, 102 tuổi. (1941/42)

Mùa xuân, sau khi truyền giới, tôi cấp tốc công trình xây dựng các điện đường mái ngói. Khoảng tám chín mươi người ra công sức xây cất chùa. Trong hai năm, có các đệ tử cùng chư thiện tín đến cúng dường được khoảng hơn hai trăm ngàn đồng. Tôi giao cho chính quyền địa phương dùng vào việc cứu giúp dân nghèo. Tôi không muốn giữ chút nào hết, vì dân chúng tỉnh Triết Giang đang bị chịu cảnh thiếu ăn, đói khổ khắp nơi. Năm nay, Triết Giang thành lập hội Phật Giáo Quảng Đông, đề cử tôi làm chủ tịch và cư sĩ Trương Tử Kiêm làm phó chủ tịch.

(Đại sự trong năm: Tháng chạp, chiến tranh tại Thái Bình Dương bộc phát. Quân Nhật công hãm Hồng Kông, Tân Gia Ba, Phi Luật Tân, Ngưỡng Quang, cùng các nước khác.)

Dân Quốc năm thứ 31, 103 tuổi. (1942/43)

Trong kỳ truyền giới, có thọ thần đến cầu thọ giới, rất là kỳ lạ. Giám viện Quán Bổn có ghi lại như sau:

"Vào lúc truyền giới, chợt có một hành giả đến, cầu thọ giới tỳ kheo. Khi được hỏi danh tánh là gì, người ở đâu, bao nhiêu tuổi, thầy thế độ là ai, có mang đủ ba y ca sa, một bình bát không, thì

trả lời rằng Thầy vốn họ Trương, người Triết Giang, ba mươi bốn tuổi, không có thầy thế độ, cũng không có ba y ca sa và một bình bát. Vì lòng chân thành, nên Thầy được ban cho tất cả vật dụng cần thiết để thọ giới xuất gia, cùng với pháp danh là Thường Nhục. Trước khi được thọ giới, Thầy làm rất nhiều công việc nặng nhọc trong chùa như quét dọn lau chùi trong ngoài tự viện. Tính tình trầm mặc, không nói chuyện chi với ai. Khi được cho lên đàn thọ giới thì nhất nhất đều theo giới luật. Đến khi tam đàn đại giới sắp kết thúc, tức sau đàn truyền giới Bồ Tát, thì không ai tìm thấy Thầy đâu hết, mà y ca sa, giới cụ vẫn còn để lại giới đường. Việc này, từ từ mọi người cũng quên hẳn. Trước kỳ truyền giới năm sau, Vân Công mộng thấy vị thầy kia đến xin lại giới điệp. Được hỏi rằng Thầy đi đâu sau khi lễ truyền giới chấm dứt thì trả lời rằng Thầy ở chung với thần đất nơi đó chứ không đi đâu hết. Tỉnh dậy, Vân Công biết đó là thọ thần khi trước đến cầu thọ giới, nên bảo tăng chúng đem giới điệp đó đến dưới gốc cây cổ thụ bên cạnh chùa, nơi miếu thổ địa, mà đốt để trả lại cho thọ thần."

Trong mùa hạ và mùa thu, tôi sửa lại am Vô Tận cho ni chúng trú ngụ. Chùa Đại Giám vừa được xây xong, nhưng công trình trùng tu chùa Nam Hoa vẫn chưa hoàn tất. Đồng thời, tôi luôn phải lo lắng những việc thế gian lẫn xuất thế gian tại Cổ Sơn. Không lúc nào được rảnh rỗi. Lại có máy bay Nhật cứ mãi quấy nhiễu không yên.

(Phụ chú: Từ lúc Nhật chiếm Quảng Châu, tỉnh phủ của chính phủ Dân Quốc dời về Triết Giang. Các tướng tá cao cấp thường lui tới chùa Nam Hoa. Tình báo Nhật biết được rằng chùa thường là nơi hội họp của chính phủ Dân Quốc. Ngày nọ, vào tháng bảy, quả nhiên có rất nhiều vị cao cấp trong chính phủ Dân Quốc đến chùa. Máy bay Nhật vì thế cứ lượn vòng quanh chùa mãi. Vân Công biết nguy hiểm sắp đến, nên bảo tăng chúng cùng mọi người nên trở về phòng xá, còn Ngài thì vào Tổ đường, một mình đốt hương, ngồi xếp bằng, tọa thiền. Lát sau, máy bay thả bom xuống vào một lùm cây bên bờ suối ngoài chùa, nhưng không nổ. Sau đó, một đoàn máy bay lại cứ lượn vòng quanh chùa mãi. Đột nhiên, có hai chiếc trong đoàn máy bay, tự đâm vào nhau, rồi rớt xuống, cách chùa khoảng bốn mươi dặm tại vùng Mã Bá. Cả người và máy bay đều tan xác. Từ đó, máy bay Nhật không còn dám bay ngang chùa trong những chuyến vào Nam ra Bắc nữa.)

Tháng mười một, tổng thống chính phủ Dân Quốc, họ Lâm, cùng các bộ trưởng, phái hai vị cư sĩ Chuyết Ánh Quang và Trương Tử Khiêm đến chùa thỉnh tôi qua Trùng Khánh, kiến lập pháp hội tiêu tai giải nạn. Ngày sáu tháng mười một, tôi khởi hành đến Hành Ngạc, dâng hương. Tướng Lý Tể Thâm cùng Quế Lâm phái Kế Quốc Trụ đến tiếp đón. Khi đến núi Nguyệt Nha nơi tướng Lý Tể Thâm đóng binh thì bốn chúng tại gia lẫn xuất gia đến tiếp đón tôi. Lúc đến Quý Châu, qua chùa Kiểm Minh, hòa thượng Quảng Diệu thỉnh tôi thượng đường khai thị. Đến Trùng Khánh, gặp các đại diện chính quyền cùng các tự viện đến nghinh tiếp. Sau khi

gặp tổng thống họ Lâm và trưởng ban tổ chức họ Đái, chúng tôi cùng bàn thảo việc tổ chức pháp hội tại hai chùa Từ Vân và Hoa Nam.

Dân Quốc năm thứ 32, 104 tuổi. (1943/44)

Tháng giêng, tôi làm lễ sám, pháp hội cầu tiêu tai giải nạn. Đến ngày hai mươi sáu mới chấm dứt. Tổng thống họ Lâm, tướng họ Tưởng, bộ trưởng họ Đái, tướng họ Hà, v.v..., lần lượt mời tôi dự cơm chay. Tướng họ Tưởng vấn hỏi Phật pháp rất thâm sâu, từ luận duy vật duy tâm đến các tôn giáo hũu thần như Cơ Đốc giáo, Thiên Chúa giáo v.v... Mọi chi tiết, tôi đều trả lời bằng thơ từ (có phần phụ chú, sẽ bàn sau). Tại chùa Từ Vân, chùa Hoa Nham, tôi lên tòa thuyết pháp. Thị giả là Duy Nhân có ghi lại chi tiết. Tháng ba, tôi trở về Nam Hoa sửa chữa tháp Hải Hội của bảy chúng. Khi đào đất lên thì thấy bốn cái hòm trống, không có hài cốt. Mỗi cái dài một thước sáu tấc, cùng một thẻ màu đen, hình vuông, khoảng tám tấc, trên hòm có khắc hình chim, động vật, biểu tượng thiên văn học, nhưng không ghi rõ ngày tháng. Tháng sáu, khai mở học viện giới luật để giáo hóa thanh niên tăng. Lại thành lập trường tiểu học tại làng Bảo Lâm cho các con em thuộc gia đình nghèo khó trong làng. Mùa đông, hoàn thành xây cất tháp Hải Hội.

(Đại sự trong năm: Tổng thống họ Lâm từ trần. Tưởng Trung Chánh lên nhậm chức tổng thống.)

Dân Quốc năm thứ 33, 105 tuổi. (1944/45)

Trong năm 1940, sau khi trùng tu lại chùa Tào Khê, đạo tràng Lục Tổ Huệ Năng xong, tôi cùng thầy Phước Quả đi Triết Giang, Khổng Nguyên để tìm đạo tràng Long Thọ, nhưng không thấy. Khi đến núi Vân Môn, giữa các bụi cây cỏ lác, gai góc, chúng tôi tìm được di tích một ngôi chùa cổ xưa và nhục thân của vị tổ sáng lập ra đạo tràng Vân Môn. Hai lần thấy tổ đình bị hư hoại đến mức thậm tệ, tôi không thể cầm được nước mắt. Xót thương thay, một vị tăng tên là Minh Không đã ở đó từ năm 1938. Thầy đơn độc chịu dựng gian nan, rét buốt để lo hương khói cho Tổ Sư. Chùa nếu không được sửa sang thì tương lai sẽ bị hư hoại hoàn toàn, chìm vào trong quên lãng. Lúc trở lại chùa Nam Hoa, tôi có thương lượng với chủ tịch Lý Tể Thâm, tướng Lý Hán Hồn, v.v... Sau này, tướng Lý Hán Hồn khi đi kinh lý qua vùng Khổng Nguyên đến núi Vân Môn, thấy chùa Đại Giác thiền tự bị hư hoại sụp nát như chùa Nam Hoa thuở trước, nên ông mới bàn với chư tăng và các thân hào địa phương, thỉnh mời tôi lo việc trùng tu ngôi tổ đình. Tôi chấp nhận, giao chức trụ trì chùa Nam Hoa cho đệ tử là Phục Nhân. Tôi được các ngài Lý Tể Thâm, Lý Hán Hồn, Châu Hồng giao tích trượng Vân Môn cùng một số tiền lớn để trùng hưng lại chùa. Dự đoán là chiến tranh sẽ lan tràn đến chùa Nam Hoa, nên tôi bí mật thỉnh chuyển nhục thân của Lục Tổ Huệ Năng và ngài Hám Sơn cùng các pháp bảo khác trở về núi Vân Môn. Lúc mới đến Vân Môn, tôi thấy hầu hết các chùa viện đều bị hư hoại hoang tàn, ngoại trừ chánh điện thờ tổ Vân Môn, nhưng

cũng sắp tàn hoại. Tôi trú sau chánh điện Quán Ấm, định việc trùng tu lại các ngôi tự viện trên núi. Tháng mười, chùa Nam Hoa tổ chức đàn tràng Thủy Lục Không, thỉnh tôi về làm Pháp Chủ.

Dân Quốc năm thứ 34, 106 tuổi. (1945/46)

Giữa mùa xuân và hạ, quân Nhật chiếm đóng vùng phía bắc tỉnh Quảng Châu. Các huyện luôn bị vây hãm. Thành Khổng Nguyên cũng bị bao vây. Dân chạy nạn chiến tranh đến Vân Môn rất nhiều. Không đủ thức ăn. Đại chúng đồng cam cộng khổ. Mới đầu thì còn được ăn cơm, ăn cháo, sau lại đến uống bột gạo. Trong những người chạy nạn, có thợ mộc, thợ đào ống cống, thợ đun ngói gạch, gần cả trăm người. Họ cùng làm việc sửa chữa lại tự viện phòng xá mà không lấy tiền công. Thế nên, công lao của họ rất lớn trong việc trùng tu chùa viện trên núi.

Mùa hè, khi dân quân di chuyển qua căn cứ phòng vệ nơi khác, thì một nhóm cướp địa phương chặn đường, đánh phục kích. Quân lương bị tổn thất nặng nề. Đại quân tiếp viện đến, định đánh quân cướp trong vùng, bao bọc khoảng hơn bốn mươi làng. Thế nên, cả ngàn người, già trẻ, gái trai cùng mang đồ chạy nạn lên núi. Các bô lão trong vùng đến chùa cầu tôi giúp đỡ, thương lượng với quân binh. Vì thế, tôi đi thẳng đến doanh trại các vị tướng tá, bàn luận cả ba ngày. Tôi cũng kêu gọi nhóm cướp địa phương trả lại những quân nhu đã lấy được. Nhóm cướp này đồng ý, trả lại tất cả đồ vật cho quân binh. Do đó, cuộc sống dân lành

trở lại bình thường. Từ đó, dân chúng kính thương chư tăng như mẹ hiền.

Quân Nhật tuy bao vây huyện thành, mà không dám quấy phá núi Vân Môn, nên dân trong vùng tránh được nạn chiến tranh.

(Đại sự trong năm: Tháng sáu, Mỹ thả bom nguyên tử tại Quảng Đảo, Nhật Bổn. Tháng chín, quân Nhật tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, trao thơ đầu hàng tại Nam Kinh. Tháng mười, chánh phủ Dân Quốc chiếm lại Đài Loan.)

Dân Quốc năm thứ 35, 107 tuổi. (1946/47)

Thế chiến thứ hai chấm dứt. Mọi người trở về quê quán làm ăn sinh sống bình thường. Tại chùa Nam Hoa, tôi vẫn truyền giới giảng kinh vào mùa xuân. Mùa thu, chính phủ ra lệnh các tự viện trong toàn nước phải tụng kinh, truy điệu, cầu siêu cho các vong linh tử sĩ. Quan dân sĩ thứ ở Tuệ Viên thỉnh tôi đến làm Pháp Chủ. Ngày mười bảy tháng chín, tại chùa Tịnh Huệ, tôi thiết lập đàn tràng tràng cầu siêu. Trong chùa có một cây đào, đột nhiên nở hoa, nhụy đài tinh khiết như lưu ly, thực chưa từng có. Trên trăm ngàn người đến xem, rất thích thú. Cư sĩ Tăng Bích Sơn hái hoa đào làm tượng Cổ Phật. Cư sĩ Hồ Nghị Sanh vẽ một bức tranh về hoa đào kỳ diệu này. Pháp hội xong, quan dân sĩ thứ ở Hồ Sán thỉnh tôi đến chùa Khai Nguyên tại Hồ Châu hoằng dương Phật pháp. Người thọ giới quy y rất đông. Mùa đông, đệ tử lớn của tôi là Quán Bổn thị tịch.

(Đại sự trong năm: Chánh phủ Dân Quốc trở về đóng đô tại Nam Kinh.)

Dân Quốc năm thứ 36, 108 tuổi. (1947/48)

Mùa xuân, tôi vẫn đến chùa Nam Hoa truyền giới giảng kinh. Mùa hạ, Đông Hoa Tam Viện thỉnh tôi qua Hồng Kông lập pháp hội cầu an. Đến Hồng Kông, tôi trú tại trường Sùng Lan do cư sĩ Tăng Bích Sơn tiếp đãi. Ông cũng trợ giúp tôi làm Phật sự. Người thọ giới quy y vài ngàn người. Cư sĩ Khoan Vinh, Lý Dân Hân thỉnh tôi qua Ma Cao giảng kinh, khai thiền thất. Người đến quy y cũng vài ngàn người. Cư sĩ Mã Thi Truyền thỉnh tôi đến Thạch Kỳ, huyện Trung Sơn, lập pháp hội Đại Bi Sám Pháp. Người quy y cũng vài ngàn người. Phật sự xong, tôi trở về Vân Môn đốc thúc công trình xây dựng lại các tự viện.

Dân Quốc năm thứ 37, 109 tuổi. (1948/49)

Mùa xuân, truyền giới xong, tôi đi Tuệ Viên để khai sáng nhà thương Phật giáo Chí Đức. Tôi lại đến Hồng Kông giảng kinh tại Từ Hàn Tịnh Uyển nơi Sa Điện. Giám viện Trí Lâm thỉnh tôi khai mở tuần niệm Phật thất, thuyết ba quy y, năm giới cấm, lại qua Đông Liên Giác Uyển làm lễ bái sám, rồi trở về Vân Môn. Tháng năm, pháp sư Giới Trần thị tịch tại Vân Nam. Một bà người Mỹ tên là Ananda Jenning đến chùa cầu giới, học thiền đả thất, rất hoan hỷ.

(Phụ chú: Trong năm, có bà người Mỹ tên là Ananda Jenning, mến mộ thiền đức của Vân Công, từ ngàn dặm xa xôi, đáp máy bay qua Hoa Lục để cầu Vân Công chỉ dạy. Bộ ngoại giao Hoa-Mỹ báo tin. Vân Công chấp thuận. Đầu tiên, bà gặp Vân Công tại Hồng Kông. Bà lược thuật lý do muốn gặp Vân Công là vì thích nghiên cứu Phật pháp. Cha bà vốn là bác sĩ người Thiên Chúa giáo. Bà đã từng nghiên cứu về Thần giáo hơn hai mươi năm, nhưng không hiểu rõ cho lắm, nên mới đi khắp nơi học hỏi nghĩa lý Phật pháp. Sau đó bà qua Ấn Độ tu hành, nhập thất bốn năm, được chút sở đắc, nhưng vẫn còn chỗ nghi, nên nay không quản muôn dặm đường, tìm thầy học đạo. Sau đó, bà được đưa về chùa Nam Hoa, thọ giới quy y, pháp danh là Khoan Hoằng. Vân Công khai mở thiền thất. Bốn chúng đến chiêm lễ, tham gia rất đông. Ngày đầu khai mở thiền thất, Vân Công thượng đường khai thị:

"Nói về việc này, gốc vốn đã viên thành. Nơi thánh không tăng, nơi phàm không giảm. Như Lai bị luân hồi trong sáu đường. Nơi nào cũng nghe đến. Quán Ấm lưu chuyển trong mười loài. Loài nào cũng đều như thế. Nếu vậy thì cần cầu chi, tìm ở nơi nào? Tổ Sư nói: 'Nếu có thị phi thì tự tâm rối rít. Khi thuyền chưa chạy thì đã bị ăn gậy rồi.'

Thật đáng thương thay! Của báu trong nhà mà không tự mở ra. Đến chòi tranh tìm tranh. Đó chỉ vì một niệm vô minh, tâm cuồng

không dứt, ôm đầu chạy đi tìm đầu, nước để trước mặt mà kêu khát.

Chư đại đức! Tại sao phải khổ công đến đây? Vì chư vị không thích phí tiền cho đôi dép rách, nên tôi cũng không sợ mở miệng xấu ra mà nói!"

Lúc ấy, Vân Công hô to: "Ông già Thích Ca đã đến! Tham quán."

Chư vị trưởng lão cũng ban pháp nhủ, khai thị đại chúng. Môn hạ, đệ tử Vân Công là Độ Luân, pháp danh Tuyên Hóa, đối đáp cùng với bà Ananda Jenning.

Thầy Tuyên Hóa hỏi: "Bà từ phương xa, trải qua bao cực khổ, nay đến đây, với mục đích gì?"

Đáp: "Vì tôi muốn học Phật pháp."

Hỏi: "Học Phật pháp thì phải biết cách chấm dứt dòng sanh tử luân hồi. Vậy ý bà đối với sanh tử như thế nào?"

Đáp: "Gốc vốn không sanh tử, thì cần gì phải thoát ra."

Hỏi: "Nếu không sanh tử, thì cần gì phải học Phật pháp?"

Đáp: "Xưa nay không có Phật. Người học là Phật."

Hỏi: "Phật có đủ ba mươi hai tướng tốt. Khi Ngài đặt ngón chân lên đất, thì dấu ấn phát quang. Vậy bà được gì?"

Đáp: "Được cùng không được, chỉ là lời nói nhảm thôi."

Hỏi: "Diệu giải của bà, lời lời đều hợp cả. Tuy thế, nói ăn mà bụng vẫn đói. Vậy một câu cứu cánh, bà thử nói xem?"

Đáp: "Cứu cánh vốn không câu. Lời nói, gốc cũng không có. Nếu không dẹp bỏ lời nói tạp, làm sao biết được tánh giác vốn là mẹ của muôn vật!"

Hỏi: "Những lời của bà, đều hợp với ý Tổ, nhưng nếu còn biết một chữ, tức là cửa ngỏ của tai họa. Bà đã giải nhập được rồi. Vậy dám hỏi chứ rời ngôn ngữ, tuyệt không câu cú, bản lai diện mục của bà là gì?"

Đáp: "Kinh Kim Cang nói rằng a nậu đa la tam miệu tam bồ đề tức không phải a nậu đa la tam miệu tam bồ đề."

Thầy Tuyên Hóa bảo: "Tuy thế, mạng căn không thể cắt đứt bằng tri kiến. Hy vọng bà hãy nhìn rõ vào."

Đáp: "Tôi ít xem kinh Phật. Sau bốn năm nhập thất, ra ngoài bàn luận cùng người, ai ai cũng nói rằng lời tôi luôn hợp với Phật pháp, nhưng lời tôi không phải dựa vào kinh điển, cũng không dựa vào tri kiến."

Thầy Tuyên Hóa bảo: "Tuy không từ kinh điển, mà được lúc tĩnh tọa ngồi thiền. Đó là do trí tuệ tiềm ẩn phát ra. Nó cũng chính là tri kiến vậy."

Bà hỏi: "Phật pháp trọng thật chứng, không trọng tri kiến. Như thế nghĩa là gì?"

Thầy Tuyên Hóa nói: "Không câu nệ kinh luận, không chấp trước tánh tướng, đầu đầu là đạo, nơi nơi là chân lý. Chỉ miễn cưỡng nói 'Như Thị' đó thôi!"

Sau đó bà theo Vân Công đến Vân Môn lễ tổ, rồi ở lại khoảng nửa tháng, mới trở về Mỹ. Bà nói rằng khi trở về nước sẽ xiển dương Phật pháp.

Bà là người Mỹ đầu tiên qua Hoa Lục cầu học giáo nghĩa thâm sâu trong Phật pháp. Bà tuy có chỗ chứng đắc, nhưng vì ngôn ngữ không thông, nên khi đến Hồng Kông và chùa Nam Hoa, tham gia thiền thất, được cư sĩ họ Nhan phiên dịch trong các buổi đối thoại. Những bài khai thị của Vân Công, cũng được cư sĩ họ Nhan phiên dịch. Vân Công thuyết pháp, nghĩa lý tinh thâm, khiến bà có thể lãnh hội viên thông. Thật là một thắng duyên hy hữu.)

Dân Quốc năm thứ 38, 110 tuổi. (1949/50)

Sau khi truyền giới trong mùa xuân, tôi liền trở về Vân Môn, trùng tu toàn thể điện đường. Sơn phết mạ vàng, làm bàn tọa cho hơn bốn mươi thánh tượng lớn nhỏ. Công trình sửa sang chánh điện, mái ngói, phòng xá, đến nay đã hoàn tất được chín mươi phần trăm. Cư sĩ Phương Dưỡng Thu thỉnh tôi qua Hồng Kông để làm lễ khai quang Phật đường. Tôi cũng đến tịnh xá Bát Nhã

giảng kinh, rồi lưu lại Hồng Kông một tháng. Sau đó trở về núi Vân Môn, nhờ cư sĩ Sầm Học Lữ viết biên sử của núi Vân Môn.

(Phụ chú: Khi Vân Công đến Hồng Kông do sự thỉnh cầu của cư sĩ Phương Dưỡng Thu. Ngày nọ, tôi thưa Vân Công: "Bạch Thầy! Thế giới thay đổi quá mau chóng. Con phải đi đâu để giũ gìn sự tu tập của mình?"

(Cộng sản Trung Quốc nắm chính quyền trong toàn quốc)

Vân Công đáp: "Người học đạo, chỗ ở là khắp mọi nơi. Nếu con xả bỏ hết tất cả, thì chỗ ở lại chính là đạo tràng tu tập. Con hãy an tâm."

Tôi hỏi: "Bạch Thầy! Các tự viện trong đất liền đều sẽ bị ảnh hưởng mạnh mẽ vì thời cuộc biến chuyển. Sao Thầy không ở lại đây tạm thời để thuyết pháp, làm lợi ích chúng sanh?"

Vân Công đáp: "Ở đây, các vị tăng khác, có thể thuyết pháp độ sanh được. Thầy còn trọng trách chăm lo các tự viện trong đất liền. Đó là lời nguyện của Thầy. Đối với Thầy, tâm vượt ngoài chỗ đến đi, nhưng trong đất liền, tất cả chùa chiền tự viện hiện giờ đang nằm trong tình trạng hỗn loạn. Nếu Thầy ở lại đây thì ai sẽ lo lắng cho hàng chục ngàn tăng ni đang chạy lánh nạn? Làm sao tâm Thầy an được? Vì vậy, Thầy phải trở về đất liền.")

Nơi Vân Môn, Ngài lo lắng hoàn tất công trình trùng tu tự viện. Ngài luôn dạy đồ chúng giữ gìn giới luật cho tinh nghiêm. Lúc ấy,

trên núi, tăng chúng có cả ngàn vị, nương tựa học đạo nơi Ngài. Họ tự trồng lúa để sinh sống và tu hành.)

Dân Quốc năm thứ 39, 111 tuổi. (1950/51)

Trong mùa xuân, Ngài cũng vẫn đến chùa Nam Hoa để truyền giới, khai kỳ thiền thất dài hạn. Trong những người tham gia thiền thất, có vị được khai ngộ.

Ngài trở về Vân Môn thâu nhặt hết tất cả những bản văn sao, thảo kinh để được hiệu đính biên tập. Đây là việc làm không dễ dàng vì hầu hết các bản văn thảo kinh sao đó, được Ngài viết trong vài thập niên trước.

Dân Quốc năm thứ 40, 112 tuổi. (1951/52)

Mùa xuân, kỳ truyền giới, bốn chúng đồng vân tập. Trong chùa có hơn một trăm hai mươi người. Tại Vân Môn xảy ra biến cố quan trọng. Ngày hai mươi tháng hai, đột nhiên, hơn một trăm người, không biết từ đâu đến, bao vây chùa. Chúng cấm không ai được ra vào. Đầu tiên, chúng nhốt Vân Công trong phòng phương trượng, do vài tên canh chừng. Sau đó, chúng bắt chư tăng vào hết trong pháp đường, thiền đường. Kế đến, chúng lục soát tất cả đồ đạc trong chùa, từ trên mái ngói, dưới xuống sàn chùa, cùng các tôn tượng Phật Tổ, pháp khí kinh tạng, đều lục lọi kỹ lưỡng. Dầu cả hơn một trăm tên, trong hai ngày liền, mà chúng vẫn không tìm được chi là vật phi pháp. Cuối cùng, chúng bắt giám

viện Minh Không, tăng thức sự Duy Tâm, Ngộ Huệ, Chân Không, Tánh Cảnh, v.v... Chúng cũng lấy đi tất cả giấy tờ, biên nhận, chú giải văn sao, pháp ngữ của Vân Công trong cả trăm năm, rồi bỏ vào bao lớn. Chúng tố cáo chư tăng phạm bao điều tội lỗi. Kỳ thật vì chúng nghe lời gièm pha bảo là trong chùa có chứa vũ khí, quân dụng, súng đạn, vàng bạc, máy phát điện v.v... Đó là những vật mà chúng muốn tìm. Vài hôm sau, tổng cộng là hai mươi sáu vị tăng bị hành hạ đánh đập tàn nhẫn, bức bách hỏi cung về việc cất giấu quân cơ, khí giới, vàng bạc. Mọi người đều bảo không biết. Thầy Diệu Vân bị đánh đến chết. Thầy Ngộ Vân, Thể Trí v.v..., bị tra khảo dã man, đánh gãy tay chân. Bên ngoài, vài vị tăng bị mất tích. Sau mười ngày lục lọi mệt nhọc, chúng chẳng tìm được chi hết, nên cuối cùng, dồn mọi sự tức giận đến Vân Công.

(Thầy Diệu Vân, tên tục là Trương, người Hồ Nam, tốt nghiệp đại học, đã từng giữ chức quan trọng trong ngành kế hoạch thuộc bộ tài chánh. Đến năm ba mươi tuổi mà vẫn chưa vợ. Năm ba mươi tám, theo Vân Công xuất gia, pháp danh Diệu Vân, hiệu Thiệu Môn. Lúc xưa, đối với mạch pháp Vân Môn, vì không biết ai thừa kế, nên Vân Công rất buồn bả. Trong thời gian trùng tu các tự viện ở Vân Môn, Vân Công độ hơn bốn mươi vị xuất gia, muốn họ nối mạch pháp Vân Môn. Vân Công đặt rất nhiều hy vọng vào thầy Diệu Vân trong việc xiển hưng, nối tiếp mạch pháp Vân Môn. Thầy cần mẫn, tu hành khổ hạnh, không phụ lòng mong mỏi của

Vân Công. Khi tai biến đến Vân Môn, thầy bị đánh trọng thương mà chết.)

Mồng một tháng ba, chúng bắt Vân Công qua một căn phòng khác, rồi đóng kín cửa cái, cửa sổ, không cho ăn uống hay ra ngoài tiểu tiện. Ngày đêm chỉ đốt một ngọn đèn nhỏ, mờ mờ ảo ảo như địa ngục. Đến ngày thứ ba, khoảng mười tên thân hình to lớn, đi vào phòng, bức bách tra hỏi Vân Công chỗ cất giấu vàng bạc, tiền tài, vũ khí, quân nhu. Vân Công đáp rằng Ngài không có cất giấu chi hết. Chúng liền tra tấn, đánh đập Ngài. Mới đầu, chúng còn dùng cây, kế đến lại dùng côn sắt đánh đập trao khảo Ngài. Mặt mũi, đầu cổ đều tuôn máu. Gân cốt tay chân thân mình đều bầm dập. Chúng vừa đánh vừa tra hỏi. Lúc ấy, Ngài cố ngồi dậy, xếp bằng nhập định. Cây gỗ, cây sắt bủa xuống thân Ngài tới tấp. Ngài nhắm mắt, không nói năng, kêu la, than vãn lời nào, trạng như nhập định. Hôm đó, chúng đánh Ngài bốn lần như thế. Cuối cùng, chúng quăng Ngài xuống đất. Thấy Ngài bị trọng thương, nghĩ chắc chắn là phải chết, nên chúng kéo nhau bỏ đi. Tối đến, thị giả vào phòng, đỡ Ngài lên giường ngồi thiền.

Ngày thứ năm, nghe Vân Công chưa chết, chúng lại kéo nhau vào phòng, thấy Ngài vẫn đang ngồi thiền nhập định như ngày trước, liền nổi xung, tức tối, lấy cây to đập, kéo lôi xuống đất, mang giày đinh đá đạp. Ngài nằm sóng soài trên đất. Mắt tai mũi miệng đều tuôn máu. Chúng nghĩ rằng kỳ này chắc Ngài phải chết hẳn,

nên kéo nhau bỏ đi. Tối đến, thị giả cũng vẫn vào phòng, đỡ Ngài lên giường, ngồi xếp bằng như trước.

Ngày thứ mười, Ngài từ từ nằm xuống, theo thế kiết tường, như tượng đức Phật nằm lúc nhập Niết Bàn. Suốt cả ngày đêm, thân Ngài không động đậy. Thị giả đốt một cọng rơm, để hơ trước mũi, nhưng không thấy hơi, nên nghĩ rằng Ngài đã viên tịch. Tuy nhiên, thân mình vẫn còn ấm, sắc mặt vẫn tươi tỉnh. Hai thị giả là Pháp Vân và Khoan Thống thay phiên nhau hầu Ngài. Đến ngày mười một, Ngài mở miệng nói đôi lời. Thị giả đỡ Ngài ngồi dậy và thuật lại rằng Ngài đã ngồi nhập định và nằm bao nhiêu ngày rồi. Vân Công bảo rằng: "Thầy tưởng những tai biến này xảy ra chỉ mới vài phút thôi. Thầy nghiệm biết phần số mình sắp hết rồi."

Sau đó, bảo thị giả lấy giấy viết ra biên chép lại những việc gì hiện ra trong lúc Ngài nhập thâm định, và còn căn dặn rằng đừng nói cho ai biết, để phòng sự nghi ngờ, phỉ báng.

Kế tiếp, Ngài cố gắn giọng mà kể:

"Thầy vừa mộng thấy mình đến nội viện cung trời Đâu Suất. Nơi đó, thật rất trang nghiêm kỳ diệu. Trên thế gian này không có nơi nào giống như thế. Gặp Bồ Tát Di Lặc đang ngồi trên tòa cao thuyết pháp. Trong chúng hội có vài mươi vị, vốn là pháp hữu thuở xưa của Thầy, như hòa thượng Chí Thiện chùa Hải Hội ở Giang Tây, pháp sư Dung Cảnh ở núi Thiên Thai, ngài Hằng Chí ở Kỳ Sơn, hòa thượng Bảo Ngộ ở cung Bá Tuế, hòa thượng Thánh

Tâm ở núi Bảo Hoa, luật sư Độc Thể, hòa thượng Quán Tâm ở Kim Sơn, tôn giả Tử Bách v.v...Thầy cung kính chắp tay, rồi được chư vị chỉ tay ra hiệu bảo ngồi bên phía đông, nơi một tòa ngồi trống trải thứ ba. Tôn giả A Nan làm duy na, cùng ngồi kế cận Thầy. Đại chúng cùng nghe Bồ Tát Di Lặc thuyết 'Duy Thức Định'. Đang giảng, đột nhiên Ngài Di Lặc dừng lại, chỉ tay về hướng Thầy và nói: "Con hãy trở về đi!"

Thầy đáp: "Đệ tử nghiệp chướng nặng nề. Không dám trở về."

Ngài Di Lặc bảo: "Nghiệp duyên của con chưa dứt. Nay hãy đi về, rồi sau này trở lại."

Kế đến, Ngài Di Lặc nói kệ:

"Thức cùng tri khác ra sao?

Sóng cùng nước đồng nhau

Chớ phân biệt bình bồn

Chất vàng không phân chia

Lượng tánh ba nhân ba

Một sợi gai nhỏ, một sừng ốc tí ti

Nghi thành ảnh tượng

Tánh bệnh hết khi tư hoặc dứt,

Như thân phàm phu trong nhà ảo mộng

Huyễn không chấp trước

Biết huyễn liền rời xa

Rời huyễn tức giác

Đại giác viên minh

Kính soi muôn vật

Phàm Thánh không hai

An nghiệp lành xấu

Bi nguyện độ sanh

Làm trong cảnh mộng

Đương đầu nghiệp lực trong bao kiếp

Nên tỉnh giác việc xảy ra

Thuyền từ bơi trong biển khổ

Chớ sanh tâm thối thất

Sen nở từ bùn lầy

Có Phật đà ngồi trong đó...

Còn rất nhiều câu kệ, nhưng Thầy quên rồi. Ngài còn dặn bảo Thầy vài điều mà nay không tiện nói ra."

Khổ vui rành mạch. Khi xưa tổ Hám Sơn trong lúc thọ cực hình cũng nhập định như thế. Đối với người chưa chứng ngộ, không thể thấy và thuật lại được những cảnh giới cao siêu như thế.

Qua vài ngày sau, bọn người dã man kia, mắt thấy hạnh nhẫn nhục kỳ đặc của Ngài, nên từ từ sanh tâm khiếp sợ. Tên đầu đảng hỏi một vị tăng: "Tại sao ông thầy già kia bị đánh nhừ tử như thế mà không chết?"

Tăng đáp: "Lão Hòa Thượng vì chúng sanh chịu khổ, lại vì muốn tiêu trừ tai nạn cho chư vị, nên tuy bị đánh đập tàn nhẫn mà không chết. Đợi đến sau này rồi chư vị sẽ hiểu."

Kể từ đó, chúng không còn dám tra tấn đánh đập Ngài nữa. Vì gây ra việc hung bạo này, và vì sợ rằng nếu tin này lọt ra ngoài thì chư Phật tử trong và ngoài nước sẽ phẩn nộ căm tức, nên chúng bao vây xung quanh chùa, kiểm soát gắt gao. Đối với chư tăng, chúng không cho nói chuyện với nhau, hay bước ra khỏi chùa. Ắn uống cũng bị kiểm soát, hạn chế. Cứ thế, kéo dài hơn cả tháng. Vì bị đánh đập tàn nhẫn, Vân Công nhuốm bịnh nặng, ngày một trầm trọng. Mắt không thể thấy, tai không thể nghe. Chư đệ tử sợ Ngài có thể viên tịch nên thỉnh cầu Ngài lược thuật lại cuộc đời tu hành của Ngài. Bản thảo 'Biên Niên Tự Thuật' bắt nguồn từ đây.

Tháng tư, biến cố Vân Môn từ từ lan truyền đến Triều Châu. Đầu tiên, do chư tăng chùa Đại Giác tỉnh Triết Giang thông báo cho chư lão hòa thượng, chư đệ tử xuất gia và tại gia, chư huynh đệ đồng môn của Vân Công, trong và ngoài nước, để cùng nhau tìm cách giải nạn cho Ngài. Về phía Bắc Kinh, họ đánh điện, yêu cầu chính phủ phải điều tra sự vụ kỹ càng.

Nơi Vân Môn, bọn dã man kia từ từ nới lỏng vòng kiềm chế. Chúng lấy đi tất cả đồ vật, lương thực, y phục của chư tăng. Vân Công bị đánh trọng thương, không thể ăn cháo được, mà chỉ uống nước thôi. Khi nghe lương thực trong chùa đều bị lấy đi hết, Ngài than với đại chúng: "Lão già này nghiệp nặng, làm liên lụy đến chư vị. Nay việc đã đến nước này, chư vị hãy phân tán đi phương khác, tìm nơi lánh nạn để tu hành."

Thế nhưng, tăng chúng không muốn bỏ Ngài đi đâu hết. Vì vậy, Ngài bảo đại chúng ra sau núi đốn củi, rồi mang ra chợ, cách chùa hơn hai mươi dặm, bán lấy tiền mua gạo ăn. Đại chúng y theo lời dạy của Ngài, bán củi mua gạo. Từ đó, đại chúng có đủ sức khỏe để đọc kinh, tọa thiền.

Tuần đầu tháng năm, chính quyền Bắc Kinh phái viên chức cùng các nhân viên tỉnh Quảng Đông, đến huyện Khổng Nguyên để điều tra sự vụ. Hôm sau, họ đến núi Vân Môn, dẫn theo các chuyên viên kỹ thuật, đem máy chụp ảnh, máy ghi âm, để điều tra sự việc tại chỗ. Đầu tiên, họ đến Vân Môn thăm hỏi Vân Công: "Bạch Hòa Thượng! Ngài có được khỏe không?"

Lúc ấy, Ngài đang nằm trên giường bệnh. Tai không nghe rõ. Mắt không thấy kỹ. Lại không biết họ là những viên chức cao cấp từ Bắc Kinh xuống. Khi thấy các viên chức và công an địa phương, Ngài im lặng không nói lời nào. Khi họ hỏi rằng Ngài có bị ngược đãi, đồ vật trong chùa có bị mất mát không thì Vân Công cũng không đáp. Sau khi biết rõ lai lịch của họ, Vân Công mới nói họ rằng hãy tự điều tra sự việc thiết thực để báo cáo lên chính phủ Bắc Kinh. Các viên chức an ủi Ngài đôi ba lần, rồi ra lịnh cho chính quyền địa phương thả các vị tăng đang bị nhốt trong tù.

Thế là biến cố Vân Môn xảy ra từ ngày hai mươi bốn tháng hai đến ngày hai mươi ba tháng năm thì chấm dứt, thoát được cảnh khổ đau tang tóc. Trong hai mùa đông, Vân Công vì trọng thương, bịnh nặng nên an dưỡng tại núi. Tăng chúng hơn trăm vị, chặt cây đốn củi, cùng làm đồ thủ công để đem ra chợ bán, lấy tiền mua gạo, sinh sống qua ngày. Dân chúng trong trăm làng ấp vùng lân cận, khi nghe Vân Môn được giải nạn liền kéo đến viếng thăm Vân Công. Chư đệ tử của Vân Công tại Bắc Kinh, trong và ngoài nước, viết thư vấn an và khuyên Ngài nên rời khỏi Vân Môn. Lúc ấy, có điện tín từ Bắc Kinh gởi đến Quảng Đông, ra lịnh cho chính quyền địa phương phải ân cần bảo hộ núi Vân Môn.

Dân Quốc năm thứ 41, 113 tuổi. (1952/53)

Mùa xuân, bịnh tình Vân Công thuyên giảm đôi chút. Ngài hướng dẫn tăng chúng ngồi thiền hành đạo, quên đi thế sự đảo điên. Lúc đó, chính phủ bốn lần gởi điện tín mời Ngài lên Bắc Kinh. Khi các

phái viên đến Vân Môn, đại chúng khuyên Ngài nên hoãn lại. Vân Công đáp: "Nay đã đến lúc phải đi. Hiện tại, toàn thể tăng già trong nước, mỗi mỗi tự thủ thân, thiếu người lãnh đạo, như bãi cát vụn, nếu không đoàn kết, thành một lực lượng cơ cấu vững mạnh thì tai biến sẽ đến mọi nơi chứ không phải chỉ ở Vân Môn. Thầy vì Phật pháp, nên phải ra Bắc."

Sau đó, Ngài giao phó công việc cho chư tăng lão thành ở lại hộ trì tự viện, rồi an ủi đại chúng, chuẩn bị lên đường. Trước khi đi, Ngài có viết kệ:

"Ngồi xem năm vua bốn đời,

Thời thế đổi thay đột ngột

Nếm đủ chín gian nan, mười tai nạn

Hiểu rõ thế sự vốn vô thường."

Mồng bốn tháng tư, Ngài cùng chư thị giả Phật Nguyên, Giác Dân, Khoan Độ, Pháp Vân, và các nhân viên hộ tống, khởi hành đi Bắc Kinh. Hàng trăm dân chúng trong các làng xã lân cận, tiển Ngài rời khỏi Vân Môn.

Nhớ lại ba mươi năm về trước, vào tháng chạp, sau khi trùng tu xong chùa Nam Hoa, Ngài chống tích trượng qua Vân Môn. Lúc mới đến thì tự viện hoang tàn, tường vách điện đường, mái ngói đều hư nát. Trong ngôi pháp đường, cỏ lên cả vài thước. Duy chỉ

có một vị tăng, lo phần hương khói cho chư Tổ Sư. Sau khi Ngài đến trụ trì, bốn chúng khắp nơi đều vân tập, cả ngàn tăng ni vây quanh. Ngài vừa lo trùng tu tự viện, vừa lo nuôi nấng dạy dỗ đồ chúng. Lúc quân Nhật xâm chiếm Trung Quốc, giao thông bị cắt đứt, những biến cố, tai nạn xảy ra dồn dập hơn gấp mười lần thời Ngài còn ở tại chùa Nam Hoa. Do tinh thần tự túc, Ngài dạy đồ chúng tự nung ngói gạch, làm hồ, cưa gỗ, kiến tạo tự viện, đúc vẽ tượng Phật v.v... Mười năm trước, kiến thiết điện đường hậu liêu phòng xá, lầu các, tháp thờ, cả thảy hơn một trăm tám mươi cái. Mái ngói điện đường rộng rãi đẹp đẽ, trang nghiêm.

Bàn về mạch phái, tông Vân Môn truyền được mười đời, cho đến triều Thanh đời Quang Hiếu thì ngưng, nên bị thất truyền, không người kế tục. Vân Công điều tra hệ phái, tiếp độ tăng nhân, kế thừa mạch pháp Vân Môn, chấn chỉnh tông phong, nối mạch Phật pháp.

Khi đến Triều Châu, bốn chúng đệ tử quy y, xa gần lần lượt tới viếng thăm Ngài cả hàng ngàn người. Tại chùa Đại Giám, người đến tham vấn Ngài, càng ngày càng đông, chứng minh rằng tín tâm quần chúng Phật Tử không vì thời thế biến chuyển mà thay dạ đổi lòng. Mồng mười, Vân Công lên xe lửa Quảng Đông-Hán Khẩu để ra bắc. Ngày mười một, đến Võ Xương, Ngài trú tại chùa Tam Phật. Vì đi đường xa, nên các vết thương bị chấn động, khiến toàn thân Ngài đau nhức dữ dội. Cư sĩ Trần Chân Như ân cần chẩn mạch hốt thuốc cho Ngài uống. Hòa thượng trụ trì chùa Tam

Phật là Đại Hàm cũng tận tâm lo lắng. Lúc bịnh tình thuyên giảm đôi chút, thể theo lời thỉnh cầu của hòa thượng Đại Hàm, Vân Công chủ trì pháp hội Quán Ấm thất trong bảy ngày. Người quy y hơn hai ngàn người.

Pháp sự xong, Ngài lại tiếp tục đi ra bắc, dầu thân vẫn còn bịnh nặng. Trước khi khởi hành, đại chúng tại chùa Tam Phật thỉnh Ngài cùng chụp ảnh lưu niệm. Lúc ấy, Ngài có làm bài kệ:

"Gió nghiệp thổi đến Võ Xương,

Bịnh già làm lụy đại chúng,

Ba tháng trụ chùa Tam Phật

Một tràng tai nạn, một tràng tủi hổ kinh hoàng,

Vô tâm đi lên đỉnh thế giới,

Có nguyện đồng lên trường tuyển Phật.

Nhớ lại Ngọc Tuyền Quan Trạng Sam.

Nghe một lời, ngộ chân thường."

Ngày hai mươi tháng bảy, theo các nhân viên hộ tống, cùng chư vị thị giả. Vân Công đáp chuyến xe lửa Hán Khẩu-Bắc Kinh. Lúc đến Bắc Kinh, chư sơn trưởng lão, thiện nam tín nữ, cùng các đoàn thể, đến trạm xe lửa, nghinh tiếp Ngài. Chư cư sĩ, Lý Nhâm Hồ, Diệp Hà Am, Trần Chân Như v.v..., thỉnh Ngài đến chùa

Quảng Hóa nghỉ ngơi. Vì có rất nhiều người đến tham bái, nên Ngài phải qua chùa Quảng Tế của người Tây Tạng, để an dưỡng sức khỏe. Sau khi đến Bắc Kinh, Ngài gặp được các vị quan chức, pháp hữu quen thuộc, và chư vị đồng hương ở Hồ Nam, đều hết lòng hộ pháp. Lúc chưa đến Bắc Kinh, Ngài được điện báo cho biết rằng tại Bắc Kinh, nơi chùa Quảng Tế, đại sư Viên Anh cùng các cư sĩ như Triệu Nghiệp Sơ v.v..., thành lập Hiệp Hội Phật Giáo Trung Quốc. Hơn một trăm đại biểu toàn quốc định thỉnh Vân Công làm hội trưởng, nhưng Ngài từ chối, viện lý do vì bịnh. Do đó, họ đồng thỉnh đại sư Viên Anh làm chánh hội trưởng, cư sĩ Hi Nhiêu Gia Thố và Triệu Nghiệp Sơ làm phó hội trưởng. Lại thêm, đức Phật sống Đạt Lai Lạt Ma, đức Ban Thiền Lạt Ma, Ngài (đại sư Hư Vân), Tra Cán Cát Căn, bốn vị được đề cử làm hội trưởng danh dự. Các đoàn thể đại biểu Phật Giáo bao gồm các sắc tộc như người Hoa, Tây Tạng, Thái, Tán, v.v...

Sau khi hiệp hội Phật giáo Trung Quốc được thành lập, Vân Công gởi thơ đến chánh phủ trung ương, thỉnh cầu ban bố cương lĩnh cộng đồng, quy định tự do tín ngưỡng, tôn giáo cho nhân dân. Đối với các chùa chiền Phật giáo, hãy có biện pháp bảo tồn quản lý. Trước mắt, hãy cấp bách thi hành những điều sau:

"Thứ nhất, vô luận là vùng nào, xin hãy ngưng ngay việc đập phá, hủy đốt chùa chiền, tượng Phật, kinh điển.

Thứ hai, hãy ngưng việc cưỡng bức chư tăng ni hoàn tục.

Thứ ba, tài sản tự viện, sau khi thuộc về công hữu, xin hãy cấp cho tăng ni đủ đất đai để tự trồng trọt sinh sống. Nếu được như thế thì các tự viện danh lam thắng cảnh, ngày một phát triển."

Mười ba tháng tám, Vân Công đại diện toàn thể Phật tử trong nước, nhận ba bảo vật do nước Tích Lan tặng. Vị trưởng đoàn đại biểu Tích Lan là pháp sư Đạt Mã Lạp Tháp Nạp cùng vài mươi người đến Trung Quốc trao tặng ba bảo vật là xá lợi Phật, bộ tạng kinh chữ Pa Li khắc trên lá Cụ Diệp, và cây Bồ Đề cho hội Phật Giáo Trung Quốc. Mồng một tháng mười, tổ chức cuộc tiếp lễ. Đầu tiên do các thầy Thích Cụ Tán, Thích Thắng Tuyền cùng các cư sĩ Triệu Nghiệp Sơ v.v..., dâng lễ, hương hoa, đến đón tiếp phái đoàn Tích Lan. Tại chùa Quảng Tế, hơn hai ngàn người đến dự lễ. Chuông trống Bát Nhã nổi lên. Pháp sư Đạt Mã Lạp Tháp Nạp tiến vào chùa và dâng ba bảo vật cho Vân Công, người đại diện hội Phật Giáo Trung Quốc. Sau đó pháp sư Đạt Mã Lạp Tháp Nạp nói: "Vì tình thân mật của Phật tử hai nước trong dòng lịch sử bấy lâu nay, nguyện đoàn kết trong ngôi nhà Tam Bảo từ bi trí huệ. Vì hòa bình thế giới, nay xin dâng tặng ba bảo vật này."

Trong đại lễ, có các đại diện Phật Giáo của các nước như Việt Nam, Miến Điện, Ấn Độ, Nhật Bổn, Thổ Nhĩ Kỳ, Gia Nã Đại.

Tháng chín, chư sơn trưởng lão cùng các đoàn thể Phật giáo thỉnh Vân Công trụ trì chùa Quảng Tế. Ngài từ chối, viện lý do sức khỏe yếu kém. Tháng mười, nhân sĩ tại vùng đông nam Thượng Hải tổ chức pháp hội cầu nguyện thế giới hòa bình. Đại chúng đồng

thỉnh Vân Công làm pháp chủ, nên phái cư sĩ Phương Tử Phiên lên Bắc Kinh nghinh đón Ngài. Ngày mười một tháng chạp, lúc ra trạm xe lửa Bắc Kinh-Thượng Hải, có hơn trăm người mang hoa đến cúng dường Ngài và đồng niệm Phật. Đến Thượng Hải, Vân Công trú tại chùa Ngọc Phật. Ngài cùng vị tri sự thương lượng, tổ chức pháp hội trong bốn mươi chín ngày đêm. Ngày hai mươi sáu tháng mười, kiến lập đàn tràng Thủy Lục Không, do Ngài làm pháp chủ, cùng thỉnh mười đại pháp sư như Viên Anh, Ứng Từ, Tịnh Quyền, Thị Tùng, Diệu Chân, Đại Bi, Như Sơn, Thủ Bồi, Thanh Định, Vi Phảng, làm pháp chủ các đàn tràng chính. Tổng cộng có bảy mươi hai vị đại pháp sư tham gia đàn sám. Đến ngày mười bốn tháng chạp thì pháp hội hoàn mãn. Trong kỳ đàn tràng này, trừ các pháp chủ nhập tràng, sáng trưa chiều tối, người đến tham dự đông như nước thủy triều. Họ đến từ các vùng lân cận và xa xôi như Hồ Nam, Hồ Bắc v.v... Người thọ giới quy y hơn bốn mươi ngàn người. Tịnh tài thu được trong pháp hội hơn bảy mươi sáu ngàn đồng. Cá nhân, được cúng dường hơn ba ngàn đồng, nhưng Ngài không nhận. Ngài cùng các đại pháp sư và cư sĩ quyết định dùng tất cả số tiền trên để cúng dường cho các danh sơn tự viện toàn quốc, gồm có bốn núi lớn như núi Phổ Đà ở tỉnh Triết Giang, núi Nga Mi ở tỉnh Tây Xuyên, núi Cửu Hoa ở tỉnh An Huy, núi Ngũ Đài ở tỉnh Sơn Tây, cùng tám ngôi chùa cổ xưa lớn như chùa Thiên Đồng ở Ninh Ba, chùa Cao Mân ở Dương Châu, chùa Linh Nhan ở Tô Châu, chùa Cổ Sơn ở Phước Châu, chùa Quán Tông, chùa Thất Tháp ở Ninh Ba, chùa Địa Tạng ở Phước Châu,

cùng hai trăm năm mươi sáu ngôi chùa viện lớn nhỏ. Đây chỉ nói sơ lược về pháp hội Thủy Lục Không ở Thượng Hải, do Vân Công làm pháp chủ.

(Dưới đây là bài khai thị của đại sư Hư Vân trong kỳ pháp hội Thủy Lục Không tại Thượng Hải:

Pháp hội cầu nguyện thế giới hòa bình đã được cử hành qua vài ngày. Thật là một pháp duyên hy hữu. Hôm nay, pháp sư Vi Phảng, hòa thượng Diệu Chân, cư sĩ Triệu Nghiệp Sơ, Lý Tư Hoạt, Phương Tử Phiên v.v..., đồng thỉnh tôi ra thuyết pháp. Sẵn dịp này, tôi muốn nói về sự quan hệ giữa Thiền tông và Tịnh Độ tông, để cho những vị mới phát tâm học Phật pháp tiện việc tham khảo.

Hôm nay là ngày đầu tiên khai mở đàn tràng niệm Phật. Đúng ra là phải do hòa thượng Diệu Chân đến giảng, nhưng Ngài lại nhượng thỉnh tôi ra cùng chư vị đàm luận.

Chúng ta sống trong thế giới Ta Bà, tức đang bơi trong biển khổ. Thế nên, không một ai lại không muốn thoát khỏi biển khổ này. Nhưng muốn thoát ra được thì chúng ta phải nương theo Phật pháp. Chân đế của Phật pháp, nói nghiêm túc thì không pháp nào có thể thuyết được, vì chỉ là hình tướng trên lời nói, ngôn ngữ thôi. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Nếu dùng lời mà nói thì không phải là lời chân thật."

Tuy nhiên, vì chúng sanh căn tánh không đồng, nên muốn tiếp dẫn thì phải dùng vô số pháp môn. Phật pháp tại Trung Quốc, có phân rõ ra năm tông phái là Thiền tông, Mật tông, Tịnh Độ tông, Giáo tông, và Luật tông. Đối với người đã từng nghiên cứu học hỏi tu tập thì đã quá đủ rồi, vì họ biết rằng chân lý Phật pháp vốn không sai biệt. Người mới học Phật pháp, lại phát sanh ra nhiều ý kiến, mỗi mỗi phân rõ tông này phái nọ v.v..., rồi khen mình chê người, làm tổn hại giá trị giáo hóa vi diệu của Phật pháp. Phải biết rằng một câu thoại đầu hay một câu niệm Phật chỉ là phương tiện, không phải là cứu cánh. Đối với người chân thật dụng công thì những phương tiện này thật không cần thiết. Tại sao? Vì động tịnh vốn nhất như; bóng trăng soi khắp ngàn sông, nơi nơi đều rõ ràng, không bị chướng ngại. Người bị chướng ngại như mây che trời xanh, nước trong bị vẫn đục. Nếu có chướng ngại, tuy trăng sáng mà không hiển bày. Nước tuy trong mà trăng không hiện rõ. Chúng ta, những người tu hành, nếu muốn hiểu rõ lý đạo, phải biết tự tâm như trăng sáng mùa thu, không nên hướng ngoại tìm cầu, mà phải xoay lại ánh sáng trong tâm mình. Một niệm nếu không sanh thì hiểu rõ nơi không chỗ chứng đắc. Khi ấy, làm gì lại có danh tướng sai biệt?

Nhân vì chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay, vọng tưởng chấp trước, tập khí nặng nề, nên đấng Thế Tôn, trong bốn mươi chín năm trường, thuyết pháp giảng kinh hơn ba trăm hội. Nhưng mục đích quan trọng nhất trong việc thuyết giảng kinh điển hay dạy những pháp môn tu hành của đức Thế Tôn là không ngoài việc

chữa trị các bịnh tật tham lam, sân hận, si mê, ngã mạn, ác kiến của chúng sanh. Nếu chúng ta xa rời tất cả bịnh tật đó thì liền thành Phật. Chúng ta và chư Phật, nào có khác biệt chi đâu. Người xưa nói: "Dùng phương tiện thì có nhiều pháp môn, nhưng khi trở về cội gốc thì đồng nhau không khác."

Lý đạo là thế. Hiện tại, trong Phật pháp, có hai tông phái rất thịnh hành là Thiền tông và Tịnh Độ tông. Nhưng có một số tăng chúng, coi thường giới luật. Thật không hợp lý đạo. Yếu nghĩa căn bản của Phật pháp là dựa trên ba chữ: Giới, Định, Huệ. Giống như tòa trầm hương có ba chân, nếu thiếu mất một chân thì không thể đứng được. Vì vậy, chúng ta, người học Phật pháp, mỗi mỗi phải đặc biệt chú ý điều này!

Thiền tông do đức Thế Tôn tại hội Linh Sơn, đưa cành hoa lên, dạy đại chúng, chỉ có tôn giả Ma Ha Ca Diếp là mỉm cười chúm chím, còn mọi người đều không hiểu gì. Đó là tâm tâm tương ưng, truyền ngoài giáo lý, tức mạch nguồn của Phật pháp. Đối với câu niệm Phật của pháp môn Tịnh Độ cùng các pháp môn khác, như đọc kinh trì chú v.v..., đều là pháp liễu sanh thoát tử. Có người nói, Thiền tông là pháp đốn ngộ nhanh chóng, còn tông Tịnh Độ chỉ là pháp tiệm thứ, chậm chạp. Vâng, bất quá chỉ là sự sai biệt trên danh tướng. Thực tế thì không sai khác. Lục Tổ Huệ Năng nói: "Pháp không có đốn ngộ hay tiệm thứ, nhưng người thấy đạo thì có nhanh có chậm."

Chúng ta nên biết rằng mỗi mỗi pháp môn trong Phật pháp, đều có thể tu trì được cả. Chư vị nếu hợp với pháp môn nào thì nên tu pháp môn đó, chứ đừng khen mình chê người, sanh khởi vọng tưởng chấp trước. Nhưng việc quan trọng nhất là phải tôn trọng giữ gìn giới luật. Người xuất gia gần đây, không tự giữ giới luật nghiêm ngặt, lại còn nói rằng giữ gìn giới luật cẩn mật là chấp trước, cùng bao lời cao ngạo. Thật rất nguy hiểm cho Phật pháp!

Thiền tông chính là pháp môn tâm địa. Sau Tổ Ma Ha Ca Diếp, Thiền tông được triển chuyển, truyền từ Ấn Độ qua Trung Quốc. Đến đại sư Huệ Năng, là tổ thứ sáu ở Đông Độ, được trao y bát, lưu truyền chánh pháp, một thời hưng thịnh.

Luật tông có tôn giả Ưu Ba Ly, là vị đứng đầu. Ngài thừa thọ lời chúc lụy của đức Thế Tôn mà tuyên thuyết lại giới luật cho chúng sanh trong đời mạt pháp, nương vào đó mà tu hành, lấy giới luật làm thầy chỉ đạo. Sau đến đời tôn giả Ưu Ba Cúc Đa, tổ thứ tư của thiền tông, phân giới ra làm năm bộ luật. Nước ta có lão nhân Nam Sơn là luật sư Đạo Tuyên, y theo bộ Đàm Vô Đức, viết sớ sao mà phụng hành, được xưng là sơ tổ của luật tông ở Trung Hoa.

Lão nhân Bắc Tề ở núi Thiên Thai, xem bộ Trung Quán Luận của ngài Long Thọ, liền phát minh tâm địa. Lão nhân Đỗ Thuận, lấy kinh Hoa Nghiêm làm chủ, kiến lập tông Hiền Thủ.

Ngài Huệ Viễn đề xướng tông Tịnh Độ. Chín tổ sư kế tục nhau tương truyền. Sau ngài Vĩnh Minh, chư tổ sư bao thời đại, đều dùng Thiền tông mà hoằng dương tông Tịnh Độ, như tương dung nước với sữa. Tuy tông phái có phân khác, nhưng cốt yếu không ngoài ý nghĩa của cành hoa mà đức Phật đưa lên. Thật vậy, Thiền tông cùng tông Tịnh Độ xưa nay vốn có mối quan hệ mật thiết. Thế nên, chúng ta phải biết sự uyển chuyển của người xưa trong việc hoằng dương Phật pháp.

Mật tông do tôn giả Bất Không, trí giả Kim Cang v.v..., truyền vào Trung Quốc. Đến đời thiền sư Nhất Hạnh, do công nỗ lực của Ngài, Mật tông được phát dương rộng rãi. Tông này cùng các tông phái khác hỗ tương hoằng hóa Phật pháp. Vì vậy, không nên phân biệt, bằng ngược lại thì tự làm tổn thương đạo pháp. Nếu cứ công kích nhau mãi thì thật không hiểu rõ được tâm ý của Phật Tổ. Người xưa thuyết pháp như lấy lá vàng vỗ con nít khóc. Lão nhân Triệu Châu nói: "Chữ Phật tôi không muốn nghe. Niệm một chữ Phật, phải xúc miệng cả ba lần."

Vì thế, có một số người không hiểu được sự khổ tâm của người xưa, cho rằng niệm Phật chỉ là việc của các ông già bà cả, hoặc nói tham thiền là vọng không như ngoại đạo.

Tổng quát, nếu tôi nói đúng như vầy, kẻ nọ có lỗi kia, cứ thế tranh luận mãi, không chịu tu, thì thật là bội bạc bổn hoài của Phật Tổ, khiến cho người ngoài có cơ hội công kích, hủy phá tiền đồ Phật giáo. Kết quả thật rất tai hại. Do đó, Hư Vân tôi đặc biệt

nêu lên vấn đề này. Hy vọng chư vị lão tham học cùng các bạn mới phát tâm học Phật pháp, đừng nên phạm vào lỗi này. Nếu cứ làm mãi như thế thì đưa Phật giáo vào con đường cùng. Người học Phật phải nên đọc qua nhiều lần bài 'Tông Cảnh Lục' và tập 'Muôn Thiện Đồng Quy' của lão nhân Vĩnh Minh. Người niệm Phật, phải hiểu rõ chương 'Bồ Tát Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông', và cũng phải hiểu rõ Tịnh Độ là xuất phát từ tự tánh, xả bỏ vọng tưởng, quay về nguồn chân, chớ hướng ngoại tìm cầu. Như nếu chúng ta có thể hiểu rõ những chân lý này, tùy theo ý thích của người mà bàn về Thiền cũng được, nói về Tịnh Độ cũng hay. Hoặc muốn vãng sanh về cõi đông phương hay cõi tây phương cũng tốt. Cho đến nói có, nói không đều đúng cả.

Thực sự, mỗi sắc, mỗi hương đều không ngoài sụ liễu nghĩa của trung đạo; tự tánh là Di Đà, duy tâm tức Tịnh Độ, xả bỏ liền đến bờ giác. Tại sao có nhiều dây trói buộc chúng ta? Kinh Lăng Nghiêm nói: "Nếu dẹp hết tâm phàm thì thật không có sự giải thoát của chư thánh."

Nếu hiểu rõ như thế thì sẽ đoạn trừ được vọng tưởng, kiến chấp, tập khí, tức làm Bồ Tát, làm Phật Tổ. Ngược lại, sẽ mãi làm chúng sanh.

Người niệm Phật, cũng đừng có kiến chấp thái quá. Nếu không, sẽ như uống thuốc độc. Hiện tại, chúng ta niệm danh hiệu A Di Đà Phật để dẹp trừ vọng tưởng chấp trước bao đời. Thế nên, dùng một câu niệm Phật, như cầm chổi, quét sạch vọng tưởng. Niệm

mãi không quên, khiến vọng niệm tự tiêu trừ, của tịnh liền hiện, tìm cầu bên ngoài chỉ nhọc sức.)

Đại sư Hư Vân giảng 'Phải hiểu rõ sự niệm Phật' nhân ngày giỗ thứ mười hai của tổ Ấn Quang, năm 1952:

"Hôm nay là ngày giỗ kỷ niệm lão pháp sư Ấn Quang vãng sanh về cõi Tây Phương lần thứ mười hai. Các vị đều là đệ tử của Ngài. Uống nước phải nhớ nguồn, nên chư vị tụ hội tại giảng đường này, làm lễ giỗ truy niệm thầy mình. Trong đạo lý nhà Phật, thầy tức là cha mẹ pháp thân của mình. Kỷ niệm thầy, tức là nhắc lại bổn phận hiếu hạnh của mình đối với cha mẹ pháp thân. So sánh về sự hiếu thảo nhỏ nhặt ở thế gian thì việc này có rất nhiều ý nghĩa thâm trầm hơn.

Nhớ thuở xưa, lần đầu gặp lão pháp sư Ấn Quang tại núi Phổ Đà vào năm Quang Tự thứ hai mươi. Lúc bấy giờ lão hòa thượng Hóa Văn thỉnh Ngài lên tòa giảng kinh A Di Đà tại chùa Quảng Tế. Giảng xong, Ngài ở lại chùa, đọc hết bộ Tam Tạng kinh điển. Qua hơn hai mươi năm, Ngài chưa từng rời núi một bước, đóng cửa ẩn tu. Tuy Ngài hiểu rõ giáo nghĩa rất thâm sâu, nhưng chỉ lấy một câu A Di Đà Phật làm sự tu trì hằng ngày. Tuyệt đối không cho mình thông hiểu kinh giáo thâm sâu mà coi nhẹ pháp môn niệm Phật. Lời dạy của Phật là thuốc dùng để trị bịnh khổ cho chúng sanh. Pháp môn niệm Phật, được gọi là thuốc A Già Đà, trị hết tất cả bịnh.

Nhưng, vô luận tu pháp môn nào, cần phải có niềm tin kiên cố, giữ gìn mãi mãi, thực hành ngày một thâm sâu, thì mới mong đạt được lợi ích đầy đủ. Nếu có niềm tin kiên cố thì trì chú, tham thiền, niệm Phật đều thành tụu. Nếu tín căn không thâm sâu, chỉ cậy nhờ chút ít thiện căn, học thức cạn cợt, hoặc nhớ được vài ba danh tướng, công án, đi nói chuyện vô ích, tạp nhạp, bàn việc đúng sai, thì chỉ tăng trưởng nghiệp chướng và tập khí xấu xa. Bàn về việc sống chết, cũng vẫn bị nghiệp thức dẫn dắt. Có thật đáng thương lắm không!

Chư vị là đệ tử của pháp sư Ấn Quang. Hôm nay làm giỗ lễ kỷ niệm, thì cũng phải kỷ niệm sự hành trì chân thật của Ngài. Ngài là một vị chân tu thực thụ, bước trên đường các bậc cổ đức đã đi. Ngài hiểu rõ thâm ý của chương Bồ Tát Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông. Y theo đó mà khởi tu, đạt được niệm Phật Tam Muội. Từ đó, Ngài hoằng dương tông Tịnh Độ, lợi ích chúng sanh, trải qua bao thập niên mà cũng vẫn như một ngày, chưa từng từ nan thối bước, dầu cho bịnh tật ốm đau. Hiện tại, thật hiếm có ai như Ngài, chân thật tu hành, không khởi kiến chấp, phân biệt mình người, chỉ nghe một danh hiệu Phật, rồi y theo đó mà tu trì. Sáng niệm Phật. Tối niệm Phật. Đi đứng nằm ngồi, trong hai mươi sáu thời niệm niệm không quên mất. Thầm thầm lặng lặng, công phu thuần thục chín mùi, cảnh tịnh Tây Phương Cực Lạc hiện trước mặt, được lợi ích vô biên. Tự mình quán thấy. Chỉ quan trọng là tín tâm phải kiên cố.

Tín tâm nếu không kiên cố, thì muôn sự không thể thành. Hôm nay tăng, ngày mai giảm. Nghe người nói tham thiền hay thì bỏ ngay công phu niệm Phật, chạy qua tu thiền. Nghe người nói học kinh điển rất tốt, thì lại bỏ thiền, qua học kinh giáo. Học kinh giáo không thành lại chạy đến trì chú, nhưng chẳng hiểu chi hết. Tâm bị chướng ngại vì không thanh tịnh. Không tự trách mình tín tâm không định, lại cho rằng Phật Tổ dối gạt chúng sanh. Chửi Phật báng Pháp, tạo nghiệp vô gián. Vì thế, tôi khuyên đại chúng, phải nên tin tưởng kiên cố sự lợi ích của pháp môn niệm Phật, học theo hạnh 'Chân Thật Niệm Phật' của lão pháp sư Ấn Quang, lập chí vững chắc, phát tâm dũng mãnh, lấy việc vãng sanh cõi Tây Phương làm việc lớn trong đời.

Tham thiền cùng niệm Phật, đối với người mới phát tâm tu học thì thấy có khác, nhưng đối với người tu hành lâu năm thì chỉ là một mà thôi. Tham thiền đề cử thoại đầu, chặt đứt dòng sanh tử, cũng từ tín tâm kiên cố mà được. Nếu thoại đầu giữ mãi không được, thì tham thiền không thể thành phiến. Nếu tín tâm kiên cố, thì đến chết cũng phải tham khán câu thoại đầu. Uống trà không biết đang uống trà. Ắn cơm không biết đang ăn cơm. Như thế, công phu mới thuần thục, thoát khỏi căn trần, đại dụng hiện tiền, cùng cảnh tịnh của công phu niệm Phật, giống nhau không khác. Đạt đến cảnh giới đó, sự lý viên dung, tâm cùng Phật không hai. Phật như như bất động. Chúng sanh cũng như như bất động. Một như như bất động mà không có hai như như bất động, thì sai biệt chỗ nào? Chư vị là những người tu pháp môn niệm Phật. Tôi hy vọng

tất cả hãy lấy một câu niệm Phật làm chỗ y tựa cho đời mình. Hãy chân thật mà niệm!"

Dân Quốc năm thứ 42, 114 tuổi. (1953/54)

Sau đàn tràng Thủy Lục Không, Vân Công định rời Thượng Hải, nhưng vì đại chúng cùng các nhân sĩ, nghĩ rằng những pháp hội thù thắng do bậc cao tăng hướng dẫn, khó mà gặp được, nên đồng thỉnh Ngài ở lại, tiếp tục cử hành thiền thất. Chùa Ngọc Phật có thiền đường. Vào dịp này, xiển hưng, chấn chỉnh lại quy chế thiền đường. Dẫn đầu là hòa thượng Vi Phảng, cùng các cư sĩ Giản Ngọc Giai, Lý Tư Hoạt, Triệu Nghiệp Sơ, Lý Khất Tôn, Phương Tử Phiên, Hồ Hậu Phủ, Trương Tử Khâm, Chung Huệ Thành, Lý Kinh Vĩ, Chúc Hoa Bình v.v..., đồng thỉnh Ngài cử hành thiền thất. Vân Công vì lòng từ bi, hứa khả, ban bố pháp thí, mãn nguyện đại chúng. Thiền thất bắt đầu vào mồng chín cho đến ngày mười lăm tháng chạp thì chấm dứt. Đại chúng vì chưa nếm đủ mùi pháp vị, nên thỉnh Ngài cử hành thêm một tuần thiền thất nữa. Ngày thứ mười sáu, khai mở thất, cho đến ngày hai mươi ba thì giải thất. Trong hai tuần thiền thất, Ngài có ban những bài pháp ngữ, khai thị đại chúng.

Thiền thất khai thị lần thứ nhất:

Ngày thứ nhất, trong tuần đầu tại chùa Ngọc Phật, Thượng Hải, 1953.

"Đại hòa thượng Vi Phảng thật rất từ bi. Chư vị ban thủ cũng có tâm tha thiết muốn hoằng dương Phật pháp, cùng các vị đại cư sĩ có đạo tình, đồng phát tâm đả thiền thất, lại yêu cầu Hư Vân tôi ra làm chủ thất. Thật tình mà nói, đây là một nhân duyên rất thù thắng. Ngặt vì tuổi già sức yếu, lại thêm bịnh hoạn, nên tôi không thể giảng nhiều được.

Đấng Thế Tôn thuyết pháp hơn bốn mươi năm, lời hiển lời mật, ngôn giáo đầy đủ trong ba tạng mười hai bộ. Nay đại chúng yêu cầu tôi ra thuyết pháp, thì chỉ bất quá lập lại lời thừa của Phật Tổ. Nói đến tông môn, lúc Phật còn tại thế, lần nọ đang ngồi trên pháp tòa, có vua trời Đại Phạm bay xuống dâng hoa Kim Đàn cúng dường. Đức Phật liền đưa cành hoa Kim Đàn lên để dạy đại chúng. Lúc ấy, dưới tòa, đại chúng trời người, đều không hiểu chi hết, duy chỉ có tôn giả Ma Ha Ca Diếp túm tím mỉm cười. Đức Thế Tôn bảo: "Ta có chánh pháp nhãn tạng, niết bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, nay đem phó chúc cho ông."

Đó là truyền ngoài giáo lý, không lập văn tự, đi thẳng đến pháp môn vô thượng. Người sau mù mờ, cho đó là thiền. Nên biết rằng trong kinh Đại Bát Nhã, có kể đến hơn hai mươi loại thiền, mà tất cả đều không phải là cứu cánh. Duy thiền trong tông môn là không lập giai cấp, chỉ thẳng vào đất tâm, thấy tánh thành Phật. Do đó, không có quan hệ với việc đả thất hay không đả thất. Chỉ vì căn tánh chúng sanh ngày càng ngu mê, vọng tưởng đầy dẫy, nên chư tổ mới đặt ra phương tiện để nhiếp thọ. Tông môn này,

kể từ tổ Ma Ha Ca Diếp truyền cho đến ngày nay, trãi qua sáu bảy mươi đời. Triều đại Đường và Tống (619-1278), gió thiền lan khắp thiên hạ, hưng thịnh một thời. Hiện tại, thiền tông đến thời kỳ suy vi tột bậc, chỉ có vài nơi như Kim Sơn, Cao Mân, Bảo Quang còn giữ được chút tông phong. Thế nên, nhân tài trong tông môn thật hiếm hoi. Cũng đả thất tham thiền, nhưng đa số chỉ vì danh, mà không có thực thể.

Khi xưa, thất tổ Hành Tư hỏi Lục Tổ Huệ Năng: "Làm thế nào để khỏi lạc vào giai cấp?"

Lục Tổ bảo: "Ông đã từng làm những gì?"

Ngài Hành Tư đáp: "Thánh đế còn chẳng làm, thì có gì là giai cấp?"

Lục Tổ thầm chấp nhận, hứa khả.

Hiện tại, căn khí chúng ta rất cứng cỏi, nên chư đại tổ sư mới giả lập phương tiện, dạy tham quán câu thoại đầu. Sau đời Tống, người niệm Phật rất nhiều, nên chư đại tổ sư lại dạy tham quán câu 'Ai là người đang niệm Phật?'

Ngày nay, mọi nơi đều theo pháp này mà dụng công, nhưng có rất nhiều người không hiểu rõ ràng, cứ để câu 'Ai là người đang niệm Phật' nơi cổ họng, niệm đến niệm lui không dừng, thành ra tụng niệm, chứ không phải tham quán câu thoại đầu. Tham thoại đầu tức là tham khán. Thế nên, trong mọi thiền đường đều có

treo bốn chữ 'Chiếu cố thoại đầu'. Chiếu tức là phản chiếu. Cố tức là xoay trở lại. Nghĩa là phải tự phản chiếu, nhìn vào tự tâm. Gọi đó là quán thoại đầu.

'Ai là người niệm Phật', khi chưa khởi lên thì gọi là thoại đầu, còn khi đã khởi lên thì gọi là thoại đuôi. Chúng ta tham khán thoại đầu thì phải nên xem khán chữ 'Ai'. Lúc tâm chưa khởi lên chữ 'Ai' này thì như thế nào? Giống như lúc đang niệm Phật, có người đến hỏi: "Bạch Thầy! 'Ai' đang niệm Phật vậy?"

Nếu đáp: "Tôi là người đang niệm Phật."

Người kia có thể hỏi thêm: "Thầy là người niệm Phật. Vậy miệng niệm hay ý niệm? Nếu nói miệng niệm thì lúc ngủ, sao không niệm? Nếu nói tâm niệm thì lúc thân này chết đi, sao không tiếp tục niệm?"

Do đó, chúng ta có một nghi vấn, phải nên truy cứu: "Câu thoại đầu đây từ đâu mà đề khởi? Tôi là ai?"

Vi vi tế tế, phản chiếu xoay lại, xem xét kỹ càng. Đó gọi là nghe lại tự tánh của mình.

Lúc đi bộ, hành hương, phải ngưỡng đầu lên, chạm đến cổ áo. Chân phải bước theo dấu chân người trước. Tâm phải bình bình tịnh tịnh. Không nên ngó sang đông sang tây. Nhất tâm xoay lại, phản chiếu câu thoại đầu. Lúc ngồi, không nên ưỡn ngực về phía trước. Đừng để hơi thở quá cao, hay quá thấp. Để tự nhiên, tùy

theo hơi thở. Lại phải thu nhiếp sáu căn, mắt tay mũi lưỡi thân ý. Phải buông bỏ muôn niệm. Luôn luôn, xoay chiếu lại thoại đầu, chớ bỏ quên mất. Đừng xem khán quá vi tế, nếu quá vi tế thì bị hôn trầm (tức buồn ngủ), lạc vào không vọng, không thể thọ dụng chi được. Đừng xem khán quá thô, nếu quá thô thì phù trầm (tức vọng tưởng) nổi lên, không thể khởi thoại đầu được. Nếu xem khán được thoại đầu thì công phu tự nhiên từ từ thuần thục, tập khí dần dần giảm bớt. Người mới bắt đầu dụng công thì khó lòng mà xem khán được thoại đầu. Nói vậy, chư vị đừng sợ hãi, lại cũng đừng có vọng tưởng là muốn khai ngộ, hay cầu được trí huệ v.v... Nên biết, đả thất tức là vì việc khai ngộ tâm tánh, vì cầu trí huệ. Nếu lại khởi tâm cầu nữa thì ví như lấy đầu đặt lên đầu. Nay chúng ta đã hiểu rõ rồi thì chỉ lo đề khởi câu thoại đầu thôi. Nếu trong lúc dụng công, không thể đề khởi thoại đầu lên, thì chớ có gấp rút, chỉ việc xả bỏ muôn niệm tình không, rằng rằng mịt mịt, xoay chiếu trở lại. Khi vọng tưởng khởi lên, hãy để chúng khởi, đừng màng đến, chúng sẽ tự nhiên lặng mất. Vì vậy bảo: "Không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm."

Vọng niệm khởi lên, mình chỉ dùng định lực xoay lại xem khán thoại đầu. Nếu mất thoại đầu, mình phải mau đề khởi lại. Mới ngồi thiền thì dường như là chỉ lo dẹp vọng tưởng, nhưng lâu dần thì thoại đầu từ từ khởi lên được. Khi ấy, chư vị có thể ngồi hết cả một cây nhang. Nếu không để mất thoại đầu thì kết quả sẽ rất tốt.

Ngôn ngữ chỉ là lời nói suông. Chư vị hãy nên chân thật dụng công.

Ngày thứ hai:

Đả thất là pháp khắc kỳ thủ chứng. Người xưa căn khí lanh lợi, nên không thường dùng pháp này, nhưng qua đời Tống thì từ từ được áp dụng. Đến đời Thanh, triều vua Ung Chánh, pháp này lan rộng khắp nơi. Vua Ung Chánh tại hoàng cung cũng thường đả thất. Ông rất tôn trọng thiền tông. Đồng thời, công phu thiền định của ông ta rất phi thường. Dưới tay ông có hơn mười người ngộ đạo. Tổ Thiên Huệ ở chùa Cao Mân tỉnh Dương Châu cũng ngộ đạo dưới pháp hội của ông ta. Tất cả quy củ pháp chế thiền môn, đều do ông chấn chỉnh. Do đó, tông phong đại chấn, nhân tài xuất hiện rất nhiều.

Vì vậy, quy củ tông phong thật rất quan trọng. Pháp thức khắc kỳ thủ chứng, giống như thí sinh nhà nho lúc vào trường khảo hạch, theo đề mục mà làm thơ, theo thơ mà được khảo thí, trong một thời gian hạn định. Đề mục đả thất của chúng ta, gọi là 'Tham Thiền', nên điện đường đều gọi là 'Thiền Đường'. Chữ Thiền vốn là tiếng Phạn, dịch là thiền na, nghĩa là tỉnh lự. Trong thiền lại có thiền đại thừa, thiền tiểu thừa, thiền cõi hữu sắc, thiền cõi vô sắc, thiền Thanh Văn, thiền ngoại đạo v.v...

Thiền trong tông môn, gọi là 'Vô Thượng Thiền'. Nếu như trong thiền đường có người tham thấu nghi tình, ngồi tòa thiền cắt đứt

mệnh căn, tức đồng Như Lai không khác. Thế nên, thiền đường cũng gọi là 'Tuyển Phật Trường', tức là trường tuyển làm Phật, hay 'Bát Nhã Đường'. Sở học nơi các thiền đường đều là pháp vô vi. Vô vi tức là không có hành động tạo tác, không pháp để chứng đắc, không pháp để làm. Nếu là hữu vi thì đều nằm trong sanh diệt. Nếu chứng đắc được thì phải bị mất. Kinh nói: "Nếu có lời nói, đều là không thật nghĩa."

Như tụng kinh, lễ sám v.v..., tất cả đều là pháp hữu vi, ngôn giáo phương tiện quyền xảo. Còn tông môn, dạy chư vị trực nhận thẳng vào nguồn tâm, không có chỗ để dùng ngôn ngữ. Xưa kia, có một học nhân, tham vấn lão nhân Nam Tuyền: "Bạch Hòa Thượng! Đạo là gì?"

Ngài Nam Tuyền đáp: "Tâm bình thường là đạo."

Thường ngày, chúng ta ăn cơm mặc áo, ra vào làm lụng, nghỉ ngơi, đều không hợp với đạo. Vì chúng ta tùy theo cảnh mà đắm nhiễm, chấp trước, không nhận ra tự tâm mình vốn là Phật. Thuở trước, thiền sư Pháp Đường ở núi Đại Mai, lúc mới gặp Mã Tổ, liền hỏi: "Bạch Hòa Thượng! Phật là gì?"

Mã Tổ đáp: "Tâm tức là Phật."

Ngài liền đại ngộ, lễ bái rồi từ biệt Mã Tổ, đến núi Mai Tử ở huyện Tây Minh, kết am ẩn tu. Đời Đường, niên hiệu Trinh Quán (785-804) dưới hội của thiền sư Giám Quan có một vị tăng, đi hái quế,

bị lạc đường, đến am Ngài, liền hỏi: "Bạch Hòa Thượng! Ngài ẩn tu nơi đây đã bao lâu rồi?"

Ngài đáp: "Chỉ thấy núi bên phía tây xanh rồi lại vàng."

Tăng hỏi tiếp: "Bạch Hòa Thượng! Vậy đường nào dẫn ra khỏi núi nầy?"

Ngài đáp: "Ông cứ men theo con suối này mà ra."

Vị tăng trở về thuật lại cho thiền sư Giám Quan nghe. Giám Quan bảo: "Tại Giang Tây, Thầy từng gặp một vị tăng, nhưng bấy lâu nay không nghe tin tức, vậy chắc là Ngài rồi."

Sau đó thiền sư Giám Quan liền bảo tăng đi thỉnh ngài Pháp Đường về chùa. Ngài Pháp Đường làm kệ:

"Cây khô trong rừng lạnh,

Mấy độ xuân về, tâm nào chuyển,

Lão tiều phu không thèm ngó,

Dinh nhân truy tìm chi mệt nhọc,

Trong hồ sen nở vô số y,

Hoa tùng ăn mãi vẫn còn dư

Nay bị thế nhân biết nơi ở

Lại phải dời am vào tận núi sâu!"

Mã Tổ nghe Ngài đang trú trong núi, nên bảo tăng đến chỗ đó mà hỏi: "Bạch Hòa Thượng! Ngài gặp Mã Đại Sư, được sở đắc gì mà trụ nơi đây?"

Ngài đáp: "Mã Đại Sư dạy rằng tức tâm tức Phật, nên tôi mới đến đây."

Tăng nói: "Gần đây Mã Đại Sư giảng thuyết Phật Pháp có khác."

Ngài hỏi: "Khác như thế nào?"

Tăng đáp: "Mã Đại Sư dạy rằng phi tâm phi Phật."

Ngài đáp: "Lão già làm mê loạn người chưa có ngày nào thôi. Mặc lão phi tâm phi Phật, còn tôi chỉ biết tức tâm tức Phật."

Vị tăng trở về, thuật lại sự việc này cho Mã Tổ nghe. Mã Tổ liền dạy: "Trái mai đã chín."

Qua câu chuyện này, chúng ta thấy rõ tín tâm của người xưa thật là kiên cố.

Vì căn cơ chúng ta quá kém cỏi, nên chư đại tổ sư mới dạy tham quán câu thoại đầu. Thật là một việc làm miễn cưỡng. Tổ Vĩnh Gia nói:

"Chứng thật tướng,

Không người không pháp,

Sát na diệt,

Hết nghiệp nơi ngục A Tỳ

Nếu lấy lời giả, dối chúng sanh,

Tự chiêu địa ngục cắt lưỡi hằng sa kiếp!"

Tổ Cao Phong bảo: "Người học đạo như lấy một viên đá, liệng xuống đáy hồ, rồi lặn xuống mà nhặt nó lên."

Chúng ta tham khán thoại đầu cũng như liệng câu thoại đầu này xuống đáy hồ, rồi phải nhìn thẳng xuống đáy hồ mà tìm cho ra nó.

Tổ Cao Phong lại phát nguyện: "Nếu người học đạo, khi khởi câu thoại đầu, mà không có hai niệm, thì trong bảy ngày, nếu không ngộ đạo, tôi nguyện sẽ mãi bị đọa trong địa ngục cắt lưỡi!"

Lòng tin của chúng ta không kiên cố, tu hành không chân thật, vọng tưởng không xả bỏ. Nếu có tâm thiết tha vì sự sanh tử, thì một câu thoại đầu quyết không để quên mất. Tổ Quy Sơn bảo: "Đời đời nếu không thối chuyển, quả vị Phật quyết định sẽ đạt được."

Người mới phát tâm học đạo, nói chung vọng tưởng rất nhiều. Chân cẳng thường bị đau nhức, không biết phải dụng công như

thế nào. Thật ra, chỉ quan trọng nơi tâm tha thiết vì sự sanh tử, bám chặt vào câu thoại đầu, không phân biệt đi đứng nằm ngồi. Từ sáng đến tối, xoay chiếu lại nó mãi như ánh trăng thu vằng vặc, rõ rõ ràng ràng, không lạc vào hôn mê, không lạc vào trạo củ, quả vị Phật sao lo không có phần! Nếu hôn trầm nổi lên, chư vị phải mở mắt thật to, nới rộng dây lưng, thì tinh thần sẽ tự phấn chấn trở lại. Khi ấy, đừng khởi câu thoại đầu quá vi tế, vì dễ lạc vào hôn trầm và không vọng. Nếu để tâm tự nhiên, thì chỉ còn một mảnh thanh tịnh tràn khắp. Lúc đó, chớ để mất câu thoại đầu, mới tiến bộ được. Nhưng, nếu lạc vào không vọng thì không phải là cứu cánh. Nếu khởi thoại đầu quá thô thiển, vọng tưởng dễ dàng sinh lên. Lúc đó, khó mà điều phục được trạo cử. Thế nên, khi ấy phải dung hòa là trong thô thiển có vi tế, trong vi tế có thô thiển, thì công phu mới đắc lực, đạt đến cảnh giới động tịnh nhất như.

Xưa kia, những khi chạy hương ở chùa Kim Sơn và các chùa khác, thầy Duy Na dâng hương xong, liền cùng đại chúng chạy như bay. Khi nghe tiếng mõ đánh, liền đứng khựng lại như người chết. Như thế, còn đâu vọng tưởng, hôn trầm? Vậy lúc chạy có khác gì lúc ngồi thiền đâu?

Khi ngồi thiền, chư vị đừng đề câu thoại đầu quá cao, vì dễ bị phù trầm. Lại không nên giữ câu thoại đầu trước ngực vì sẽ sanh bịnh. Cộng thêm, cũng đừng đè nén xuống. Nếu đè nén xuống đan điền, bụng sẽ phình to, dễ lạc vào cảnh năm ấm ma, phát sanh

nhiều bịnh tật. Chỉ thiết yếu là bình tâm tỉnh khí, tham khán chữ 'Ai' mãi như gà ấp trứng, mèo rình chuột. Lúc xoay lại phản chiếu được rồi, mạng căn tự nhiên cắt đứt.

Đương nhiên, người mới học pháp này, làm sao sánh bằng với những vị đã từng tham học lâu năm, nhưng chư vị cũng nên cố gắng dụng công trong mọi thời khắc.

Tôi sẽ kể thêm một ví dụ. Tu hành giống như mài đá lấy lửa. Phải có phương pháp rõ ràng. Nếu không, cho dầu đập nát đá ra, vẫn không có lửa. Cách thức là phải có một thanh sắt và mồi lửa. Nên để mồi lửa ngay dưới cục đá. Lấy thanh sắt cọ vào đá. Khi lửa từ viên đá cháy nháng lên, mồi lửa liền bắt được ngọn lửa. Đó là phương pháp lấy lửa duy nhất. Hiện tại, chúng ta biết rằng tự tâm là Phật, nhưng lại không chịu thừa nhận, nên phải dùng câu thoại đầu làm mồi lửa. Lý dùng mồi lửa là như thế. Hiện tại đối với cách lấy lửa, chúng ta không biết đến. Thế nên, không thể nhận ra tự tánh. Tự tánh của chúng ta đồng với chư Phật không khác. Vì vọng tưởng chấp trước nên không thể giải thoát. Do đó, Phật vẫn là Phật. Mình vẫn là mình. Chúng ta hôm nay biết mình là con của bậc Pháp Vương. Hãy nên tự tham cứu. Như thế có hay lắm không! Hy vọng mọi người hãy cố gắng nỗ lực. Trên đỉnh trụ cây trăm thước, hãy bước thêm một bước nữa, để được trúng tuyển trong đạo tràng này, mới mong rằng trên đáp đền ơn chư Phật, dưới làm lợi ích cho loài hữu tình. Trong Phật pháp, không có nhân tài xuất hiện vì mọi người không dám nỗ lực tinh tấn tu

hành. Nói ra thật đau lòng! Giá như tin sâu vào lời dạy của tổ Vĩnh Gia và Cao Phong, quyết định rằng ai ai cũng sẽ ngộ đạo.

Mọi người hãy nên dụng công tham thiền!

Ngày thứ ba:

Thời gian trôi qua mau chóng. Vùa nói đả thiền thất thì đã qua ba ngày rồi. Người biết dụng công, xoay lại tham chiếu câu thoại đầu được, thì tất cả trần lao, vọng niệm đều từ từ lắng đọng, rồi thỏng tay đi thẳng về nhà. Vì vậy, người xưa nói: "Tu hành không cách chi hết, thiết yếu phải biết đường về. Lộ trình nếu rõ, sanh tử liền ngưng."

Lộ trình của chúng ta, trọng yếu là xả bỏ thân tâm thì trong gang tấc sẽ về đến nhà. Lục tổ Huệ Năng bảo: "Niệm trước không sanh là tâm, niệm sau không diệt là Phật."

Bốn đại, đất nước gió lửa vốn không. Năm ấm không thật có. Chỉ vì vọng tưởng chấp trước, nên mến yêu ràng rịt thế gian huyễn pháp. Đắm đuối không nhận ra bốn đại vốn không, nên sanh tử không thể dứt. Nếu trong một niệm chẳng khởi sanh diệt thì không cần học Phật pháp. Khi ấy lo gì sanh tử không dứt được! Vì vậy, pháp trong tông môn giống như ánh sáng mặt trời, chiếu soi khắp mười phương thế giới.

Xưa kia, tổ Đức Sơn, người Giản Châu, tỉnh Sơn Tây, tên tục là Chu. Năm hai mươi tuổi, xuất gia, thọ giới cụ túc. Ngài tinh tấn

nghiên cứu tạng luật, cùng các kinh tánh tướng, nên quán thông được chỉ thú. Ngài thường giảng kinh Kim Cang Bát Nhã. Người thời đó, thường gọi Ngài là Chu Kim Cang. Ngài thường nói với chư vị đồng môn: "Một cọng lông hớp cạn nước biển. Tánh như biển cả, rộng vô cùng. Dệt nơi đầu kim, kim nhọn không động. Học đồng vô học, chỉ mình ta biết."

Sau nghe thiền tông thịnh hành ở phương Nam, Ngài rất bực túc, bảo: "Người xuất gia, ngàn kiếp học oai nghi Phật, muôn kiếp học tế hạnh Phật, vậy vẫn chưa có thể thành Phật. Bọn quỷ ở phương Nam, dám nói trực chỉ chân tâm, kiến tánh thành Phật (chỉ rõ tâm chân thật, thấy tánh thành Phật). Ta phải quét sạch hang ổ, diệt hết những loài này, hầu mong báo đền ơn Phật!"

Ngài liền quảy theo bộ 'Thanh Long sớ Sao', đi từ Tây Xuyên đến Phong Dương. Giữa đường, gặp một bà lão bán trà. Ngài ghé lại định mua trà uống. Bà lão chỉ tay vào gánh đồ, nói: "Bạch Hòa Thượng! Đó là kinh sách gì vậy?"

Ngài đáp: "Là bộ Thanh Long Sớ Sao."

Bà hỏi: "Bạch Hòa Thượng! Vậy sớ sao đó giảng về kinh gì vậy?"

Ngài đáp: "Giảng kinh Kim Cang."

Bà nói: "Con có câu hỏi, nếu Ngài trả lời được thì xin cúng dường trà điểm tâm, còn nếu không trả lời được thì xin hãy đi nơi khác. Kinh Kim Cang nói: 'Quá khứ, tâm không thể được. Hiện tại, tâm

không thể được. Vị lai, tâm không thể được.' Vậy theo Ngài, kinh chỉ vào tâm nào?"

Ngài không lời đối đáp, liền bỏ đi đến Long Đàm. Khi vào pháp đường, Ngài hỏi: "Đã lâu nghe danh Long Đàm. Nay đến đây, chẳng thấy Đàm (ao đầm), cùng không thấy Long (rồng) đâu cả."

Nghe thế, Long Đàm bước ra, nói: "Ông đã đến Long Đàm rồi!"

Đức Sơn không trả lời được, liền ở lại chùa.

Đêm nọ, lúc đang đứng hầu, Long Đàm bảo: "Đã khuya rồi, sao ông không về phòng nghỉ?"

Đức Sơn liền trịnh trọng bước ra ngoài, nhưng lại trở vào, nói: "Bên ngoài trời tối om!"

Long Đàm mồi một ngọn đèn rồi đưa cho Đức Sơn. Đức Sơn định lấy ngọn đèn, nhưng Long Đàm liền thổi tắt. Ngay khi đó, Đức Sơn lập tức đại ngộ, vội quỳ xuống lễ lạy. Long Đàm bảo: "Ông thấy đạo lý gì mà lễ lạy ta?"

Đức Sơn đáp: "Từ nay, không còn dám nghi đầu lưỡi của các lão hòa thượng trong thiên hạ nữa."

Hôm sau, Long Đàm lên tòa bảo đại chúng: "Trong đây có một người, răng bén như lưỡi kiếm, miệng như bồn máu, bị ăn gậy mà không xoay đầu. Sau này một mình lên núi, lập đạo của ta."

Đức Sơn liền lấy bộ 'Thanh Long Sớ Sao' ra trước pháp đường, nổi lửa mà đốt, nói: "Các lời huyền biện, như lông mi trong hư không. Tận hết căn cơ thế nhân, như một giọt nước, ném vào biển cả."

Nói xong, Ngài lễ bái rồi bỏ đi, thẳng đến núi Qui Sơn, nách kẹp hành lý, lên tận pháp đường, đi từ hướng tây qua hướng đông, lại từ hướng đông qua hướng tây, rồi xoay lại nói với ngài Phương Trượng (tức tổ Quy Sơn Linh Hựu): "Có chi không! Có chi không!"

Tổ Quy Sơn ngồi trên tòa, chẳng thèm trả lời. Đức Sơn nói tiếp: "Không, không!", rồi bỏ đi.

Ra đến ngoài cửa, Đức Sơn tự bảo: "Tuy là thế, phải nên cẩn thận!"

Đức Sơn liền chỉnh đốn oai nghi, trở vào pháp đường, trải tọa cụ, thưa: "Bạch Hòa Thượng!"

Tổ Quy Sơn định lấy chổi, Đức Sơn liền la lên, rồi đi ra ngoài pháp đường. Tối đến, tổ Quy Sơn hỏi thầy thủ tọa: "Người mới đến hôm nay, còn ở lại không?"

Thầy thủ tọa đáp: "Bạch Hòa Thượng! Khi mang đôi dép cỏ ra khỏi pháp đường thì ông ta bỏ đi mất."

Tổ Quy Sơn bảo: "Kẻ này, mai đây một mình sẽ lên tận đỉnh núi, kết am khô, mạ Phật báng Tổ!"

Ngài Đức Sơn qua Lịch Dương ở ba mươi năm. Gặp lúc vua Đường Võ Tông đang phá diệt Phật giáo, Ngài lánh nạn ẩn tu trong hang núi Độc Phù. Đầu niên hiệu Đại Trung, thái thú Võ Lục là Tiết Đình Vọng, sửa lại tịnh xá Đức Sơn, hiệu thiền viện Cổ Đức, định tìm cầu một vị tài đức về trụ trì. Nghe đạo hạnh Đức Sơn, ông liền đến thỉnh mời, nhưng Ngài không thèm xuống núi. Tiết Đình Vọng bày mưu là phao du Ngài giữ trà muối trái phép, phạm luật pháp triều đình, nên sai lính bắt Ngài về huyện đường. Khi đến, ông liền lễ bái, cầu thỉnh Ngài ở lại xiển dương tông phong.

Người đời sau thường bảo: "Đức Sơn la. Lâm Tế đánh."

Nếu theo gương hai ngài, Đức Sơn và Lâm Tế, chúng ta lo gì không ngưng được sanh tử.

Sau ngài Đức Sơn là Nham Đầu. Sau Nham Đầu là Vân Phong. Sau Vân Phong là Vân Môn, Pháp Nhãn, lại đến quốc sư Đức Thiều, tổ Vĩnh Minh, v.v... Tất cả đều tù gậy ngài Đức Sơn mà ra. Phật pháp từ các triều đại quân chủ cho đến nay, đều do chư đại tổ sư trong tông môn chống giữ. Chư vị đả thất nơi đây, đều hiểu rõ đạo lý cao siêu, thì việc đi thẳng vào đất tâm, giải thoát vòng sanh tử, không khó cho lắm. Nhưng nếu đùa cợt, không dụng công chân thật, từ sáng đến tối, cứ mang mãi bóng hình quỷ ma, hay đào sâu hố văn tự, thì đừng trách tại sao không cắt được sanh tử. Mọi người hãy nên nỗ lực tinh tấn dụng công.

Ngày thứ tư:

Bốn ngày thiền thất đã trôi qua. Chư vị đều tinh tấn dụng công, lại trình kệ lên, cầu tôi ấn chứng. Việc này thật rất khó làm. Nhưng chư vị chắc đã quên lời tôi giảng trong hai ngày trước. Tối hôm qua tôi có nói: "Tu hành không đường nào khác, cần thiết là phải biết đường về."

Hiện tại, tham khán thoại đầu, là việc mà chúng ta phải theo sát. Mục đích tu hành của chúng ta là thành Phật, cắt đứt dòng sanh tử. Muốn cắt đứt sanh tử, phải dùng câu thoại đầu như bảo kiếm vương Kim Cang. Ma đến giết ma. Phật đến giết Phật. Không chút tình lưu luyến. Không pháp để lập. Nếu thế, còn đâu vọng tưởng để làm thơ làm kệ, thấy hư không thấy ánh sáng, thấy cảnh giới này, cảnh giới nọ ư? Dụng công như thế, tôi không biết thoại đầu của chư vị đi đâu rồi!

Người tu hành lâu năm, chính yếu chuyên cần tham khán chứ không phải dùng lời. Người mới phát tâm tu đạo hãy chú ý điểm này!

Vì sợ chư vị không biết cách dụng công, nên tôi mới giảng rõ duyên khởi của thiền thất, giá trị tu hành trong tông môn, và cách thức dụng công, qua hai ngày liền. Pháp dụng công của chúng ta, đơn giản là chỉ đề cử câu thoại đầu. Sáu thời, từ sáng đến tối, như dòng nước chảy, đừng để gián đoạn. Phải minh mẫn, nhận biết rõ ràng, chớ nên mê muội. Tất cả tình cảm phàm phu hay pháp giải thoát của chư Thánh, hãy vung đao chặt hết.

Người xưa bảo:

"Học đạo như giữ cấm thành

Giữ chặt dầu trả giá cao

Không chịu trời lạnh thấu cốt xương

Hương thơm hoa mai sao phát được!"

Đó là kệ của thiền sư Hoàng Bích. Bốn câu kệ này có hai ý nghĩa. Hai câu đầu nói rằng học đạo như giữ cấm thành. Giữ thành trì nghiêm mật, chặt chẻ, không khiêng nể ai, luôn cấm ngặt ra vào.

Trong mỗi chúng ta đều có một tâm vương. Tâm vương tức là thức thứ tám, lại có thức thứ bảy, thứ sáu, thứ năm v.v... Năm thức trước là mắt tai mũi lưỡi thân ý. Thức thứ sáu tức là thằng giặc ý thức. Thức thứ bảy là mạt na thức. Từ sáng đến tối, nó nhận lấy kiến phần của thức thứ tám làm bản ngã, rồi dẫn khởi thức thứ sáu, khiến thức này thống lãnh năm thức trước tham đắm vào các trần cảnh của sắc thanh hương vị xúc pháp. Nếu không đoạn được triền phược của mê hoặc thì tâm vương, tức thức thứ tám, bị trói chặt đến chết. Sau khi chết, thức thứ tám lại chuyển qua thân đời kế.

Thế nên, hôm nay chúng ta bắt buộc phải dùng câu thoại đầu, tức bảo kiếm Kim Cang, để giết những tên giặc này, hòng giúp thức tám chuyển thành 'Đại Viên Cảnh Trí', thức thứ bảy thành 'Bình

Đẳng Tánh Trí', thức thứ sáu thành 'Diệu Quang Sắc Trí'. Năm thức trước chuyển thành "Thành Sở Tác Trí'. Nhưng điều khẩn thiết là phải chuyển thức thứ sáu và thứ bảy, vì chúng nắm vai trò lãnh đạo.

Hôm nay, chúng ta phải dùng câu thoại đầu để chuyển thức 'Phân Biệt' thành 'Diệu Quang Sắc Trí'. Chuyển tâm so đo phân biệt mình người thành 'Bình Đẳng Tánh Trí'. Đó cũng gọi là chuyển thức thành trí, chuyển phàm thành Thánh. Không để cho sáu tên giặc, sắc thanh hương vị xúc pháp xâm phạm 'Cấm Thành'.

Hai câu sau, 'không chịu trời lạnh thấu cốt xương, hương thơm hoa mai sao phát được', cũng là ví dụ. Chúng sanh đang lặn hụp trong biển sanh tử luân hồi ở ba cõi, bị năm món dục lạc trói buộc, bị trần lao làm mê mờ, không thể giải thoát. Nay, nói đến ví dụ về hoa mai. Hoa mai là loại hoa nở vào mùa đông giá lạnh. Muôn vật trên thế gian, đều sinh trong mùa xuân, trưởng dưỡng trong mùa hạ, tàn rụi trong mùa thu, khô chết trong mùa đông. Trong mùa đông, hầu hết cây cỏ côn trùng đều bị khí lạnh làm chết, khô kiệt. Tuyết đóng trên đất nên bụi không bay được. Côn trùng, cây cỏ, tro bụi được ví như vọng tưởng phân biệt, vô minh, phiền não, ghen ghét v.v... Chúng ta nếu quét sạch hết chúng ra thì tâm vương tức tự tánh, tự nhiên hiển hiện. Giống như hoa mai nở bông rộn rã trong mùa đông giá lạnh. Thật vậy, chư vị phải biết rằng, hoa mai nở bông trong mùa đông lạnh giá chớ không nở trong tiết xuân ấm áp, tràn đầy ánh nắng hồng. Hoa tâm khai

nở không phải ở nơi vui buồn, thương ghét, hay đúng sai giữa mình và người. Nếu chúng ta mê muội vì những tâm thức triền phược thì tâm tánh sẽ thành vô ký. Nếu tạo nghiệp xấu thì thành tánh xấu. Nếu tạo nghiệp lành thì thành tánh lành.

Có hai loại vô ký là vô ký trong mộng và vô ký không vọng. Vô ký trong mộng tức lúc hôn trầm mê mộng. Trong mộng có cảnh huyễn. Ban ngày làm những việc mà không chú ý đến. Đó là ý thức vô ký.

Chúng ta đang ngồi tọa hương mà bỏ mất câu thoại đầu, lạc vào trống không, mê mê mờ mờ, không biết chi hết, hay chỉ tham đắm cảnh giới tịch tĩnh. Thế nên, lúc dụng công, bị lạc vào thiền bịnh. Đó gọi là vô ký không vọng. Việc cần thiết là trong hai mươi sáu thời, luôn khởi câu thoại đầu, linh linh bất muội (sáng suốt, không mê), liễu liễu thường tri (rõ ràng thường biết). Đi cũng như thế. Ngồi thiền cũng như thế. Cổ nhân nói: "Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền, dứt hết ngôn từ lời nói, thể động và tịnh đều an nhiên!"

Tổ Hàn Sơn bảo:

"Trên đỉnh núi cao,

Bốn bề rộng vô ngần

Tĩnh tọa không người biết

Ánh trăng lặng lẽ,

Chiếu thấu suối ngàn

Suối trong không trăng

Trăng nơi trời xanh

Ngâm nga thơ kệ

Thơ chẳng phải thiền."

Vì duyên lành với nhau, nên tôi mới nói ra những điều này. Hy vọng mọi người nỗ lực tinh tấn, không nên dụng tâm tán loạn. Tôi sẽ đưa ra một công án nữa.

Xưa kia, tổ khai sơn, lập chùa Tất Đàn tại núi Kê Túc, xuất gia xong, Ngài đi đó đây tham thiền học đạo, rất mực tinh tấn dụng công. Ngày nọ, Ngài ghé qua một quán trọ, nghe cô gái trong quán bán đậu hủ ngâm thơ: "Trương đậu hủ, Lý đậu hủ. Đầu trên gối, nghĩ muôn ngàn chuyện. Sáng mai cũng vẫn bán đậu hủ."

Ngay trong lúc đang ngồi thiền tĩnh tọa, nghe cô bán đậu hủ ca ngâm như thế, Ngài liền ngộ đạo. Vì vậy, thấy rõ người xưa, không phải là ở thiền đường mới dụng công, khai ngộ được. Dụng công tu hành, quý tại nhất tâm. Chư vị chớ phân tâm tán loạn, khiến thời gian trôi qua vô ích. Nếu thế, ngày mai vẫn phải bán đậu hủ.

Ngày thứ năm:

Phương pháp tu hành, nói dễ thì cũng rất dễ, còn nói khó thì cũng rất khó. Nói dễ nghĩa là chư vị chỉ cần xả bỏ tất cả, có lòng tin chắc thật, phát tâm kiên cố, lâu dài, thì mới thành công được.

Nói khó tức là vì chúng ta sợ khổ, muốn hưởng sung sướng an lạc. Nên nhớ rằng muốn thành công trong bất cứ nghề nghiệp nào trên thế gian, thì phải trải qua quá trình học tập, rèn luyện. Huống hồ chi nói đến việc học pháp thánh hiền, để mong thành Phật thành Tổ. Cứ dễ duôi thì làm sao thành công được? Thế nên, điều thứ nhất là phải có tâm kiên cố, vì người tu hành học đạo, không thể tránh khỏi ma chướng. Ma chướng là cảnh nghiệp trần lao như màu sắc, âm thanh, mùi hương, mùi vị, xúc chạm, pháp trần, mà tôi đã nói đến tối hôm qua. Nghiệp cảnh này là oan gia sinh tử của chúng ta. Đó là nguyên nhân mà nhiều vị pháp sư giảng kinh, vì không nắm vững điểm này, nên đạo tâm không kiên cố.

Kế đến, phải phát tâm tu hành dài lâu. Trên thế gian, chúng ta tạo nghiệp vô số. Khi bắt đầu tu hành, muốn thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi, có thể nào xả bỏ được hết tập khí xấu xa trong một lần được đâu?

Như tổ Trường Khánh xưa kia, ngồi rách cả bảy chiếc bồ đoàn. Tổ Triệu Châu, năm tám mươi tuổi, ra ngoài hành cước học đạo. Bốn mươi năm tham khán một chữ vô, dụng tâm không tán loạn, sau

đó mới đại triệt đại ngộ. Vô Vương cùng Triệu Vương rất sùng bái Ngài, nên thường đến cúng dường. Đến đời Thanh, hoàng đế Ung Chánh, khi xem duyệt lại ngữ lục cao siêu của Ngài, liền ban hiệu 'Cổ Phật'. Đấy là do cả đời tu hành khổ nhọc, mới thành công được. Ngay đây, chúng ta nếu xả bỏ hết mọi tập khí xấu xa, lắng đọng thân tâm, liền bằng Phật Tổ không khác.

Kinh Lăng Nghiêm nói:

"Như lọc lấy nước

Giữ nước trong lành

Nước tịnh không động

Cát đá tự chìm

Nước trong liền hiện

Tức nhiếp khách trần

Lọc cát đá ra

Chỉ còn nước trong."

Phiền não tập khí, ví như các đá, vì vậy mới dùng thoại đầu. Thoại đầu như lưới lọc cát, khiến nước trong sạch. Người dụng công, nếu đạt đến chỗ thân tâm nhất như, tức cảnh tịnh xuất hiện, thì phải chú ý, chớ dừng lại mà không tiến bước. Nên hiểu rằng đó chỉ là cảnh giới thô thiển, phiền não vô minh chưa đoạn

hết. Lúc ấy, tâm phiền não đã chuyển thành tâm thanh tịnh, như cát bụi lóng thì nước trong. Tuy vậy, dưới đáy nước, cát bụi vẫn còn, chưa được lọc ra, cần phải gia công thêm nữa. Cổ nhân nói: "Người ngồi trên đỉnh cột trụ trăm thước, tuy thấy mà không thật thấy. Nếu tiến thêm một bước nữa thì mười phương thế giới liền hiển hiện!"

Nếu không tiến thêm một bước nữa, thì chỉ nhận 'HóaThành' làm nhà. Phiền não vẫn còn cơ hội sanh khởi. Nếu thế, muốn tự mình giác ngộ, cũng rất khó lắm. Vì vậy, phải lọc cát bụi, giữ nước trong, mới mong đoạn hẳn cội gốc vô minh mà thành Phật Tổ. Sau khi cắt đứt gốc rễ vô minh, tùy thời mà hiện thân thuyết pháp khắp mười phương.

Như Bồ Tát Quán Ấm, hiện ba mươi hai ứng thân. Nếu người nào muốn hiện thân gì để được độ thoát, Ngài sẽ vì họ mà hiện ra thân đó để thuyết pháp. Tự do tự tại, qua lại nơi thanh lâu tửu điếm, thai trâu thai bò, thiên đường địa ngục, không bị trói buộc. Ngược lại, một niệm phân biệt khởi lên, thì luân hồi mãi trong sáu đường. Thuở xưa, đời trước của Tần Tăng thường cúng dường tượng Địa Tạng với hương hoa đèn đuốc, nên mới được quả báo thiện lành. Nhưng vì không phát tâm tu hành dài lâu, lại phiền não vô minh chưa đoạn hết, nên đời nay mới bị tâm sân tổn hại, khiến đọa lạc.

Nếu tín tâm kiên cố, không thối thất, bền bỉ tu hành, dầu chư vị là ai đi nữa, thì chắc chắn sẽ thành Phật.

Xưa kia, có người nghèo, xuất gia tại một ngôi chùa thuộc tỉnh Chương Châu, rất thật tâm tu hành, không biết khổ nhọc, không hỏi đạo với ai, ngày ngày đều khổ công làm lụng. Ngày nọ, có một vị tăng hành cước, ghé lại tạm trú nơi chùa. Vị khách tăng thấy Thầy làm lụng vất vả, bận rộn cả ngày, nên hỏi việc dụng công tu đạo hằng ngày như thế nào. Thầy đáp:

"Mỗi ngày con đều làm việc khổ nhọc. Xin thỉnh Ngài dạy phương pháp tu hành."

Khách tăng đáp: "Hãy tham khán công án 'Ai là người đang niệm Phật'."

Thể theo lời dạy của vị khách tăng, ngày ngày trong lúc làm việc, Thầy luôn xoay lại, nhìn vào chữ 'Ai'. Sau này, Thầy vào núi thẳm rừng sâu tu hành, ăn đọt tùng uống nước suối, mặc áo rơm. Bấy giờ, cha mẹ chị em ở nhà, biết Thầy tu hành khổ hạnh nơi núi sâu rừng thẳm. Người mẹ liền bảo cô chị đem một cuộn vải cùng thức ăn đến cho Thầy. Cô chị đến núi, thấy Thầy đang ngồi thiền trong hang sâu, liền đến lắc vai, nhưng thân Thầy không lay động. Cô kêu to lên, nhưng Thầy vẫn không đáp lời. Tức giận, cô để lại tất cả đồ đạc, rồi trở về nhà. Thầy không một lời hỏi thăm gia đình, cứ mãi ngồi thiền trong hang động. Mười ba năm sau, người chị lại đến thăm, thấy cuộn vải khi trước, cũng để ngay tại chỗ xưa, chưa động đậy gì. Sau này, có người chạy lánh nạn ngang qua đó, bị đói khát, thấy Thầy đang ngồi thiền, liền tiến vào hang, xin đồ ăn. Thầy liền đi vào trong hang sâu, lấy ra vài thỏi đá, bỏ vào

nồi nấu, rồi mang ra, cùng ăn với người khách lạc đường, như ăn khoai vậy. Ắn xong, trước khi khách đi, Thầy có dặn: "Xin đừng kể về buổi ăn này cho người ngoài biết."

Thời gian sau, vì nghĩ rằng trụ trong núi đã lâu, Thầy muốn ra ngoài để kết duyên pháp. Do đó, Thầy đi Hạ Môn, cất lều tranh, bán nước trà cho khách qua đường. Bấy giờ là đời vua Vạn Lịch (1573-1689). Hoàng Thái Hậu (tức mẹ vua), vừa mới qua đời, nên nhà vua thỉnh mời chư cao tăng đến hoàng cung, làm lễ cầu nguyện cho mẹ ông. Mới đầu, nhà vua định thỉnh tăng chúng ở kinh đô, nhưng vì không có vị cao tăng nào cả. Lại thêm, Hoàng Thái Hậu báo mộng cho biết là tại Chương Châu, tỉnh Phước Kiến, có một vị cao tăng. Vì vậy, nhà vua phái quan quân đến Chương Châu, cung thỉnh tất cả chư tăng về kinh đô, lập đàn tràng cầu siêu. Thế nên, tăng chúng Chương Châu đều lục đục, kéo nhau lên kinh đô. Khi chư tăng đi ngang qua quán trà, Thầy liền hỏi thăm nguyên do. Chư tăng đáp: "Hiện tại, chúng tôi phụng theo chiếu chỉ nhà vua, lên kinh đô, lập đàn tràng cầu siêu độ cho Hoàng Thái Hậu."

Thầy hỏi: "Bạch chư Hòa Thượng! Vậy con có thể cùng đi với các Ngài được không?"

Chư tăng đáp: "Điệu bộ ông lôi thôi, xốc xếch, làm sao theo chúng tôi được."

Thầy nói: "Con không biết tụng kinh, nhưng có thể mang hành lý giùm các Ngài."

Chư tăng nhận lời, đưa hành lý cho Thầy mang, rồi cùng nhau lên kinh đô. Khi ấy, Hoàng Đế biết chư tăng tại Chương Châu đang trên đường đến kinh đô, nên bảo người chôn giấu một bộ kinh Kim Cang dưới cổng kinh thành. Các vị tăng Chương Châu không hay biết. Người người đều bước qua cổng thành, nhưng trừ Thầy. Thầy quỳ xuống, chấp tay, không dám bước qua. Mặc dầu quân lính giữ cổng thành, kêu réo, nhưng Thầy vẫn không đi. Sau khi quan quân tấu trình sự việc, Hoàng Đế rất vui mừng, biết thánh tăng đã đến. Lại sai người ra hỏi: "Hòa Thượng đã đến, sao không vào kinh thành?"

Thầy đáp: "Dưới đất có kinh Kim Cang, nên tôi không dám bước qua."

Lại hỏi: "Tại sao Hòa Thượng không đích thân mà vào thành?"

Nghe thế, Thầy liền chống hai tay xuống đất, đưa chân lên trời, rồi đi vào thành. Hoàng Đế cung kính tột bực. Lại hỏi Thầy cách lập đàn tràng cầu siêu. Thầy đáp: "Canh năm sáng mai, kiến lập một đài cao, cắm một cây phướn, đốt một ngọn đèn, dâng một đĩa trái cây để cúng dường chư Phật là đủ."

Hoàng Đế nghe vậy, lòng không vui, vì đàn lễ không long trọng. Lại sợ Thầy không có đạo đức, nên cho hai cung nữ đến hầu hạ,

tắm cho Thầy. Thân tâm Thầy vẫn không động khi được hai cung nữ đến tắm cho mình. Cung nữ tấu trình Hoàng Đế. Nghe thế, Hoàng Đế lại tăng thêm sự cung kính, biết Thầy thật là một vị thánh tăng, nên theo lời mà kiến lập đàn tràng. Hôm sau, Thầy lên tòa thuyết pháp, đăng đàn làm lễ, tay phất cây phướn trước quan tài Hoàng Thái Hậu mà nói:

"Cái ta vốn không đến từ đâu,

Bà chớ có đắm đuối,

Một niệm không sanh,

Siêu thăng cõi trời!"

Làm Phật sự xong, Thầy bảo Hoàng Đế: "Xin chúc mừng! Hoàng Thái Hậu đã được siêu thăng!"

Hoàng Đế rất đỗi nghi ngờ, vì sợ làm đàn tràng quá đơn sơ như thế thì công đức chưa đủ. Đang khởi tâm nghi như thế, thì trên hư không có tiếng của Hoàng Thái Hậu: "Hoàng Đế! Hãy cám ơn Thánh tăng. Mẹ đã được siêu thăng rồi!"

Nghe thế, Hoàng Đế vùa sợ vừa mừng, cúi mình lễ bái tạ ơn, rồi thiết lễ trai tăng cúng dường.

Thầy thấy Hoàng Đế mặc quần thêu hoa gấm, nên mắt chăm chăm nhìn. Thấy vậy, Hoàng Đế thưa: "Bạch Đại Đức! Ngài muốn vật này à?"

Nói xong, Hoàng Đế liền tặng cho Thầy quần gấm đó. Thầy nói: "Cám ơn Ngài."

Hoàng Đế ban hiệu Thầy là 'Quốc Sư Long Khố'.

Thọ trai xong, Hoàng Đế dẫn Thầy đến vườn hoa du ngoạn. Trong vườn có một bảo tháp. Thầy vừa thấy thì tâm rất vui mừng, đi đến xem coi. Hoàng Đế thưa: "Bạch Quốc Sư! Ngài muốn tháp này à?"

Thầy đáp: "Tháp này tuyệt đẹp!"

Hoàng Đế thưa: "Bạch Quốc Sư! Con có thể cúng dường Ngài ngôi bảo tháp này."

Nói xong, Hoàng Đế liền sai người mang bảo tháp về Chương Châu. Thầy liền bảo: "Không cần nhờ người mang. Tự tôi đem về được."

Nói xong, Thầy liền bỏ tháp vào trong tay áo, rồi bay lên hư không, biến mất. Hoàng Đế kinh hãi, run sợ, vui mừng, tán thán việc chưa từng có.

Chư vị! Hãy nhìn lại câu chuyện này. Kể từ khi xuất gia, Thầy chưa từng dụng công tán loạn, đạo tâm luôn kiên cố. Người chị đến thăm, Thầy vẫn không màng. Y phục rách nát, Thầy vẫn không quản. Cuộn vải để trong hang mười ba năm mà không động đến. Chúng ta hãy tự hỏi chính mình, công phu có được như

thế không? Chỉ nói trong một ngày một đêm, giả như có chị mình đến thăm, thì tâm có động hay không? Lại nữa, trong lúc chỉ tịnh, thấy thầy giám hương đi đốt hương, hay người khác đang động đang tịnh, liền giương đôi mắt nhìn. Dụng công như vầy, đến khi nào mới thành thục! Chư vị chỉ thiết yếu lọc bỏ bùn cát, thì nước trong tụ nhiên hiện ra. Chư vị hãy đề khởi thoại đầu lên!

Ngày thứ sáu:

Cổ nhân nói: "Ngày tháng qua mau như thoi đưa, thời gian vùn vụt trôi như tên bắn."

Đả thiền thất, đến ngày mai là xong. Theo quy củ, sáng mai sẽ có tra khảo. Vì đả thất là cách thức khắc kỳ thủ chứng. Chứng nghĩa là chứng ngộ, tức thấy tận bổn địa phong quang, hay ngộ đến Như Lai Diệu tánh. Đó gọi là chứng ngộ. Vì muốn biết trình độ công phu của chư vị trong bảy ngày, nên mới tra khảo, xem xét. Chư vị phải đối trước đại chúng mà thưa bạch rõ ràng những điều mình chứng biết. Khi đó, gọi là thâu nhặt tiền vé của tất cả mọi người. Nói cách khác, chúng ta tham gia đả thiền thất, nghĩa là ai ai cũng có thể khai ngộ, hoằng dương Phật pháp, cứu độ chúng sanh. Hiện tại, không cần nói rằng ai ai cũng đều khai ngộ, nếu chỉ có một người khai ngộ thôi, thì cũng thâu được tiền vé. Nghĩa là, một người trả tiền ăn cho mọi người. Nếu chúng ta phát khởi đạo tâm tinh tấn, thì ai ai cũng đều khai ngộ. Cổ nhân nói: "Phàm phu thành Phật rất dễ. Dẹp trừ vọng tưởng lại rất khó."

Từ vô thủy đến nay, chúng ta tham lam ái nhiễm, chấp trước nặng nề, nên mới bị lưu chuyển trong vòng sanh tử. Tám muôn bốn ngàn trần lao, bao loại tập khí xả bỏ không nỗi, thì không thể ngộ đạo. Khác hẳn với chư Phật, chư Bồ Tát, những bậc thường giác không mê. Do đó đại sư Liên Trì nói:

"Nhiễm duyên rất dễ,

Đạo nghiệp khó thành,

Không thấy việc trước mắt

Muôn duyên sai biệt

Xem cảnh như gió thổi ào ào

Phá hoại rừng công đức

Lửa tâm cháy phừng phừng,

Đốt rụi hạt bồ đề,

Đạo tâm nếu đồng tình tâm

Thành Phật rất dễ dàng

Nếu đối đãi chúng sanh như đối đãi ta,

Việc của mình và người,

Không thấy mình khác người

Tự nhiên trên cung dưới kính

Phật pháp luôn luôn hiện

Chặt đứt trần lao khổ não!"

Mười câu kệ trên, nói rõ đạo lý chân thật! Nhiễm, tức nhiễm ô. Phàm phu đều tham tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, lợi lộc, lại luôn khởi tâm sân hận, gây chiến tranh. Đối với hai chữ 'Đạo Đức', như chân bị đá buộc. Từ sáng đến tối, vui buồn giận tức, thương mến, ghen ghét, tham lam, ái nhiễm phú quý, vinh hoa. Không đoạn bao loại thế tình. Không nghĩ nhớ gì về đạo. Thế nên, rừng công đức bị phá. Hạt bồ đề bị đốt rụi. Nếu nhạt nhẻo với thế tình, tất cả bè bạn hay oan gia đều đối xử bình đẳng, xem mọi chúng sanh đều đồng nhau không khác, xem người đói như mình đói, nhìn người chìm như mình chìm, không giết hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói láo, không uống rượu, thường phát tâm bồ đề, thì mới có thể tương ưng cùng đạo, chắc chắn sẽ thành Phật. Thế nên: "Đạo tâm nếu đồng tình tâm, thành Phật rất dễ dàng."

Chư Phật thánh hiền, ứng hóa thế gian, trong mọi việc làm, đều vì lợi ích chúng sanh. Vì thế nói rằng cứu khổ, ban an lạc, khởi tâm từ, tế độ muôn vật. Nếu chúng ta tự kiềm chế, nhã nhặn, khiêm tốn, trong mọi việc làm đều không vì mục đích hưởng thụ cá nhân, thì người người đều không khổ nhọc, và việc làm gì đều cũng thành công. Đồng thời, quả báo chơn thật thù thắng cũng

được viên mãn tròn đầy, như thuyền nhấp nhô lên xuống đồng với mực nước. Nếu dùng tâm cung kính mà đối đãi người, không tụ cao tự đại, không kiêu ngạo giả dối, thì khi gặp nhau, người khác nhất định sẽ có tâm cung kính tôn trọng mình. Ngược lại, nếu chỉ cậy vào tài năng, nộ khí tung hoành ngang dọc, hoặc miệng trái với tâm, luôn vì âm thanh sắc tướng, danh lợi mà lập chước, mong mỏi người kính mình, thì không thể được. Khổng Tử nói: "Cung kính người, người hằng cung kính mình. Thương mến người, người hằng cung kính mình.

Lục Tổ Huệ Năng bảo: "Người lỗi ta không lỗi, lỗi ta quá hơn người."

Thế nên, chúng ta hãy chặt đứt tâm đúng sai, mình người khác biệt. Như chư Phật Bồ Tát, làm mọi việc luôn vì lợi ích chúng sanh, nên thời thời thường gặt hái quả báo thiện lành. Nếu làm được như thế thì phiền não không thể trói buộc.

Đức Thế Tôn thuyết ba tạng kinh điển, mười hai phần giáo, chỉ vì muốn cứu giúp chúng ta cắt đứt ba độc, tham lam, sân hận, si mê, mà tu hành giới định huệ, phát khởi tâm từ bi hỷ xả, thực hành lục độ vạn hạnh, viên mãn đức tướng trí huệ, trang nghiêm pháp thân công đức. Nếu nương theo trên mà hành, thì nơi nơi đều biến thành thế giới Hoa Tạng.

Hôm nay tham gia đả thất, đa số là chư vị đại đức cùng người tại gia. Chúng ta nên cố gắng hàng phục tâm mình, mau chóng rời

xa triền phược. Tôi sẽ nói thêm một công án nữa. Mong rằng những ai đã phát tín tâm tu hành, sẽ đạt được bảo vật. Nếu không thì chư vị tự cô phụ tín tâm của mình, đi về tay không. Hy vọng mọi người hãy lắng nghe.

Xưa, đời Đường, có cư sĩ họ Bàng tên Uẩn, tự Đạo Huyền, người Hàng Xung, tỉnh Hồ Nam, vốn theo nghiệp nhà Nho, liễu ngộ trần lao khốn khổ, chí cầu đạo chân đế. Năm Trinh Quán nguyên niên, nghe đạo phong của hòa thượng Thạch Đầu, nên ông đến bái kiến.

Ông hỏi: "Người không cùng muôn pháp làm bạn là ai?"

Hòa thượng Thạch Đầu liền lấy tay che miệng ông. Ông liền hoát nhiên nhận ra yếu chỉ. Ngày nọ, ngài Thạch Đầu hỏi ông: "Từ khi gặp lão tăng cho đến nay, hằng ngày con làm những gì?"

Ông đáp: "Nếu hỏi việc hằng ngày, tức môi miệng không có chỗ mở."

Nói xong, ông liền trình kệ:

"Hằng ngày làm không khác

Chỉ mình hòa với chúng

Nơi nơi không chấp xả

Chốn chốn không tiếp thừa

Sao phân chia đỏ tím

Núi xanh chẳng chút bụi

Thần thông và diệu dụng

Gánh nước cùng hái củi."

Ngài Thạch Đầu chấp nhận, nói: "Con muốn làm tăng hay tục?"

Ông đáp: "Bạch Hòa Thượng! Con muốn làm những gì con thích!".

Ông không xuống tóc xuất gia.

Sau, ông đến tham vấn Mã Tổ: "Bạch Hòa Thượng! Người không cùng muôn pháp làm bạn là ai?"

Mã Tổ đáp: "Đợi ông hớp cạn nước ngàn sông, ta sẽ chỉ bày."

Nghe thế, ông liền lãnh hội yếu chỉ, nên ở lại học hỏi về ngôn giáo. Từ khi hiểu rõ nguồn tâm, ông không màng việc thế gian, chỉ đan giỏ tre sống qua ngày. Trong nhà có mười ngàn lượng vàng bạc, ông liệng hết xuống sông Trường Giang. Hôm nọ, đang cùng bà vợ bàn về lý vô sanh, ông bảo: "Khó! Khó! Khó! Đem nấm để trên đỉnh cây thật khó!"

Bà vợ nói: "Dễ! Dễ! Dễ! Ý Tổ Sư trên trăm đầu ngọn cỏ."

Con ông là cô Linh Chiếu nghe thế liền đáp: "Hai ông bà già, sao lại nói như thế!"

Ông hỏi: "Vậy con nói như thế nào?"

Cô đáp: "Không khó cũng không dễ. Đói thì ăn. Mệt ngủ khò!"

Ông liền vỗ tay, nói: "Con trai không lấy vợ. Con gái không lấy chồng. Cả nhà thuyết vô sanh!"

Từ đó, danh tiếng của ông vang rộng khắp nơi.

Khi từ biệt đại chúng, ngài Lạc Sơn bảo mười vị thiền khách tiển ông ra cổng. Đến cổng, ông lấy tay chỉ tuyết rơi trên không trung, nói: "Từng mảnh tuyết trắng, không bay lạc nơi khác."

Có thiền khách họ Toàn đáp: "Bay lạc nơi nào?"

Ông liền tát vị thiền khách này một bạt tay. Thiền khách họ Toàn nói: "Không được cẩu thả."

Ông bảo: "Sao dám xưng là thiền khách. Vua Diêm La không cho Ngài thoát đâu."

Thiền khách hỏi: "Cư sĩ thường làm gì?"

Ông đáp: "Mắt thấy như mù, miệng nói như câm."

Ông thường đến các giảng đường nghe giảng kinh. Ngày nọ, vị giảng sư giảng kinh Kim Cang đến đoạn vô ngã vô nhân, ông liền hỏi: "Bạch Tọa Chủ! Nếu nói vô ngã vô nhân, vậy ai đang giảng kinh, ai đang nghe kinh?"

Vị Tọa Chủ không lời đối đáp.

Ông nói: "Tuy là người thế tục, con hiểu yếu chỉ thô thiển đôi chút."

Tọa Chủ hỏi: "Theo ý cư sĩ thì như thế nào?"

Ông đáp: "Không mình cũng không người. Sao có kẻ thân người sơ! Khuyên Ngài ngồi nghỉ ngơi, đừng đem chân lý cầu chân lý. Tánh Kim Cang Bát Nhã, ngoài không chút trói buộc. Nghe cùng tin nhận, chỉ là trần cảnh, giả danh."

Nghe thế, vị Tọa Chủ vui mừng khen ngợi ông đáo để.

Một hôm, ông hỏi cô Linh Chiếu: "Cổ nhân nói rằng trên trăm đầu ngọn cỏ, rõ ý tổ sư. Vậy, con hiểu như thế nào?"

Cô Linh Chiếu đáp: "Ông già! Sao nói như thế được?"

Ông hỏi: "Vậy con nói làm sao?"

Cô đáp: "Trên trăm đầu ngọn cỏ, rõ ý tổ sư."

Ông cười to. Lúc sắp mất, ông bảo cô Linh Chiếu: "Con ra ngoài xem coi mặt trời mọc đúng ngọ chưa."

Cô Linh Chiếu bước ra ngoài, chốc lát, rồi trở vào, nói: "Mặt trời ở giữa không trung, bị nguyệt thực. Cha bước ra xem."

Ông tưởng thật, nên bước xuống tòa, đi ra ngoài cửa xem. Khi ấy, cô Linh Chiếu liền leo lên tòa ngồi của cha mình, xếp bằng, chắp tay, rồi thị tịch. Trở vào, thấy con mình đã mất, cười nói: "Con gái ta lanh lợi quá. Nó đi trước ta."

Sau đó, ông đình lại bảy ngày để lo đám tang con mình. Khi quan Vu Công đến thăm bịnh, ông làm kệ, bảo:

"Chỉ mong dẹp sạch cái có,

Coi chừng những cái không,

Cuộc sống trên thế gian,

Như ảnh tượng và bóng."

Nói xong, ông đặt đầu lên gối của quan Vu Công mà mất. Theo di chúc, thi thể ông được hỏa táng thành tro, rồi bỏ xuống sông. Bà vợ nghe tin, liền báo cho con trai biết. Cậu trai nghe xong, ngừng làm việc, đứng chống tay trên cán cuốc mà thị tịch, ngay tại đồng ruộng. Bà mẹ thấy thế, cũng tự ẩn mình, biệt dạng.

Chư vị hãy xem, bốn người trong gia đình, đều có thần thông diệu dụng như thế. Họ cũng là cư sĩ, nhưng dụng công rất thâm cao. Thế nên, hiện tại, đừng nói rằng trong cư sĩ không có nhân tài. Còn hai chúng tỳ kheo, tỳ kheo ni, đều đồng như Hư Vân tôi không khác.

Chư vị hãy cố gắng nỗ lực tinh tấn.

Ngày thứ bảy:

Chúc mừng chư vị! Công đức tu hành, đến nay đã hoàn mãn. Chiếu theo quy củ của nhà thiền, những vị đã chứng ngộ, phải bước vào thiền đường để được khảo hạch, như những cuộc khảo thí ở kinh đô. Hôm nay, là ngày tuyên bố thí sinh trúng tuyển. Chúng ta phải nên chúc mừng. Hòa Thượng trụ trì thật là từ bi, quyết định rằng ngày mai sẽ tiếp tục đả thiền thất, để cho chư vị có thể gia công tu hành được mau tiến bộ. Những vị tu hành lâu năm, chắc đều biết rằng đây là nhân duyên thù thắng. Vì vậy, đừng để thời gian trôi qua vô ích. Người phát tâm tu hành, phải biết thân người khó được, sống chết là việc lớn. Nay đã được thân người, lại phải biết rằng Phật pháp khó nghe, thiện tri thức khó gặp. Hôm nay, đích thân chư vị đến núi châu báo, đều phải nên ra sức nỗ lực dụng công. Chớ trở về tay không.

Pháp trong tông môn, tôi đã giảng qua. Từ lúc Thế Tôn cầm cành hoa dạy đại chúng, trải qua bao đời, đường hướng tông môn, được truyền cho đến ngày nay. Tôn giả A Nan, tuy là em Phật, làm thị giả, hầu cận đức Thế Tôn, nhưng vẫn chưa đại triệt đại ngộ. Sau khi Phật nhập niết bàn, chư thánh tăng A La Hán, không cho ngài A Nan tham gia hội kết tập đại tạng kinh điển. Tôn giả Ca Diếp bảo: "Ngài chưa đắc được tâm ấn của đức Thế tôn. Thỉnh Ngài ra ngoài xô ngã cột trụ."

Nghe thế, tôn giả A Nan liền đại ngộ. Ngài Ca Diếp phó chúc, truyền tâm ấn Như Lai cho ngài A Nan. Như thế, ngài A Nan là vị

tổ thứ hai ở Ấn Độ. Đời đời tương truyền y bát. Sau đời các tổ Mã Minh, Long Thọ, có lão nhân Bắc Tề ở Thiên Thai, nhân xem luận Trung Quán, phát minh tâm địa, nên lập ra tông Thiên Thai. Khi đó, tông môn được hưng thịnh khắp nơi. Sau này, khi tông Thiên Thai bị suy vi, có quốc sư họ Thiều, qua Cao Ly phiên dịch kinh điển, rồi trở về xiển hưng, chấn chỉnh lại tông phong. Ngài Đạt Ma là vị tổ Ấn Độ thứ hai mươi tám, truyền pháp sang Đông Độ, tức là sơ tổ Trung Hoa. Từ ngài Đạt Ma truyền đến Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn thì đuốc tâm khai sáng khắp nơi. Dưới Lục Tổ Huệ Năng có bốn mươi ba người khai ngộ. Từ tổ Hành Tư truyền đến tổ Hoài Nhượng, rồi đến Mã Tổ, lại có thêm tám mươi ba vị thiện tri thức. Lúc đó chánh pháp hưng thịnh mạnh mẽ. Quốc vương, đại quan đều cung kính tôn trọng.

Tuy đức Như Lai thuyết pháp rất nhiều, mà giáo chỉ tông môn thù thắng hơn hết. Như pháp môn niệm Phật, cũng do tổ Mã Minh, tổ Long Thọ tán dương. Sau ngài Huệ Viễn, có thiền sư Vĩnh Minh, làm tổ thứ sáu của tông Tịnh Độ. Sau này, có rất nhiều vị thiền sư trong tông môn hoằng dương tông Tịnh Độ.

Pháp Mật Tông, phát triển từ đời thiền sư Nhất Hạnh. Sau đó truyền sang Nhật Bổn. Ở Trung Hoa, từ đó trở đi, không người thừa kế.

Tông Duy Thức do ngài Huyền Trang đề xướng, chẳng bao lâu cũng diệt mất.

Đơn độc, chỉ có tông môn là được truyền thừa lâu dài nhất. Thiên thần quy y, rồng hổ bái phục.

Trong chúng hội tiên nhân có Lữ Động Tân, biệu hiệu Thống Dương, người Kinh Châu, vào đời Đường, thi rớt ba lần, không muốn về nhà. Lúc đi ngang qua một quán rượu ở Trường An, gặp Chung Ly Quyền, dạy cho phép sống lâu không chết. Lữ Đồng Tân y theo đó tu hành. Sau này, phi hành tự tại, đi khắp thiên hạ. Ngày nọ, ông đến chùa Hải Hội ở Lô Sơn, bay lên lầu chuông, đề bốn câu thơ:

"Một ngày an nhàn, thân tự tại

Sáu căn hòa hợp, báo bình an

Đơn điền có vật quý

Ngưng vấn đạo, đối cảnh vô tâm, chớ hỏi thiền."

Sau đó, khi đi qua núi Hoàng Long, biến thành mây ngũ sắc. Vì nghi trong chùa có bậc dị nhân, nên ông vào chùa, gặp lúc ngài Hoàng Long đang ngồi tòa giảng kinh, đánh trống pháp vi diệu. Ông theo đại chúng vào pháp đường nghe pháp. Ngài Hoàng Long nói: "Hôm nay có người đến trộm pháp. Lão tăng sẽ không thuyết pháp."

Lữ Đồng Tân liền bước ra, đảnh lễ, thưa: "Xin thỉnh Hòa Thượng giải thích cho nghĩa của câu: 'Trong một hạt gạo, chứa đầy thế giới. Núi sông ngòi rạch đều chảy vào chiếc nồi nhỏ."

Ngài Hoàng Long nạt: "Con quỷ giữ tử thi."

Ông đáp: "Nhưng trong bụng có giữ thuốc trường sanh."

Ngài Hoàng Long nói: "Sống cho tới tám muôn bốn ngàn kiếp, vẫn chỉ lạc vào không vọng, vô ích thôi."

Bấy giờ, vì quên mất công phu 'Đối cảnh vô tâm, chớ hỏi thiền', Lữ Đồng Tân tức giận dữ dội, vung kiếm đâm thẳng vào ngài Hoàng Long. Ngài Hoàng Long chỉ tay vào kiếm, kiếm tự rơi xuống đất, không thể nhặt lên. Lữ Đồng Tân bèn quỳ xuống, xin sám hối, thỉnh cầu Phật pháp. Ngài Hoàng Long nói: "Để câu 'Núi sông ngòi rạch chảy vào chiếc nồi nhỏ' qua một bên, hãy trả lời cho ta câu 'Trong hạt gạo, chứa đầy cả thế giới', là gì?"

Lữ Đồng Tân nghe lời này, liền khế hợp huyền chỉ, nên viết kệ sám hối:

"Quăng đi bụng rỗng đàn cầm

Nay chẳng giữ vàng trong ngân

Vừa khi gặp được Hoàng Long

Mới biết xưa lầm dụng tâm."

Đây là câu chuyện tiên nhân quy y Tam Bảo, cầu mong làm hộ pháp ở chốn già lam. Đạo giáo trong tay của Lữ Đồng Tân khi ấy rất hưng thạnh. Ông là tổ thứ năm của Đạo giáo ở miền Bắc. Chân nhân Tử Dương cũng do xem Tổ Anh Tập, mà rõ nguồn tâm, làm tổ thứ năm của Đạo giáo ở miền Nam. Thế nên, nhờ Phật giáo mà Đạo giáo được hưng thịnh trở lại. Khổng Tủ, truyền đạo đến Mạnh Tử thì thất truyền. Đến đời Tống, tiên sinh Châu Liêm Khê, do từ trong tông môn mà phát minh tâm địa. Trình Tử, Trang Tử, Chu Tử v.v..., cũng từ Phật pháp mà ra. Thế nên, tông môn trợ lực cho Đạo Nho rất nhiều. Hiện nay, có lắm kẻ khinh khi tông môn, thậm chí lại hủy báng. Đó là muốn gieo nghiệp tội vô gián. Chúng ta hôm nay có duyên lành, gặp pháp hội thù thắng, phải nên vui mừng, phát nguyện rộng lớn. Người người làm nơi nương tựa quy y cho trời rồng, khiến chánh pháp mãi hưng thịnh. Vì vậy, tham thiền học đạo, không phải là trò chơi trẻ con. Hãy nên tinh tấn dụng công!

Thiền thất khai thị lần thứ hai của ngài Hư Vân.

Ngày thứ nhất:

Hư Vân tôi đến chùa này chỉ làm rộn thêm thôi. Nay nhờ quý hòa thượng cùng chư vị ban thủ ân cần ưu đãi, tôi thật rất tri ân. Hôm nay, quý Ngài lại yêu cầu tôi ra làm chủ thất nữa. Danh này tôi thật không dám nhận. Nơi đây, lão pháp sư Ứng Từ, là vị tuổi cao lạp lớn. Đáng lẽ đại chúng phải theo sự chỉ dạy của Ngài mới thật hợp lý. Đồng thời, trong chùa có rất nhiều vị pháp sư, đều là các

bậc cao tăng thạc đức. Tôi chỉ là bọt bèo trên nước, thật rất vô dụng. Nay tuổi càng cao, khách khí càng nặng nề.

Ngay cả pháp thế gian, cũng không luận là tuổi nhiều hay ít. Xưa kia, trong những lần thi khảo hạch tại kinh đô, không kể tuổi tác lớn nhỏ, mọi người phải tôn kính và gọi vị chủ khảo là thầy. Đạo Phật cũng thế, như Bồ Tát Văn Thù, đã chứng quả vị Phật trong đời quá khứ, cũng từng dạy dỗ mười sáu vị thái tử. Phật A Di Đà là vị thái tử thứ nhất. Phật Thích Ca cũng là đệ tử của Ngài. Đến khi Phật Thích Ca thành Phật, Bồ Tát Văn Thù lại xuống phụ trợ. Thế nên, đạo Phật rất bình đẳng, không có cao thấp. Qua câu chuyện này, tôi muốn nhắc nhở chư vị rằng chớ nên hiểu lầm về tuổi tác.

Tham thiền học đạo, chúng ta phải tôn kính quy chế, pháp thức. Chư vị phát khởi đạo tâm, ngồi thiền nghe kinh, thật rất khó được. Ai ai cũng không quản mưa gió khổ nhọc, bận rộn làm ăn buôn bán ngày đêm, mà tự nguyện đến đây, tham gia thiền thất. Chứng minh rằng mọi người đều có đạo tâm, thích tịch tĩnh, chán phiền não.

Tôi và chư vị xưa nay, vốn đồng một tâm, chỉ khác mê ngộ. Tất cả chúng sanh, ngày đêm bận rộn, không phút rãnh rỗi. Suy nghĩ cặn kẽ, thật là vô ích. Ở thế gian, có người ngày đêm bôn ba, nghĩ tưởng ngu si, tham đắm ăn mặc, ca múa hát xướng, lại chỉ mong con cháu được phú quý vinh hoa mãi mãi. Khi quỷ vô thường đến, vẫn còn lo giữ vợ con tài sản. Những người như thế,

thật quá si mê. Lại có người, biết chút ít về lý nhân quả thiện ác, thích tạo công lập đức, chỉ muốn cúng dường trai tăng, đắp tô tượng Phật, sửa chữa chùa chiền v.v... Nhưng những việc đó, chỉ là phước đức hữu lậu. Họ không hiểu ý nghĩa cao siêu của công đức vô lậu, nên không muốn tu hành. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói: "Nếu có người ngồi thiền trong một khoảnh khắc, thì công đức nhiều hơn xây hằng sa bảo tháp."

Ngồi thiền khiến thân tâm an lạc, đưa mình trở về tự tánh trong sáng tròn đầy, có thể giúp chúng ta thoát cảnh trần lao khổ nhọc và cắt đứt dòng sanh tử luân hồi. Trong một khoảnh khắc, nếu luôn hồi quang phản chiếu, thanh tịnh thân tâm, tuy chưa ngộ đạo, nhưng đã trồng nhân lành trở về Phật tánh. Đến ngày sắp thành tụu, công phu nếu đắc lực, trong một sát na, có thể thành Phật. Trong kinh Lăng Nghiêm, tôn giả A Nan bạch Phật: "Bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân." Tức là không cần phải trải qua ba a tăng kỳ kiếp mà vẫn đắc được pháp thân.

Chúng ta, lăn lộn trong trần lao, vui buồn giận tức, lúc được lúc mất, chìm trong năm món dục lạc, cầu mong thọ dụng phước báo. Nay đến thiền đường, cùng nhau sống trong yên lặng, tịch tĩnh, thấy những việc chưa từng thấy, nghe những việc chưa từng nghe, sáu căn thu nhiếp vào trong, như các căn của rùa, cảnh giới thuận nghịch gì cũng không dao động. Đấy là tu pháp vô vi, cũng là pháp vô lậu. Nếu lấy vàng bạc và bảy loại châu báo để

xây cất bảo tháp nhiều như số cát sông Hằng, thì vẫn không bằng công đức ngồi thiền tĩnh tọa trong một giây phút.

Sáu căn rút vào, như rùa thường thu nhiếp các căn khi gặp loài hải cẩu. Hải cẩu thích ăn thịt rùa, nên thường tìm bắt. Rùa biết hải cẩu muốn ăn thịt mình, nên rút bốn chân, đầu và đuôi vào thân. Khi đó, hải cẩu không thể bắt được. Rùa liền thoát nạn.

Ở thế gian, không có tiền mua quần áo thức ăn, thì chắc phải chết. Nhưng nếu có tiền thì tiêu xài xa hoa, đắm trong sắc dục, không thể xả bỏ, như hải cẩu cắn được đầu rùa. Nếu biết tai hại, thì phải lo thu nhiếp sáu căn, hồi quang phản chiếu. Khi ấy, mới mong sống lại từ trong cái chết.

Hai ngày trước, tôi có nói về pháp trong tông môn, vốn là chánh pháp nhãn tạng, là tâm pháp của Như Lai, là nền tảng cắt đứt dòng sanh tử luân hồi.

Bàn về tông môn, tuy khiến nhiều người khởi tâm tín giải, nhưng đa số đều hiểu trên cành lá văn chương từ ngữ, khó được khai ngộ hoàn toàn. Nếu muốn dùng pháp môn này để cắt đứt dòng sanh tử thì phải trải qua quá trình tu chứng, thật rất khó khăn.

Xưa nay, khi nghe giảng kinh thuyết pháp và bàn về chỉ thú tông môn, thì người hiển hiện thần thông, lập địa triệt ngộ không ít. Trong tông môn, ngoài chư vị tỳ kheo đạt được tai mắt không thể nghĩ bàn, lại có rất nhiều nhân tài trong giới ni chúng.

Xưa kia, Quán Khê, vốn là đồ đệ của ngài Lâm Tế. Sau bao năm dụng công, vẫn chưa đại triệt đại ngộ, nên đi tham phương cầu đạo, đến chỗ ni sư Mạt Sơn. Khi đến chùa, thị giả của Mạt Sơn hỏi: "Bạch Thượng Tọa! Ngài vì Phật pháp hay vì du ngoạn mà đến đây?"

Đáp: "Tôi đến vì Phật pháp."

Sau đó, Mạt Sơn ra hỏi: "Vì Phật pháp mà đến. Vậy hãy theo phép tắc mà đánh trống thăng tòa."

Nói xong, Mạt Sơn bước lên tòa. Ngài quán Khê chỉ chấp tay xá. Mạt Sơn lại hỏi: "Hôm nay Thượng Tọa vừa rời chỗ nào?"

Đáp: "Nơi ngã ba đường."

Hỏi: "Sao không che lại?"

Quán Khê không đáp được, mới bắt đầu lễ bái, rồi hỏi: "Mạt Sơn là vật gì?"

Đáp: "Không để lộ đỉnh đầu."

Hỏi: "Chủ Mạt Sơn là ai?"

Đáp: "Ngoài tướng năm nữ."

Hỏi: "Sao chẳng biến mất?"

Đáp: "Chẳng phải thần. Chẳng phải quỷ. Biến hóa cái gì?"

Quán Khê không lời đối đáp, nên ở lại, làm vườn trong ba năm. Sau khi đại triệt đại ngộ, Quán Khê thượng đường bảo: "Ta ở tại ông già Lâm Tế đắc được phân nửa. Ở tại bà già Mạt Sơn được phân nửa. Cộng lại thành một thìa. Ắn mãi cho đến hôm nay vẫn còn no."

Chúng ta thấy rằng ngài Quán Khê vừa là đồ đệ của Lâm Tế vùa là pháp tử của Mạt Sơn. Điều này chứng tỏ là trong ni chúng cũng có nhân tài cái thế, tay mắt hơn người. Hiện tại, có rất nhiều ni chúng. Sao không thấy tai mắt nào lộ mặt, thị hiện chánh pháp?

Đấy mới thấy Phật pháp rất bình đẳng. Mọi người phải nên nỗ lực tinh tấn, chớ khiến thối đọa, làm che mờ tự tánh thanh tịnh, bỏ mất nhân duyên kiến tánh. Cổ nhân nói: "Một trăm năm, ba mươi sáu ngàn ngày mà không khi nào biết xả thân nơi bờ tịch tĩnh."

Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay, trôi lăn trong vòng sanh tử. Vì không dám xả bỏ thân tâm để tu học pháp thanh tịnh, nên bị luân hồi, không thể giải thoát. Thế nên, mọi người phải cố gắng xả bỏ tất cả để ngồi trên bờ tịch tĩnh. Hy vọng mọi người đồng chứng vô sanh pháp nhẫn.

Ngày thứ hai.

Đây là ngày thứ hai của thiền thất lần thứ hai. Trong thời gian ngắn ngủi, chư vị đến tham gia thiền thất ngày một tăng. Ai ai

cũng chán phiền não, thích tịch tĩnh. Chứng minh, người ở vùng Thượng Hải thiện tâm rất thuần thục, phước đức sâu dầy.

Xưa nay, thế gian khổ nhiều vui ít. Thời giờ trôi qua mau chóng. Vài thập niên vụt qua trong chớp mắt. Ngay cả Bành Tổ sống đến tám trăm tuổi mà theo nhãn quan Phật giáo thì rất ngắn ngủi. Lệ thường, con người sống đến bảy tám mươi tuổi là nhiều. Nay biết duyên đời mong manh, như huyễn như hóa, lưu chuyển không dừng, nên mới đến đây tu hành. Thật là thiện căn sâu dầy. Nhưng pháp tu hành, quý tại lâu dài. Tất cả chư Phật, chư Bồ Tát đã từng trải qua bao kiếp tu hành gian nan khổ sở, mới thành công được. Kinh Lăng Nghiêm, chương Quán Thế Ấm Bồ Tát Viên Thông: "Nhớ khi xưa, hằng sa vô số kiếp, có Phật ra đời, hiệu là Quán Thế Ấm. Nơi đức Phật đó, con phát tâm bồ đề, được Ngài dạy tu pháp văn tư tu, nhập tam ma địa."

Chứng minh rằng Quán Thế Ấm Bồ Tát, không phải chỉ tu trong một ngày, hai ngày mà thành thục. Ngài cũng công khai chỉ dẫn phương pháp dụng công tu hành. Trong pháp hội Thủ Lăng Nghiêm, giữa hai mươi lăm vị thánh, Ngài là vị tu hạnh viên thông bậc nhất. Pháp dụng công của Ngài là từ văn tư tu, đắc được nhĩ căn viên thông, nhập tam ma địa. Tam ma địa, tiếng Tàu gọi là chánh định. Ngài Quán Thế Ấm lại nói thêm: "Nơi trong tánh nghe, nhập lưu vong sở."

Phương pháp này dùng tai nghe lại tự tánh của mình, không cho sáu căn chạy theo sáu trần, phải nhiếp chúng vào pháp tánh. Lại

bảo: "Năng nhập và sở nhập đều tịch tĩnh. Hai tướng động tịnh, rõ ràng không sanh khởi. Tăng tiến dần dần như thế, cái nghe và cái bị nghe đều diệt mất."

Tức là bảo chúng ta khi dụng công, phải nghe lại chính mình, đừng để gián đoạn. Dụng công tu hành tăng tiến, từ từ đắc được: "Cái giác và cái bị giác đều không. Giác và không đều viên tịch, tròn đầy. Cái không và cái bị không đều tịch diệt. Sanh diệt đều diệt mất thì tịch diệt hiện tiền."

Muốn đạt đến cảnh giới này, phải do công phu tu hành, nghe lại tự tánh của mình. Tất cả mọi sanh diệt đều diệt hết thì tâm cuồng loạn chợt ngưng. Khi ngưng thì tâm Bồ Đề hay chân tâm thanh tịnh liền hiển hiện.

Ngài Quán Thế Ấm đạt đến cảnh giới đó. Ngài nói: "Đột nhiên, vượt ngoài pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Mười phương đều tròn đầy trong sáng. Khi ấy đạt được hai việc thù thắng: Thứ nhất, trên hợp với bổn tâm diệu giác của mười phương chư Phật, cùng đồng nhất lực từ bi. Thứ hai, dưới hợp với tất cả sáu loài chúng sanh, cùng đồng nhất bi ngưỡng."

Hôm nay, chúng ta tu hành học Phật pháp. Đầu tiên phải tự mình công phu cho thuần thục. Phải độ tận hết mọi chúng sanh tham sân si mạn nghi ác kiến, chứng đạt đến chơn tâm diệu giác thanh tịnh xưa nay thì sau này mới thượng hành hạ hóa. Như ba mươi hai ứng thân của Bồ Tát Quán Thế Ấm, tùy theo chủng loại mà

hóa độ. Bồ Tát Quán Ấm hóa hiện nơi thế gian, hoặc làm đồng nam đồng nữ, hoặc làm cư sĩ tể quan, v.v... Người đời không biết Bồ Tát Quán Thế Ấm, vốn đã thành Phật trong đời quá khứ, không còn tướng nhân ngã, nam nữ. Ngài tùy theo căn cơ chúng sanh mà ứng hiện. Thế nên, mỗi khi nghe đến danh hiệu ngài Quán Thế Ấm thì chúng ta liền khởi tâm ái kính. Đời quá khứ, chúng ta vốn đã từng niệm danh hiệu Ngài, nên trong ruộng thức thứ tám, hạt giống lành vẫn luôn khởi mãi. Kinh nói: "Tai vùa nghe tiếng thì hạt giống đạo lưu giữ mãi mãi."

Hôm nay, chúng ta phải y theo pháp tối thượng thùa đã tu đã chứng của chư Phật chư Bồ Tát. Pháp môn hiện tại là phải hiểu rõ bổn tâm diệu giác, tức là thấy tánh thành Phật. Nếu không rõ tâm địa thì không thể thành Phật được. Nếu muốn hiểu rõ tâm địa thì đầu tiên phải hành theo thiện đạo, tức con đường lành. Từ sáng đến tối, các việc ác chớ làm, phải phụng hành các việc thiện, khiến phước đức được tăng trưởng.

Lại nữa, đề khởi câu thoại đầu trong một khoảnh khắc, nếu một niệm không sanh, thì lập tức thành Phật. Chư vị phải tận dụng thời gian. Chớ dụng tâm tán loạn. Cố gắng đề khởi thoại đầu cho hay.

Ngày thứ ba.

Hôm nay là ngày thứ ba của thiền thất thứ hai. Người dụng công thuần thục, trong động và tịnh, đều kiểm soát được tâm mình.

Sao lại để tâm phân biệt thiền thất thứ nhất thứ hai hoặc hai ngày, ba ngày!

Người sơ phát tâm, phải cố gắng nỗ lục tinh tấn, chớ nên để tâm ngu mê ám độn, làm uổng phí thời giờ. Nay tôi lại nói thêm một ví dụ cho chư vị mới phát tâm bồ đề nghe. Hy vọng chư vị hiểu rõ.

Trong thiền đường các nơi, có thờ một vị Bồ Tát Thánh Tăng, vốn là anh em họ với Phật Thích Ca, tức tôn giả Kiều Trần Như. Khi đấng Thế Tôn vừa xuất gia, vua Tịnh Phạn phái ba vị thuộc hệ tộc bên cha và hai vị thuộc hệ tộc bên mẹ, đến núi Tuyết Sơn trợ giúp. Tôn giả Kiều Trần Như là một trong hai người thuộc hệ tộc bên mẹ của Phật. Sau khi đấng Thế Tôn thành đạo, Ngài liền đến vườn Lộc Uyển, thuyết pháp Bốn Thánh Đế. Tôn giả là vị ngộ đạo đầu tiên hết. Đồng thời, Tôn Giả cũng là vị đệ tử xuất gia đầu tiên trong các chư đại đệ tử của Phật. Do đó, chúng ta gọi Ngài là vị Thánh Tăng. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Khi Ta vừa thành đạo, nơi vườn Lộc Uyển, chuyển bánh xe diệu pháp, vì năm ông A Nhã Kiều Trần Như, cùng bốn chúng. Do khách trần phiền não làm mê mờ, nên chúng sanh không thể chứng được quả Bồ Đề hay quả vị A La Hán. Nay, các ông, do nhân duyên gì mà được khai ngộ, chứng quả thánh?"

Nơi đây, Phật hỏi chư đại đệ tử, nhờ dụng công, tu hành pháp môn gì mà chứng được quả vị Thánh. Vì đã liễu giải, ngộ đạo, tôn giả Kiều Trần Như từ nơi chỗ ngồi, đứng dậy bạch Phật: "Bạch

Đức Thế Tôn! Con nay là trưởng lão trong đại chúng, độc đắc giải danh, tức nhân liễu ngộ được hai chữ khách trần mà chứng quả."

Nói xong, Tôn Giả lại giải thích: "Bạch Đức Thế Tôn! Ví như hành khách, ghé ngang quán trọ, hoặc ngủ qua đêm, hoặc ở lại ăn cơm. Ắn ngủ xong, liền mang hành lý đi tiếp, không muốn ở lại. Nếu thật là chủ nhân thì không muốn đi. Vì vậy, con suy nghĩ như vầy: 'Không ở là hành khách, mà ở lại là chủ.'

Cũng như giọt sương, khi mặt trời lên, ánh nắng chiếu vào, trong giọt sương tỏa ra ánh sáng, có chiếu những hạt bụi. Các hạt bụi vốn dao động, còn hư không thì an nhiên không động. Con lại suy nghĩ: 'Vắng lặng gọi là hư không. Dao động gọi là khách trần, bụi bặm, cũng gọi là hành khách."

Tôn Giả giải thích rõ hai chữ khách và chủ. Đấy chỉ là ví dụ, dạy chúng ta biết phương pháp tu hành. Nói cách khác, chân tâm của chúng ta là chủ nhân, vốn không dao động. Vọng tưởng vốn dao động, tức là khách. Vọng tưởng ví như bụi bặm, rất vi tế, nhỏ nhít. Bụi bặm bay trong hư không. Khi có ánh nắng mặt trời chiếu qua cửa sổ thì mới thấy được chúng. Bình thường, khi tâm động đậy, vọng tưởng khởi lên, chúng ta rất khó biết. Đến lúc ngồi tĩnh tọa tu hành, dụng công thì mới thấy rõ mình có quá nhiều tạp niệm. Nếu công phu không đắc lực thì không thể kiềm chế được tạp niệm, không thể ngộ đạo, mãi lăn lộn trong biển sanh tử. Đời nay tên Trương. Đời sau tên Lý. Như hành khách, ngủ tạm nơi quán trọ, không thể ở lại lâu dài. Trụ được mà không động, gọi là

ông chủ. Ông chủ ví như hư không, chứa bao bụi bặm. Nói chung, hư không là tịch nhiên không động. Cũng như chủ nhân của quán trọ, mãi mãi ở lại, không đi nơi khác.

Giảng về danh tướng, trần nghĩa là trần sa cát bụi, tức phiền não. Khi đạt đến quả vị Bồ Tát, thì mới cắt đứt được. Vọng tức là vọng hoặc. Hoặc có mười tám loại kiến hoặc. Tư hoặc có tám mươi mốt phẩm. Kiến hoặc do năm loại độn sử tạo ra. Người tu hành, đầu tiên phải cắt đứt kiến hoặc thì mới chứng nhập quả Tu Đà Hoàn. Nhưng, bước đường công phu này rất là gian nan. Đoạn trừ kiến hoặc như lội ngược dòng bốn mươi dặm. Vì vậy, chúng ta phải dụng công mạnh mẽ, thâm sâu. Tư hoặc đoạn dứt thì mới chứng quả A La Hán. Cách dụng công này, thuộc về tiệm thứ, tức tu từ từ.

Hiện tại, chúng ta chỉ cần khởi câu thoại đầu, linh linh bất muội, rõ ràng thường biết. Khi vung đao lên, kiến hoặc hay tư hoặc liền bị chặt đứt. Lúc ấy, trời xanh không dính mắc mây hồng. Ánh dương lơ lững trong hư không. Ánh sáng tự tánh tự nhiên hiển lộ.

Tôn giả Kiều Trần Như đã ngộ được đạo lý, nhận rõ ông chủ thật của mình.

Do đó, bước đầu tiên dụng công của chúng ta là phải nhận rõ ra khách trần. Khách trần là động. Chủ nhân thì bất động. Nếu không nhận ra khách chủ thì không thể biết chỗ dụng công, uổng phí thời giờ.

Hy vọng mọi người lưu tâm tham khán.

Ngày thứ tư.

"Phật pháp cao siêu rất nhiệm mầu. Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu."

Trở lại chùa Ngọc Phật đả thiền thất, thật là nhân duyên thù thắng. Chư vị cư sĩ nam nữ khắp nơi đến tham gia, trồng nhân chân chánh thành Phật. Thật là hy hữu khó được.

Phật Thích Ca thuyết kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Kinh nói: "Nếu người tâm tán loạn, đang khi ở trong tháp miếu, xưng 'Nam Mô Phật' một lần, thì đều thành Phật đạo."

Người người trên thế gian, sống trong vài thập niên, không biết tỉnh giác, chỉ để ngày tháng trôi qua vô ích. Khi sống, nếu có tiền thì xài hoang phí trong rượu chè sắc dục. Kẻ không tiền thì bị miếng cơm manh áo hành hạ, khiến phải bôn ba khổ nhọc làm lụng, hiếm khi được an nhàn tự tại. Thật khổ không thể tả. Nhưng những người này, nếu có một lần nào đến chùa lễ Phật, thấy cảnh trang nghiêm thanh tịnh mà sanh tâm vui vẻ, hoặc thấy tượng Phật tượng Bồ Tát mà tùy hỷ xưng niệm thánh hiệu, thì sẽ thành Phật đạo.

Bình thường, mắt chúng ta ngắm trăng hoa gió tuyết, tai nghe ca ngâm hát xướng, miệng tham hương vị thơm ngon, hay bị nhiễm tư hoặc. Khi đó, tâm bị tán loạn, tức là tâm sanh tử, không vọng.

Nay đến chùa chiền, xưng một danh hiệu Phật, đó là trở về tâm giác ngộ, thanh tịnh, là gieo hạt giống Bồ Đề sẽ được thành Phật.

Chữ Phật, tiếng Phạn gọi là Phật Đà. Tiếng Tàu gọi là giác giả. Giác giả tức là không ngu mê. Tự tánh thanh tịnh tức là tâm giác ngộ.

Chúng ta, hôm nay, không vì danh lợi mà đến, chính do lực của tâm giác ngộ thúc đẩy. Nhưng, cũng có nhiều người, khi nghe đến danh từ đả thất thì sanh tâm sợ hãi, mà không biết ý nghĩa là gì. Lại nếu dùng tâm tò mò, lăng xăng, lộn xộn mà đến đây thì không thể nào dụng công chính chắn được.

Nay đã đến đây, như người leo lên núi châu báo, đừng mang tay không về. Phải phát tâm vô thượng, ngồi cho được một cây hương, trồng nhân chân chánh thành Phật, thì tương lai ai ai cũng đều thành Phật.

Xưa kia, đệ tử Phật là Tu Bạt Đà La, vốn cô độc bần cùng, không nơi nương tựa, tâm tư thường ưu sầu phiền muộn, nên muốn theo Phật xuất gia. Ngày nọ, ông đến nơi đấng Thế Tôn đang ở, gặp lúc Ngài vừa mới ra ngoài. Chư đại đệ tử A La Hán, quán sát nhân duyên trong tám mươi ngàn kiếp, thấy ông chưa từng gieo trồng căn lành, nên không dám thu nhận, mà bảo hãy trở về nhà. Lúc đó, tâm tư ông lại thêm ưu sầu buồn bực, tự biết nghiệp chướng nặng nề, nên đi ra ngoài thành, định nhảy xuống sông tự tử. Không ngờ, lúc ấy, đức Thế Tôn tiến đến, hỏi rõ nguyên nhân.

Ông thuật lại tường tận. Phật liền thâu nhận ông làm đồ đệ. Trở về chùa, trong bảy ngày tu tập, ông chứng được quả A La Hán. Chư đại đệ tử, không biết rõ chuyện, nên hỏi đức Phật. Phật đáp: "Các ông chỉ biết việc trong vòng tám mươi ngàn kiếp trở lại thôi. Hơn tám mươi ngàn kiếp thuở xưa, ông Tu Bạt Đa đây đã từng trồng căn lành. Bấy giờ, ông cũng rất nghèo khổ, thường hái củi sinh sống. Ngày nọ, đang lúc lượm củi, ông gặp hổ trên núi, không biết chạy trốn nơi đâu, liền leo lên cây lánh nạn. Hổ thấy ông leo lên cây, liền đi vòng quanh, cắn gốc cây. khi cây gần ngã, ông run sợ vô cùng vì không ai tới cứu. Khi đó, ông chợt nghĩ đến chư Phật đại giác, đầy đủ tâm lực từ bi, luôn cứu hộ chúng sanh khổ não, nên xưng: "Nam mô Phật! Xin Ngài thương xót, mau đến cứu con!"

Hổ nghe tiếng 'Nam Mô Phật', nên liền bỏ đi, chưa hại gì được ông. Do trồng nhân lành chân chánh, nên nay đã thành thục, chứng được đạo quả."

Chư đại đệ tử nghe xong liền hiểu rõ, tâm rất vui mừng, tán thán việc chưa từng có.

Chúng ta hôm nay gặp được duyên lành, đến đây ngồi thiền tĩnh tọa, vun bồi nghiệp thiện nhiều hơn ông Tu Bạt Đà La rồi. Vậy, chớ cho là trò chơi trẻ nít. Nếu vì nhộn nhịp mà đến thì thật phí uổng thời gian.

Ngày thứ năm.

Người có tín tâm, thâm sâu đầy đủ, nơi thiền đường luôn nỗ lực dụng công. Chư thượng tọa chuyên môn tham thiền thì đương nhiên công phu thuần thục. Nhưng khi đã thuần thục rồi, phải biết dụng công tương ưng, xoay về cội nguồn, sự lý viên dung, động tịnh không ngại, đừng ngồi chết lì ra, đừng lạc vào hôn trầm mê muội, hay đắm thích cảnh giới thanh tịnh. Nếu tham đắm cảnh giới thanh tịnh, không biết trợ công hổ tương, ví như cá mắc cạn trong băng tuyết, không hy vọng nhảy ra cửa của loài rồng, thật rất vô dụng. Người sơ phát tâm dụng công tu hành, phải nhớ nỗi thống khổ của sanh tử, mà khởi tâm hổ thẹn và xả bỏ muôn duyên, thì mới mong có chút định lực. Nếu không thể xả bỏ thân tâm thì sanh tử quyết định không thể cắt đứt.

Từ vô thủy đến nay, chúng ta mê lầm trong thất tình lục dục, mãi lẫn quẩn trong âm thanh sắc tướng, không biết chân tâm thường trụ, nên phải trầm luân, lặn hụp trong biển khổ. Nay, chúng ta đều biết rõ mọi việc trên thế gian đều là khổ não, nên phải tận tình xả bỏ, quyết định tu hành thành Phật.

Ngày thứ sáu.

Lần tham gia đả thất này, theo tôi nhận thấy thì nam nữ sơ phát tâm chiếm đa số, nên quy củ phép tắc đều không hiểu. Vì vậy, mỗi động tác đi đứng nằm ngồi, đều làm phiền những người đang ngồi thiền. Nhưng, Ngài trụ trì rất từ bi, giúp đỡ chúng ta mau thành tụu đạo nghiệp. Quý thầy Ban Thủ cũng phát đạo tâm vô thượng, lãnh đạo dẫn dắt, khiến chúng ta tu trì đúng như pháp.

Đấy là cơ hội khó gặp trong muôn kiếp. Chúng ta phải dõng mãnh tinh tấn tham khán tu hành.

Bên trong, luôn đề khởi câu thoại đầu 'Ai đang niệm Phật', hay 'A Di Đà Phật'. Chớ khởi tâm tạp loạn, tham lam sân hận si mê. Phải khiến pháp tánh chân như được hiển lộ.

Bên ngoài, phải giữ giới không giết hại, cố gắng phóng sanh, đem mười việc ác chuyển thành mười việc lành. Chớ ăn thịt uống rượu, say sưa từ sáng đến tối, tạo bao nghiệp tội. Nghiệp ác nếu tạo quá nhiều thì nhất định sẽ đọa địa ngục. Nếu vun bồi nhiều nghiệp lành thì phước lợi sẽ tự đến. Nên nhớ rằng hạt giống Phật chỉ khởi lên khi duyên lành đầy đủ. Chư cổ đức thường dạy: "Các việc ác chớ làm. Hãy làm tất cả việc thiện. "

Nếu xem lại nhân duyên mà vua Lưu Ly giết hại dòng họ Thích Ca thuở xưa, thì chư vị sẽ hiểu rõ hơn.

Gần đây, trên thế giới, luôn bị thiên tai hoạn nạn. Nghiệp sát hại nặng nề, đều do quả báo xấu đã tạo thuở xưa. Chúng ta phải luôn khuyên người thế tục nên giữ giới không sát hại, phải ăn chay niệm Phật. Đó chính là chúng ta tự giúp mình tránh quả báo xấu trong nẻo luân hồi. Chư vị hãy nên tin tưởng thực hành, trồng nhân lành thì sẽ thành tựu Phật quả.

Ngày thứ bảy.

"Đời phù du như mộng

Huyễn chất không bền chắc

Nếu không nương Phật từ

Làm sao siêu thăng được?"

Trong cuộc sống như huyễn như mộng, chúng ta điên điên đảo đảo, không biết sự cao siêu của đạo Phật, không nghĩ đến việc thoát ra khỏi sanh tủ. Thăng trầm trong nghiệp lành nghiệp ác, nên tùy theo chúng mà thọ quả báo. Vì vậy, người thế gian, làm lành thì ít, mà tạo nghiệp ác lại nhiều. Bố thí thì ít. Tham tiền thì nhiều. Trôi lăn trong sáu đường. Khổ sở muôn trùng. Có người vừa được sanh ra liền chết, hoặc sống vài tuổi rồi chết, hay chết khi tuổi cao. Như thế, không thể tự chủ được. Nay nương nhờ oai lực từ bi của chư Phật, mới biết được cách thức tu hành để thoát ra khỏi biển khổ sanh tử, đạt đến bờ giác.

Từ bi nghĩa là thấy tất cả chúng sanh, bị bao thống khổ, nên chư Phật khởi tâm thương xót cứu hộ, khiến chúng xa rời khổ nhọc, đạt được an lạc.

Hỷ xả tức là thấy chúng sanh tạo bao công đức, hoặc phát khởi tâm lành, nên đều khen ngợi vui theo. Đối với tất cả mọi cầu nguyện của chúng sanh, chư Phật đều tùy theo tâm thành mà gia hộ cho.

Lúc đức Thế Tôn còn tu hành tại nhân địa, Ngài hành hạnh Bồ Tát xả đầu não xương tủy. Vì vậy Ngài thường bảo: "Trong cõi tam

thiên đại thiên thế giới, không có hạt bụi nào mà không phải là thân thể xương tủy của ta thí xả."

Nay, chư vị nên nỗ lực, giữ chặt câu thoại đầu, đừng để thời gian trôi qua uổng phí.

Giải thất.

Chúc mừng chư vị đã tham gia hai tuần thiền thất được viên mãn, công đức đầy đủ. Vậy, chúng ta hãy mau giải thất. Người xưa bảo: "Vốn không có kiết thất, giải thất, chỉ tham khán thoại đầu đến khi nào khai ngộ thôi."

Hôm nay, dầu chư vị đã ngộ hay chưa khai ngộ, phải luôn tuân theo quy củ. Trong thời gian dụng công, không phân biệt sáng tối, ngày đêm, mục đích chỉ vì khai ngộ, nhằm đào tạo nhân tài cho Phật giáo. Nếu bị hôn trầm mê muội, chỉ khiến thời gian trôi qua vô ích, thì thật sự bỏ dịp hiếm có. Nay, đại lão hòa thượng trụ trì cùng quý thầy Ban Thủ, thể theo quy củ, kiểm nghiệm công phu tu hành của chư vị. Hy vọng đừng nói lời tạp nhạp, chỉ nên chân thật đối đáp rõ ràng công phu của mình cho chư hòa thượng chứng minh. Cổ đức bảo: "Tu hành trong ba đại kiếp. Ngộ đạo chỉ trong sát na."

Công phu nếu đắc lực thì trong khảy móng tay, liền giác ngộ. Xưa kia, thiền sư Gia Giác, có một nữ đệ tử thường thích tham thiền. Ngài dạy cô tham quán câu: "Để cho nó đi."

Cô ta y theo lời dạy, hành trì không thối chuyển. Ngày nọ, nhà bị cháy, cô bảo: "Để cho nó đi."

Lần khác, khi có người chạy đến nhà báo tin con của cô bị chết đuối, cô ta cũng bảo: "Để cho nó đi."

Muôn duyên đều xả bỏ, y theo lời dạy mà tu hành. Một hôm khác, chồng cô đang đốt lò chiên bánh, cô liền đổ dầu vào chảo, làm vang tiếng 'Xèo'. Nghe tiếng đó, cô ta chợt ngộ đạo. Cô bưng chảo dầu ăn đổ xuống đất, vỗ tay, cười to. Người chồng tưởng cô điên, nên mắng: "Sao bà làm thế? Bà điên rồi à!"

Cô đáp: "Để cho nó đi", rồi đến gặp thiền sư Gia Giác cầu chứng minh. Thiền sư Gia Giác ấn chứng cho cô ta đã chứng quả thánh.

Hôm nay, chư vị nếu ngộ được điểm nào, hãy nên bước ra.

(Nói xong, Ngài đi ra thiền đường. Kế đến, lão pháp sư Ứng Từ cùng vài vị tăng ra giảo nghiệm thiền khách. Sau khi chỉ tịnh, Ngài trở vào thiền đường, chỉ giáo đại chúng.)

Hồng trần loạn lạc, phố xá náo nhiệt, phiền toái. Ai lại có công phu và tâm tư đến đây tĩnh tọa, tham quán thoại đầu? Chỉ có chư vị, người Thượng Hải, căn lành thâm hậu, mới làm được thôi. Nay, nhờ nhân duyên thù thắng, mới gặp được pháp hội này.

Từ xưa, Phật giáo Trung Quốc tuy có các tông phái như Luật tông, Tịnh Độ tông, Mật Tông v.v... Nhưng nếu nghiên cứu kỹ càng thì

pháp của tông môn vượt hơn hết. Trước kia tôi đã nói rồi. Tiếc rằng gần đây Phật pháp suy vi, hiếm thấy nhân tài xuất hiện. Thuở xưa, tôi đã từng đi tham bái các nơi, thấy rõ việc tu hành ngày nay khác xa khi xưa. Nói đến đây, tôi rất xấu hổ. Nay nhờ ngài Trụ Trì và quý thầy trong chùa, từ bi, mời tôi ra trước. Nên nhớ, lão pháp sư Ứng Từ có đủ tài đối đáp. Ngài là vị thiện tri thức, kiêm thông tông giáo, chân chánh là bậc tiền bối. Tôi bất tất chỉ ra phụ giúp Ngài thôi. Hiện tại, tôi không làm được ích lợi gì hết.

Cầu mong chư vị hãy tinh tấn tiến bước, đừng khởi tâm thối lui. Tổ Quy Sơn bảo: "Hận cho mình sanh nhằm thời tượng pháp, thánh đạo đã suy vi, Phật pháp giảm dần, nhiều người giải đãi, làm biếng. Tôi không ngại đưa ra cái nhìn thô thiển của mình cho những kẻ hậu lai."

Ngài Quy Sơn Linh Hựu, người Phước Kiến, thân cận thiền sư Bá Trượng, phát minh được tâm địa. Tư Mã Đầu Đà tại Hồ Nam, thấy địa thế núi Quy Sơn rất tốt, là nơi xuất sanh ra một ngàn năm trăm vị thiện tri thức. Khi đó, dưới tòa Bá Trượng, ngài Linh Hựu làm điển tọa. Vừa thấy ngài Linh Hựu, Tư Mã Đầu Đà liền biết đây là chủ nhân của núi Quy Sơn, nên thỉnh ngài Bá Trượng cho vời Linh Hựu qua núi Quy Sơn khai sáng. Phật pháp khi ấy nằm trong thời tượng pháp, thuộc đời Đường. Thế nhưng, ngài Linh Hựu lại tự than trách là mình sanh không nhằm thời, khó mà sáng đạo được.

Nay, chúng ta sống cách xa đời ngài Quy Sơn cả một ngàn năm. Không những đời tượng pháp đã hết, mà đời mạt pháp lại qua lâu rồi. Người có căn lành ngày càng ít ỏi. Tín tâm của chúng ta từ từ thối thất, không dám hạ thủ công phu, nên quả vị Phật không thời kỳ chứng đắc. Tuy tin Phật thì đông, nhưng kẻ chân thật tu hành lại quá ít.

So sánh sơ lược, thời Hàm Đồng (1851-62), các chùa chiền tự viện đều bị phá hoại. Dưới miền xuôi tam giang, chỉ còn có chùa Thiên Đồng là được bảo toàn. Đến năm Thái Bình, chư vị trưởng lão từ núi Chung Nam, xuống trùng hưng lại các tự viện. Khi đó, các ngài chỉ có một bình bát và giỏ tre. Sau này, Phật pháp dần dần hưng thịnh trở lại. Chư tăng bắt đầu mang đầy hành lý. Cho đến hôm nay, chư tăng còn mang theo cặp táp, rương cáp, đủ thứ cả. Đối với sự chân chánh hành trì Phật pháp, một điểm nhỏ cũng không nghĩ tới.

Xưa kia, thiền sinh muốn đi tham phương cầu đạo, phải lội bộ nhọc nhằn. Ngày nay, có xe lửa, xe hơi, tàu bè, máy bay. Vì thế, chỉ lo hưởng phước, không muốn chịu khổ. Đa số đều phóng dật, làm biếng. Tuy các Phật học viện cũng tùy thời mà huấn luyện, dạy dỗ tăng chúng, khiến đoàn thể chư tăng ngày càng đông, nhưng đối với sự tu hành căn bản thì ít ai chịu xoay nhìn lại. Ngày ngày, từ sáng đến tối, chỉ cầu tri giải, không cầu tu chứng, chỉ vì không biết rằng pháp tu chứng là chìa khóa, giải quyết mọi vấn đề. Trong Chứng Đạo Ca, ngài Vĩnh Gia Huyền Giác bảo:

"Hãy bám gốc, chớ giữ ngọn

Như hạt lưu ly thanh tịnh chứa bảo nguyệt

Ôi! Thời mạt pháp, cõi đời ác trược

Chúng sanh phước kém, khó điều phục

Xa rời thánh giáo, tà kiến thâm trọng

Ma cường pháp nhược, nhiều oán hận

Nghe môn đốn giáo của Như Lai

Hận không diệt trừ đập nát

Làm tại tâm, họa tại thân

Chẳng nên gieo oán hờn cho kẻ khác

Nếu muốn không chiêu nghiệp vô gián

Chớ phỉ báng chánh pháp luân Như Lai

Tôi sớm tích tụ nhiều học vấn

Cũng từng tham tầm học kinh luận

Phân biệt danh tướng không biết ngừng

Bị vây trong tính toán cát biển khơi

Liền bị Như Lai quở trách

Đếm trân bảo của người, có ích lợi gì."

Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác đến tham vấn với Lục Tổ Huệ Năng liền đại triệt đại ngộ. Vì vậy, Lục Tổ ban cho Ngài Vĩnh Gia pháp hiệu: "Nhất Túc Giác."

Các bậc cổ đức thường bảo tầm kinh học luận chỉ giống như vào biển đếm cát. Nhưng, pháp trong tông môn như bảo kiếm Kim Cang, chém đến vật nào thì đứt đoạn vật đó. Vật gì đụng đến lưỡi kiếm đều bị mất mạng. Thật vậy, tông môn là pháp tối thượng, cứu cánh đạt thành Phật. Như thiền sư Thân Tán, lúc trẻ, thường đi hành cước, đến thân cận tổ sư Bá Trượng, được khai ngộ. Sau đó, trở về chùa thầy mình. Thầy bổn sư hỏi: "Con xa ta, ra ngoài được sự nghiệp gì?"

Ngài Thân Tán đáp: "Bạch Thầy! Không được sự nghiệp gì hết!"

Thầy bổn sư liền bảo Ngài theo hầu. Ngày nọ, thầy bổn sư đi tắm, bảo ngài Thân Tán kỳ thân giùm. Ngài Thân Tán liền vỗ lưng thầy bổn sư và nói: "Điện Phật rất đẹp, nhưng Phật không phải là Thánh."

Thầy bổn sư vẫn chưa lãnh hội, nên xoay đầu lại. Ngài Thân Tán nói thêm: "Phật tuy không phải là Thánh mà thường phóng quang."

Ngày khác, thầy bổn sư đang ngồi dưới cửa sổ xem kinh. Có một con ong bay thẳng, đâm đầu vào cửa sổ để tìm chỗ ra. Ngài Thân Tán thấy thế nên nói: "Cả thế giới rộng rãi như thế mà không dám bay ra. Đâm thủng giấy liền thoát bao kiếp lừa."

Ngài lại nói kệ:

"Chỗ trống không muốn ra

Đâm vào cửa quá ngu

Trăm năm chui vào đó

Khi nào mới ra khỏi!"

Thầy bổn sư nghe thế liền mắng: "Con ra ngoài hành cước, gặp ai, học được gì, thấy đều chi, mà nói nhiều quá vậy?"

Ngài Thân Tán đáp: "Bạch Thầy! Từ khi ra đi, con qua dự dưới hội của tổ Bá Trượng, được Ngài chỉ dẫn đến chỗ nghỉ ngơi. Vì thầy tuổi cao, nên trở về báo đáp từ ân."

Thầy bổn sư nghe thế, nên bảo đại chúng thiết lễ trai tăng, cung thỉnh ngài Thân Tán lên tòa thuyết pháp. Ngài Thân Tán liền lên tòa, tuyên nói tông phong Bá Trượng:

"Linh quang chiếu sáng

Xa lánh căn trần

Thể lộ chân thường

Không chấp văn tự

Tâm tánh vô nhiễm

Gốc tự nhiên thành

Xa rời vọng duyên

Liền như chư Phật."

Thầy bổn sư nghe thế, vui mừng bảo: "Ta không ngờ già đến từng tuổi này mà được nghe những lời chí lý như vầy."

Do đó, thầy bổn sư liền giao chùa cho ngài Thân Tán và lễ Ngài làm thầy.

Xin hãy nghiệm xem câu chuyện này. Sao mà dễ dàng, tự tại quá!

Đã hơn mười ngày tham thiền, nhưng sao chúng ta không ngộ đạo? Lý do chính là vì không dùng tâm kiên cố, dụng công đạp đất, hoặc cho là trò chơi trẻ nít, hoặc nghĩ rằng tu trong thiền đường là đủ rồi. Không phải như thế! Người chân thật dụng công, không phân biệt động tịnh, thiền đường hay phố xá náo nhiệt, mọi nơi đều tu được cả.

Xưa kia, hòa thượng Đồ Tử, đang trên đường tìm thầy học đạo, đi ngang qua một khu chợ, đến quầy bán thịt. Lúc ấy, có nhiều

người đến mua thịt. Họ đều yêu cầu phải được thịt tươi. Ông đồ tể nóng giận, phát cáu, chém một nhát dao xuống thớt, mắng: "Thịt nào không phải là thịt tươi?"

Hòa thượng Đồ Tử nghe thế, đột nhiên khai ngộ. Chứng minh rằng người xưa, không phải chỉ ngồi trong thiền đường mới dụng công.

Nay trong chư vị, không ai bước ra cho biết nhân duyên ngộ đạo. Thật có phải uổng phí thời gian lắm không?

Cung thỉnh lão pháp sư Ứng Từ và chư đại hòa thượng, tiếp tục kiểm nghiệm đại chúng."

Pháp ngữ giải thất.

Vân Công bước ra khỏi thiền đường. Lão pháp sư Ứng Từ kiểm vấn từng người. Xong, lão pháp sư Ứng Từ bảo mọi người ngồi xuống. Lúc đó, Vân Công bước vào thiền đường. Khi mọi người tĩnh tọa, Ngài lại ban lời chỉ giáo. Sau đó, đại chúng dùng trà, rồi đồng đứng dậy. Trong thiền đường, Ngài ngồi trước Phật điện, dùng cây trúc vẽ một vòng tròn và nói kệ:

"Vừa kết thất, lại giải thất

Quên mất ngày giải kết

Nhất niệm vọng duyên cảnh ngừng

Ma ha bát nhã ba la mật

Tâm cảnh tịch, thể dụng đều quy

Gốc tự sáng tròn, không ngày đêm

Sao phân nam bắc cùng đông tây

Muôn sự tùy duyên, quán tự tại

Chim hót hoa cười, trăng soi đáy

Bảo câu giải thất như thế nào?

Nghe đánh bản, liền dâng bình bát

Đế quán bát nhã ba la mật.

Giải thất."

Tại chùa Ngọc Phật, sau khi giải thất, các cơ quan đoàn thể Phật giáo ở phủ Hàng Châu, phái cư sĩ Đỗ Vi đến Thượng Hải, thỉnh Vân Công qua Hàng Châu.

Ngày chín tháng hai, Vân Công đến Hàng Châu, trú tại chùa Tịnh Từ, đứng ra làm pháp chủ pháp hội. Người quy y Ngài có hơn vài ngàn người. Chính quyền địa phương định thỉnh Ngài ở lại trụ trì chùa Tịnh Từ, nhưng Ngài cáo bịnh, không nhận. Hòa thượng Diệu Chân, pháp sư Vô Ngại ở chùa Linh Nham tại Tô Châu, thỉnh Ngài đến tổ chức pháp hội. Vân Công theo lời mời, đi Tô Châu.

Pháp sự xong, Ngài qua Hổ Khâu, lễ tháp tổ Thiệu Long, thấy tháp viện bị quan dân thổ hào địa phương xâm chiếm, bia phần mộ đá bị xóa tên, chung quanh chỉ còn sỏi đá lởm chởm. Trong những năm niên hiệu Quang Tự (1875-1909), Ngài đã từng ghé qua lễ tháp tổ. Tất cả cảnh tượng, vẫn còn hiện rõ trong ký ức. Tháp Tổ trang nghiêm khi xưa, giờ đây chỉ còn là một đống gạch vụn. Thế nên, Ngài thương lượng với quan thân sĩ thứ địa phương, cùng chư hộ pháp ở Thượng Hải, mau mắn bảo tồn, trùng tu kiến lập lại tháp Tổ. Ngài thỉnh hòa thượng Diệu Chân cùng hòa thượng Sở Quang ở Hổ Khâu, trông coi việc trùng tu tháp Tổ.

Lúc ở tại Tô Châu, Ngài qua châu Thọ Khánh ở Bán Dương, lễ tháp tổ Nguyên Thiện Kế, xem kinh Hoa Nghiêm được viết bằng máu. Ngài lại đến Nam Thông theo sự thỉnh mời của chư cư sĩ. Khi đến Lang Sơn, Ngài làm chủ pháp hội. Người thọ giới quy y có hơn vài ngàn người. Pháp sự xong, Ngài trở về Thượng Hải vào cuối tháng ba.

Tháng tư, nhận được điện tín từ Bắc Kinh, thỉnh Ngài lên kinh đô. Vào kinh thành, Ngài trú tại chùa Quảng Tế. Các đại biểu tăng già khắp nơi, lần lượt đến yết bái Ngài. Liên hội Phật giáo Trung Quốc chánh thức được thành lập. Đại hội quyết định nhiều điều quan trọng. Khi những tu sĩ bại hoại đề nghị bãi bỏ những giới luật đạo đức căn bản, như luật Tứ Phần (giới Tỳ Kheo), kinh Phạm Võng (giới Bồ Tát), Bá Trượng Thanh Quy v.v..., Vân Công quát mắng

họ và viết bài văn 'Biểu tướng tăng đồ trong đời mạt pháp'. Đại hội kết thúc, Vân Công đi Đại Đồng ở Tây Sơn, tham quan lễ bái tượng Phật đá lớn ở Vân Cương. Khi có ý định muốn rời Bắc Kinh, chính quyền địa phương khuyên Ngài nên đến Lô Sơn dưỡng bịnh.

Tháng năm, Ngài cùng thị giả Giác Dân đi về hướng nam, tạm ghé lại Võ Hán. Hòa thượng Nguyên Thành ở chùa Bảo Thông mời Ngài trú lại chùa, cùng cung thỉnh Ngài làm pháp chủ thiền thất trong hai tuần liên tiếp.

Thiền thất xong, Ngài đi Lô Sơn. Có cư sĩ Trần Chân Như đến trước, đợi Ngài tại Khuông Lô. Nơi Lô Sơn, Ngài trú tại chùa Đại Lâm. Tháng sáu, có một số tăng sĩ từ Vân Cư đến báo tin: "Lúc trước, khi quân Nhật qua xâm chiếm, thấy núi Vân Cư hiểm trở, sợ quân du kích địa phương dễ bề hoạt động, nên chúng đốt sạch toàn bộ chùa Chân Như. Nay thấy tượng đồng Phật Tỳ Lô Giá Na, nằm trong đám bụi rậm."

Ngài buồn bả khi nghe việc này. Nhớ lại, núi Vân Cư được khai sáng vào đời Đường, niên hiệu Nguyên Hòa, trải qua bao đời, là đạo tràng tối thắng của chư đại Tổ Sư. Chư tổ Đạo Dung, Pháp Ẩn, Liễu Nguyên, Viên Ngộ, Khắc Cần, Đại Huệ, Tông Cảo, đều từng nhậm chức trụ trì. Những vị tổ sư thường qua đó hoằng dương Phật pháp như ngài Triệu Châu, Vân Môn, Cổ Tháp, Đồng Sơn, Viên Thông, Chân Tịnh. Các vị cư sĩ nổi tiếng cũng thường đến đó như Bạch Cư Dị, Bì Nhật Hưu, Tô Đông Pha, Hoàng Sơn Cốc, Tần Thiếu Du, Lữ Cư Nhân v.v..., nhiều không thể đếm. Đạo

tràng của chư vị tổ sư trải qua bao đời, nay hoang tàn đến mức thậm tệ. Nếu không trùng tu thì sẽ bị chìm trong quên lãng.

Vì thế, Vân Công nguyện phải trùng tu lại. Trước hết, Ngài xin giấy phép từ chính quyền địa phương để sửa chữa. Sau đó, Ngài đến cất am tranh trên núi Vân Cư. Mồng năm tháng bảy, Ngài cùng với một số cư sĩ Chúc Hoa Bình v.v..., vào núi Vân Cư. Tháng chín, có một số đệ tử tỳ kheo ni, nghe Ngài đến trú tại núi Vân Cư, liền tìm đường đến. Họ đi bằng thuyền và xe lửa để đến núi trong vòng nửa tháng. Cỏ rậm cao ngất, không có đường lộ cho người ngựa đi, nên họ men theo đường lộ hướng tây để leo lên núi. Trèo lên núi khoảng hai mươi dặm, họ đến Thạch Môn, nơi đã được khai hoang rộng rãi. Rồi từ từ, họ tiến vào chùa. Đầu tiên họ thấy tường vách đổ tan, hoang vu tàn rụi. Gặp một thiền sinh chỉ chỗ ở của Ngài, tức nơi am tranh. Họ cúi mình bước vào, thấy Ngài đang ngồi thiền trên băng ghế dài, trạng như nhập định. Ngài mở mắt ra, nói: "Tại sao chư vị khổ nhọc, lên đến tận đây?"

Họ thành thật kể lại lý do. Ngài lại nói tiếp: "Lúc mới lên, chỉ có bốn vị tăng, ý muốn kết am cỏ làm lều trú ngụ, chứ không muốn thọ nhận thêm đệ tử. Chưa đầy một tháng, đã có năm mươi vị lên đây ở. Bên ngoài am tranh, có vài ngôi nhà đổ nát. Chư vị đã đến đây, thì thôi hãy đến đó mà tạm trú trong vài mươi ngày."

Am tranh của Ngài cách chùa khoảng nửa dặm, nằm về hướng tây bắc. Vân Công thích ngồi thiền tĩnh tọa nơi đó, lại có ý muốn

trồng trọt rau cải cho tăng chúng trong vùng đất chung quanh. Sau tháng mười, tăng nhân khắp nơi, đổ dồn về thêm. Khẩu phần ăn của mỗi người dần dần giảm xuống còn hai chén cơm một ngày. May mắn, có cư sĩ Giản Ngọc Giai ở Thượng Hải, cúng dường tiền mua lương thực. Tăng chúng trên núi sống tạm qua mùa đông. Lúc ấy, Vân Công dự định sẽ khai khẩn đất hoang, cấy lúa trồng rau, cùng kiến lập, trùng tu lại chùa chiền. Mùa đông, Ngài được chùa Nam Hoa tại Triết Giang thỉnh đến truyền giới pháp.

Dân Quốc năm thứ 43, 115 tuổi. (1954/55)

Mùa xuân, Vân Công ở tại Vân Cư. Đầu tiên, Ngài trù liệu sửa sang đại điện để đặt tượng Phật Tỳ Lô Giá Na, do hoàng thái hậu đời Minh, niên hiệu Vạn Lịch ban chiếu đúc. Vì mái chùa lợp bằng thiếc, nên không thể chịu đựng được những cơn gió lốc trên đỉnh núi. Thế nên, Ngài họp đại chúng lại, cùng nhau làm ngói thiếc, đúc hai quả chuông đồng, xây bốn lò nấu cơm cho ngàn tăng chúng. Bấy giờ, chư tăng và người tục trên núi có vài trăm vị, mà trong đó lại có rất nhiều thợ nề, thợ gốm, thợ đúc v.v... Tăng tục, bạn đạo trong và ngoài nước liên tiếp gởi thơ viếng thăm, cùng cúng dường tịnh phẩm rất nhiều. Có người, có đất, có tiền, việc trùng tu tự viện tiến triển thuận lợi, dễ dàng. Vân Công phân chia tăng chúng ra làm hai nhóm. Một nhóm lo về công trình thổ mộc, kiến tạo chùa viện. Một nhóm lo về công việc khai khẩn đất hoang, trồng trọt. Đại chúng đều hăng say thi hành làm việc. Mùa

hè, khoảng tháng năm, tháng sáu, pháp đường được kiến lập, trên có xây lầu chứa tạng kinh, hai bộ Thích Sa và Tần Già. Nhóm khai khẩn đất hoang, mở rộng khoảng sáu mươi mẫu đất, trồng lúa, trồng rau, nuôi tăng chúng, thể theo quy củ của tổ Bá Trượng dạy. Mùa thu, vào tháng bảy, kiến lập được phòng ốc chư tăng. Trên lầu, dưới lầu, hơn hai mươi phòng, khiến tăng chúng an ổn tu hành. Lại xây cất nhà bếp, nhà cầu, nhà chà gạo v.v... Vân Công vẫn ở tại am tranh xưa.

Phương trượng chùa Nam Hoa là Bổn Hoán cùng sáu tỳ kheo ny ở Thái Bình Liên Xã, đồng lên núi lễ bái Ngài. Họ thấy có một quả chuông đồng bể, nằm trong bụi cỏ, nên hỏi han. Ngài trả lời: "Đây là vật cổ của núi, tên là 'Chuông tự ngân vang'. Trải qua bao đời, mỗi lần có chư tổ sư đến núi thì chuông tự nhiên ngân vang tiếng. Lúc quân Nhật chiếm đóng, đốt rụi núi, thì lầu chuông bị cháy, chuông rớt xuống đất bị nứt bể, nay tự nhiên nối ráp lại."

Chúng tăng kiểm xem, thấy những lằn nứt chạy dài từ dưới lên, tự nhiên lần hồi đắp vá lại. Ngài nói thêm: "Đợi chuông tự vá đắp xong thì treo lên lầu các như xưa."

Ngài dẫn họ đi xem khu vườn tre trúc rậm rạp. Đại chúng trồng lúa, trà rau quả, các cây sam lớn, cùng cây ngân hạnh. Ngài chỉ tay bảo họ: "Đây là loại trái bách quả, ruột trống không."

Pháp sư Bổn Hoán ở lại mười ngày. Vân Công chặt vài cây trúc làm thiền bản, và tự thân khắc kệ trên đó, để tặng cho chư đệ tử

ở Hồng Kông và Quảng Đông. Tháng mười một, am tranh của Ngài bị cháy. Đại chúng thấy thế, thỉnh Ngài vào trú trong phòng xá mới xây. Ngài đáp: "Thầy thích ở chỗ tao nhã cổ kính này."

Ngài lại lấy rơm rạ lợp thành am thất trú ẩn.

Trong năm, có điện tín từ Bắc Kinh gởi đến, thỉnh Ngài ra bắc. Ngài cáo bệnh, không đi được. Cuối năm, Ngài khai mở thiền thất.

Dân Quốc năm thứ 44, 116 tuổi. (1955/56)

Mùa xuân, việc kiến tạo điện đường, ngày một tăng gia. Nhà bếp, nhà ăn, phòng xá, liêu đường, thiền đường v.v..., từ từ xây xong. Mùa hạ, liên hội Phật Giáo tại Bắc Kinh khai mở đại hội khoáng đại. Ngài vì bận công việc xây cất chùa chiền nên không thể ra bắc được. Mùa thu, vài mươi người đệ tử của Ngài từ khắp nơi đến núi, trong đó có những vị chưa thọ giới cụ túc. Vì vậy, họ thỉnh cầu Ngài truyền giới. Lúc bấy giờ, Ngài nhận thấy chưa đủ phương tiện để truyền giới, nhưng muốn khiến người phát tâm tu hành được thành tựu, nên Ngài chỉ truyền giới cho những vị hiện đang trú trên núi, mà không thông báo đàn truyền giới ra bên ngoài. Việc đầu tiên là Ngài xin giấy phép của liên hội Phật Giáo tại Bắc Kinh, định trong khoảng rằm tháng mười sẽ làm lễ truyền giới. Tăng chúng tại các danh sơn, tự viện, tịnh thất, am tranh ở các tỉnh, nghe tin liền kéo nhau đến cầu giới. Mới đầu có khoảng hơn một trăm vị, rồi từ từ tăng lên hơn ba trăm vị. Cộng chung

với chư tăng trên núi, cả thảy hơn năm trăm vị. Lo việc ăn uống cho tất cả tăng chúng trong hoàn cảnh đó, thật rất khó khăn.

Vài tháng gần đây, tại Thượng Hải, hội Thiên Chúa Giáo cùng hội Thanh Niên Phật Giáo, bị nhiều chuyện rắc rối. Để cản trở việc phát tâm tu hành của những người cầu thọ giới, chánh quyền tỉnh Cam Túc đánh điện cho chánh quyền tỉnh Giang Tây (đang quản lý núi Vân Cư), phao vu rằng có những kẻ đầu sỏ, ngoại đạo, giả mặc áo tăng bào, đã đến Vân Cư, cầu xin thọ giới v.v...

Vân Công nghe thế, phòng ngừa rất thận trọng. Cơ quan trị an địa phương cho quân vây quanh chùa mãi. Bấy giờ, những người cầu giới đã vào núi hết, nếu từ chối không cho thọ giới thì trái với lời Phật dạy, còn nếu truyền giới cho tất cả tăng chúng thì không thể sống an ổn trong tình thế hiện tại. Thế nên, Ngài y theo kinh Phạm Võng phẩm 'Phương Tiện Tự Tạm Thọ Giới', để dạy người cầu giới, rồi thuyết rõ mười giới, cụ túc giới, ba loại giới pháp, trải qua mười ngày liên tiếp, mệt nhọc vô cùng. Sau đó, Ngài khuyên tăng chúng, nên trở về quê quán, y chiếu giới kỳ, tạm tự thọ giới. Truyền giới xong, Ngài ban phát giới điệp, rồi giữ lại hơn một trăm vị, y theo pháp mà nhập đàn truyền giới. Sau đó tuyên bố chấm dứt. Vì duyên pháp bị chướng ngại, nên thời thời không được yên. Kỳ truyền giới hoàn mãn, Ngài liền kết một tuần thiền thất.

Năm đó, khai khẩn đất hoang, trồng lúa, trồng rau, được hơn một trăm bốn mươi mẫu. Trong vùng đó, có rất nhiều loại cây ăn trái,

hoa quả, trà ướp v.v... Mảnh đất hoang vu được biến thành nơi trồng trọt trù phú, khiến những kẻ bên ngoài dòm ngó.

Cơ quan địa phương thiết lập trạm Nông Lâm Nghiệp trên núi, bắt chư tăng ghi khai hộ tịch, hầu chiếm lấy mảnh đất trù phú mà chùa mới vừa khai khẩn, tức cắt đi nguồn lợi tức sanh sống của tự viện. Chúng tịch thâu hết rau quả, trái cây. Chúng cũng đo lường tính toán phạm vi đất chùa.

Lúc đầu, Vân Công cố ẩn nhẫn. Kế tiếp, chúng lại chiếm luôn am tranh, đuổi Ngài vào núi. Ngài liền đánh điện lên Bắc Kinh, thuật lại những sự việc đã và đang xảy ra. Ngay sau đó, chính quyền địa phương được lịnh từ Bắc Kinh là phải hoàn trả ngay lại tất cả đất đai chùa khai khẩn, quản lý. Chúng không dám không tuân lệnh thượng cấp, nên phải thi hành mệnh lệnh trên. Vì bảo rằng Ngài chèn ép áp bức, nên chúng sanh sự, tạo bao chướng ngại, làm mọi ma sự.

Khi ấy, đệ tử của Ngài ở khắp nơi, đổ dồn về núi ngày một thêm đông, gần cả một ngàn năm trăm vị. Các phòng xá vừa xây cất đều không đủ chỗ cho chư tăng ở nên phải dựng chòi lá xung quanh núi mà trú ngụ. Chư tăng khắp nơi, ngàn dặm tìm đến, học đạo với Ngài. Vì quá đông, nên đại chúng thỉnh Ngài phương tiện, quy định thời gian thuyết pháp mỗi ngày. Ngài đều hứa khả. Bắt đầu ngày mười một tháng ba, nơi giảng đường, Ngài phương tiện thuyết pháp. Trong những lần đó, Ngài thường viện dẫn gương tu hành của các bậc tiền bối, cùng mọi sự việc liên quan đến hoàn

cảnh hiện tại, và khai thị pháp yếu, cách thức tu hành cho những vị tại gia. Ngài lại nói đến những biến cố vừa xảy ra cho mọi người hiểu rõ, công việc đồng áng v.v... Không việc chi Ngài không bàn đến. Chư đệ tử ghi chép lại lời Ngài đầy đủ.

Dân Quốc năm thứ 45, 117 tuổi. (1956/57)

Mùa xuân, Ngài kiến lập đại điện, điện Thiên Vương, lầu Hư Hoài, lầu Vân Hải, lầu chuông trống, cùng các điện đường, phòng xá. Mỗi mỗi tuần tự hoàn thành. Trong việc trùng tu Vân Cư, Ngài chiếu theo khuôn phép mô hình chùa Cổ Sơn, Nam Hoa, Vân Lâu. Tùy theo đất đai, phương hướng mà xoay sở biến hóa. Trước chùa có hồ Minh Nguyệt, hình tròn giống như mặt trăng, đường kính khoảng một trăm thước. Mỗi khi mặt trời lên, ánh sáng vàng tỏa khắp, phản chiếu điện đài. Phía bắc của hồ, Ngài kiến lập cổng tam quan. Đi thẳng vào là chánh điện Tứ Thiên Vương. Đi vào nữa thì gặp Đại Hùng Bảo Điện. Đằng sau là pháp đường cùng lầu các chứa tạng kinh. Đi qua vườn cây thì thấy đảnh Long Châu, khí thế hùng vĩ. Phía đông chùa có trai liêu Á Bộ, điện đường Báo Ấn, nhà khách, nhà bếp, trai đường, Diên Thọ đường, Tổ đường. Phía tây có liêu phòng Như Ý, Tây Quy đường, Công Đức đường, Vãng Sanh đường, Thượng Khách đường, phòng Duy Na, Thiền đường, phòng giám trực. Đằng sau là phòng phương trượng. Phòng xá lớn nhỏ có khoảng bảy tám mươi căn. Chung quanh chùa có những tượng đá A La Hán, rất trang nghiêm đẹp đẽ.

Xưa kia, lúc trú tại Vân Cư, Tô Đông Pha có nói: "Vân Cư là cảnh đẹp nhất trần gian."

Từ lúc Vân Công trở về núi, đã qua ba năm, lâu đài Phật quốc được xây cất liên tục, bảo tồn di tích đời Đường, Tống. Đây do đạo hạnh sâu dày của Ngài, cảm động đến Long Thần Hộ Pháp, gia hộ cho bao duyên pháp đều được thành tựu. Thật không thể nghĩ bàn. Trong mùa xuân và hạ năm đó, đại chúng trú trên núi khoảng hai ngàn người. Có rất nhiều nhân tài về kiến tạo, xây cất, cùng học giả nông lâm nghiệp. Thế nên, tất cả công trình xây cất, trồng trọt, đều hoàn thành mau chóng.

Việc kiến lập trùng hưng tổ đình xưa nay, Ngài chưa từng phan duyên, cầu cạnh người, mà duyên pháp tự đến. Thật không thể nghĩ bàn. Việc xây cất trùng tu lại chùa Vân Cư, thiện tín mười phương đồng tùy hỷ cúng dường. Đại chúng cùng nhau dõng mãnh thi công kiến thiết.

Đệ tử Khoan Huệ ở Hồng Kông, nghe Ngài đang xây lại chùa chiền, liền mở pháp hội Dược Sư, quyên được cả mười ngàn đồng. Thương kiều ở Bắc Mỹ, bà Chiêm Lệ Ngô, chưa từng gặp mặt Ngài, cũng cúng dường cả mười ngàn đồng. Cư sĩ Ngô Tánh Thí ở Thượng Hải, lên núi lễ bái Ngài. Lúc lên núi, thấy đường lộ cheo leo ngoằn ngèo, nên ông phát nguyện cúng dường một trăm ngàn đồng để sửa chữa đường xá.

Ngài đã trùng tu, kiến lập lại vài mươi ngôi tự viện phạm sát lớn nhỏ trong toàn quốc. Lúc nào cũng thế, một mình Ngài chống tích trượng lên núi hoang. Khi công trình xây cất sửa sang hoàn thành thì Ngài lại giao cho chư tăng, rồi một mình chống gậy xuống núi. Việc xây cất các tự viện trên núi Vân Cư, dường như luôn có Long Thần Hộ Pháp gia hộ. Kể từ lúc khởi đầu công việc xây cất, đến nay đã trải qua hai ba mùa thu rồi, mà muôn việc lành đều đến, chùa chiền luôn được tín thí bốn sự cúng dường. Người người đều mong Ngài 'An Cư' nơi Vân Cư.

Tháng chín, mùa thu, khi sửa sang hồ Minh Nguyệt cùng đào suối Thanh Khê, tìm được một tảng đá lớn, ghi khắc lại vài câu kệ của thiền sư Phật Ẩn. Ngài Phật Ẩn, lúc còn làm trụ trì tại Vân Cư, có thi sĩ Tô Đông Pha thường lui tới, vào núi hầu chuyện. Ông Tô Đông Pha thường ngồi trên tảng đá đó, bên cạnh con suối. Sau này, Vân công cho xây cây cầu để kỷ niệm, tên là Đàm Tâm Thạch (tức tảng đá đàm đạo về tâm), và cây cầu Phật Ẩn.

Lúc đó, bốn chúng hơn hai trăm người, khai khẩn trồng trọt hơn một trăm tám mươi mẫu, dọn được khoảng bảy mươi mẫu đất để trồng thêm hoa màu cây trái. Vì vậy, thu hoạch đầy đủ thực phẩm cho đại chúng dùng. Năm đó thu hoạch được khoảng hơn bốn mươi ngàn năm trăm ký lúa, hơn sáu mươi ngàn ký lương thực, cùng cây trái, rau quả, trà ướp v.v... Từ đó, đại chúng luôn tích cực khai khẩn thêm đất hoang, trồng vườn, mới có thể nuôi được cả năm trăm tăng chúng thường trú.

Tháng chạp, Ngài khởi thiền thất trong hai tuần liên tiếp. Chùa Nam Hoa ở Triết Giang, chùa Đại Dong ở Quảng Châu, chùa Định Quang ở Trương Đinh, chùa pháp Luân ở Ninh Hóa, đều lần lượt cung thỉnh Ngài đến truyền giới pháp.

Dân Quốc năm thứ 46, 118 tuổi. (1957/58)

Thể theo lời thỉnh cầu của cư sĩ họ Ngô, việc sửa chữa đường đi lên núi từ bến đò Trương Công, đã bắt đầu khởi công từ mùa đông năm ngoái. Con lộ rộng khoảng sáu thước, dài mười tám dặm, vòng quanh sườn núi, chót vót cheo leo. Dưới chân núi có giòng suối lớn. Lại trùng tu cầu cây, giúp người qua bến. Nơi đó có cầu Long Vương, cầu Thu Vân, cầu Vân Ẩm, trạm Quy Thủy v.v... Trong mùa thu, sau khi công trình xây dựng hoàn tất, Vân Công khắc ghi lại sự tích của cầu Phi Hồng ở ải Triệu Châu.

Tháng sáu, cơ quan Nông Lâm Nghiệp địa phương thấy tăng chúng ở núi Vân Cư khai khẩn đất hoang, trồng trọt, thu hoạch được mùa, nên rất thích vùng đất này. Chúng hủy bỏ chuẩn ước năm 1953, cho phép thành lập nông trường Tăng Già, mà tự thiết lập riêng nông trường khai khẩn đất hoang trên núi. Chúng sai hơn hai mươi tên lên núi, chiếm lấy tất cả đất đai khai khẩn của chùa và tịch thâu trà cây hoa quả. Sau đó, chúng lại chiếm luôn am tranh của Vân Công, ra lịnh cho Ngài phải lập tức rời núi. Ngài không thể cứu vãn được tình thế, bèn đánh điện trình báo lên Bắc Kinh. Vài ngày sau, chính quyền địa phương được lịnh trả lại tất cả tài sản đất đai khai khẩn, trồng trọt cho tăng chúng. Tuy phải

theo lịnh thượng cấp, nhưng chúng rất oán ghét Vân Công vì cho rằng Ngài ỷ lại thế lục quen biết thượng cấp, câu thông trong ngoài, mà chèn ép chúng. Thật ra, chúng muốn gieo họa cho Ngài lúc nào mà chẳng được!

Trong tháng, thầy trụ trì chùa Vân Cư là Hải Đăng, khai giảng kinh Pháp Hoa, cùng tuyển chọn ba mươi thanh niên tăng, thành lập viện nghiên cứu Phật học, để đào tạo tăng tài.

Dân Quốc năm 47, 119 tuổi. (1958/59)

Mùa xuân, toàn quốc bị ảnh hưởng 'Phái Hữu'. Chính quyền đương thời phát động 'Đại hội học tập cho các đoàn thể Phật giáo tại Hán Khẩu'.

Họ chỉ định chư tăng trụ trì các chùa chiền tụ viện, cùng vị tăng tri sự, phải đến tham dự. Vân Công viện lý do già bịnh nên khước từ không đến. Thầy Bổn Khoán, trụ trì chùa Nam Hoa, thầy Truyền Sĩ, tri sự chùa Vân Cư, thầy Phật Nguyên, trụ trì chùa Vân Môn, cùng các thầy Kiến Tánh, Ẩn Khai v.v..., bị chính quyền kết tội là theo phái hữu, và bị ép bức phải đấu tranh, tố cáo Ngài, nhưng tất cả đều bất khuất, không làm theo uy quyền. May mắn cho họ, chính quyền chưa định giáng họa gì. Kể từ đó, một nhóm có thành kiến với Ngài xưa kia, nay gặp dịp thuận tiện, nên tìm cách hãm hại. Chúng viết ra mười tội trạng của Ngài, nào là tham ô, phản động, tụ chúng, giả bộ đạo đức, truyền giới pháp sai lầm

v.v...Những lời vu khống đó, đau đớn thay, lại phát xuất từ cửa miệng của một nhóm người tự xưng là tăng sĩ.

Từ lúc Vân Công về trụ trì tại chùa Vân Cư, chính phủ Bắc Kinh có phát tiền trợ cấp mỗi tháng là một trăm đồng, mà Ngài đều từ chối và trả lại tất cả, nhưng vẫn nhận sự cúng dường của tín chúng. Bên ngoài chùa Nam Hoa, Vân Môn, Vân Cư, đều dán bích chương bảo Ngài: 'Ông già ngoan cố, bóc lột, phải được đấu tranh, tẩy nảo, cải tạo', cùng các bích chương vu khống tội lỗi.

Bốn chúng đệ tử muốn đính chính những sự việc vu khống này, nhưng Ngài không cho phép. Việc này kéo dài cả hai tháng, không kết quả gì. Đại hội học tập ở Hán Khẩu cũng giải tán. Những vị đệ tử thủ cựu, đắc lực, đều bị chính quyền bắt hay đi phân tán hết, còn Ngài thì bị chính quyền địa phương bắt ở riêng rẽ tại một nơi cố định. Qua một hai tháng sau, cũng không có tin tức chi. Sau này, nhận được tin từ Bắc Kinh, cho biết rằng trong kỳ đại hội học tập ở Hán Khẩu, những điều vu khống Ngài đều vô căn cứ. Khi bản văn tố cáo tội trạng của Ngài đưa lên tới các nhân vật cao cấp ở Bắc Kinh xét xử thì họ lại ra lịnh cho chính quyền địa phương không nên bài trừ Ngài.

Vì vậy, Ngài thoát khỏi họa, chuyển nghịch cảnh thành thuận cảnh. Ngày mười lăm tháng chín, trưởng ty công an Trương Kiến Dân, dẫn hơn một chục tên công an, đến am tranh của Ngài lục soát, chẳng tìm được gì, trừ những công văn từ Bắc Kinh gởi đến. Chúng tịch thu hết những văn kiện, giấy tờ, kinh điển v.v..., mà

không thèm hoàn trả lại. Thỉnh cầu vài lần mà chúng vẫn không đưa lại.

Ngày mười sáu tháng chín, Ngài tập họp bốn chúng nơi chánh điện để kể rõ mọi sự tình vừa xảy ra.

Trải qua bao tháng trường bị nhiều điều ưu phiền hoạn nạn, bịnh trạng của Ngài, ngày một tăng thêm. Năm trước, khi lễ Phật, Ngài không cần người giúp. Năm nay, mỗi lần lễ Phật là phải nhờ thị giả trợ giúp. Việc này dự báo rằng huyễn duyên của Ngài sắp hết!

Ngày nọ, Ngài gọi hai vị thị giả đến, dặn dò di chúc. Ngày mười chín tháng mười, Ngài ra chánh điện thuyết bài pháp cuối cùng cho đại chúng.

Dân Quốc năm thứ 48, 120 tuổi. (1959/60)

Mùa xuân, Vân Công thọ đến một trăm hai mươi tuổi, đồng với tuổi thọ của tổ Triệu Châu thuở xưa. Thế nên, chư đệ tử trong và ngoài nước, các đoàn thể dự định sẽ lần lượt tổ chức lễ chúc thọ cho Ngài. Sau khi nhận được điện tín của họ, Ngài liền viết thư trả lời, đại ý là không muốn họ làm lễ chúc thọ cho Ngài. Đại khái như sau:

"Việc sống chết, tôi chưa biết ra sao. Ngày sinh nhật vẫn còn xa lắm. Nay biết được hậu ý của lão cư sĩ họ Ngô, định làm lễ chúc thọ cho tôi. Tôi đã viết thơ cảm ơn ông có lòng thương tưởng nghĩ đến. Trộm nghĩ, nghiệp xưa đốc thúc, chìm nổi như sóng ba đào.

Một làn gió nhẹ thổi đến, thân này tan thành bụi. Chưa liễu ngộ được gì. Niệm niệm thẹn thùng xấu hổ vì hư danh. Trăm năm khổ nhọc nếm bụi trần trong cơn mộng huyễn, thì cớ gì phải lưu luyến! Lại nữa, có sanh tức phải có tử. Người trí sớm tỉnh ngộ, nhất tâm tu hành, tinh tiến trên đường đạo, như cứu lửa cháy trên đầu, thì có thời giờ đâu mà bày biện như người thế tục!

Hư Vân tôi cảm ơn chư vị đến tận đáy lòng đã có tâm đoái hoài đến, nhưng thành tâm hối tiếc là không thể thọ nhận lễ chúc thọ được. Lại biết cuộc sống hiện tại ngày một khó khăn. Ai ai cũng chật vật lo miếng cơm manh áo, không rảnh rỗi, nên không thể làm lễ chúc thọ cho mình, hay làm rộn người đến chúc thọ, chuyển tặng quà cáp, lễ vật. Thật là việc tổn phước vô ích, chỉ tăng thêm tội trạng!"

Tháng ba, thấy việc sửa chữa hồ Minh Nguyệt và công trình xây tháp Hải Hội kéo dài nửa năm mà vẫn chưa xong, dầu bịnh hoạn sức yếu, Ngài vẫn cố ra ngoài thúc đẩy công việc. Vài tháng sau thì hoàn thành.

Vào những năm trước, sau khi đã thọ giới quy y, bà Chiêm Lệ Ngô, một thương gia ở Bắc Mỹ, cùng chồng là Uông Chân Thâm, phát tâm cúng dường tiền để xây cất điện đường. Các điện đường lớn nhỏ trong chùa, lần lượt được xây xong. Bà Chiêm định cúng dường thêm tiền để xây tháp thờ xá lợi của Phật. Bên cạnh tháp, cũng định xây thiền viện Lưu Vân, ý muốn cầu chúc Vân Công sống trụ lại thế gian lâu dài. Ngài bảo bà Chiêm rằng chùa Nam

Hoa đã có tháp Hải Hội, còn chùa Vân Cư thì chưa. Sao không dùng công sức để kiến lập tháp Hải Hội ở Vân Cư? Lại thêm, trên núi Vân Cư, xá lợi của chư tổ sư bao đời, nay đang để khắp nơi, muốn bảo tồn thật là việc khó. Nếu xây tháp Hải Hội thì các xá lợi kia sẽ có chỗ được thờ phụng an lành. Lại nữa, nếu có tháp thì sẽ dễ dàng cho bốn chúng và những người đến Vân Cư tu hành sau này. Về việc xây thiền viện Lưu Vân, ý thật cảm kích. Cả đời Ngài chưa từng dùng một miếng ngói, cây đèn của chùa để dùng cho việc riêng tư. Vì thế, Ngài nhã nhặn từ chối. Bà Chiêm lại viết thơ cho Ngài và thưa rằng bên cạnh việc cúng dường mười ngàn đồng cho chùa, bà cũng sẽ cúng thêm năm mươi ngàn đồng để Ngài lo vào việc xây cất tháp Hải Hội. Ngài hứa khả, chấp nhận. Vì vậy, trong mùa đông năm trước, Ngài bắt tay ngay vào công trình kiến tạo tháp, mô hình giống như kiểu ở chùa Nam Hoa. Cạnh tháp, cũng xây thêm vài phòng đọc kinh sách, để chư tăng cư trú, và sáu thời lễ bái, đọc tụng kinh kệ. Đến tháng bảy trong năm thì hoàn thành. Đây là nhân duyên cuối cùng của Ngài trong việc kiến lập chùa chiền tháp viện lớn nhỏ trải qua bao thập niên.

Tháng bảy, cư sĩ Uông Chân Thâm ở Bắc Mỹ cùng Tăng Khoan Bích ở Hồng Kông cúng dường tịnh tài, cầu Ngài đắp tôn tượng Bồ Tát Địa Tạng để chúc mừng Ngài thọ được một trăm hai mươi tuổi. Ngài liền bảo chúng tăng khởi công đắp tượng Bồ Tát Địa Tạng. Trong hai tháng thì hoàn tất. Cộng với việc xây lầu chuông trống và tháp Hải Hội, đây là nhân duyên đắp tượng cuối cùng của Ngài.

Trong tháng ba, bịnh của Ngài, ngày một trầm trọng. Mới đầu, Ngài cố gắng đích thân lo liệu, trông coi hết tất cả công trình đang xây dựng dang dở trong chùa. Dần dần, Ngài bị đau vì đường tiêu hóa không thông, nên phải ngưng ăn cơm và các thức ăn cứng khác. Sáng trưa, Ngài chỉ ăn một bát cháo. Chính quyền ở tỉnh phủ, theo lịnh từ trung ương, gởi bác sĩ đến chữa trị cho Ngài. Ngài từ chối và bảo rằng duyên đời đã sắp hết. Lại bảo chư đệ tử, cùng các vị hộ pháp khắp nơi rằng việc xây chùa Chân Như đã hoàn tất, nên từ đây về sau, xin đừng gởi tịnh tài cúng dường Ngài nữa. Ngài cũng ân cần nhắc nhở tất cả chư đệ tử phải nỗ lực tu trì, tự giữ gìn huệ mạng Phật pháp.

Tháng tư, Ngài gọi thợ nhiếp ảnh đến chụp toàn bộ cảnh chùa chiền như Đại điện, tượng Phật, lầu chứa kinh tạng, Pháp đường, tháp hòa thượng Hối Sơn, Giới Hiển, hồ Minh Nguyệt, ải Triệu Châu, cầu Hồng Phong, tháp Hải Hội, am Vân Cư, và am thất của Ngài. Cả thảy hơn ba mươi chỗ. Ngài cũng chụp ảnh riêng để gởi tặng cho chư thân hữu thiện tín.

Bệnh của Ngài, ngày một tăng thêm. Ngày nọ, hòa thượng trụ trì cùng ba vị tri sự đến thăm bệnh. Ngài bảo họ: "Chúng ta có duyên lành, đồng trú một nơi. Nhờ chư vị phát đại tâm, trong vài năm qua, phục hưng đạo tràng Vân Cư, khổ nhọc vô vàn, thật rất đáng mến. Nay, khổ vì duyên trần sắp hết, không thể nối tiếp chư Tổ Sư phụng sự đạo tràng, nên phải làm lụy đến chư vị. Khi tôi mất, hãy quấn y màu vàng toàn thân, rồi ngày hôm sau nhập

quan, để nơi phía tây trong am tranh này, rồi bỏ vào lò thiêu. Đốt xong, lấy tro của tôi tán nhuyễn thành bột, hòa cùng đường, muối, dầu. Nắn thành chín cục, rồi quăng xuống sông, để kết duyên với loài thủy tộc. Đây là ước nguyện của tôi, cảm ơn chư vị vô cùng..."

Chư hòa thượng đều an ủi Ngài. Ngài nói kệ:

"Đỉa cấp mạng cho tôm mà không nhảy xuống nước,

Tôi an ủi nước, phóng thân xuống sông

Nguyện cho ai thọ sự cúng dường

Đồng đăng bồ đề, độ chúng sanh."

Lại nói thêm kệ:

"Thỉnh các pháp lữ,

Thâm ân tràn đầy

Hoặc nghiệp sanh tử

Như tằm tự quấn

Niệm tham không ngừng

Phiền não thêm khổ

Muốn trừ hoạn này

Bố thí trên hết

Tịnh xem ba học

Kiên trì bốn niệm

Thoạt nhiên hiểu được

Liền biết sương điện

Ngộ chứng chân không

Muôn pháp một thể

Không sanh có sanh

Là sóng là nước."

Kệ thứ ba:

"Hỡi ôi, lão già bịnh

Chưa báo ân đầy đủ

Trí cạn nghiệp thức dầy

Thẹn chưa xong sự nghiệp

Vụng về trú Vân Cư

Kẻ tụng kinh chấp kệ

Xấu hỗ gặp Thế Tôn

Hội Linh Sơn chưa tan

Nầy hỡi chư hộ pháp

Thần Vi Đà tái thế

Trấn Tỳ Na chân phong

Thấy rõ thể mình người

Ngưỡng xem đấng Túc Tôn

Đá trụ trong dòng nước

Trẻ tuổi ỷ lời hay

Mạt pháp chúng sanh khổ

Có người làm hướng đạo

Tủi thân lụy hư danh

Hãy nhận rõ bến mê

Luôn hâm mộ Phật quốc

Hương quang cùng nhịp bước

Đây lưu bài kệ cuối

Tỏ rõ tận thâm tâm."

Tháng tám, ngày sinh nhật của Ngài kề cận. Chư sơn trưởng lão trong và ngoài nước cùng chư đệ tử thiện tín, vào núi chúc thọ, thăm bệnh Ngài. Khi ấy, sức khoẻ và tinh thần Ngài phấn chấn đôi chút. Đệ tử Khoan Huệ từ Hồng Kông qua, cùng vài người, hầu chuyện với Ngài rất lâu.

Tháng mười, bịnh tình ngày một nguy kịch. Ngài bảo đồ chúng sửa sang lại tháp Hải Hội vừa mới xây cất. Mỗi mỗi đều như pháp mà sắp đặt. Đầu tiên đặt tượng Phật trong tháp để thờ cúng. Kế đến, tẩy tịnh phòng xá chư tăng. Chọn ra vài vị thay phiên sớm tối tụng kinh niệm Phật. Ngày mười, Ngài nhận được điện tín từ Bắc Kinh báo cho hay là đệ tử thâm tín, Lý Tể Thâm, đã tạ thế. Ngài than: "Lý Tể Thâm! Sao con đi sớm vậy. Thầy chắc cũng phải đi thôi!"

Thị giả nghe rõ, rất kinh hãi. Vài ngày, Ngài chưa bước xuống giường, hơi thở hổn hển khó nhọc, hầu như trong trạng thái hôn mê. Thị giả luôn túc trực kề cạnh. Mỗi lần mở mắt ra, Ngài bảo thị giả hãy ra ngoài.

Ngài nói: "Thầy tự lo liệu được rồi."

Trưa ngày mười hai, Ngài bảo thị giả đem tượng Phật để trên quan tài, trong phòng bên cạnh. Thị giả biết có điều gì kỳ lạ, liền vội báo tin cho hòa thượng phương trượng cùng ba vị tăng tri sự.

Tối đến, tất cả cùng vân tập vào vấn an, thỉnh Ngài vì pháp mà sống lâu dài. Ngài nói: "Sự việc xảy đến như thế này rồi. Chớ nên buồn khổ như người thế tục! Xin hãy cho người lên đại điện niệm Phật."

Đại chúng thỉnh Ngài khai thị, dạy lời cuối cùng, và ban di chúc. Ngài đáp: "Vài ngày trước, tôi đã nói rõ cho đại chúng nghe những gì nên làm sau khi tôi mất. Nay, không cần nhắc lại, chỉ dư thừa thôi. Lại hỏi lời cuối cùng, tôi xin nhắc nhở chư vị lần cuối: "Cần tu giới định huệ. Tiêu diệt tham sân si."

Lại nói thêm kệ:

"Chánh tâm chánh niệm

Tịnh dưỡng, xuất sanh tinh thần đại vô úy

Độ nhân độ thế!

Chư vị đã mệt nhọc. Hãy trở về phòng nghỉ ngơi."

Đại chúng cáo từ đi ra. Khi đó, đêm đã khuya.

Địa thế Vân Cư rất cao. Mùa thu, gió lạnh buốt xương. Tiếng lá rơi lào xào khắp núi non. Cổ thụ cao vút chọc trời. Bóng cây hiện hình loạn xạ. Trong thất của Ngài chỉ có một ngọn đèn nhỏ như hạt đậu. Ngoài cửa, sương đọng như hạt châu. Trở vào am tranh, chỉ có một lão tăng đang nằm yên tĩnh trên giường. Nhìn xa xa

qua đại điện, nghe tiếng chuông mõ hòa cùng lời kinh, tương tục vang lên, như để tiển Ngài đi vậy!

Ngày mười ba, hai vị thị giả vào thất, thấy Ngài đang ngồi tọa thiền như thường lệ. Hai gò má ửng hồng như hôm trước. Họ không dám khinh động và bước ra ngoài thất mà hầu. Đến mười hai giờ trưa, từ bên ngoài cửa sổ, nhìn thấy Ngài tự mình bước xuống giường, lấy nước uống, rồi cuối xuống như trạng lễ Phật. Thị giả sợ Ngài sẽ té quỵ xuống đất vì mang bịnh đã lâu, liền chạy vào thất. Ngài bèn ngồi xuống, bảo thị giả: "Thầy vừa mơ thấy một con trâu đạp gãy cầu Phật Ẩn, lại thấy dòng suối ngưng chảy!", rồi nhắm mắt lại không nói lời chi. Chốt lát, Ngài mở mắt ra, nhìn xung quanh, bảo tiếp: "Các con theo hầu Thầy đã nhiều năm, khổ nhọc thật đáng thương. Những việc xưa không cần phải nhắc lại. Nhưng mười năm gần đây, ngày ngày Thầy phải chịu biết bao phong ba bão táp, hàm oan khổ lụy, cùng những lời hủy báng mắng nhiếc. Tất cả, Thầy đều cam tâm nhẫn nhịn, chỉ vì muốn bảo tồn đạo tràng Phật Tổ trong nước, vì mạch pháp mà giữ gìn Tổ Đức Thanh Quy, vì Tam Bảo mà giữ chặt chiếc đại y. Các con có biết không! Thầy đã thí mạng để tranh lại, bảo tồn chiếc đại y này. Các con đều là đệ tử nhập thất của Thầy, phải nên biết rõ những sự việc đã xảy ra. Sau này, nếu có lên núi cất am tu đạo, hay ra nước ngoài, phải nên kiên trì bảo vệ chiếc đại y này. Nhưng làm thế nào để giữ gìn được mãi mãi? Phải nên nhớ rõ một chữ 'Giới'."

Nói xong, Ngài nghiêm chỉnh chấp tay. Chư thị giả đều rơi lệ, lui ra ngoài cửa đứng hầu.

Đến một giờ bốn mươi lăm phút, hai người thị giả lại bước vào xem, thấy Ngài nằm thế kiết già mà thị tịch, nên họ vội báo cho hòa thượng trụ trì cùng đại chúng. Tất cả tăng chúng đều tề tựu nơi chánh điện, ngày đêm thay phiên nhau tụng kinh niệm Phật để cầu siêu Ngài.

Ngày mười tám, làm lễ nhập quan. Ngày mười chín, làm lễ trà tỳ. Khi ấy, đại chúng đều nghe mùi hương lạ bay khắp. Hỏa táng xong, một lằn khói trắng bay thẳng lên trời. Trong tro cốt, thâu lượm được hơn một trăm hột xá lợi, tinh khiết sạch trong, màu năm sắc, lớn nhỏ không đồng. Ngày hai mươi mốt, đại chúng thỉnh tro cốt của Ngài nhập vào tháp Hải Hội ở núi Vân Cư.

Đại thiền sư Hư Vân, tuổi đời được một trăm hai mươi tuổi. Tăng lạp được một trăm lẻ một tuổi.